



Champaka 6

၆၁၆၆၆၆ ၆၆၆၆ ၆၆၆၆၆၆၆၆ ၆၆၆၆ ၆၆၆၆၆၆၆၆ ၆၆၆၆၆၆၆၆
Nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa



Trường Pô Klong và Đặc San Ước Vọng

Giới thiệu và trình bày bởi
Abd. Karim & Báo Thị Hoa

Ân hành bởi
International Office of Champa, 2005

Tái bản dùng cho hệ thống mạng Web
Champaka.info, 2012

Champaka

Tập san nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Hình thành vào năm 1999

Sáng lập viên

Hassan Poklaun, Po Dharma

Tổng biên tập

Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp)

Ban biên tập

Pgs. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại học Malaya, Mã Lai)

Ts. Nicolas Weber (Viện INALCO, Paris)

Ts. Shine Toshihiko (Đại học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản)

Pgs. Ts. Liu Zhi Qiang (Đại học Dân Tộc, Quảng Tây)

Pts. Emiko Stok (Đại học Nanterre, Paris)

Abdul Karim (Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Mã Lai)

Musa Porome (IOC-Champa)

Trụ sở

56 Square des Bauves

95140 Garges Les Gonesse, France

Email: champaka1999@aol.com

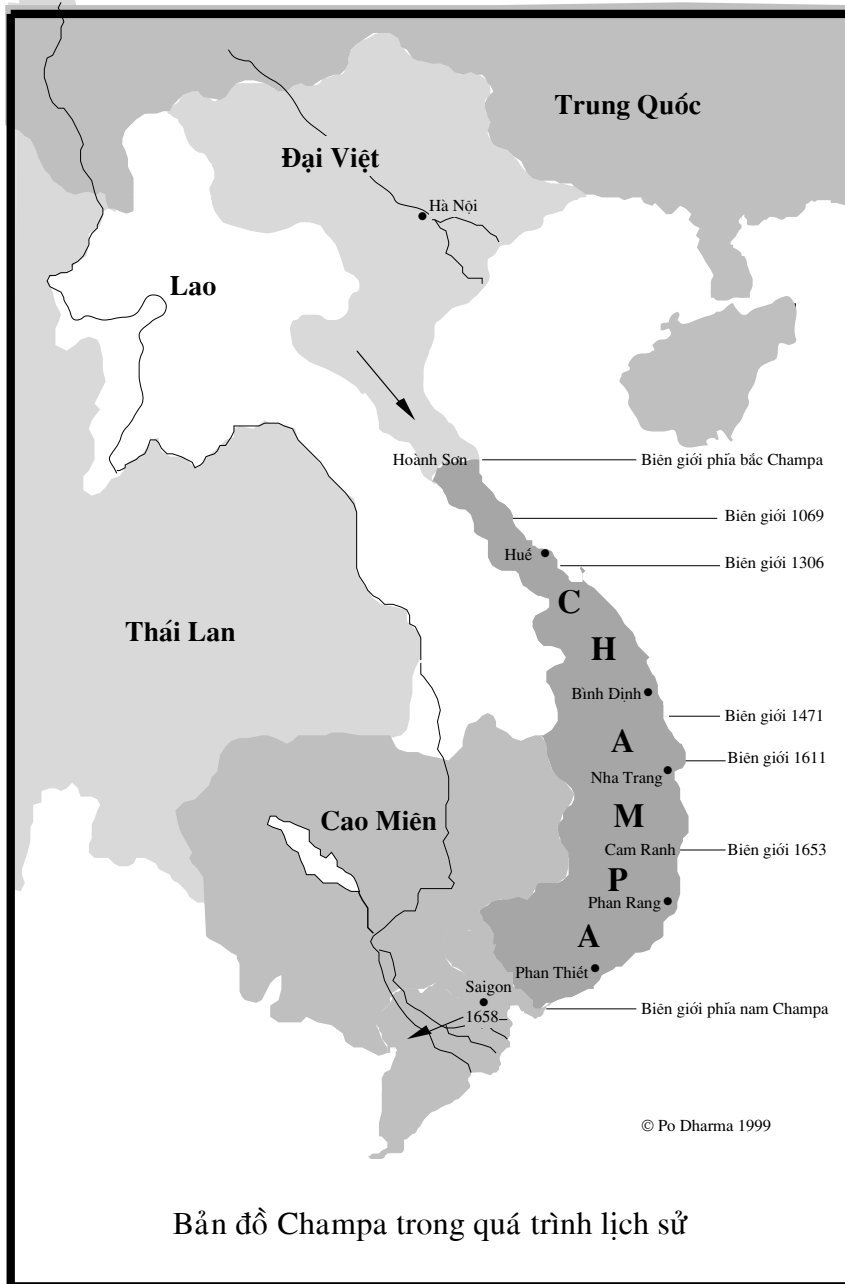
Web: www.champaka.info

Cơ quan ấn hành

International Office of Champa (IOC-Champa)

© Champaka – 2012

Hình bìa: Trường Po Klóng



Bản đồ Champa trong quá trình lịch sử



KAMPUCHEA

PANDURANGA

Thánh Địa KAUTHARA

Bản đồ tiểu vương quốc Panduranga

- ❶ Bal Lai
- ❷ Bal Sri Banay
- ❸ Bal Batthinang
- ❹ Bal Hangaow
- ❺ Bal Pandarang

© Po Dharma 1999

Tập san Champaka: 14 ấn phẩm nghiên cứu về Champa

Champaka là tập san nghiên cứu được ấn hành bởi International Office of Campa (IOC-Campa), do Trung tá, PGS.TS. Po Dharma làm Tổng Biên tập. Từ khi ra đời cho đến khi Po Dharma qua đời tại Pháp vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, tập san Champaka đã xuất bản tổng cộng 14 số, được đặt tên từ Champaka 1 đến Champaka 14.

Trong thời gian 12 năm công tác và học tập tại Thailand, Singapore và Malaysia, TS. Putra Podam đã có nhiều dịp cộng tác nghiên cứu với TS. Po Dharma. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nghiên cứu Tiến sĩ lần thứ hai chuyên ngành Công nghệ Giáo dục, TS. Po Dharma đã tham gia với vai trò người hướng dẫn thứ hai, phụ trách chuyên đề liên quan đến tiếng Cham cổ.

Website Kauthara.org, được thành lập tại Malaysia do TS. Putra Podam làm Trưởng Ban Biên tập, đã nhận được sự ủng hộ và khuyến khích từ TS. Po Dharma ngay từ những ngày đầu hoạt động.

Sau 10 năm hoạt động, website Kauthara.org đã được đổi tên miền và nâng cấp thành website Champa.one, nhằm mở rộng nội dung và phạm vi phục vụ độc giả. Website Champa.one hiện chuyển tải nhiều chuyên mục liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và công nghệ của cộng đồng Cham.

Trong khuôn khổ hoạt động này, Champa.one sẽ giới thiệu đầy đủ 14 tập san Champaka trên website để phục vụ độc giả quan tâm đến nghiên cứu Champa.

Toàn bộ 14 tập san Champaka sẽ được TS. Putra Podam biên tập và kết nối các nội dung rời rạc thành các tệp PDF hoàn chỉnh, giúp độc giả thuận tiện trong việc tra cứu và tiếp cận.

TS. Putra Podam

Chịu trách nhiệm biên tập và phát hành bản PDF của tập san Champaka.

Thay lời tựa

Từ Trường Trung Học An Phước
đến Trường Trung Học Pô Klong
(Quá Trình Hình Thành và Phát Triển)

Thành Phú Bá
(Cựu Quản Đốc Po Klong)

Theo kế hoạch phát triển hàng năm, Nha Trung học đã phân phối cho tỉnh Ninh Thuận mở thêm một lớp Đệ thất (nay là lớp 6) trong niên học 1965-1966.

Ông Dương Tấn Sở, đại úy quận trưởng An Phước đã sốt sắng vận động với Thiếu tá tỉnh trưởng Đinh Viết Lãng tranh thủ lớp Trung học này về cho quận An Phước, trước sự khiêu nại của quận Thanh Hải (nay là Ninh Hải).

Ông Thành Phú Bá, Hiệu trưởng trường Tiểu Học Hữu Đức, qua sự đề nghị của Tỉnh, được Nha Trung học cử làm Quản Đốc lớp Trung học này từ tháng 6 năm 1965. Thế là Trường Trung học An Phước bắt đầu thành hình và đi vào hoạt động.

Trường này lẽ ra chỉ dành cho các học sinh không phân biệt sắc tộc trong quận An Phước theo học. Nhưng trong thực tế, các học sinh Chăm từ các quận khác đều đến dự tuyển và nhập học. Vì giới phụ huynh học sinh Chăm vẫn giữ thói quen coi quận An Phước là quận của người Chăm, mặc dù từ năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm đã phân chia các làng Chăm sáp nhập vào 3 quận khác nhau là An Phước, Bửu Sơn và Thanh Hải.

Ngay từ ban đầu, Trường Trung học An Phước đã gặp vô vàn khó khăn:

Khi hoàn tất cuộc thi tuyển học sinh vào đầu tháng 8 năm 1965, ông Quản đốc đã gửi công văn, đánh điện thúc Nha Trung học sớm bổ dụng giáo viên cho trường để kịp khai giảng năm học vào đầu tháng 9/1965, nhưng chờ không có. Sợ trễ chương trình năm học, ông Quản đốc buộc phải tổ

Thay lời tựa

chức khai giảng vào tháng 10, trễ đi một tháng. Lúc bấy giờ trường ốc cũng không có, phải mượn tạm một phòng học của trường Thôn Bầu Trúc, cách quận lỵ An Phước 8km để làm lớp học. Giáo viên chẳng có người nào, ông Quản đốc phải bao thầu dạy tất cả các môn học.

Dạy tại Bầu Trúc được 5 tháng (hết học kỳ 1), Nha Trung học vẫn chưa cử giáo viên đến. Nhận thấy, nếu cứ tiếp tục ở Bầu Trúc, một vùng quê hẻo lánh chắc chắn không có giáo viên trung học nào chịu đến dạy. Ông Quản đốc mới đề nghị với Đại úy quận trưởng cho dời Trường về quận lỵ An Phước, vùng phía nam đầu cầu Tháp Chàm, nơi thuận tiện giao thông và điều kiện sinh hoạt tốt hơn.

Ông quận trưởng chấp thuận, lớp học được dời về học tạm trong căn phòng của Chi Thanh niên An Phước, cơ quan này dời vào Văn phòng quận.

Ba tháng sau, khi Ban Dân Sự Vụ quân đội Đại hàn hoàn tất ngôi trường mới cho thôn Phú Nhuận, ngôi trường cũ 3 phòng học đã xuống cấp quá nhiều, được giao lại làm cơ sở cho Trường Trung học An Phước.

Kể từ lúc này, Trường An Phước coi như có nơi chốn ổn định để Thầy Trò vững bước tiến lên. Thế rồi năm học đầu tiên với sĩ số 65 học sinh đi qua trong hoàn cảnh đầy khó khăn, nhọc nhằn.

Bước vào mùa hè 1966, nhà trường hoạt động khá sôi nổi do sự ủng hộ của Chính quyền và nhân dân địa phương.

Nhờ sự tận tình giúp đỡ của Chính quyền quận An Phước, nhất là Đại úy quận trưởng Dương Tấn Sở luôn luôn gắn bó với nhà Trường, Hội phụ huynh học sinh do ông Lưu Quý Tân làm hội trưởng đầu tiên, thường xuyên có mặt để khuyến khích, tặng quà cho học sinh, đặc biệt là đoàn Thanh Niên Thiện Chí Chăm do anh Quảng Văn Đủ hướng dẫn, hiệp lực giúp đỡ nhà trường trên nhiều mặt công tác. Những công trình đã thực hiện như: Trùng tu ngôi trường cũ, mua sắm bàn ghế, phát quang đất hoang xung quanh Trường để mở rộng khuôn viên, xin những vật liệu xây dựng như

Thành Phú Bá

Tôn, xi măng, gỗ, ván ép, đinh /v.v... về tạo dựng những dãy nhà tiền chế làm ký túc xá cho học sinh.

Chính những thành tựu này đã giúp cho nhà Trường có điều kiện sinh hoạt và tạo đà phát triển trong những năm kế tiếp.

Hầu hết học sinh An Phước đều là con em nông dân nghèo khó. Họ sống ở các thôn làng cách xa trường nên việc đi lại rất khó khăn. Nhà trường cùng phối hợp với Hội Phụ Huynh học sinh tổ chức nội trú cho các em. Hàng tháng học sinh đóng tiền ăn, mượn bà Thị Yên (làng Chát Thượng) làm đầu bếp, đi chợ, nấu ăn với sự trợ giúp của tổ học sinh trực hàng ngày.

Ngoài việc học tập, sinh hoạt vui chơi, học sinh còn được hướng dẫn trồng trọt các loại rau đậu để tăng cường cho bữa ăn.

Trước hoàn cảnh khó khăn của mình, nhà trường đã nêu khẩu hiệu: «Sinh hoạt tự túc, Kỷ luật tự giác, Tháo vác tự cường» làm kim chỉ nam cho mọi sinh hoạt của học sinh. Nhờ thấm nhuần ý tưởng này, học sinh An Phước đã vượt lên mọi khó khăn, thu đạt những thành quả rất tốt trong học tập, sinh hoạt và kỷ luật.

Suốt 5 năm (1965-1970) hoạt động tại cơ sở quận lỵ, Trường Trung học An Phước đã có những bước phát triển đáng kể:

Số lớp học từ 1 lên 8 lớp, số học sinh từ 65 lên đến 450 người. Số giáo viên biên chế chỉ có 2 người: ông Thành Phú Bá và ông Đàng Năng Quạ. Phần nhiều là giáo viên thỉnh giảng được mời dạy giờ từ các trường Trung học khác tại thị xã Tháp Chàm và Phan Rang. Ngoài ra còn có một giáo viên người Mỹ tên là Jay Scarborough, vốn là thanh niên Chi nguyện quốc tế (IVS), được Nha Trung học giới thiệu đến dạy môn Anh văn. Ngoài việc dạy học, anh còn giúp nhà Trường liên lạc với các đơn vị quân đội Mỹ đóng tại Ninh Thuận, xin vật liệu xây dựng, thực phẩm và học bổng cho học sinh.

Thay lời tựa

Điều đáng khen ngợi là học sinh An Phước tuy mới đến lớp đệ thất, đệ lục mà đã tự điều hành một Ký túc xá tự túc, chứa hàng trăm học sinh, từ việc tổ chức ăn ở, học tập, chấp hành Kỷ Luật một cách chắc chắn.

Nhà Trường với sự thiếu thốn mọi mặt, từ nhân viên đến văn phòng phẩm, nhưng cũng đã cố gắng cho ra mắt một nội san mang tên “Ước Vọng”. Mục đích của nội san là tập cho học sinh sáng tác Văn, Thơ và phổ biến văn hóa Chăm. “Ước Vọng” thành hình không thể quên được công sức lớn lao của Anh Nguyễn Ngọc Đảo (đã qua đời), vốn là Hiệu Trưởng Trường Tiểu học Phước Nhơn đã tận tụy trong công tác trình bày phần hình thức của nội san. Anh Jay Scarborough đã mua tặng Trường một máy quay roneo nhỏ giúp vào việc in ấn. Một số anh em công chức Chăm tặng giấy quay roneo và giấy stencil. Nội san không những phổ biến trong nhà Trường mà còn phân phát ra khắp các thôn làng Chăm. Có thể nói “Ước Vọng” là ấn phẩm đầu tiên của người Chăm được phổ biến sau bao thế kỷ im hơi lặng tiếng, kể từ khi đất nước Champa bị xóa tên trên bản đồ Đông Dương vào năm 1832.

Giống như thân phận dân tộc Chăm, Trường Trung học An Phước cứ bị đeo mãi kiếp lao đao, lận đận. Vào tháng 4 năm 1970, Việt cộng pháo kích vào Trung tâm huấn luyện địa phương quân nằm gần khu vực Trường, rủi ro hai quả đạn pháo rớt trúng nhà ngủ học sinh làm bị thương một số em, rất may là nhằm vào đêm cuối tuần, học sinh đã về nhà nhiều.

Nhân cơ hội này, ông Dương Tấn Sở, lúc này là Thiếu Tá Trưởng Ty Phát Triển Sắc tộc Ninh Thuận đã tích cực vận động với Đại Tá tỉnh Trưởng Trần Văn Tự xin dời Trường về thị xã Phan Rang để bảo toàn an ninh. Ông Tỉnh Trưởng đồng ý. Thế là Trường Trung học An Phước lại một lần nữa được di chuyển đến khu vực Ty Phát triển Sắc Tộc (nay là Ban Biên Soạn Sách chữ Chăm).

Tại đây Bộ Phát Triển Sắc tộc đã xây dựng một Ký Túc xá cho học sinh dân tộc đang theo học tại Thị xã Phan Rang

và một nhà vãng lai cho đồng bào dân tộc mỗi khi đi qua thị xã lo công việc. Nhờ các cơ sở này cùng với dãy nhà tiền chế do học sinh gấp rút tạo dựng đã giải quyết tạm thời việc học tập và ăn ở của học sinh.

Khi trường về tại Thị xã, nhiều vấn đề đã đặt ra. Trước hết là tên Trường. Từ nay sẽ không còn là Trường của quận An phước nữa, cần phải có một tên mới. Ông Quản đốc đã chọn tên Pô Klong đưa ra tham khảo nhiều vị trí thức Chăm được mọi người tán đồng. Nhân dịp Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, về thăm Tỉnh Ninh Thuận vào tháng 8 năm 1970. Thiếu tá Trưởng Ty Sắc tộc đưa kiến nghị xin lấy tên trường như trên. Tổng Thống ghi nhận và sang năm 1971 thì có văn thư của Bộ Giáo dục cho phép đặt tên Trường Trung học Pô Klong.

Pô Klong là tên gọi tắt của Pô Klong girai, một vị vua tài ba, có công lao với đất nước Champa, đặt biệt tại vùng đất Panduranga (Ninh- Bình Thuận), ngài có công khai phá ruộng đất, đặt hệ thống dẫn Thủy nhập điền, được nhân dân tôn sùng.

Về nội trú học sinh: lúc còn ở An phước nhà Trường tổ chức luôn việc ăn ở cho học sinh. Đến Phan Rang học sinh tá túc trong ký Túc xá công lập do Bộ Phát triển Sắc tộc tài trợ và quản lý. Nhà Trường chỉ còn đảm trách phần chuyên môn giáo dục.

Để chuẩn bị phát triển Trường lên Đệ nhị cấp (nay là cấp 3), Trường đã đề nghị lên Nha Trung học và được Nha chấp thuận cử ông Lưu quang Sang vốn là giáo viên đệ nhị cấp của Trường Trung học Duy Tân Phan rang, làm Hiệu trưởng Trường Trung học Pô Klong thay thế ông Thành Phú Bá, kể từ năm 1970. Ông Sang làm hiệu trưởng được một năm, ông ra ứng cử Dân biểu quốc hội Việt Nam Cộng hòa và đắc cử. Ông Nguyễn Văn Tỹ thay thế chức vụ hiệu trưởng này cho đến năm 1975.

Khi đến Phan Rang, nhà trường cũng luôn luôn phát huy tinh thần “Sinh hoạt tự túc, Kỷ luật tự giác, Tháo vác tự cường” bằng cách tổ chức lưu diễn mười bốn đêm văn nghệ

Thay lời tựa

tại các làng Chăm để lấy tiền hảo tâm của đồng bào về xây dựng 5 phòng học đúc (chuẩn bị lên lầu) tại địa điểm mới tạm giải quyết tình trạng đang thiếu thốn phòng học. Qua năm 1972 mới được Bộ Giáo dục trợ cấp 5 triệu đồng để nâng lên tầng lầu, làm cho bộ mặt nhà trường trở nên khang trang, uy nghi với hàng chữ “Trường Trung học Pô Klong” đúc lớn trên mặt tiền lang cang tầng lầu.

Sau 5 năm (1970-1975) hoạt động tại Phan rang, trường Trung học Pô Klong đã được nâng lên Đệ nhị cấp với số lớp: 2 lớp Đệ nhị, 3 lớp Đệ Tam và 12 lớp Đệ nhất cấp (từ Đệ thất đến Đệ Tứ).

Nhà trường vẫn tiếp tục ấn hành nội san “Ước Vọng” nhưng nội dung chỉ mang sinh hoạt nội bộ nên không phổ biến ra ngoài quần chúng.

Học sinh Trường Trung học Pô Klong tuy xuất thân từ những gia đình nghèo khó xong so với học sinh các Trường Trung học khác trong Tỉnh, họ không thua kém chút nào về trình độ học vấn, ngoài ra có phần nổi bật hơn về chấp hành kỷ luật, sinh hoạt Thể dục, Thể thao.

Khi biến cố lịch sử 30-4-1975 xảy ra, nền đệ nhị Việt Nam Cộng hòa tan rã, vai trò của Trường Trung học Pô Klong cũng chấm dứt. Dưới chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Trường đã thay đổi nhiều tên gọi như Trường Thanh niên dân tộc, Trường nội trú dân tộc và nay là Trường Trung học Phổ Thông dân tộc nội trú. Hiệu Trưởng luôn luôn là người Kinh. Nhà trường đảm trách cả phần quản lý ký túc xá. Mọi chi phí đều do ngân sách Tỉnh đài thọ.

Nhìn chung, Trường Trung học Pô Klong qua mười năm (1965-1975) hình thành và phát triển đã đóng một vai trò tích cực trong xứ mạng đào tạo một lớp thanh niên thanh nữ dân tộc Chăm có trình độ văn hóa và tác phong đạo đức tốt mà ngày hôm nay họ đang tham gia trên nhiều lãnh vực hoạt động của xã hội, giữ nhiều chức vụ khác nhau trong các cơ quan công quyền. Họ luôn tự hào là dân tộc Chăm,

Thành Phú Bá

góp phần cùng với các dân tộc anh em trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt nam Dân chủ, công bằng và văn minh./-

Lời mở đầu

Abdul Karim (Lộ Trung Cân)
Viện Bảo Tàng Thế Giới Mã Lai

Ước Vọng là tên nội san của Trường Trung Học An Phước (Trường này sau đổi thành Trường Trung Học Po Klong), một trường dành cho con em người Chăm, ở tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam¹. Số đầu tiên được nhà trường ấn hành vào mùa hè 1968.

Trường Trung Học An Phước được thành lập vào năm 1965. Khai giảng khóa đầu tiên vào ngày 1-10-1965. Lúc đầu, trường chỉ có một phòng ở Trường Tiểu Học Bàu Trúc, làng Bàu Trúc (Vĩnh Thuận), thuộc quận An Phước, Ninh Thuận, với một lớp đệ thất (lớp 6). Đến tháng 2 năm 1966, trường dời về quận An Phước (ở gần Cầu Mống, Tháp Chàm) và được hợp thức hoá thành trường trung học đệ nhất cấp (cấp II) theo NĐ số 545-GDTN/PC/NĐ ngày 31-3-1969². Đến tháng 2 năm 1970, trường lại dời về thị xã Phan Rang, theo văn thư số 3497-GD/TCTT ngày 9-5-1970 của Bộ Giáo Dục³. Ở đây, trường được nâng cấp thành trường trung học cấp III, và được đổi tên là Trường Trung Học Po Klong, theo đơn thỉnh cầu của đồng đảo đồng bào dân tộc Chăm⁴ tỉnh Ninh Thuận với sự chấp thuận của NĐ số 202-KH/PC/NĐ ngày 15-2-1971 của Bộ Giáo Dục⁵.

Trường Trung Học An Phước được thành lập với sự cho phép của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, nhưng trường này lại không do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa xây dựng mà

¹ Địa danh dưới thời Việt Nam Cộng Hòa.

² Ước Vọng số 5, trang 5-7 và Champaka số 1, 1999, trang 149-162.

³ Ước Vọng số 5, trang 5-7 và Champaka số 1, 1999, trang 149-162.

⁴ Champaka số 1, 1999 và Champaka số 2, 2002.

⁵ Ước Vọng số 5, trang 5-7 và Champaka số 1, 1999, trang 149-162.

lại do cộng đồng người Chăm Ninh Thuận đứng ra xây dựng. Chương trình học tập của trường này là chương trình của Bộ Giáo Dục đương thời. Qua quá trình hoạt động trường đã đào tạo được và đã để lại những con người ưu tú cho xã hội. Ngày nay, tầng lớp trí thức Chăm, các thầy giáo, bác sĩ, kỹ sư, nhà văn, nhà thơ Chăm đang tích cực phục vụ cho xã hội, được mọi người biết đến và yêu mến, phần nhiều là xuất thân từ trường này.

Trước năm 1975, dân tộc Chăm luôn luôn xem trường trung học Po Klong là cơ sở giáo dục dành riêng cho con em của họ và do các bậc thầy người Chăm trực tiếp quản lý và điều hành. Kể từ đó, các em học sinh Chăm thường vào trường này với tâm lý tự chủ, xem đó là ngôi trường riêng của cộng đồng mình. Họ tự giác gìn giữ kỷ luật, bảo vệ nhà trường. Họ giải quyết những khó khăn về cái ăn, cái ở (tự xây dựng ký túc xá, phòng tắm, phòng vệ sinh, và v.v...). Họ cũng đã tỏ ra năng nổ trong việc học tập và thường đạt điểm cao so với các trường trong tỉnh⁶. Họ phấn đấu trong học tập để bảo vệ danh dự của một trường Chăm

Sau năm 1975, trường trung học Po Klong không còn là cơ sở giáo dục dành riêng cho con em người Chăm nữa. Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã thay đổi qui chế Trường Trung Học Po Klong thành Trường Phổ Thông Trung Học Dân Tộc Nội Trú, mặc dầu trên tầng cao của nhà trường vẫn còn nguyên hàng tên cũ «Trường Trung Học Po Klong».

Sự thay đổi danh xưng và việc điều hành nhà trường sau 1975 đã đặt cộng đồng người Chăm trước bao nhiêu nghi vấn: tại sao Nhà Nước Việt Nam quyết định xóa bỏ qui chế Trường Trung Học Po Klong trong khi đó Đảng và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam luôn luôn đề cao

⁶ Bài diễn văn của Ông Quán Đốc T.T.H.A.P. (Trường Trung Học An Phước). Ước Vọng, số 1, trang 7-10.

Lời nói đầu

chính sách là các dân tộc ít người được quyền phát triển văn hoá, xã hội và giáo dục của cộng đồng mình?

Việc thu lấy Trường Trung Học Po Klong còn có một tác hại khác. Các thí sinh được tuyển vào trường là không do người Chăm tuyển chọn mà do quyền lực địa phương. Những thí sinh được tuyển chọn lúc này không chỉ gồm những người Chăm hay các dân tộc ít người, mà gồm cả người Việt. Sinh hoạt của trường cũng không còn mang sắc thái người Chăm. Các phụ huynh Chăm cũng không còn ghé vào thăm trường. Cộng đồng Chăm cũng không quan tâm đến nhà trường này nữa. Yếu tố này đã gieo vào đầu óc người Chăm một ấn tượng khó phai mờ là người Việt lấy trường của người Chăm. Sự vô tình thay đổi một cơ sở giáo dục mang tên Trường Trung Học Po Klong cũng đã để lại cho dân tộc Chăm cái cảm giác là nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không tôn trọng và công nhận Po Klong là một nhân vật lịch sử, người đã để lại nhiều công trình hữu ích cho nhân dân, một thần linh thiêng liêng của cộng đồng người Chăm hôm nay.

Có nên hay không xóa bỏ đi danh xưng Po Klong trên mái nhà của trường này để nhân vật Po Klong không còn tủi phận là một thần linh thiêng liêng của người Chăm không may mắn, có tên nhưng không có quyền hạn gì trong cơ sở giáo dục này !

Việc tái bản nội san Ước Vọng

Ước Vọng là nội san của Trường Trung Học Po Klong, cơ sở giáo dục của dân tộc Chăm trước năm 1975, nhưng hôm nay không ai tìm thấy nội san này trên thị trường sách báo nữa.

Trong khoảng thời gian 10 năm tồn tại (1965-1975) nhà trường đã có được 5 số Ước Vọng. Sau 1975, Ước Vọng không còn nữa, tên tuổi của tập san này mờ dần vào dĩ vãng cùng với tên trường. Chính vì thế, tái bản nội san Ước Vọng

Abd. Karim

là xác nhận lại một sự kiện lịch sử đã từng xảy ra trong cộng đồng dân tộc Chăm. Tái bản Ước Vọng là tìm giữ lại những gì đã mất mát, là mang lại cho bạn đọc cũng như chính tác giả của Ước Vọng xa xưa những kỷ niệm như đã phai mờ. Tái bản Ước Vọng cũng để tưởng nhớ lại một ngôi trường cũ mà sự hình thành của nó là những chuỗi khó khăn⁷. Tái bản Ước Vọng cũng là để tiếc thương cho số mệnh của một dân tộc.

Để tái bản nội san Ước Vọng, chúng tôi chỉ tập hợp những đề mục chính yếu và cắt bỏ các phần như mục lục, các tranh hoạt họa, nhạc và v.v., mà chúng tôi thấy không thể đem hết vào đây được. Chúng tôi cũng phiên âm lại các phiên âm La-tinh cũ của các bài viết bằng chữ Chăm, theo cách phiên âm của EFEO, như hiện nay⁸; sửa lại lỗi chính tả cần thiết; sắp xếp và trình bày lại các đề mục cũng như trang báo cho phù hợp với trang báo chúng tôi.

Ngoài nội san Ước Vọng bao gồm 5 tập: Số 1 (mùa hè 1968), Số 2 (mùa xuân 1971), Số 3 (mùa hè 1971), Số 4 (mùa hè 1972), và Số 5 (mùa hè 1973), chúng tôi cũng kèm theo ấn bản tập san Caong Tagok (Mở Tiến) của nhóm TAKALA (Tia Chớp) thực hiện vào mùa hè 1973, như là một phụ bản, vì ngại rằng sẽ không có dịp trở lại với nội san này.

Nhóm TAKALA là những thanh niên, sinh viên Chăm không thuộc Trường Trung Học Po Klong nhưng thường có quan hệ và thường có sinh hoạt chung với học sinh của trường này. Nhóm TAKALA do Thuận Văn Hải chủ xướng⁹

Nội san Ước Vọng bao gồm nhiều đề tài và thể loại

⁷ Champaka số 1, 1999, trang 149-160.

⁸ Champaka Sdd.

⁹ Theo ông Thành Phú Bá, Quận Đốc, Trường Trung Học An Phước.

Lời nói đầu

khác nhau, từ giới thiệu trường sở, sưu tầm, nghiên cứu, dịch thuật, sáng tác thơ, văn v.v... Trong khi, Caong Tagok bao gồm các sáng tác thơ và văn.

VỀ HÌNH THỨC

Nội san Ước Vọng có bìa bằng giấy simili. Tập số 1 có khổ 210mm x 270mm và dày 121 trang. Ước Vọng số 2,3,4 và 5 cũng như tập Caong Tagok khổ nhỏ hơn, chỉ bằng 1/2 khổ Ước Vọng số 1. Độ dày của các tập này cũng ít hơn, khoảng 65 trang đến 72 trang. Tất cả đều được ấn loát qua hệ thống ronéo.

Nội san Ước Vọng ra đều mỗi năm. Thông thường vào dịp «Tất niên», kể từ niên khoá 1967-1968. Trong niên khoá 1969 và 1970 tờ báo bị gián đoạn, vì thiếu cơ sở vật chất¹⁰. Có niên khoá tờ báo ra được 2 số như 1971 (vào mùa Xuân và mùa Hè).

Ấn bản của Ước Vọng rất hạn chế, khoảng trên dưới 80 quyển, vì thiếu khả năng tài chánh¹¹. Nội san này không bán, mà chỉ phổ biến trong nhà trường, các thân nhân và những người có đóng góp bài vở hay giúp đỡ tờ báo.

Cũng như các tờ báo khác, nội san Ước Vọng có một ban biên tập, gồm các chủ nhiệm, chủ bút và các cộng tác viên.

Nhìn chung, các cộng tác viên đến với nội san Ước Vọng chỉ mang tính nhất thời. Họ viết bài cho Ước Vọng chỉ một hay hai lần, sau đó thì vắng mặt, nhất là, các trí thức và những người am hiểu về văn hoá xã hội Chăm. Sự kiện này xảy ra có lẽ bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, mà một trong nguyên nhân chính yếu là họ đã nhận được quyết định 342/HCTQ/QĐ ngày 21-11-1970 của Đại tá tỉnh Trưởng tỉnh

¹⁰ Ước Vọng số 2, trang 2.

¹¹ Theo ông Thành Phú Bá.

Abd. Karim

Ninh Thuận (Trần Văn Tự) cho phép để thành lập Hội Đồng Sắc Tộc Ninh Thuận. Từ đó họ tập trung hết bài vở của mình cho nội san Panrang, một tờ báo của Hội Đồng Sắc Tộc Ninh Thuận mới được thành lập¹².

VỀ NỘI DUNG

Nội dung Ước Vọng có phần gắn bó với nhà trường. Tuy nhiên, vì đây là tờ báo duy nhất của cộng đồng người Chăm lúc bấy giờ, nên đã có nhiều trí thức và thân hào nhân sĩ Chăm tham gia, nhờ vậy đã làm tăng được chất lượng cũng như lĩnh vực bài viết, nhất là ở Ước Vọng số 1.

Các bài viết cũng dựa trên chủ trương mà Ước Vọng đã đề ra:

«Cải thiện đời sống cũ đã lỗi thời để xây lại đời sống mới thích hợp với trào lưu tân tiến khoa học một cách thiết thực và hợp lý.»

«Sưu tầm và phổ biến những tinh hoa của dân tộc và một vài khía cạnh văn minh của nước ngoài.»

«Gây cơ hội thuận tiện để trao đổi quan điểm và học hỏi lẫn nhau.»

«Tạo môi trường thích hợp để gây cảm thông (...)»¹³

Nhưng càng đi sâu vào ta càng thấy có nhiều khó khăn, nhất là yêu cầu thực tế là làm thế nào để «Cải thiện đời sống cũ đã lỗi thời để xây lại đời sống mới thích hợp với trào lưu tân tiến khoa học một cách thiết thực và hợp lý», vì họ chưa có đội ngũ trí thức có chuyên môn cao, có sự hiểu biết nhất định về cộng đồng xã hội Chăm. Nên, dù đã có nhiều nỗ lực, Ước Vọng chưa hoàn thành được niềm mơ ước của mình. Dẫu sao, đây là một bước khai mở, họ đã dám nghĩ, dám làm, đấy là điều đáng trân trọng. Hơn nữa, cái ước mơ của họ cũng chính là cái ước mơ chung của đa số bà

¹² Champaka 1, 1999, trang 163-172.

¹³ Lời bạt Ước Vọng số 1.

Lời nói đầu

con dân tộc Chăm, mà họ là đại diện trí thức tiêu biểu của xã hội lúc bấy giờ. Nên muốn hay không họ buộc phải đối mặt với các vấn đề thực tiễn của xã hội, buộc phải gánh lấy trách nhiệm trước cộng đồng dân tộc mình.

Trong ý tưởng «Sưu tầm và phổ biến những tinh hoa của dân tộc và một vài khía cạnh văn minh của nước ngoài» cũng vậy. Nó chỉ có mặt trong Ước Vọng số 1. Các số sau trở thành thiếu vắng. Điều này xảy ra có thể vì thành phần ưu tú ban đầu của tờ báo đã chuyển sang làm việc cho tập san Panrang (như đã đề cập). Càng về sau, Ước Vọng chỉ còn đăng tải các sáng tác thơ văn của các học sinh là chính.

Với các đề tài và thể loại trong nội san, chúng tôi tạm chia chúng ra làm nhiều phần, đồng thời có vài nhận định sơ bộ như sau:

a. Diễn văn và các bức tâm thư

Phần này gồm 2 bài diễn văn và 3 bức tâm thư.

Vấn đề được nhấn mạnh trong các diễn văn này là các vấn đề xã hội, giáo dục, xây dựng trường sở, quan hệ nhà trường với học sinh, sự hiện diện của đại diện cấp cao của chính quyền ở buổi lễ «tất niên» hay ở buổi lễ «khánh thành»¹⁴ ở nhà trường.

Nhìn về một thực trạng xã hội Chăm với nhiều bế tắc, nhà trường cho rằng sứ mạng giáo dục là thiết yếu, là động cơ để thúc đẩy xã hội đi lên và giải quyết các bế tắc. Giáo dục có tính chất quyết định: giúp nâng cao dân trí, tiếp thu tinh thần khoa học và loại trừ mê tín dị đoan đã làm trì hãm bước tiến xã hội người Chăm, giúp nâng cao mức sống và làm cho người dân hiểu được đường lối và chính sách của chính phủ, tiến đến chỗ cảm thông hòa đồng dân tộc¹⁵.

¹⁴ Ước Vọng số 1, trang 7 và Ước Vọng số 3, trang 64-66.

¹⁵ Ước Vọng số 1, trang 7.

Trong các yếu tố nêu trên, vấn đề mê tín dị đoan là vấn đề thường được tầng lớp trí thức Chăm đề cập, mà bản chất thật của vấn đề chưa được giới trí thức Chăm hiểu một cách cặn kẽ. Đôi khi, những yếu tố văn hóa được xem là mê tín làm trì hoãn bước tiến xã hội. Thực ra, sự tiến bộ của xã hội phần lớn dựa vào trình độ hiểu biết và yếu tố kinh tế, mà trở ngại của vấn đề này bắt nguồn từ các điểm chính như:

– Cộng đồng người Chăm nghèo, không có vốn đầu tư, thiếu tổ chức và hợp tác kinh tế. Họ chưa tỏ ra năng động trong lĩnh vực kinh tế, còn để bỏ ngỏ các điểm thuận lợi kinh tế cho cộng đồng người Việt chiếm cứ và họ ngày càng trở nên kém ưu thế.

– Phạm vi kinh tế (kể cả đất đai) của người Chăm ngày càng bị thu hẹp do người Việt xâm lấn hay chiếm đoạt.

– Trở ngại tâm lý trong giao dịch hợp tác kinh tế.

Sự tiến bộ xã hội cũng lệ thuộc khá nhiều vào việc tổ chức, vào một quyền lực nhất định. Thiếu các yếu tố này dù có được đông đảo đội ngũ trí thức cũng không tìm được lối ra. Xã hội Chăm nằm trong lòng xã hội Việt Nam và dưới quyền lực và sự kiểm soát của nhà cầm quyền Việt Nam. Muốn có được một tổ chức hay làm một việc gì theo ý muốn là một điều nan giải. Xã hội Chăm thiếu tiến bộ, không phải vì người dân Chăm ngu muội hay mê tín dị đoan, nhưng vì bị kẹp giữa gông cùm mà chưa có cách thoát ra được. Lịch sử đã từng chứng minh rằng Champa đã có một nền văn minh cao độ và là một vương quốc giàu mạnh trong quá khứ. Xã hội Chăm trở nên lụn bại như hôm nay là do hoàn cảnh của họ không làm chủ được xã hội và cuộc sống của mình. Cho rằng, tín ngưỡng hay phong tục tập quán của người Chăm làm chậm bước tiến xã hội Chăm là một nhận định thiếu cơ sở không đủ sức thuyết phục. Có chăng giới trí thức Chăm đương thời chưa nhận diện được đâu là biên giới giữa mê tín dị đoan và tín ngưỡng dân gian.

Yếu tố văn hóa (bao gồm cả tín ngưỡng dân gian) là bản sắc của của một tộc người, nó chỉ mang đến cái giàu đẹp cho xã hội nhiều hơn chứ không làm trì trệ bước tiến xã hội.

Lời nói đầu

Khi đưa ra yếu tố tín ngưỡng và tập quán làm trở ngại bước tiến xã hội, các tác giả đã tự giấu giếm với chính mình và mọi người một sự thật đó là cái thế yếu của mình, là tự thân không đủ công sức để cải tạo xã hội mà mình đang sống. Là thú nhận rằng bản thân mình là cái bóng mờ trên chính mảnh đất quê hương của tổ tiên:

«Đây là quê hương tôi, nhưng tôi là cái thứ dân mạt hạng, là người bị vất bên lề xã hội vì thực tế tôi không có thẩm quyền gì cả. Và tôi không làm được gì cho quê hương tôi».

Ở phần giới thiệu về trường như chúng tôi đã đề cập, Trường Trung Học An Phước hay Trung Học Po Klong đã được thành lập trong điều kiện khó khăn và thiếu thốn. Trường không được cấp ngân khoản xây dựng như các trường khác. Trường thiếu cả vật chất và nhân lực «Từ ngày đầu thành lập, chúng tôi đã đi mượn từng chiếc ghế học sinh, từng cái bàn thầy giáo, hôm nay phòng học này, ngày mai phòng học khác [...]. ông Quản đốc phải kiêm nhiệm đủ mọi phần hành Giám thị, Thư ký, Tùỳ phái...»¹⁶. Mặc dầu vậy, Trường đã tiếp tục lớn lên và Trường Trung Học Po Klong đã trở thành niềm tự hào của dân tộc Chăm và được xem là một cơ quan giáo dục tốt và thuận lợi nhất cho việc giáo dục con em dân tộc Chăm ở tỉnh Ninh Thuận lúc bấy giờ.

Quan hệ nhà trường và học sinh ở Trường Trung Học Po Klong cũng là một hiện tượng đặc biệt ít thấy ở các trường trung học khác ở miền Trung và miền Nam Việt Nam. Các học sinh nhỏ (12-13 tuổi) là chủ nhân thật sự của trường mình. Họ tự điều hành hay đảm nhiệm nhiều việc mà đúng ra không thuộc trách nhiệm của họ. Công việc nhà trường

¹⁶ Ước Vọng số 1, trang 7.

không phải là công việc riêng của ban giám hiệu nhà trường mà là của toàn thể học sinh. Sự kiện này hiện hữu trong tất cả các diễn văn hay bức tâm thư của ông quản đốc hay của ông hiệu trưởng. Hành động tích cực của các học sinh buộc các vị lãnh đạo nhà trường phải thừa nhận: «(...) tôi phải khen ngợi các em đã tỏ ra có tinh thần kỷ luật cao, biết tranh đua học tập, hăng hái tham gia công tác học đường. Chính nhờ sự chăm chỉ học hành, tích cực kiến tạo trường ốc mà ngày hôm nay, không những các em đã có một ngôi trường khang trang ngời học, có những dãy nhà ầm cúng, (...) để lưu trú, (...). Như vậy các em đã thấy giá trị của bài học về sự cố gắng và siêng năng làm việc.»¹⁷

Mối quan hệ nhà trường và học sinh Po Klong không dừng lại ở đó. Nhà trường đã xem những học sinh nhỏ bé này như những người đã trưởng thành và là thành phần ưu tú của xã hội Chăm. Họ đặt kỳ vọng tương lai vào thế hệ này, và tất cả mọi vấn đề của nhà trường, vấn đề xã hội Chăm đều được đem ra bàn bạc cùng với các em học sinh.

Và như vậy, nhà trường đã đào tạo họ một cách toàn diện về trí tuệ, trách nhiệm, đạo đức cũng như thể lực.v.v..¹⁸

Quan hệ nhà trường với chính quyền cũng là một sự kiện đặc biệt. Sự hiện diện của ông Phó Tỉnh trưởng, ông Dân biểu trong lễ «tất niên» hay các vị Thủ tướng, Bộ trưởng và nhiều quan chức cao cấp khác trong lễ «khánh thành» của trường Po Klong không tránh khỏi gây cho chúng ta ít nhiều thắc mắc, đó là cơ quan giáo dục này có quá nhiều sự ưu ái? Ở đây câu trả lời của chúng tôi trong chừng mực có thể đưa ra cho các câu hỏi: Có sự quan tâm cao độ của chính quyền đối với dân tộc Chăm hay do sự năng nổ của ban tổ chức nhà trường? Do một phương án bang giao chính trị của chính quyền? là:

Nếu cho là có sự quan tâm cao độ của chính phủ Việt

¹⁷ Ước Vọng số 1, trang 7.

¹⁸ Ước Vọng số 1, trang 7; Ước Vọng số 4 Năm 1972, trang 3 – 7.

Lời nói đầu

Nam dành cho nhà Trường thì chưa có gì làm chắc. Vì trong khi các trường ốc ở miền Nam Việt Nam đều do chính phủ Sài Gòn cấp ngân khoản để xây dựng và các trang thiết bị học đường, thì trường trung học Po Klong đã phải vất vả đi quyên góp tiền bạc để xây dựng hay đi xin từng cái bàn cái ghế. Lẽ nào chính phủ Sài Gòn không có đủ ngân khoản để xây cho người Chăm một trường trung học!. Sự hiện diện cấp cao của chính quyền trong các buổi lễ «tất niên» hay «khánh thành» trường trung học người Chăm chỉ nói lên sự năng nổ của ban chấp hành nhà trường trong các mối liên hệ tốt với chính quyền thì đúng hơn.

b. Về nghiên cứu

Phần này bao gồm các bài dịch thuật về lịch sử Chăm, thực trạng xã hội và tìm hiểu về văn hóa xã hội Chăm.

Ngoài bài dịch lịch sử Champa của G. Maspero¹⁹, các bài viết về văn hoá xã hội Chăm và các thể loại khác chưa mang tính nghiên cứu, chúng chỉ được viết theo ký ức và kinh nghiệm. Mặc dù vậy, những bài này đã cung cấp nhiều thông tin quý giá cho các độc giả hay người nghiên cứu. Nó cho họ cái khái niệm về văn hóa xã hội Chăm. Và hẳn nhiên, các bài này còn nhiều thiếu sót, hay có những nhầm lẫn và cần được nghiên cứu một cách chuyên sâu hơn.

Trong loạt bài viết về xã hội phải kể đến «Xin hãy chấm dứt»²⁰ và «Nạn bất công những lạm cường quyền ác bá tại nông thôn»²¹ là bài đề cập đến sự khủng hoảng xã hội và do nạn cường hào ác bá ở địa phương.

Trong phần này, vấn đề cá nhân tham quyền, tham lợi là tác nhân trực tiếp gây mất ổn định và làm khủng hoảng xã hội. Thành phần “cường quyền ác bá” luôn luôn tồn tại

¹⁹ «Vương Quốc Chiêm Thành», Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 12-15, 103-104.

²⁰ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 23-28.

²¹ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 50-54.

và hiện hữu trong bất kỳ thời đại nào. Chúng thường núp dưới chiếc lọng của chính quyền, để lợi dụng hay tiếm lấy quyền lực mà thao túng, gây nhiều khó khăn và khổ ải cho nhân dân. Muốn xây dựng một xã hội tươi mát tốt đẹp và công bằng, là cương quyết chống lại thành phần này một cách triệt để, như được đề cập trong «Các bạn phải là những anh hùng tiên phong của xã hội mới»²². Làm được việc này không phải là chuyện dễ, nó đòi hỏi sự hy sinh và chịu đựng nhiều gian khổ. Những người dấn thân vào việc này là những người có lập trường vững mạnh, can đảm, vì công ích và vô vụ lợi v.v...

Trong các bài viết về văn hóa, ngoài các bài «Ấn định giờ – tốt và xấu»²³; «Ngày dùng và tuổi tốt»²⁴; «Người Chăm tổ chức hôn lễ vào dịp nào? Tại sao?»²⁵ cho ta ý niệm ban đầu của các tương quan này, hay cho ta hình dung về một lễ hội của người Chăm. Chúng ta còn có bài *Sakawi*²⁶ mà được tác giả gọi là *Chakawi* với đầy rẫy rắc rối. Trở lại thời xưa, trước thế kỉ 15, Champa dùng lịch Saka tiếng Phạn. Sau thế kỉ 15, Champa chuyển sang hệ thống 12 con giáp, đồng thời kèm theo hai hệ thống lịch khác nữa là *Sakarai* và *Sakawi*²⁷. Trong hệ thống Sakawi được tác giả nêu ra ở đây, là đang nằm trong vấn đề bàn cãi mà sự ngã ngũ chưa rõ ràng về đâu. Bởi vậy, ở đây chúng tôi muốn lưu ý độc giả phải nên đề dặt khi tham khảo hay ứng dụng hệ thống lịch này.

Phần này còn có bài chuyên khảo về «chăn nuôi trâu bò»²⁸ và «Làm thế nào cho gà khỏi mắc bệnh»²⁹ ghi lại

²² Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 81-85.

²³ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 63.

²⁴ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 68-70.

²⁵ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 86-89.

²⁶ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 30-37.

²⁷ Champaka số 2, 2002, trang 204-205.

²⁸ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 55-57.

Lời nói đầu

những kinh nghiệm riêng của tác giả và bài «Những nguồn mỹ cảm của dân tộc Việt Nam gặp gỡ Chiêm Thành»³⁰ cho thấy sự ảnh hưởng văn hóa Champa vào Việt Nam, hay hoài niệm về Champa xưa trong «Vài nét về dân tộc Chăm»³¹.

c. Giới thiệu tục ngữ và thơ văn bằng tiếng Chăm

Các bài thơ bằng tiếng Chăm ở đây là các bài mang tính triết lí, luân lí đạo đức, tình cảm hay giáo dục v.v... được rút ra từ tác phẩm nổi tiếng như «Ariya Gleng Anak»³²; «Padan [< Nao Ikak]»³³; dân ca «Cam Bani»³⁴; bài đồng dao «Kaok Liwang»³⁵; «Panuec Ar Bingu – Lời hay ý đẹp» mà qua đây chúng ta có thể tiếp cận với vẻ đẹp thơ văn Chăm trong các ý tưởng thâm sâu đậm đà bản sắc dân tộc Chăm. Những bài sáng tác *ariya* Chăm có nội dung bao hàm như chúc sức khỏe mọi người để mạnh bước trên con đường đời như trong «Tadhau Ayuh – Xin Chúc»³⁶; hoài thương cho quê hương và thân phận trong «Su-aen Bhum Palei – Tình Hoài Hương»³⁷; khuyên con em người Chăm cố gắng học chữ Chăm để khỏi thẹn với mình và với đời như trong «Merat bac – Gắng học»³⁸; đề cao trí thức và ý thức đoàn kết trong cộng đồng dân tộc và việc đóng góp công sức để xây dựng xã hội Chăm như trong «Halei Gilaong – Về Đâu»³⁹;

²⁹ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 64-65.

³⁰ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 72-75.

³¹ Ước Vọng số 3, năm 1971, trang 43-45.

³² Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 11.

³³ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 60-63.

³⁴ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 100-101.

³⁵ Ước Vọng số 3, năm 1971, trang 48-50.

³⁶ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 29.

³⁷ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 76-78.

³⁸ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 97.

³⁹ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 90, 101.

«Caong Takrâ – Ước vọng»⁴⁰. Nội dung xây dựng trí tuệ hay đạo đức cho bản thân là hầu như chung nhất cho xã hội Chăm nhân bản. Và đây chính là thái độ và mơ ước của cộng đồng Chăm.

Các *panuec pa-ndit* Chăm là các câu châm ngôn sâu sắc thuộc về đạo đức, giáo dục hay kinh nghiệm sống được rút ra chủ yếu từ *Paoh Catuei*, một thể thơ thể sự nổi tiếng trong nền văn học Chăm; *Ariya Pataow Adat* một gia huấn ca hay *Panuec Pa-ndit* Chăm (Tục ngữ ca dao Chăm).

d. Truyện, Truyện cổ tích

Phần này bao gồm: Truyền thuyết về Po Klong Girai⁴¹, kể về thân thế và sự nghiệp và công trạng của Ngài đối với dân tộc của vương quốc Champa; Huyền thoại về cây *Kraik* hay là tình sử của Po Romé với Ngọc Khoa (công chúa Việt) một chuyện tình lừa lọc, là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm rạn nứt và sụp đổ vương triều Po Romé; Truyện *Atmâhékat* (Sự tích gà gáy sáng)⁴², một chuyện cổ sáng thế Chăm, mang nhiều yếu tố văn hoá; Truyện *Kabaw tanaow manâk* (Trâu đực đẻ con)⁴³ phản ánh sự bất công trong gia đình và xã hội thời xưa. Đây là câu chuyện ca ngợi đức tính nhân bản. Qua truyện này ta thấy cách xử lí thông minh và hóm hĩnh của sinh vật nhỏ bé yếu thế để chống lại các thế lực mạnh bạo, tham lam nhưng ngu dốt.

e. Phần sáng tác Thơ Văn (truyện ngắn, bút ký, hồi ký)

Phần này tương đối rộng, từ câu chuyện đời thường, đến vấn đề xã hội, lịch sử, chiến tranh v.v...

Bài viết tập trung nhất là viết về nhà trường, thân phận

⁴⁰ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 102.

⁴¹ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 10-13.

⁴² Ước Vọng số 3, name 1971, trang 25-28.

⁴³ Ước Vọng số 1, mùa Hè 1968, trang 66-67.

Lời nói đầu

quê hương và chiến tranh. Trên tổng số 93 bài (43 bài văn và 50 bài thơ) có 21 bài liên quan đến sự tàn phá chiến cuộc, hay nỗi đau buồn do chiến tranh để lại. 22 bài viết về đời thường, về thân phận cuộc đời nghèo khó. 27 bài viết về nhà trường, về những kỉ niệm của tuổi học trò, thương nhớ trường học, thầy cô, bạn bè hay nỗi buồn trước mùa chia tay. 14 bài viết về dân tộc, hay liên tưởng đến vương quốc Champa, đến những đền tháp hay thực trạng xã hội Chăm. Số còn lại liên quan đến các sự kiện khác.

Tất nhiên, mỗi bài là mỗi tính cách, các sự kiện khác biệt và được mô tả hay thể hiện với phong cách riêng tư. Điểm trùng hợp là các học sinh tuổi 13-14 này đều mang một tâm trạng đau buồn giống nhau: Rất giống nhau trên phương diện ưu tư và sự dằn vặt. Bạn đọc có thể tìm thấy nỗi buồn vương vãi trong khắp trang bài viết. Thương về một người bạn học không may bị chết hay mất tích trong cuộc chiến, còn đọng lại bao niềm đau như trong «Tình bạn», «Ngõ tâm tư»; Ký ức về nỗi kinh hoàng ở ngôi trường An Phước khi trường này bị pháo kích, đã gây nên thương tích và nhiều thiệt hại, để lại nỗi đau thương cho nhiều người trong «Đêm kinh hoàng»; hay tiếc thương về người mẹ kính yêu đã chết vì chiến tranh trong «Nhớ mẹ»; phần uất chiến tranh vì đã cướp mất người cha và làm cho người mẹ đau buồn mà qua đời, để lại nhiều nỗi đau đớn và nỗi khốn khổ cho đàn con còn non dại trong «Đôi dòng cảm nghĩ», «Những ngày cô đơn», «Thân phận», «Viết cho người nằm xuống»; Oán trách chiến tranh đã tàn phá hay cướp mất niềm vui cuộc sống của mọi người, cướp mất nhà cửa, trường học, ruộng đồng, quê hương trong «Viết trong cuộc đời», «Dưới mái trường xưa», «Vùng trời quê hương», «Quê hương yêu dấu», «Quê hương tôi», «Chuyện tình 20 năm», «Trường cũ», «Thương về trường cũ», «Lời cầu xin», «Mẹ Việt Nam», «Quê hương và chiến tranh», «Viết cho Việt Nam» hay «Việt Nam hôm nay còn gì».

Câu chuyện đời thường cũng không thoát khỏi các niềm

ừ tư thâm kín như trong «Thân phận» ghi lại số thân phận hẩm hiu của những người nghèo khó; «Nỗi buồn ký túc xá» ghi lại sự dằn vặt vì không được hưởng chế độ ký túc xá như các bạn cùng lớp mặc dù hoàn cảnh của mình cũng như các bạn; trong «Chiều xứ lạ», vì nghèo nên phải lờ dờ việc học, bỏ nhà ra đi tìm việc làm; hay bỏ học về làm mục đồng chăn trâu sống trên đồng quê và dù với cảnh đẹp tươi mát nơi thôn dã nhưng không quên được những kỉ niệm, bạn bè một thời cùng chung học như trong «Tuổi học trò». Trong câu chuyện đời thường còn tìm thấy rải rác những tâm tình, những nỗi buồn sâu lắng như trong «Thư gửi mẹ»; «Làng tôi», là ký ức về một làng quê với nhiều kỉ niệm; hay thương tiếc cho tuổi thơ đã qua mau trong «Giã từ tuổi nhỏ» và thật đậm đà trong tiếng của mẹ là tặng vật thân thương cho tất cả, là tiếng vang vọng còn tồn đọng mãi trong nhân gian và tâm hồn mọi người trong «Tiếng ngàn đời»; hối hận, dằn vặt vì không vâng lời mẹ hay chơi khăm một người hàng xóm cũng là nội dung trong «Hối hận (1) và (2)».

Câu chuyện học đường là các tâm sự buồn, nỗi lưu luyến trước buổi chia tay «Bãi trường», «Lưu luyến», «Lời giã biệt», «Dòng lưu niệm», «Lời của kẻ ra đi», «Nỗi buồn khi hè về», «Lời cuối cho Po Klong». Hay hồi tưởng về ngôi trường cũ với ngày xưa còn bé trong «Nỗi buồn tuổi đại», «Ngày xưa còn bé». Hay thương nhớ về một người bạn, về ngôi trường cũ trong «Hè nhưng nhớ», «Nỗi buồn khi hè về», «Một mùa thu». Gợi nhớ những kỉ niệm và công ơn dạy dỗ của các người thầy đã đưa các học trò của họ vào thế giới trí tuệ cũng là nội dung của «Tiếng nói của thầy» (bài này trích trong «biên cương mới» của HNT).

Câu chuyện xã hội là những thương cảm cho thân phận của kiếp người, thương cảm cho số phận các trẻ em lang thang trên hè phố, nghèo đói không nơi nương tựa bị người đời bạc đãi hay hắt hủi như trong «Lạc loài», «Mùa đông năm ấy», «Cánh chim lạc loài».

«Tâm sự gửi Tháp», «Nước mắt mùa thu», «Trên đỉnh đau thương» là hoài niệm ở nơi Tháp cổ, tiếc nhớ các vị vua

Lời nói đầu

hay các danh nhân một thời của vương quốc Chiêm Thành, hay thương về vương quốc xưa huy hoàng nay đã không còn, con dân của vương quốc xưa nay sống trong cảnh lầm than, không định hướng, không tương lai. Họ sống trong nỗi đau buồn và càng buồn hơn khi chợt nhìn về nơi Tháp cổ đang rơi rụng theo thời gian.

Phải chăng vì một thực tế khách quan quá nặng nề mà các bài viết thiếu vắng những trang tươi mát. Các tác giả nhỏ của Po Klong đã oán trách xã hội chiến tranh tàn phá quê hương và cướp mất cuộc sống của mọi người. Họ cũng bất mãn với những điều bất công của xã hội. Họ thương cảm với lớp người nghèo khó, không nơi nương tựa, như chính bản thân họ sinh ra trong nghèo khó, trong mất mát và đau buồn. Các tác giả nhỏ bé này dường như không nhỏ tí nào. Trên vầng trán tuổi thơ của họ đã hằn những vết nhăn. Các sự kiện mà họ giáp mặt quá nặng nề: họ là những đứa con của một dân tộc Champa vong quốc và của một lịch sử Champa đau thương. Những chứng tích đền tháp tồn đọng như khơi dậy niềm đau thương luyến tiếc của họ. Họ đang sống trong một thực trạng xã hội Chăm đau buồn, trong một tương lai đã bị phong tỏa. Họ kỳ vọng vào đâu? Bám víu vào đâu? Ngược lại, họ phải chịu đựng hay gánh vác tất cả sự việc này, đó là kỳ vọng mà nhà trường đã gửi gắm nơi họ ngay từ đầu khi họ đặt chân vào trường này.

* *

Tái bản Ước Vọng là vì một tình cảm hơn là chất lượng các bài chuyên khảo, tham luận hay các thơ văn trong nó, vì đa số tác giả của các bài văn, bài thơ chỉ mới là học sinh lớp 6, 7 hay 8. Nói thế, không có nghĩa là Ước Vọng không có nội dung xúc tích, không có những nhận định sâu, không mang lại gì cho bạn đọc. Ngược lại, nó có thể trang trải cùng với độc giả những tình cảm vui buồn, những ưu tư dằn

Abd. Karim

vật hay niềm ước mơ hồn nhiên qua các trang viết, và chắc chắn, nó sẽ đọng lại trong tâm hồn bạn đọc một xúc cảm, một gợi nhớ. Và qua Ước Vọng bạn đọc có thể thông cảm với những nỗi niềm băng khuâng của nhà trường, hay cùng chia sẻ niềm đau trầm lắng với dân tộc Chăm, hay tìm nhặt một vài câu thâm trầm mang tính điển tích của nền văn học của dân tộc Chăm.

Ước Vọng, chính là một chứng tích.

Sự thành hình trường trung học An Phước

Champaka Số 1, IOC Campa ấn hành, 1999 trang 149-160

Báo Thị Hoa*

Trường Trung Học An Phước là trung tâm giáo dục trung cấp đầu tiên dành cho dân tộc Chăm ở tỉnh Ninh Thuận dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 1 tháng 10 năm 1965 là ngày khai giảng khóa đầu tiên của trường này.

Sau mười năm ra đời, phải công nhận rằng Trường An Phước không những đã đào tạo được một lực lượng nhân tài cho người Chăm mà còn đưa một thế hệ trẻ của dân tộc này đến một ý thức hệ mới về vai trò của họ đối với lịch sử, xã hội và nền văn minh Champa của mình.

Tất cả cộng đồng người Chăm đều biết rằng Trường Trung Học An Phước thành lập vào năm 1965 do chính phủ Saigon cho phép, nhưng không ai đặt nghi vấn là tại sao? Sự thành hình Trường An Phước phải chăng là vì theo lời yêu cầu của quần chúng nhân dân Chăm, hay là vì sức ép của một lực lượng chính trị nào đó từ bên ngoài đã buộc chính quyền Việt Nam thời đó phải thực hiện các yêu cầu trên.

Viết về tiến trình lịch sử của trường An Phước là một công việc vô cùng khó khăn, vì thiếu tư liệu chính xác. Nội dung của bài này chỉ dựa vào tin tức cung cấp bởi một số nhân chứng trực tiếp hay gián tiếp có mặt trong bối cảnh thời đó. Những tin tức này có thể vấp phải nhiều yếu tố sai lệch hay thiên vị vì vấn đề gì đó, nhưng tin tức này cũng giúp cho chúng ta biết được vài chi tiết sơ lược về lịch sử của trung tâm giáo dục này.

Sự thành hình An Phước vào 1965: tại sao?

* Báo Thị Hoa, thành viên Chương Trình Thế Giới Mã Lai-Thế Giới Đông Dương.

Nếu nhìn qua một số báo chí Việt Nam xuất bản ở Saigon thời đó, sự thiết lập trường trung học này chỉ nằm trong dự án của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nhằm nâng đỡ dân tộc thiểu số, nhất là về ngành giáo dục, để con em người Chăm được tiến bộ như người Kinh. Nhưng tại sao lại vào năm 1965?

Tưởng cũng nhắc lại rằng, ngày 20 tháng 9 năm 1964 là ngày đánh dấu cuộc vùng dậy của phong trào Fulro ở Sar Pa gần biên giới Kampuchea nhằm đòi quyền tự trị ở khu vực Cao Nguyên và quyền tái lập vương quốc Champa. Fulro là tiếng viết tắt của Front Unifié de Libération de la Race Opprimée (Mật Trận Thống Nhất Giải Phóng Các Dân Tộc Bị Áp Bức). Trên phương diện tổ chức chính trị, Fulro là một cơ quan trung ương tập trung 3 mật trận giải phóng, đó là Mật Trận Giải Phóng Kampuchea Krom (Đồng bằng Cửu Long), Mật Trận Giải Phóng Kampuchea Nord (khu vực Campasak ở Lao) và Mật Trận Giải Phóng Champa. Phong trào Fulro do ông Châu Dara, người Kampuchea Krom làm chủ tịch, ông Y Bham là đệ nhị phó chủ tịch, kiêm chủ tịch Mật Trận Giải Phóng Champa¹. Chính vì thế ông Y Bham không phải là chủ tịch Fulro như người ta thường hiểu lầm.

Sự xuất hiện của mật trận Fulro mà tổng hành dinh đặt tại Kampuchea, dưới sự chỉ đạo của trung tá nhảy dù Les Kosem, người Chăm ở Kampuchea, một sĩ quan an ninh cao cấp của quân đội hoàng gia Sihanouk, đã đưa bối cảnh chính trị Việt Nam đi vào một khúc quanh mới: một mặt nỗ lực đương đầu với Mật Trận Giải Phóng Miền Nam và một mặt khác phải giải quyết cấp bách những nguyện vọng của Fulro, một lực lượng võ trang có thể gây nhiều khó khăn cho sự sống còn của vùng cao nguyên thời đó. Không còn lối thoát nào khác, Nguyễn Khánh (tác giả của cuộc đảo chánh vào ngày 29-1-1964) chấp nhận giải quyết vấn đề chính trị

¹ Front unifié de lutte de la race opprimée, 1965, trang 13.

này bằng con đường thương thuyết với điều kiện là Fulro phải rút quân ra khỏi những khu vực cao nguyên để trở về vị trí cũ ở Kampuchea. Thế là hàng loạt vấn đề được đưa ra trong phiên họp để bàn thảo giữa chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận Champa-Fulro².

Cuộc thương thuyết đầu tiên được tiến hành vào ngày 15 tháng 10 năm 1964 tại Pleiku dưới sự chủ tọa của tướng Nguyễn Hữu Cồ. Ngày 19-10-1964, Nguyễn Khánh có mặt ở Pleiku để kết thúc hội nghị với lời hứa hẹn là sẽ cứu xét mọi nguyện vọng của Fulro liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục dành riêng cho dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam, ngoại trừ vấn đề tiếp nhận trực tiếp viện trợ từ nước ngoài và thành lập quân đội riêng ở vùng Cao Nguyên. Liên quan đến vấn đề giáo dục, chính phủ Saigon chấp thuận trên nguyên tắc sẽ thành lập một trường thiếu sinh quân và một số trường trung học đệ nhất cấp ở khu vực cao nguyên và đồng bằng Champa dành cho con em thiểu số³.

Bốn tháng sau của cuộc hội đàm ở Pleiku, chính phủ lâm thời của Mặt Trận Champa-Fulro được chính phủ hoàng gia Sihanouk mời chính thức tham dự Hội Nghị Các Dân Tộc Đông Dương⁴ tổ chức tại thủ đô Phnom-Penh vào tháng 2 năm 1965⁵. Sự hiện diện của Mặt Trận Champa-Fulro trong hội nghị quốc tế này càng gây thêm khó khăn về mặt chính trị cho chính quyền Saigon thời đó.

Để trả lời cho sự hiện hữu của Fulro trong hội nghị này, ngày 15-3-1965, Nguyễn Cao Kỳ triệu tập một cuộc hội đàm thứ hai tại Saigon để cứu xét lại hồ sơ đã thỏa thuận trong hội nghị ở Pleiku⁶.

² Nguyễn Trắc Dĩ, 1969, trang 26; Hickey, 1982, trang 99.

³ Le Viet-Nam, No 239, 19-10-64; Nguyễn Trắc Dĩ, 1969, trang 21-22; Paul Nử, 1966, trang 123-132; G. Hickey, 1982, trang 111-112.

⁴ Giấy mời mang số 184/CTé, SRN đề ngày 19-2-1964.

⁵ Agence Khmer de Presse, No 5, 1965; Mayer, 1971, trang 270.

⁶ Hickey, 1982, trang 122.

Vào thượng tuần tháng 6 năm 1965, chính phủ Saigon và Mặt Trận Champa-Fulro chấp thuận trên nguyên tắc là sẽ có một cuộc hội đàm lần thứ ba tại Banmethuot vào ngày 6-6-1965. Trước khi mở cuộc hội đàm, Mặt Trận Fulro muốn đưa vào chương trình phiên họp ba điểm chính yếu sau:

1. Sẽ có một lá cờ riêng để biểu thị cho sự tự trị của vùng Cao Nguyên.

2. Thành lập 50.000 quân Fulro ở Cao Nguyên.

3. Một hội nghị quốc tế ở Phi Luật Tân hoặc ở Thái Lan giữa chính phủ Saigon và Mặt Trận Champa-Fulro.

Trước dữ kiện này, tướng Vĩnh Lộc, tổng tư lệnh vùng hai chiến thuật, rất phần nộ chống lại những lời yêu cầu của Fulro và kết tội Mĩ đã nhúng tay vào nội bộ Việt Nam để thương thuyết riêng với Fulro⁷.

Ngày 19-6-1965, Nguyễn Văn Thiệu nắm quyền chủ tịch ủy ban lãnh đạo quốc gia ở Saigon. Lợi dụng cơ hội có sự thay đổi trong nội bộ chính phủ Việt Nam hay là để trả lời cho thái độ kiêu căng của tướng Vĩnh Lộc, Fulro ra lệnh tấn công ở khu vực Buon Brieng. Ngày 25-8-1965, tướng Vĩnh Lộc triệu tập phiên họp báo chí nhằm chỉ trích nhóm Fulro muốn biến vùng cao nguyên thành một quốc gia độc lập⁸ và hăm dọa sẽ dùng vũ lực quân sự để uy hiếp. Nhưng Mặt Trận Champa-Fulro chỉ coi đó là lời hăm dọa của “con cọp giấy”.

Ngày 13 tháng 9 năm 1965, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vì không còn giải pháp nào nữa, quyết định trở lại bàn hội nghị với Mặt Trận Champa-Fulro. Cuộc hội đàm này mang lại cho dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam một số kết quả liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, tư pháp và nhất là vấn đề giáo dục. Qua cuộc thỏa thuận về giáo dục này, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa chấp nhận thành lập một Trường Thiếu Sinh Quân ở Pleiku, một Trường Sư

⁷ Vĩnh Lộc, 1965, trang 40-50.

⁸ Hickey, 1982, trang 135.

Sự thành hình Trường Trung Học Po Klong

Phạm Cao Nguyên và một Trường Kỹ Thuật Y Ut tại Banmethuot. Ngoài ba trường ở cao nguyên này, chính phủ Saigon cũng chấp nhận thành lập một số trường trung học dành cho dân tộc thiểu số ở vùng đồng bằng⁹. Thế là Trường Trung Học An Phước đã trở thành một trong những trường nằm trong danh sách của cuộc hội đàm giữa chính quyền Saigon và lực lượng Fulro vào ngày 13-9-65 ở Banmethuot¹⁰.

Sự ra đời của Trường Trung Học An Phước tình cờ có một ý nghĩa khác, đó là gần ngày kỷ niệm một năm của cuộc khởi nghĩa Fulro ở Sar Pa (20-9-1965). Đa số người Chăm vì không nắm vững tình hình chính trị Việt Nam thời đó, tự suy đoán rằng sự thành hình của Trường Trung Học An Phước này chỉ xuất phát từ chính sách giúp đỡ người Chăm của chính phủ thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, gốc người Phan Rang, trong khi đó người có công nhiều nhất trong việc sáng lập trường này là anh em Fulro, một lực lượng kháng chiến, đấu tranh không màng xương máu, nhưng lực lượng này đã bị người Chăm bỏ quên từ 35 năm qua.

Quận An Phước trở thành Bộ Giáo Dục đầu tiên của Dân Tộc Chăm

Trường An Phước được thành hình trong một bối cảnh chính trị rất là đặc biệt, vì áp lực của một lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Chính vì thế, khi đã ban hành nghị định để thành lập trường An Phước, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng đã phũ tay, không còn quan tâm gì nữa đến phương tiện và ngân quỹ để xây dựng phòng ốc. Nếu tự hỏi, tại sao

⁹ Hickey, 1982, trang 135.

¹⁰ Theo ông Dương Tấn Sở, cựu quận trưởng An Phước thời đó, sự hình thành trường này là do nghị định chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cho phép thành lập ở Việt Nam một số lớp đệ thất dành cho con em người Kinh và dân tộc Thiểu Số trên toàn quốc.

Trường Sư Phạm Cao Nguyên và Trường Kỹ Thuật Y Ut ở Banmethuot dù rằng ra đời cùng lúc với Trường Trung Học An Phước, nhưng có đầy đủ tiện nghi hơn, từ phòng ốc đến khu ký túc xá? Nếu có sự may mắn này là vì hai trung tâm giáo dục ở Banmethuot được xây dựng hoàn toàn nhờ vào sự tài trợ của Mỹ¹¹.

Không được sự yểm trợ tài chánh từ trung ương, việc xây dựng Trường Trung Học An Phước đã trở thành vấn đề của chính quyền quận An Phước. Trên pháp lý, mọi cơ sở giáo dục là công việc của chính phủ trung ương. Thêm vào đó chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đâu có nghèo đói cho lắm, đến nỗi không tìm đủ ngân quỹ để xây cất một trường trung học cho người Chăm. Năm 1965, quận lỵ An Phước, vì tương lai của con em dân tộc, tự đứng ra để gánh chịu trên vai mình công trình giáo dục này. Thành ra sự ra đời của trường này cũng là nhờ sự nhiệt tình của ông đại úy Dương Tấn Sở, quận trưởng quận An Phước thời đó.

Dương Tấn Sở là ai? Ai cũng biết ông ta một nhà quân sự chuyên nghiệp, nóng tính và rất cứng rắn với bất cứ những ai dù cấp trên của ông ta đi nữa, nếu người ấy có thái độ khinh miệt hay làm tổn thương đến danh dự hay quyền lợi dân tộc Chăm của ông ta. Chính vì tánh tình cứng rắn và trung thực này, mà đa số người Chăm rất quý mến ông ta: biết cứng rắn để đem lợi ích cho quần chúng hơn biết làm ngoại giao giả tạo để đem lại quyền lợi cho chính bản thân mình.

Dưới con mắt người Chăm, ông ta không phải là ông quận trưởng trong hệ thống hành chánh Việt Nam nữa, nhưng là một người lãnh đạo tinh thần dân tộc Chăm thuộc quận của mình. Ví ý thức vai trò đó, ông ta đã cố gắng với bất cứ giá nào để Trường Trung Học An Phước được thành hình và hoạt động, dù Chính Phủ Saigon không giúp đỡ ngân quỹ.

¹¹ Hickey, 1982, trang 135.

Theo nội san Ước Vọng¹² lúc đầu, chính quyền quận An Phước đã trưng dụng một phòng của trường tiểu học Bầu Trúc (làng Vĩnh Thuận) để khai giảng một lớp đệ thất đầu tiên. Thiếu tiện nghi và thiếu cả người giảng dạy, ông Quản đốc Thành Phú Bá phải thâu dạy đủ các bộ môn.

Đến tháng 2 năm 1966, chính quyền quận quyết định dời Trường Trung Học An Phước về đặt tại quận lỵ ở gần Tháp Chàm cho thuận tiện sinh hoạt. Tại đây, năm đầu trường cũng chỉ mượn ngôi nhà thanh niên để làm phòng học. Qua năm sau, cũng nhờ sự giúp đỡ của quân đội Đại Hàn, Trường Tiểu Học Phú Nhuận ở gần thôn ấp được xây cất. Sau đó, chính quyền quận quyết định giao ngôi trường cũ Phú Nhuận này cho Trường Trung Học An Phước. Từ đó, mới tạm đủ phòng ốc để học.

Đa số học sinh của Trường An Phước là con em người Chăm ở cách xa trường ốc từ 5 đến 20 cây số, không phương tiện di chuyển để về làng. Để giải quyết vấn đề này, ông Dương Tấn Sở đề nghị với nhóm sinh viên-học sinh thiện chí Chăm thời đó góp phần xây dựng ký túc xá cho con em học sinh.

Sự góp phần của nhóm thiện chí này đã đưa sự sinh hoạt của trường đến một khúc quanh mới: An Phước vừa là một cơ quan giáo dục vừa là trung tâm truyền bá ý thức hệ dân tộc.

Đoàn thiện chí: họ là ai?

Qua lời yêu cầu của ông Dương Tấn Sở và nhất là ông quản đốc Thành Phú Bá, đoàn thanh niên học sinh thiện chí Chăm ở Ninh Thuận sẵn sàng gánh vác công tác. Đoàn thiện chí này chỉ là một số anh em sinh viên học sinh Chăm, vì ý thức hệ dân tộc, tự tập trung thành một nhóm để làm công tác thiện chí để góp phần xây dựng công tác xã hội

¹² Số 5, trang 5-7.

trong khuôn khổ khả năng của mình. Không nội qui tổ chức, không giấy phép hoạt động, không đàn anh dẫn đầu, đoàn thiện chí đứng ra là một phong trào thanh niên Chăm, sau ngày đảo chánh Ngô đình Diệm vào 01-11 1963, bắt đầu ý thức về nguồn gốc lịch sử của mình. Họ thường đặt vấn đề họ là ai? Và tại sao vương quốc Champa của họ đã trở thành một nạn nhân trong lịch sử? Họ đã ý thức rằng họ là dân tộc Champa, chủ nhân của một đất nước đã bị kẻ ngoài chiếm đóng. Họ là dân tộc vong quốc nhưng họ không muốn trở thành vong thân. Mọi nhiệt tâm và sự hy sinh của họ trong công tác xây dựng ký túc xá trường An Phước đều xuất phát từ ý thức hệ dân tộc mất nước này. Thêm vào đó, làm công tác cho trường An Phước là một dịp may hiếm có để giúp họ có một ý thức hệ mới: họ muốn thoát bỏ vai trò nhóm thanh niên thụ động chỉ biết làm nhân chứng cho thời cuộc để trở thành những người trẻ tích cực dám xả thân vào chiến trường xã hội vô cùng phức tạp để làm một chút ít gì có lợi cho dân tộc. Làm công tác cho trường An Phước, họ cảm thấy là họ đang làm nghĩa vụ cho dân tộc của mình. Chính vì thế, họ rất nhiệt tâm, nhiệt tình, chỉ biết dùng sức lực và công lao của mình, không cần thù lao hay tiền bạc của bất cứ ai, hầu hoàn tất ký túc xá này.

Chương trình xây cất ký túc xá là một chương trình tự túc. Một số vật liệu do ông Dương Tấn Sở tìm kiếm trong kho của quận mình, một số khác do đoàn thiện chí đi xin từ thôn xóm của người Chăm. Dân tộc Chăm hưởng ứng rất nhiệt tình chương trình này, vì họ cũng ý thức được và coi đó là nghĩa vụ đối với tương lai của con cháu mình. Sau cùng, đó là sự giúp đỡ của quân lực Mĩ đóng ở phi trường Tháp Chàm. Sự giúp đỡ của Mĩ không phải là tiền bạc, nhưng là cho phép đoàn thiện chí vào phi trường để tìm dụng cụ xây cất mà quân đội Mĩ không dùng nữa. Ngoài ra, quân đội Mĩ cũng cho một ít lương thực, nhất là đồ hộp để ăn qua ngày.

Sau ngày kêu gọi của Dương Tấn Sở, hàng trăm sinh viên học sinh thiện chí Chăm mà chúng tôi không thể kể hết ở đây, tự tình nguyện vào làm công tác. Cơm gạo của họ

trong thời gian công tác đều là cơm gạo tự túc. Chính vì thế, nếu đoàn thiện chí này đã làm được việc, đó cũng là nhờ sự yểm trợ tinh thần và vật chất của gia đình của họ, một cộng đồng không ngần ngại hy sinh dù họ biết không có con em của họ vào học trong trường này.

Trong suốt hai năm thay phiên nhau để làm công tác, họ đã để lại cho trường này ba dãy nhà ký túc xá tương đối tương tất và khá đầy đủ tiện nghi. Nhưng thực ra, mục tiêu của đoàn thiện chí không phải là xây dựng nhà cửa cho con em người Chăm nhưng là truyền bá lại cho những anh em học sinh này một triết lý mới về tổ chức xã hội. Khẩu hiệu mà họ thường đưa ra, đó là ý thức hệ đoàn kết đã trở thành một yếu tố quan trọng cho sự sống còn của dân tộc Chăm: chỉ cần đoàn kết, sinh viên và học sinh cũng xây nổi ký túc xá. Khẩu hiệu thứ hai: góp phần xây dựng cho thế hệ trẻ là nghĩa vụ của thế hệ đàn anh, vì đó là định luật của lịch sử, nếu không xã hội này chỉ rơi vào con đường bế tắc.

Bậc đàn anh và trí thức: họ đã làm gì?

Phải công nhận rằng, ngoài đoàn thiện chí ra, một số bậc đàn anh và trí thức cũng góp phần quan trọng trong chương trình xây dựng trường An Phước. Mặc dù họ không tham gia trực tiếp vào công trình xây cất trường ốc, nhưng rất nhiều trí thức bậc đàn anh người Chăm thường ghé qua trường, phần thì để coi công tác tiến triển như thế nào, phần thì yểm trợ tinh thần cho đoàn thiện chí, phần thì giúp ít tiền chợ cho đoàn thiện chí. Cử chỉ này rất là quý giá, vì đã nói lên lòng hy sinh và ý thức hệ của mình trước vấn đề xã hội: nếu đoàn thiện chí có công, thì họ cũng có của. Đó là tình nghĩa dân tộc thật sự.

Ngoài số bậc đàn anh trí thức yểm trợ tinh thần, cũng có một số đàn anh dấn thân trực tiếp hơn. Người đầu tiên đáng được ghi ơn mà đoàn thiện chí thường nhắc nhở tới đó là ông Dương Tấn Sở, quận trưởng quận An Phước. ông ta là người nhiệt tình nhất và đôi lúc ông ta coi sự xây dựng

trường này là một nghĩa vụ của ông ta. Thật ra nghĩa vụ này là nghĩa vụ của Bộ Giáo Dục thì đúng hơn. Vì quá nhiệt tình, đôi lúc ông ta quên cả chức vụ của mình để đi làm công tác thanh niên thiện chí, trong khi đó, một số giáo sư ăn lương để dạy ở trường này không bao giờ đặt chân tới trường để coi đoàn thiện chí đương làm gì.

Những ngày Chủ Nhật, nếu đoàn thiện chí cần, ông Dương Tấn Sở không ngần ngại khoác áo để lái xe Jeep của ông ta nhằm vận tải vật liệu xây cất (cát, xi măng, v.v.) cho công trình xây dựng ký túc xá. Chính vì sự nhiệt tình này mà đoàn thiện chí tôn ông ta lên làm đại diện tinh thần của đoàn. Tôn sùng ông lên chức đại diện tinh thần, không phải vì ông ta là quận trưởng, nhưng vì kính trọng một bậc đàn anh đã ý thức, dám tách rời bản thân mình ra khỏi khuôn khổ cổ truyền *Pô praong daok ngaok danaok praong* (quan lớn thì ngồi ở vị trí cao) để tham gia vào những công tác gì mà ông ta có thể làm được.

Nhân vật thứ hai, đó là ông Thành Phú Bá và Đảng Năng Quạ, mặc dù hai ông này không xuất thân từ trường sư phạm để dạy cấp hai. Công trình của hai ông ta là tham gia thường trực vào công tác của đoàn thiện chí để xây dựng trường trại này. Công tác này không phải là nghĩa vụ của họ, vì họ ăn lương chính phủ để đi dạy chứ không phải đi xây cất nhà trường. So với một số giáo sư khác cũng là người Chăm và dạy ở trường này mà chúng tôi không muốn nêu tên ra, ông Bá và ông Quạ có một ý thức hệ rõ ràng hơn về nghĩa vụ của một bậc đàn anh trong sự sinh hoạt thời đó.

Từ quận ly đến tỉnh thành

Theo tờ Ước Vọng¹³, vào năm 1969, Bộ Phát Triển Sắc tộc đã hợp thức hóa ký túc xá của đoàn thiện chí thành ký túc xá công lập. Thế là vai trò của đoàn thiện chí không còn

¹³ Ước Vọng, số 5, trang 6.

Sự thành hình Trường Trung Học Po Klong

nữa.

Tưởng cũng nên nhắc thêm, theo sự quyết định của Bộ Giáo Dục (ND số 545-GDTN/PC/ND ngày 31.03.69), trường An Phước đã được hợp thức hóa thành Trường Trung Học Đệ Nhất Cấp kể từ năm 1969 tức là 5 năm sau ngày thành lập.

Tiếp đến tháng 2 năm 1970, vì tình hình an ninh tại địa điểm cũ không được bảo đảm, một lần nữa, nhà trường lại được chính quyền tỉnh, chiếu theo văn thư của Bộ Giáo Dục 3497/GD/TCTT ngày 9. 5. 1970, cho phép dời về thị xã Phan Rang, đặt trong khuôn viên khu Ty Phát Triển Sắc Tộc Ninh Thuận. Qua tháng 2 năm 1971, Bộ Giáo Dục chính thức cho đổi tên Trường Trung Học An Phước thành Trường Trung Học Pô Klong (ND số 202/KH/PC/ND ngày 15.2.1971) theo thỉnh cầu của đồng bào sắc tộc địa phương¹⁴.

Khi mới dời về Phan Rang, trường chỉ dạy tạm tại các căn nhà Ty Phát Triển Sắc Tộc. Còn ký túc xá bằng gỗ thì do chính học sinh tự cất lầy. Mãi đến đầu năm 1971, với sự đóng góp của đồng bào sắc tộc cùng với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và trung ương, nhà trường xây được 5 phòng đúc. Cuối năm 1972, hội phụ huynh học sinh xây thêm 3 phòng trệt, giúp giải quyết phần nào nạn khan hiếm phòng học của trường. Trong tài khóa 1973, nhà trường được Bộ Giáo Dục trợ cấp thêm 4 triệu rưỡi để xây nốt 5 phòng ở tầng trên. Công tác đã khởi tiến từ tháng 4 và đã hoàn tất vào cuối tháng 5-1973¹⁵.

Cũng theo tờ Ước Vọng¹⁶, người ta phải công nhận rằng Trường Trung Học Pô Klong phát triển hơi chậm so với các trường bạn trong tỉnh. Sau 9 năm trường thành và 8 niên khóa hoạt động, trường chỉ có 10 lớp đệ nhất cấp, với tổng

¹⁴ Ước Vọng, số 5, trang 6.

¹⁵ Ước Vọng, số 5, trang 6.

¹⁶ Ước Vọng, số 5, trang 6-7.

số học sinh khoảng 500 người. Tình trạng thay đổi địa điểm nhiều lần cùng sự thiếu thốn phòng ốc dai dẳng đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển của trường. Với một lịch sử ngắn ngủi, trường cũng đã thay đổi 3 vị cấp điều khiển:

- Thành Phú Bá, Quản đốc, từ 1965 đến 1970.

- Lưu Quang Sang, Hiệu trưởng từ 1970-1971 (sau niên khóa 1970-1971 Lưu Quang Sang từ chức để ra tranh cử dân biểu. Một khi đã đắc cử, ông ta vào nhậm chức ở Saigon. Tiếc rằng chúng tôi không tin tức gì, vì thiếu tài liệu, về quá trình đấu tranh của ông ta cho công trình phát triển trường này).

- Nguyễn Văn Tỹ, Hiệu trưởng, từ 1971 đến năm 1975

Nói tóm lại, trường trung học Pô Klong ra đời để rồi trải qua nhiều giai đoạn gian nan. Hơn 3 lần đổi địa điểm với cảnh sống nhờ và sống kè, thiếu thốn mọi phương diện, nhưng cộng đồng người Chăm, sinh viên học sinh thiện chí Chăm, cấp lãnh đạo Quận và Ty Phát Triển Sắc Tộc vẫn cố vươn lên, vươn lên bằng ý chí và nghị lực. Vì rằng Trường Pô Klong đã trở thành linh hồn của người Chăm.

Chặng đường nhọc nhằn, cơ cực như đã vượt qua, tờ Ước Vọng¹⁷ chỉ biết thổ lộ rằng: «với thân xác rần rỏi, khuôn mặt rạng rỡ đầy niềm tin hiện nay, người ta mong ước nó sẽ thuận buồm xuôi gió trên chặng đường tương lai». Phải chăng đây là lời trân trọng cuối cùng để báo tin cho ngày suy tàn của bao mơ ước của dân tộc người Chăm, khi biến cố chính trị 1975 đã xảy ra ở địa bàn Đông Dương.

¹⁷ Ước Vọng, số 5, trang 7.

Tài liệu tham khảo

Ước Vọng, «Lịch-Sử Trường Trung Học Pô Klong» trong *Ước Vọng*, Trường Trung Học Pô Klong, Phan Rang, số 5 (không đề năm xuất bản), trang 5-7.

Agence Khmer de Presse, Phnom-Penh, No 5, 15-3-1965.

Hickey, G., *Free in the Forest*, New Haven, Yale University Presse, 1982.

Le Viet-Nam, số 239, ngày 19-10-1994

Mayer, Ch., *Derrière le sourire Khmer*, Plon, Paris, 1971.

Nguyễn Trắc Dĩ, *Tìm hiểu phong trào đấu tranh F.U.L.R.O. (1958-1969)*, Bộ Phát Triển Sắc Tộc, Saigon, 1969.

Paul-Nưt, *Sơ lược về chính sách thượng vụ trong lịch sử Việt Nam*, Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ, Saigon, 1966.

Vĩnh Lộc, *Cái gọi là phong trào tự trị Fulro*, Saigon, 1965.

Front Unifié de Lutte de la Race Opprimée (Fulro), *Historique*, 1965.

Báo Thị Hoa

Trang màu trắng
(white page)

1. Diễn văn và bức tâm thư

Lời nói đầu

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 4

Người ta thường nói: “Hy vọng làm cho con người bùng sống”.

Nếu sự ngang trái của cuộc đời ô trọc này làm cho ta chán chường rún chí thì, những ước mong thầm kín, những hoài bão khiêm tốn làm cho chúng ta phấn khởi và tin tưởng.

Trong ý niệm đó, chúng ta có quyền hy vọng và mơ ước.

Riêng chúng tôi không dám mơ ước xây đắp những lâu đài nguy nga tráng lệ hay tạo dựng những gì cao xa vĩ đại. Chúng tôi chỉ mơ ước những gì vừa giản dị vừa tầm sức của mình.

Chúng tôi cũng không mơ ước để ấp ủ trong lòng. Chúng tôi mơ ước để được nói lên những ước mơ của mình.

Bởi vậy tập san ƯỚC VỌNG ra đời.

Mục đích và chủ trương Ước Vọng rất đơn giản, có thể tóm tắt như sau:

- Cải thiện đời sống cũ đã lỗi thời để xây lại đời sống mới thích hợp với trào lưu tân tiến khoa học một cách thiết thực và hợp lý.

- Sưu tầm và phổ biến những tinh hoa của dân tộc và một vài khía cạnh văn minh của nước ngoài.

- Gây cơ hội thuận tiện để trao đổi quan điểm và học hỏi lẫn nhau.

- Tạo môi trường thích hợp để gây cảm thông vì chúng tôi nghĩ: một khi tách rời khỏi sự chi phối của quyền lợi thực tế hàng ngày để suy tư, để “làm văn hóa” thì chúng ta dễ thông cảm dễ gần gũi nhau hơn. Đó là điều rất cần thiết để xây dựng.

Diễn văn

Thành thật và dám nói thực dù phải nói lên một sự thực sống sượng: có thể mới mong xây dựng được.

Nội dung tập san chắc chắn không dồi dào vì:

Ban biên tập gồm toàn những cây bút mới mẽ, còn bỡ ngỡ trước sự sinh hoạt văn nghệ. Phần lớn bài vở chỉ chú trọng đến các sinh hoạt và thực trạng của xã hội Chàm, sưu tầm, tìm hiểu văn cổ và ca dao tục ngữ Chàm. Còn lại phần dịch thuật và sưu tầm các tài liệu giáo dục, khoa học, lịch sử... [chưa có ai đảm trách].

Thành phần biên tập viên toàn là người Chàm. Chúng tôi tin rằng Việt ngữ của chúng tôi có thể không phải là màu sắc ngôn ngữ của người Việt. Song chúng tôi nghĩ: “Điều quan hệ không phải là sự thành công mà chính là sự cố gắng”.

Con đường mà chúng tôi đi là góp phần phục vụ xã hội và dân tộc. Cuộc hành trình hẳn sẽ vất vả và nhiều chông gai, nhưng chúng tôi vẫn tin tưởng ở sự cố gắng của mình và sự giúp đỡ khích lệ chân thành của những người có thiện cảm đối với Ước Vọng. Chính niềm tin này làm chúng tôi yên lòng tiến bước.

Diễn văn

của ông Quản đốc Trường Trung Học An Phước

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 7

(Đọc nhân dịp lễ phát phần thưởng cuối niên học 67-68)

Thành Phú Bá

Kính thưa ông Phó Tỉnh trưởng, đại diện Trung tá Tỉnh trưởng,

Kính thưa ông Dân biểu đơn vị I Ninh Thuận,

Kính thưa quý vị quan khách,

Đây là lần thứ hai, kể từ ngày thành lập Trường Trung

Diễn văn

Học An Phước, chúng tôi được hân hạnh đón tiếp quý vị tại căn phòng nhỏ hẹp này, trong niềm vui sướng của một buổi lễ tốt nghiệp học.

Buổi lễ hôm nay được diễn ra trong khung cảnh tương bưng của một ngày đại hội, song chắc quý vị đều cảm thấy một cái gì đặc biệt nơi đây, cái đặc biệt của một tổ chức đơn sơ của một trường trung học nhỏ bé, chỉ mới ba tuổi trưởng thành.

Nhưng cái vinh dự lớn lao hơn hết cho chúng tôi là buổi lễ này lại được đặt dưới sự chủ tọa danh dự của ông Phó Tỉnh trưởng, đại diện Trung tá Tỉnh trưởng, cùng sự tham dự quý hóa của ông Dân biểu, quý vị Ty trưởng, Hiệu trưởng và đông đảo Phụ huynh học sinh.

Sự hiện diện của quý vị đã nói lên sự cảm tình đặc biệt hiếm có, một ý chí xây dựng nền giáo dục tốt đẹp cho thanh thiếu niên thiếu số và cũng là một biểu hiệu cho sự cộng tác chặt chẽ giữa chính quyền, gia đình và học đường. Hơn nữa, đây cũng là một cơ hội để quý vị trực tiếp khen thưởng các học sinh xuất sắc về học lực, hạnh kiểm, sinh hoạt học đường, cũng như quý vị gián tiếp khích lệ các học sinh chưa có vinh dự lãnh thưởng năm nay để cùng nhau nỗ lực tranh đua học tập trong năm tới.

Trước sự ân cần chăm sóc và sự lưu tâm xây dựng học hành con em mà quý vị thể hiện hôm nay chúng tôi vô cùng cảm động, mang nhiều khích lệ trong nghiệp vụ đào tạo các thế hệ thanh thiếu niên lành mạnh cho quốc gia dân tộc. Những phần thưởng tinh thần lẫn vật chất do trung tá tỉnh trưởng và quý vị ban cho học sinh trong buổi lễ hôm nay, quả là những ân huệ quý báu, nó sẽ liên hệ mật thiết với sự trưởng thành của Trường Trung Học An Phước này.

Kính thưa ông Phó Tỉnh trưởng, đại diện Trung tá Tỉnh trưởng,

Kính thưa quý vị,

Nhìn vào thực trạng xã hội, nhất là xã hội của đồng bào

Diễn văn

thiếu số, còn rất nhiều phức tạp, nhiều chậm tiến, hẳn quý vị nhận rằng sứ mạng giáo dục đối với họ thật là cần thiết, cấp bách nó đòi hỏi sự cộng tác của tất cả mọi người có thiện chí để giải quyết một vấn đề vốn đã mang nhiều liên hệ với tương lai dân tộc. Có giáo dục, người dân thiếu số mới tiếp thu được tinh thần khoa học mà quên dần sự mê tín dị đoan, một con bệnh ngặt nghèo, đã trì hãm bước tiến của họ từ ngàn xưa. Có giáo dục, người dân mới hiểu và chấp nhận các đường lối, chính sách xây dựng của chính phủ, hầu nâng cao dân trí, mức sống, tiến đến chỗ cảm thông hòa đồng dân tộc vĩnh cửu.

Trường Trung Học An Phước chính là một trong những nơi thuận lợi cho việc giáo dục con em thiếu số tỉnh nhà, góp phần đắc lực vào sự thực thi chính sách nâng đỡ đồng bào thiếu số của chính phủ.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng đó, nên trong ba năm qua, chúng tôi đã đem hết thiện chí, cố gắng kiến tạo cho trường An Phước có một cơ sở vững vàng, mặc dù đã gặp nhiều trở ngại, khó khăn do hoàn cảnh gây ra. Từ ngày đầu thành lập, chúng tôi đã phải đi mượn từng chiếc ghế học sinh, từng cái bàn thầy giáo, hôm nay [học] phòng này, ngày mai học [phòng] khác. Chúng tôi rất vui sướng đã biến cải được bộ mặt nghèo nàn đó bằng bộ mặt lành lặn, sáng sủa hơn như ngày hôm nay.

Một điều làm cho chúng tôi khổ tâm nhất là tình trạng thiếu nhân viên giúp việc hiện tại của trường. Ngoài một ông quản đốc phải kiêm nhiệm đủ mọi phần hành giám thị, thư ký, tùy phái... trường chúng tôi không có đến một lao công để trông coi trường sở trong dịp nghỉ, dịp hè. Nhìn những ngôi nhà ngang dọc trong khuôn viên trường An Phước, có thể người ta hiểu rằng ở đây phải có nhiều nhân viên để trông coi chăm sóc, song chẳng có một ai, chỉ có các em nhân viên học sinh 12 - 13 tuổi, tự điều khiển lấy nhau, tự tổ chức sinh hoạt với nhau trong tinh thần tập thể tự giác. Những ngôi nhà ngang dọc đó và ngay cái dãy nhà mới còn đang dở dang phía trước mặt quý vị, cũng chính do bàn tay

Diễn văn

nhỏ bé của các em học sinh tạo dựng, dùng làm nơi ăn chốn ngủ tạm thời trong thời gian theo học. Nhờ việc nội trú tự túc tại đây học sinh tránh khỏi việc đi lại xa xôi từ các ấp đến trường, bảo vệ được sức khỏe và tiết kiệm thì giờ để học hành.

Đặc biệt, ngoài thì giờ học tập tại lớp, học sinh còn được các chuyên viên cán bộ chỉ bảo thực tập về trồng trọt, chăn nuôi, sinh hoạt gia đình trong tổ chức 4T, và các bạn thanh niên thiện chí Chăm hưởng dẫn học tập bổ túc văn hóa, giúp ích rất nhiều trong việc mở mang kiến thức cho các em. Chính nhờ phần bổ túc chương trình: vừa học vừa chơi này, học sinh đã gặt hái nhiều tiến bộ rõ rệt về mặt học vấn và phát huy tinh thần tập thể tự giác.

Tuy nhiên, bao nhiêu những thành quả đạt được hầy còn quá ít đối với sự đòi hỏi của một trường trung học trẻ tuổi, đang cần nhiều sự giúp đỡ và điu dắt trên con đường xây dựng và phát triển. Chúng tôi chỉ còn tin tưởng ở mình và tấm lòng quảng đại, cao thượng của quý vị như đã và đang ưu ái dành cho trường, để mang lại hy vọng cho Trường Trung Học An Phước, một tương lai sáng lạn hơn.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng không quên nhắc đến những công ơn, những ân huệ của trung tá tỉnh trưởng, đã trợ cấp vật liệu xây cất trường ốc, chấp nhận cho quân lực đồng minh trợ giúp học phẩm, vật dụng cho học sinh, đại úy quận trưởng An Phước luôn luôn ân cần săn sóc đến trường, ông hiệu trưởng Duy Tân đã từng giúp đỡ về hành chánh, chuyên môn, kế toán... cùng đông đảo các bạn công chức, phụ huynh học sinh và nhất là các em học sinh thiện chí đã luôn luôn sẵn sàng hợp tác và nhiệt tình giúp đỡ trường trong mọi sinh hoạt.

Quý vị chính là những ân nhân, những người mang cái vinh dự đã góp phần vào việc tô bồi nền văn hóa dân tộc nói chung và sự khai tâm mở trí cho đồng bào thiểu số địa phương nói riêng.

Kính thưa quý vị,

Diễn văn

Đến đây, chúng tôi xin mạn phép quý vị để nhấn nhủ với các em học sinh vài điều.

Các em học sinh thân mến,

Trong giờ phút cuối cùng của niên học, tôi biết nói gì với các em! Những điều tôi muốn nói hôm nay chính là những điều mà thầy cô đã giảng cho các em hằng ngày rồi. Bây giờ là lúc các em phải kiểm điểm lại những thành quả trong suốt niên học. Những em nào đã tỏ ra cố gắng học hành, biết trau dồi phẩm hạnh dĩ nhiên sẽ được tưởng thưởng xứng đáng. Còn các em nào chưa có vinh dự lãnh thưởng hôm nay thì hãy lấy đó làm hy vọng để cố gắng hơn lên trong năm tới.

Nhìn chung kết quả cuối năm, tôi phải khen ngợi các em đã tỏ ra có tinh thần kỷ luật tự giác cao, biết tranh đua học tập, hăng hái tham gia công tác học đường. Chính nhờ sự chăm chỉ học hành, tích cực kiến tạo trường ốc mà ngày hôm nay, không những các em đã có ngôi trường khang trang ngôi học, có những dãy nhà ấm cúng, tiện nghi để lưu trú, mà còn được sự tưởng lệ xứng đáng của chính quyền và các bậc phụ huynh như trong buổi lễ hôm nay. Như vậy đủ chứng tỏ cho các em thấy giá trị của bài học về sự cố gắng và siêng năng làm việc.

Những kết quả tốt đó, các em cần phải biết nuôi dưỡng và phát huy mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai để đem lại một niềm tin tưởng hoàn toàn cho các bậc phụ huynh và những người đang kỳ vọng nhiều nơi các em.

Tôi nhắc nhở thêm cho các em nhớ rằng: không nên phung phí ba tháng hè một cách vô ích. Ngoài thì giờ coi lại bài vở, chuẩn bị cho niên học mới, các em phải biết giúp đỡ gia đình, vui vẻ tham gia công tác xây dựng thôn ấp. Các em làm được những điều ấy thì chính các em đã góp phần vào việc kiến thiết xứ sở rồi vậy.

Diễn văn

Tôi cầu chúc các em thành công và hưởng một mùa hè đầy thích thú.

Kính thưa ông Phó Tỉnh trưởng, đại diện Trung tá Tỉnh trưởng,

Kính thưa quý vị,

Đến đây, chúng tôi không dám lợi dụng thêm thì giờ quý báu của quý vị và kéo dài sự hồi hộp của một số học sinh dưới kia đang náo nức chờ đợi giây phút được đón nhận những món quà thưởng trao từ bàn tay quý vị. Vậy, một lần nữa, chúng tôi xin đại diện ban giáo sư, toàn thể nam nữ học sinh, chân thành cảm tạ ông phó tỉnh trưởng, đại diện trung tá tỉnh trưởng và liệt quý vị đã mang lại cho chúng tôi một vinh dự lớn lao hôm nay.

Trân trọng kính chào quý vị./-

Bức thư

của ông hiệu trưởng Trường Trung Học An Phước gửi
sinh viên học sinh Chàm

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971 trang 2 - 4

Các anh chị thân mến,

Đặc san Trung Học An Phước, “Ước Vọng” số 1 đã đến tay các anh chị cách đây hơn một năm. Hôm nay “Ước Vọng” số 2 lại đến với các anh chị.

Sở dĩ “Ước Vọng” số 2 mãi hôm nay mới ra lò là vì gặp nhiều trở ngại, nhất là về phương diện vật chất, vì đặc san không có chủ đích thương mại. Mong các anh chị thông cảm về sự chậm trễ này.

Về hình thức và nội dung, “Ước Vọng” số 2 có phần thay đổi cho phù hợp với một đặc san một trường trung học. Đa số các bài vở đều do học sinh viết. Mục đích là để các em có cơ hội tập suy nghĩ, tập viết lách và phát huy năng khiếu văn nghệ của mình. Để nội dung thêm phong phú, “Ước Vọng” số 2 cũng đăng những bài do những vị gửi đến.

Diễn văn

Tôi hân hạnh giới thiệu cùng các anh chị “Ước Vọng” số 2, mong rằng các anh chị hân hoan đón nhận nó.

Ngoài ra ban biên tập hân hạnh mong được đón nhận các bài vở do các anh chị sinh viên học sinh trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh gửi đến cho Ước Vọng số tới sắp ra một ngày gần đây.

Các anh chị thân mến,

Nhân đây, ngoài phần giới thiệu “Ước Vọng” số 2, tôi xin có đôi lời tâm sự cùng các anh chị.

Điều mà tôi muốn nói trước tiên với anh chị là niềm vui sướng vô biên của tôi trước sự tiến bộ rõ rệt của người Chăm về nhiều mặt.

Nếu đi ngược dòng thời gian cách đây vào khoảng 15 năm ta thấy gì? Một xã hội chậm tiến với những mê tín dị đoan, với những tập quán rườm rà, với những quan niệm hẹp hòi và lệch lạc về hôn nhân và học vấn, với một tình trạng kinh tế quá nghèo nàn khiến mỗi năm chỉ vọn vẹn có một vài người theo học ở bậc trung học.

Nhìn lại thực trạng xã hội Chăm ngày nay ta thấy lạc quan nhiều. Những tập quán hủ lậu dần dần bị đào thải, những quan niệm rộng rãi và đứng đắn về hôn nhân cũng như về học vấn được lần hồi chấp nhận. Cứ nhìn vào số học sinh Chăm hiện nay ta cũng đủ thấy có sự tiến bộ rồi.

Tại Ninh Thuận, trong niên khóa 1970-1971, có tới 740 học sinh Chăm theo học tại các trường trung học công lập và tư thục. Số học sinh trung học Chăm sẽ còn tăng nhiều trong tương lai.

Ngoài ra, ở Ninh Thuận, hoàn cảnh rất thích hợp cho sự phát triển giáo dục sắc tộc. Đã có sẵn một trường trung học dành cho các em sắc tộc hằng năm thu nhận 120 em học sinh. Đó là Trường Trung Học An Phước hiện tọa lạc tại Phan Rang trên phần đất của Ty Phát Triển Sắc Tộc Ninh Thuận. Lại có một ký túc xá do Bộ PTST (Phát Triển Sắc Tộc) quản trị nuôi ăn 250 học sinh theo học tại các trường trung học công lập và tư thục tại Phan Rang. Ngoài ra Trung

Diễn văn

Tâm Văn Hóa Chàm là chỗ tá túc thuận tiện cho một số đồng học sinh sắc tộc nữa. Trung tâm này trong tương lai sẽ thu nhận thêm nhiều học sinh nữa.

Với số học sinh trung học hiện hữu, với những phương tiện thuận lợi hiện có tôi tin rằng nền giáo dục sắc tộc tại Ninh Thuận sẽ phát triển mạnh mẽ. Đó là niềm hy vọng của mọi người Chàm.

Một khi sự giáo dục con em sắc tộc được đẩy mạnh thì xã hội người Chàm sẽ tiến bộ thêm lên vì sự hiểu biết là một quyền uy có thể giúp cho ta tự biến đổi mình và đồng thời biến đổi người khác nữa.

Nếu chấp nhận quan điểm này, tôi mong các anh chị lấy nó làm phương châm tiến thân. Nói cách khác, tôi mong các anh chị cố gắng học hành để góp phần vào sự tiến bộ của đồng bào chúng ta. Tôi cầu chúc các anh chị thành công và tôi đặt nhiều kỳ vọng nơi các anh chị.

Như tôi đã nói ở phần trên, nhìn vào thực trạng xã hội Chàm, tôi cảm thấy lạc quan, nhưng trên một khía cạnh khác, tôi không khỏi thấy khát vọng. Tình trạng chia rẽ ngày càng trầm trọng là một nguy cơ cản trở sự tiến bộ của dân tộc. Sự chia rẽ đó phát xuất từ nguyên nhân chân chính cũng có và từ nguyên nhân giả tạo cũng có. Chẳng hạn sự xung đột giữa đạo Bàni và Islam vừa có nguyên nhân chân chính thuần túy tôn giáo vừa có nguyên nhân giả tạo do sự quá khích nông nổi và do sự lạm dụng của một số người muốn dùng tôn giáo làm phương tiện tiến thân củng cố địa vị. Nếu hai bên chịu nhường nhịn nhau, ngồi lại đối thoại thân hữu, cùng nhau tìm một lối thoát hợp lý thì tôi tin rằng sẽ ổn thỏa.

Còn những sự xung đột khác giữa nhóm này với nhóm nọ thì một phần do hoàn cảnh thời cuộc tạo một phần do sự bất đồng ý kiến hoặc do sự bất mãn cá nhân. Tôi tin rằng nếu chúng ta thường xuyên đối thoại với nhau, tỏ ra cởi mở và rộng rãi, khắc phục được lòng tự ái và ích kỷ cá nhân thì những sự xung đột sẽ lần hồi suy giảm để cuối cùng đi đến thông cảm hoàn toàn.

Diễn văn

Lá thư hè

của hiệu trưởng Trường Trung Học Pô Klong
ƯỚC VỌNG, số 03 Năm 1971, trang 5 - 6

Các em thân mến,

Mùa chia tay lại một lần nữa đến với các em, lạnh lùng tàn bạo.

Những ngày sống gần nhau dưới mái trường thân yêu đã lặng lẽ trôi qua để lại những kỉ niệm vui buồn in đậm trên nét mặt.

Người ta thường nói: không có một sự xa cách nào mà không buồn, dù đó là một sự xa cách mong muốn nhất. Lại nữa, những sinh hoạt tập thể thân hữu tại trường là những sợi dây ràng buộc chặt chẽ các em càng khiến các em buồn hơn nữa khi phải xa thầy cách bạn. Thầy chia sẻ nỗi niềm tâm sự đó với các em.

Nhưng các em ạ, Trường Trung Học Pô Klong là nơi các em hẹn hò gặp gỡ nhau trong 3 tháng hè. Tại đó, các em sẽ tâm sự với nhau, vui đùa với nhau để quên đi nỗi buồn xa cách. Cũng tại đó, các em sẽ thực hiện những công tác hữu ích chung.

Trong niên học 71-72 sắp đến, các em lại phải tá túc tại một ký túc xá riêng, ký túc xá hiện thời sẽ dành lại cho các em theo học tại các trường trung học Phan Rang sắp được điều hành.

Nhưng ký túc xá thực thụ của trường ta chỉ vỏn vẹn gồm mấy dãy nhà gỗ. Còn phải làm nhà bếp phòng ăn và nhà cầu. Bao nhiêu công tác đang chờ bàn tay đóng góp của các em. Dĩ nhiên công việc này là của Cơ Quan Phát Triển Sắc Tộc. Tuy nhiên, với cương vị đại diện ban giám đốc nhà trường, thầy cũng kêu gọi các em đóng góp vào công tác chung để sau này các em có nơi sinh hoạt thuận tiện.

Ngoài ra, ngoài công việc giúp đỡ gia đình các em cũng nên tham gia những công tác xét thấy bổ ích đối với đồng

Diễn văn

bào xã ấp.

Các em còn nhỏ, tâm hồn còn trong trắng, hồn nhiên, đừng suy nghĩ những điều người lớn nghĩ mà sinh ra chán nản buồn rầu. Cách xưa đẩy sự chán chường hữu hiệu nhất là làm việc. Chẳng những thế, các em lại còn thấy vui và tin tưởng nữa.

Các em cũng nên tránh những thành phần bê tha học đòi bệnh hoạn của thời đại như hút thuốc, cờ bạc, du đãng...

Các em đừng bắt chước một số người chỉ biết chỉ trích người này, than phiền người nọ mà sinh ra bi quan chán nản, mà ngược lại chỉ nên tự soát lấy mình và tự hỏi mình đã làm được gì hữu ích?

Các em nên thực tế, đừng viễn vông mơ mộng. Được như vậy, các em sẽ thành công.

Mỗi người tùy theo cương vị của mình mà đóng góp vào công việc xây dựng xã hội. Các em đừng nghĩ xa hơn và làm những việc lớn hơn bởi vì, nếu như vậy các em dễ bị thất vọng rồi sinh ra chán nản.

Cuối cùng thầy cầu chúc các em những ngày nghỉ hè vui vẻ và hữu ích.

Thầy cũng chuyển lời thăm hỏi ân cần đến phụ huynh các em.

Hiệu trưởng Trường Trung Học Pô Klong./-

Diễn văn

của ông hiệu trưởng đọc trong buổi lễ khánh thành

Trường Trung Học Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 03, Năm 1971, trang 64 - 66

Kính thưa Thủ Tướng,

Kính thưa quý vị Tổng Trưởng,

Kính thưa Quý vị quan khách,

Trong suốt tám tháng dài nóng lòng chờ đợi, hôm nay

Diễn văn

đồng bào sắc tộc từ các ấp xa xôi hơn hờ đến mừng ngày lễ khánh thành Trường Trung Học Pô Klong là nơi khai tâm mở trí cho con em sắc tộc.

Thật là một vinh dự lớn lao và niềm vui sướng vô biên cho đồng bào sắc tộc chúng tôi vì buổi lễ hôm nay lại được đặt dưới quyền chủ tọa danh dự của thủ tướng.

Sự hiện diện quý báu của thủ tướng nói lên đầy đủ nhất sự quan tâm ưu ái đặc biệt mà chính phủ luôn luôn dành cho đồng bào sắc tộc. Nó còn nói lên sự quyết tâm phát triển sắc tộc của chính phủ, nhất là trên địa hạt giáo dục và văn hóa.

Kính thưa thủ tướng, kính thưa quý vị,

Với niềm tin tưởng vào chính sách nâng đỡ, đặc biệt của chính phủ đối với đồng bào sắc tộc, chúng tôi kính trình thủ tướng diễn trình xây cất nhà trường – Trường Trung Học Pô Klong và bày tỏ nguyện vọng của giới phụ huynh học sinh sắc tộc tại tỉnh nhà.

Trường trung học này trước kia gọi là Trường Trung Học An Phước, một ngôi nhà quận nhỏ bé tính đến nay được 6 tuổi trưởng thành. Vì tình trạng an ninh, trường này đã được Bộ Giáo Dục cho dời về thị xã Phan Rang bằng văn thư số 3497/ GD/ TCTT ngày 9. 5. 1970

Tại đây, trường thiếu thốn về mọi mặt, nhưng nhờ sự sốt sắn của chính quyền địa phương dự án xây cất trường đã được thành hình.

Nhà trường đã phối hợp với phụ huynh học sinh tổ chức các đêm văn nghệ lưu động tại các ấp Chàm để gây quỹ xây cất. Kết quả được một số tiền là 1.500.000\$00. Sau đó Bộ Giáo Dục cấp một ngân khoản 1.200.000\$00 để xây hai phòng học. Bộ PTST cũng trợ cấp theo đơn xin của Hội PHHS 300.000\$00; Hội Đồng Tỉnh Ninh Thuận trợ cấp thêm 1.400.000\$00. Tổng cộng số tiền trên là 4.400. 000\$00.

Ty Kiến Thiết phụ trách hồ sơ kỹ thuật và chương trình xây cất đã thực hiện theo lối quan quản ngân khoản do Bộ

Diễn văn

Giáo Dục và Hội Đồng Tỉnh Ninh Thuận trợ cấp dùng vào việc đấu thầu vật liệu, còn số tiền 1.500.000\$00 do đồng bào sắc tộc đóng góp dùng để trả tiền công xây cất.

Hội PHHS đứng ký hợp đồng thầu công và thanh toán tiền bạc. Như vậy phí tổn xây cất 5 phòng học đúc để dự trữ lên lầu của Trường Trung Học Pô Klong là 4.100.000\$00.

Trường đã khởi công xây cất ngày 1. 12.1970 và vừa hoàn tất đúng vào ngày lễ khánh thành hôm nay.

Ngôi trường khang trang này được thành hình là nhờ sự giúp đỡ tận tình của đại tá tỉnh trưởng đã luôn luôn lưu tâm nâng đỡ đồng bào sắc tộc tại địa phương. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ đại tá tỉnh trưởng về sự nhiệt tình ấy.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn ông chủ tịch và quý nghị viên hội đồng tỉnh đã vui lòng cấp cho chúng tôi một số tiền to tát. Ngoài ra, chúng tôi cũng xin cảm ơn thiếu tá quận trưởng An Phước, thiếu tá trưởng Ty PTST, ông chủ tịch HỒCĐST tỉnh Ninh Thuận, ông trưởng Ty Kiến Thiết, các cấp chính quyền xã ấp Chàm, quý vị hiệu trưởng và giáo chức các trường tiểu học Chàm đã tích cực giúp đỡ chúng tôi trong công tác xây cất ngôi trường sắc tộc này.

Kính thưa thủ tướng, kính thưa quý vị,

Trong thời gian xây cất, thể theo nguyện vọng của đồng bào sắc tộc, Bộ Giáo Dục đã chấp nhận cho đổi tên trường An Phước thành trường PÔ KLONG bằng nghị định số 202/GD/KHPC/NĐ ngày 15-2-1971. PÔ KLONG là danh xưng của một vị vua Chàm đã có nhiều công đối với dân chúng vùng Ninh Thuận. Sự chấp nhận đổi tên trường nói lên cái quyết tâm phát triển nền giáo dục sắc tộc tại địa phương của chính phủ.

Trường Trung Học PÔ KLONG hiện nay là trung học ĐIC. Nguyện vọng tha thiết nhất của đồng bào sắc tộc chúng tôi là Trường này sớm được nâng thành trường trung học ĐIIC. Nhưng hiện nay chúng tôi chỉ có 5 phòng học, trong tương lai chúng tôi mong được Bộ Giáo Dục xét rộng

Diễn văn

rãi cấp ngân khoản xây thêm phòng học và trang bị một phòng thí nghiệm hiện chưa có.

Đồng bào sắc tộc chúng tôi vốn chậm tiến cần được phát triển mạnh về học vấn. Do đó công tác giáo dục đối với chúng tôi thật cần thiết và tối quan trọng.

Kính thưa thủ tướng, kính thưa quý vị,

Đến đây chúng tôi xin đại diện đồng bào sắc tộc tỉnh Ninh Thuận, một lần nữa kính xin tỏ lòng tri ân sâu xa lên thủ tướng đã đến chủ tọa buổi lễ khánh thành Trường Trung Học PÔ KLONG. Chúng tôi hy vọng rằng buổi lễ hôm nay đánh dấu sự trưởng thành của nền GDST tại tỉnh nhà và hứa hẹn nhiều kết quả GD tốt đẹp trong tương lai.

Trân trọng kính chào thủ tướng và quý vị./-

Lá thư

của ông hiệu trưởng

Trường Trung Học Pô Klong Ninh Thuận

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 3, 7

Nguyễn Văn Tỷ

Các em học sinh thân mến,

Năm nay, cũng như mấy năm trước, trường cố gắng lắm mới cho ra mắt cho các em tập đặc san này để các em có dịp biểu lộ năng khiếu văn nghệ của mình. Thầy ước mong đặc san này sẽ mang đến cho các em những niềm vui chân thành của tuổi trẻ ham học hỏi và thích tìm tòi.

Nhìn lại quá khứ, chắc các em cũng đã thấy nhà trường lúc nào cũng cố gắng vươn lên, và đương đầu với nhiều khó khăn để tiến đến sự sinh hoạt bình thường. Mặc dầu không có đến một giám thị hay nhân viên văn phòng, từ ngày thành lập trường đến nay, các em vẫn được hưởng dẫn chu

Diễn văn

đáo trong mọi địa hạt sinh hoạt: văn nghệ thể thao, du ngoạn, cắm trại cũng như học vấn. Sở dĩ được như vậy là nhờ một phần các em có tinh thần kỷ luật tự giác cao độ, và phần đông các em đã ý thức được giá trị của công tác tập thể. Thầy có lời khen ngợi các em. Chúng ta có quyền lấy làm sung sướng và hãnh diện [vì] cùng nhau nỗ lực xây dựng được một ngôi trường uy nghi này. Thầy chắc các em vẫn ghi lòng tạc dạ công ơn của những bậc đàn anh cũng như những cơ quan chính quyền đã chung vai góp sức để đem lại cho các em một thành quả tốt đẹp như ngày hôm nay. Nhưng niềm vui ấy sẽ chỉ là một tia sáng nhỏ bé lóe lên trong màn đêm dày đặc, nếu như các em không biết nỗ lực để thụ hưởng. Đúng thế, các em cần phải nỗ lực học tập, cố gắng trau dồi đức hạnh, siêng năng tập luyện thể dục để trở thành những học sinh giỏi, ngoan và khỏe mạnh. Như vậy là các em biết bảo vệ thanh danh trường học, và đồng thời các em đã mang đến cho trường cái vinh dự lớn lao là “đã đào tạo được những công dân tốt cho xã hội ngày mai”.

Lúc đó các em sẽ cảm thấy hãnh diện và vui sướng vô biên khi nói: *“Tôi là học sinh Trung Học Pô Klong”*.

Trong thời buổi loạn ly này, thời buổi mà tất cả thang giá trị đều bị đảo lộn, Thầy biết nhiều em đã ưu tư một khi nghĩ đến vấn đề xây dựng cho tương lai mình, và cũng đôi khi băng khuâng trước tình trạng phân hóa cực độ của xã hội hôm nay. Thầy thành thật chia sẻ “nỗi buồn thời đại” với mấy em đó, và xin có mấy lời khuyên nhủ các em như sau:

Trước hết thầy thấy các em có lý khi âu lo về tương lai của chính mình, vì với số tuổi của các em, các em đang đứng trước ngã ba đường rất hiểm nghèo: thiếu suy tính, các em tự dẫn thân vào con đường hư hỏng, đưa đến vực thẳm của cuộc đời các em. Chung quanh các em, có biết bao nhiêu “căn bệnh thời đại”, như phong trào “Hyppy” của sách báo, phim ảnh thiếu xây dựng, với tất cả sự xấu xa và suy đồi của nó, lúc nào cũng chờ chực, để lôi cuốn các em. Vì thế sự cố gắng vươn lên của một học sinh không khác gì hành động của người leo núi. Muốn lên cao thì phải gắng

Diễn văn

sức và chịu cực nhọc, nhưng muốn xuống dốc thì rất dễ, chỉ cần buông xuôi thì đã bị tuột xuống rồi...

Các em phải tin tưởng một cách dứt khoát rằng: chỉ có con đường học vấn mới đảm bảo được tương lai của các em. Ngày nào các em còn có thể theo đuổi sự học được, ngày đó các em phải đem hết tâm trí ra để chăm lo đèn sách, và đặc biệt là không phung phí thời giờ của tuổi thanh xuân, vì đó chính là gia tài quý giá nhất mà Thượng đế đã ban bố đồng đều cho tất cả các em làm vốn. Khi các em biết tổ chức công việc của mình và cố gắng thực hiện cho bằng được thời khóa biểu do chính các em lập ra, tự nhiên các em sẽ thấy thích thú vô song trước những công việc cần mẫn và chu đáo đã thực hiện. Sự làm việc sẽ xua đuổi những chán nản vu vơ hay sự mơ mộng viển vông của tuổi trẻ. Hôm nay các em là những học sinh ưu tú của trường, thầy chắc chắn rằng ngày mai các em sẽ là công dân ưu tú của xã hội. Những nỗ lực học hỏi trên ghế nhà Trường ngày nay, chính là những hạt giống tốt đã gieo vào lòng đất màu mỡ... Với sự chăm sóc chu đáo, hạt giống sẽ trở thành cây và đơm bông kết trái trong nay mai...

Tóm lại, công việc của các em hôm nay sẽ có tác dụng biến đổi hoàn toàn đời sống của các em trong ngày mai vậy.

Sau cùng, thầy cũng thấy các em có lý khi biểu lộ sự bàng khuâng trước tình trạng phân hóa cực độ của xã hội Chàm.

Riêng thầy, thầy cũng rất lấy làm buồn tủi cho tình trạng rách nát này. Nhưng thái độ của người hiểu biết là trong bất cứ một hoàn cảnh khó khăn nào, mình phải có một quan niệm riêng hầu tìm một giải pháp cho vấn đề. Theo thầy, tình trạng phân hóa không riêng ở xã hội người Chàm mà chung cho cả nước Việt Nam Cộng Hòa, một nước đang lâm vào cảnh chiến tranh tàn khốc kéo dài hơn 25 năm nay rồi. Ngoài những lý do chung do chiến tranh tạo nên, sự loạn lý của xã hội Chàm còn có một lý do đặc biệt là không còn

Diễn văn

tôn ti trật tự của thời xưa, vốn dĩ rất quý báu và cần thiết cho một xã hội chậm tiến. Vì thế, chúng ta mới chứng kiến những chuyện vừa khôi hài vừa bi thảm là những cá nhân tạo rối ren cho xã hội này thường nhân danh Dân Chủ và Tự Do (lẽ dĩ nhiên, họ hiểu lệch lạc ý nghĩa của hai chữ này). Một xã hội như vậy thì đương nhiên phải phân hóa và cắn xé lẫn nhau không vì lý do này cũng vì lý do khác. Cái nhìn tổng quát đó cũng đủ cho các em thấy rằng các em chưa đủ sức để “cứu giúp” hoặc để “băng khuâng” cho xã hội này. Như thế các em chưa phải có trách nhiệm gì cả. Bây giờ các em chỉ có bổn phận chăm lo đèn sách cho thật cần mẫn và chu đáo; các em hãy làm tròn bổn phận đó đi rồi hãy tự nhủ: “Tôi đã giúp ích cho xã hội này một cách tích cực đây!” Sau này khi các em trở thành “người lớn” rồi, tự nhiên các em sẽ thấy mình có trách nhiệm lớn lao đối với xã hội, và lúc đó, dù các em có ý trốn tránh, lương tâm các em cũng không cho phép.

Nói như vậy, thầy chắc các em chưa thỏa mãn hoàn toàn, vì cách đây ít lâu, có một vài em đến tận nhà thầy để than oán về những cảnh đau lòng đã xảy ra trong một vài ấp Chàm. Đối với các em đó, thầy cũng khuyên một cách thực tế và dứt khoát rằng: các em hãy lo học đi, và hãy xem như các em đứng gần chỗ dơ ứ thì tự nhiên phải nghe bốc mùi dơ ứ. Nếu các em thấy không thể chịu đựng được thì nên tạm xa lánh chỗ dơ ứ đó. Chỉ có thế thôi. Sự băng khuâng duy nhất của thầy là thầy e ngại sau này có một số em nào đó sẽ là đồng dơ ứ kia thì mới là hết thuốc để cứu chữa.

Để kết luận, thầy tha thiết khuyên nhủ các em hãy cố gắng làm tròn bổn phận của một học sinh tốt đối với học đường, cũng như đối với gia đình các em. Còn đối với xã hội, các em phải cố tránh xa những sự tranh chấp. Thường khi không lối thoát và chỉ đưa đến sự hiềm thù và diệt vong phi lý mà thôi.

Thầy mong các em tìm được sự thanh thoi vui thú của

Diễn văn

tuổi thanh xuân trong cuộc sống thật giản dị, không đua đòi, và biết quý trọng công việc bằng tay chân để tỏ rằng các em biết thương yêu gia đình và quê hương đau khổ của các em.

Thân ái chào các em.

Bức tâm thư

của ông hiệu trưởng Trường Trung Học Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 3, 4, 4a, 4b, 4c, 4d và 71

Cùng các em học sinh,

Một năm thấm thoát trôi qua. Còn mấy ngày nữa, các em lại tạm rời ngôi trường thân yêu này để trở về dưới mái gia đình êm ấm bên cạnh cha mẹ và anh chị của các em. Không khí của những ngày bãi trường cũng như ngày nhập học, lúc nào cũng rộn rịp đầy phấn khởi. Cuối năm học các em vui vẻ hẳn có nhiều lý do: được lên lớp trên cũng có, được nghỉ ngơi trong ba tháng hè cũng có. Nhiều em lại vẽ sẵn một chương trình vĩ đại trong óc để thực hiện trong dịp hè sắp đến: nào đi du lịch Sài gòn, nào học thêm sinh ngữ, nào học vẽ, nào chăm sóc mảnh vườn nhỏ hay mấy đám ruộng của gia đình. Các em nữ sinh lại mơ trau dồi thêm về nữ công gia chánh, hay sung sướng được dịp giúp mẹ làm việc nội trợ...

Trước khi các em chia tay nhau để trở về mỗi người một nẻo và sống theo mộng ước của mình, thầy xin mượn vài trang tờ báo *Ước Vọng* của các em để kiểm điểm lại tất cả công việc trong năm qua, và cũng để tỏ niềm mong ước của thầy nơi các em.

Trước hết chúng ta hãy cùng nhau kiểm điểm về kỷ luật học đường. Như thầy đã có dịp trả lời cho một “phóng viên báo chí” của trường ta, nhìn chung và so với học sinh các trường khác, học sinh Pô Klong vẫn tương đối khá. Nói như vậy không có nghĩa là thầy lấy làm thỏa mãn; thật ra thầy còn đòi hỏi nhiều cố gắng nơi các em nữa, các em phải là

Diễn văn

học sinh “gương mẫu” về kỷ luật chứ không thể chỉ là “khá” mà thôi. Đầu niên khóa, những học sinh nghỉ học không phép và những học sinh bị giáo sư đề nghị phạt lên đến con số “bốn mươi” mỗi tháng; nhưng cuối niên học con số ấy giảm xuống còn “bảy” hay “tám”. Như thế, đã có sự tiến bộ trong vấn đề kỷ luật học đường vậy. Tuy nhiên, có một vấn đề gần như nan giải, không riêng cho trường chúng ta, mà hầu hết cho các trường nội trú, là học sinh trú ngụ quá đông, vấn đề kỷ luật ban đêm (giờ học phòng, giờ ngủ, giờ chơi...) có ảnh hưởng rất nhiều đến kỷ luật học đường nói chung và kỷ luật từng cá nhân học sinh nội trú nói riêng. Ký túc xá hoàn toàn không đủ người trông coi giờ học đêm vì thiếu giám thị. Nhà trường cất cử một giám thị riêng để kiểm soát giờ học đêm, nhưng kết quả cũng chưa khả quan. Thầy chỉ biết nhấn mạnh nơi đây rằng nhà trường đã cố gắng và sẽ cố gắng làm hết bổn phận của mình trong việc duy trì kỷ luật, phần còn lại học sinh phải ý thức và tự giác bằng cách làm “cảnh sát” lấy nếu học sinh muốn thu thập tốt về học vấn cũng như về sự trau dồi đức hạnh ở trường này. Các em phải biết: *“Không ngọn gió nào giúp ích được cho con thuyền, nếu con thuyền đó không có bến.”*

Về học vấn, thầy xin nói ngay rằng có rất nhiều học sinh có trình độ khá, và cũng có nhiều học sinh có trình độ kém cỏi. Việc đó rất rõ khi lớp chín phải qua trung học Duy Tân trong mấy năm trước đây: Có một học sinh Pô Klông dẫn đầu các lớp học, và có một số khác lại “đội sổ” quanh năm. Đến đây, thầy xin mở dấu ngoặc để bày tỏ nỗi buồn của thầy khi thầy còn là giáo sư dạy ở trường Duy Tân, khi thấy hầu hết học sinh đứng chót là học sinh Chàm - lẽ dĩ nhiên, lại cũng có học sinh Chàm đứng nhất. Tuy có nhất, có chót, thầy cũng không vui được vì những học sinh kém quá nhiều, lại là do sự biếng nhác chứ không phải vì ngu dốt. Không bù vào mấy năm trước đây, cũng tại trường Duy Tân này, chỉ có vồn vẹn hai học sinh Chàm được vào học, nhưng học [sinh] đó là những học sinh lãnh thưởng từ lớp nhỏ cho đến lớp cuối! Và cũng chẳng bù vào, khi một nhóm

Diễn văn

sáu học sinh Chàm lần đầu tiên lên học trường Pháp ở Đà-lạt, chia phiên nhau dẫn đầu lớp, giữa những học sinh ưu tú có đủ quốc tịch Âu-Á. Nói thế, thầy chỉ muốn so sánh thế hệ trước với thế hệ này để cho các em tự kết luận lấy.

Về vấn đề xây dựng cho trường ốc, niên học vừa qua được xem như là một niên học đầy cố gắng phát triển: đã xây dựng được tám (8) phòng học và trồng được 1.200 cây lấy bóng mát. Đầu niên học nhà trường thật lúng túng trong việc giải quyết phòng học vì học sinh các lớp chín phải qua Trung Tâm Văn Hóa Chàm học tạm. Nhưng nhờ sự đóng góp tích cực của HPHHS nhà trường đã xây được 3 phòng học có thể dùng làm hội trường rất khang trang. Vào giữa niên học, qua sự vận động của ông dân biểu cựu hiệu trưởng trung học Pô Klong, nhà trường lại được thêm một ngân khoản là bốn triệu rưỡi, và đang xây 5 phòng lầu, hai cầu thang đúc. Như vậy vấn đề phòng ốc, một vấn đề đã gây nhiều sự lo âu khó khăn cho nhà trường cũng như cho phụ huynh học sinh, nay được giải quyết một cách tốt đẹp. Thầy hy vọng các em hiểu rõ những nỗ lực của nhà trường trong công việc xây dựng cho cơ sở này để ý thức được trách nhiệm của mình trong công việc gìn giữ và bảo vệ những thành quả đó.

Trong tương lai, trường của các em sẽ là trường trung học đệ nhị cấp, có từ lớp sáu đến lớp 12. Về niên khóa 1973 - 1974 sắp tới, nhà trường cũng đã làm thủ tục xin mở lớp 10 và đồng thời xin tăng cường giáo sư đệ nhị cấp. Như vậy song song với sự xây cất phòng học, nhà trường đã cố gắng phát triển về chiều sâu để cùng lúc làm đẹp làm tốt cho trường.

Thầy ước mong rằng các em sẽ cố gắng vươn lên để làm tròn bổn phận của những học sinh mầm non của thế hệ này, giống như những hàng cây xanh tươi tấn trở mạnh, thi đua với sự kiến trúc mới của các phòng lầu và sự tiến bộ nhanh chóng của các em.

Thầy vừa kiểm điểm lại một vài công tác trong năm qua cùng nói lên thiện chí của nhà trường trong vấn đề phát

triển cơ sở về mọi mặt.

Nhưng một ngôi trường khang trang đẹp đẽ, có những giáo sư tận tâm, kinh nghiệm chưa đủ; nếu học sinh không cố gắng học hành và trau dồi đức hạnh. Thầy xem như mọi nỗ lực của nhà Trường đều vô ích. Vậy vấn đề tiên quyết trong một trường học cũng là nhiệm vụ thiêng liêng của cơ sở giáo dục là đào tạo những công dân ưu tú cho xã hội ngày mai. Như thế sự thành công hay thất bại của nhà trường là do thành tích học vấn và đức hạnh của từng học sinh chứ không phải do kết quả nỗ lực về xây dựng vật chất. Thầy tưởng không thừa khi phải nhấn mạnh nơi đây rằng: thầy tha thiết mong mỗi ở các em không những cố gắng học tập, mà phải cố gắng trau dồi đức hạnh. Đúng ra, phải trau dồi đức hạnh trước rồi mới học tập sau, đúng theo câu châm ngôn “*Tiên học lễ, hậu học văn*”. Vấn đề thứ tự trước sau trong câu châm ngôn trên cũng rất quan trọng. Trước tiên, cái “*lễ*” bao gồm tất cả đức hạnh của con người, và lễ dĩ nhiên cả kỷ luật trật tự...Đối với một học sinh không thể nào thiếu được nơi một người trẻ để trở thành công dân ưu tú trong tương lai. Cái “*lễ*” hiểu như thế, cũng là yếu tố tiên quyết đối với sự thành công trong đời học sinh. Học sinh nào thực hiện cho bản thân mình một kỷ luật sắc đá, một ý chí cương quyết, một mục tiêu rõ ràng, học sinh đó đã thành công một phần nữa trong sự học vấn của mình và hiện ngang tiến mạnh trên con đường sự nghiệp tương lai. Hơn nữa, cái “*lễ*” vẫn quan trọng hơn cái “*văn*”. Nếu phải chọn lựa giữa một học sinh có đức hạnh mà học dở, và một anh học giỏi mà không có đức hạnh, thầy sẽ không do dự để chọn học sinh có đức hạnh mà học dở. Cái khả năng của một con người, trên thực tế của đời sống xã hội, chỉ có giá trị khi đi đôi với đạo đức. Thiếu đạo đức, con người có khả năng sẽ trở thành một mối lo âu và một tai họa của xã hội mà thôi. Ngược lại, một con người hoàn toàn thiếu khả năng, không giúp ích tích cực một việc gì được cho xã hội nhưng có đức hạnh vẹn toàn, người ấy cũng đã giúp ích được xã hội rồi đấy, giúp ích về phần tiêu cực, vì không có

Diễn văn

hành động phương hại đến xã hội là giúp ích xã hội vậy.

Cuối cùng, thầy có đôi lời khuyên các em về cách đối xử trong gia đình cũng như trong xóm làng khi các em phải trở về quê nhà trong ba tháng hè.

Tuổi trẻ là tuổi thích hoạt động, các em phải biết hướng sự thích thú của mình đến chỗ tốt. Nếu ở làng ấp có tổ chức công tác xã hội, lẽ dĩ nhiên các em nên tham gia vào những công việc hữu ích này một cách tích cực và vui vẻ. Ở gia đình các em phải tìm thú vui trong công việc tay chân để giúp cha mẹ sống giản dị là một đức tính cao quý của con người, nhất là giới thanh thiếu niên; từ lối ăn mặc, đi đứng đến cách đối xử của các em đều phải thật giản dị. Hình như thời đại này mắc phải một chứng bệnh khoe khoang cầu kỳ. Ở đầu xóm, chiều chiều thường gặp mấy chàng thanh niên tùm năm tùm ba ăn mặc thật chải chuốt, lịch sự, hoặc thật lập dị quái đàng để...bàn chuyện “*chính trị quốc tế*”! Lẽ dĩ nhiên những hạng người này thường lấy làm xấu hổ khi phải làm việc bằng chân tay chỉ thích hoạt động về tinh thần mà thôi. Đó cũng là một tệ trạng xã hội. Những học sinh cũng không thoát khỏi căn bệnh đó. Hè vừa rồi, thầy được hân hạnh gặp một số học sinh nghèo nhập vào nhóm thợ gặt để đi gặt thuê ở các ấp; thật là cả một vinh dự cho thế hệ này và cho riêng thầy!

Để kết luận, thầy xin mượn một câu danh ngôn mà khuyên nhủ các em: “*Hãy thích những gì mình làm, chứ không phải làm gì mình thích*”. Ở trường, các em phải thích thú và lấy làm hãnh diện được cha mẹ hy sinh cho đi học, trong lúc các em khác đồng lứa tuổi phải đi ở thuê, ở mướn. Sự chuyên cần, sự cố gắng hằng ngày phải mang đến cho các em một sự thoải mái về tinh thần vì đã làm tròn bổn phận, và đã gặt hái được kết quả tốt. Ở nhà các em phải sung sướng được sống gần gũi cha mẹ, anh chị em trong gia đình, được dịp “giúp đỡ” các thân quyến của mình cũng như tham gia vào công tác xây dựng làng xã. Các em luyện được tính nết ấy là các em đã thành công hơn một nửa trong đời

Diễn văn

học sinh của các em.

Nhân dịp này, thầy cũng xin gửi đến gia đình các em những lời thăm hỏi và chúc tụng tốt đẹp nhất của thầy.

Thân ái chào các em.

Diễn văn

Trang màu trắng
(white page)

2. Nghiên cứu

Vương quốc Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 12-15, 103-104

Tác giả: Maspéro

Dịch giả: Lưu Quang Sang

Xứ sở và dân cư

Địa thế

Trung kỳ gồm nhiều vùng bình nguyên nhỏ bé nối tiếp chạy dài trên một dải đất chật hẹp nằm giữa dãy núi Trường Sơn và bờ biển đông hải của bán đảo Đông Dương: ở miền Nam có Tỉnh Bình Thuận với ba vịnh Phan Thiết, Phan Rí và Phan Rang. Tiếp đến là các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam với vô số hải đảo gập gềnh và vũng nước sâu thẳm. Sau nữa là các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình với nhiều đầm nước mặn, song chỉ có các cửa sông là những nơi thuận tiện cho tàu bè ẩn trú. Cuối cùng là hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Ở đây, bờ biển thuận lợi hơn và đồng lúa phì nhiêu hơn.

Đời sống ở xứ này không được sung túc, tuy đất đai có phần màu mỡ, vì nhiều lý do: biển thường xuyên động, hải cảng ít an toàn, đường giao thông trắc trở, nên canh tác chật hẹp. Nhưng chính tại dải đất này, xưa kia, một quốc gia cường thịnh đã một thời vang danh trên khắp 5 Châu: đó là NAGARA CAMPA¹ tức VƯƠNG QUỐC CHIÊM THÀNH.

¹ Nagara Campa – Quốc gia Champa. Chữ Champa trong tiếng Phạn là tên của một loài hoa màu trắng và rất thơm (Michelia Champa). Ở Ấn độ thời xưa danh từ đó chỉ một vương quốc chiếm cứ vùng Bhagalpur bây giờ. Bi ký Cambhuvarman (Mỹ Sơn, không rõ ngày tháng) có ghi danh từ

Khí hậu

Các sử giả Trung Quốc mô tả khí hậu xứ này như sau: nóng nực nhưng điều hòa, mùa đông không quá lạnh nhưng trời có nhiều sa mù và thường mưa; ban đêm có nhiều sương giúp cho cây cối được xanh tươi quanh năm và giúp cho dân chúng có rau ăn bốn mùa.

Thổ sản

a). *Nông sản*: Ở xứ Chàm chỉ có các thung lũng là nơi trồng lúa được nhưng lại hiếm hoa. Người Chàm ít trồng lúa trái lại họ trồng nhiều hoa màu phụ như đậu xanh, cà, dưa chuột, đậu trắng, vừng, cây gai và ngô. Người ta cũng trồng nhiều cây ăn trái như chuối, dứa, hạt tiêu. Người ta cũng trồng nhiều trái cau. Nước cốt trái cau thường được dùng để nấu rượu.

Trong các ao đầm, có nhiều loại sen và nổi tiếng hơn hết là sen thị trấn Indrapura tức là vùng Đồng Dương (Quảng Nam) bây giờ. Dọc theo bờ sông hay trong các vũng nước mặn có nhiều cây thốt nốt mà người ta dùng lá để lợp nhà. Trên đất khô người ta trồng cỏ lát và cây gỏi dùng để dệt chiếu. Ngoài ra còn có nhiều loại cây cỏ khác để đánh dây hay đan các thứ đồ dùng thông thường như mũng, sà, nia, nón v.v...; những đồ đan này rất mịn và đẹp.

Người Chàm, theo ông TCHAO JOU KOUA, không trồng trà. Vì họ chưa biết dùng trà chứ không phải vì đất của họ không trồng được cây trà.

Người Chàm cũng có trồng dâu để nuôi tằm và trồng cây bông vải để dệt vải. Theo như người Trung hoa kể lại

Champa như là một quốc gia. Bia khắc đề năm 579 saka (Mỹ Sơn) gọi vua VIKRANTAVARMAN đệ I là "Gri Campapura paranecvara" có nghĩa là lãnh chúa thị trấn Champa. Sau hết một bản văn Chân Lạp năm 519 c = 667 sau TL cho biết SIMHADEVA, bộ trưởng đời vua Mahendravarman, được gửi đi làm sứ thần bên cạnh "lãnh chúa xứ Champa".

Nghiên cứu

thì những búp bông vải ở thời kỳ tăng trưởng của nó mịn và trắng như lông tơ của con ngỗng. Người ta dùng bông vải để kéo sợi rồi dệt thành từng tấm vải. Dệt xong họ đem giặt cho thật sạch, sau đó nhuộm thành màu ngũ sắc hoặc rằn sọc trong rất đẹp mắt.

b). Lâm sản: Vùng rừng núi là những kho tàng quý giá có nhiều danh mộc như mun, kỳ nam, xạ hương, đinh hương, long não và quế. Có một thứ hương đặc biệt mà người Trung Quốc gọi là “Tchen Mou”. Các du khách Trung Quốc cho biết cách đốn cây này như sau: người ta chặt cây tươi xong đem chất thành đống tại một nơi chờ đến khi vỏ cây và thân cây mục hết, chỉ còn lại gỗ lõi ở trong, người ta đem thả dưới nước thì chìm ngay, do đó được gọi là trầm hương (Le parfum qui s'immerge). Còn thứ hương nổi trên mặt nước gọi là tốc hương (??? le parfum qui flotte). Trầm hương quý hơn tốc hương.

Ở trên ngọn núi cao, nếu chịu khó, người ta tìm ra cây đậu khấu (cardamome) giá đắt như vàng. Người ta còn tìm được cây hồi hương và cây lô hội. Ngoài ra còn có các thứ cây dùng làm đồ đan như tre, mây và nứa. Mật ong rừng cũng không thiếu. Người ta lấy sáp ong về nấu đặc lại trong tô hay chén gỗ ra thành từng bánh để dùng.

c) Khoáng sản: Những tài nguyên chính của xứ sở vẫn là kim khí và khoáng sản. Vàng không hiếm. Người Trung Quốc kể lại một cách thích thú rằng có một hòn núi vàng. Tất cả những viên đá ở núi đó toàn một màu hồng, ở giữa viên đá có thoi vàng. Dưới sông cũng có vàng. Muốn lấy vàng người ta phải đắp cho sông cạn.

Các loại đá quý cũng nhiều nhưng thật ra không có giá trị mấy. Dưới thời vua Chàm, Phạm Đầu Lê (629) có gửi tặng hoàng đế Trung Quốc Lý Uyển những viên đá quý to bằng trứng gà và trong như phalê. Những viên đá đó khi được gói trong lá khô ngải (absinthe) thì thường phản chiếu những tia sáng như ánh lửa.

Nghiên cứu

Ngọc lưu ly (la pis lazuli) và hổ phách là vật quý mà vua Chăm thường gửi đi cống vua Tàu và nước Nam. Trong các thứ bảo thạch, người ta có thể kể thêm các loại sa thạch dùng mài gương giáo và các loại bén nhọn khác. Loại đá “boddhisatva” mặt rất nhẵn có lẽ là thứ đá thường dùng tạc các pho tượng.

d). Động vật: Cũng như ngày nay, loài thú ít thay đổi. Ở vùng cao nguyên, voi thường sống trong các khu rừng già. Người Chăm nuôi voi để chiến đấu và vận tải. Ngà voi là vật quý báu trong ngành thương mại.

Con tê giác (tây ngưu) ưa sống trong đồng cỏ cao và rừng rậm. Sừng tê giác là dược liệu quý giá rất cần thiết cho Đông Y Khoa. Cũng như voi và nhất là bạch tượng, tê giác là súc vật quý báu dùng làm lễ vật cống hiến các vị hoàng đế Trung Quốc và Việt Nam.

Như ngày nay, cọp lan tràn khắp nơi. Vua Chiêm Thành Chế Bồng Nga đã có lần gửi cọp sang cống nhà Minh bên Tàu. Một vài sử liệu Trung Quốc cũng nói rằng ở xứ Chăm có sư tử. Loài vật này thường được gửi sang Trung Quốc và Đại Cồ Việt. Nhưng, có lẽ đây là một sự lầm lẫn về danh vật của những biên niên sử Trung Quốc và Việt Nam, bởi vì theo sự hiểu biết của tôi, không bao giờ có sư tử ở Đông Dương. Vả lại, căn cứ hình thể điêu khắc sư tử của người Chăm và người Chân Lạp trên các pho tượng thì rõ ràng họ chưa bao giờ thấy con vật ấy.

Cũng có nói đến loài “nai trắng” trâu rừng và bò rừng. Giống khỉ rất nhiều. Một loài khỉ có tên “Cheng Cheng rất đặc biệt: nó nghe được tiếng người và môi của nó là một món cao lương mỹ vị”.

Rừng có đầy công và loài vẹt lông trắng hay lông ngũ sắc, các vị hoàng đế lân bang rất bằng lòng và khen ngợi khi nhân được vẹt làm cống lễ. Họ rất lấy làm thích thú được nghe vẹt nói chuyện và đã có một con vẹt biết ngâm thơ để mừng nhà vua. Năm 613, vua Chăm, Kandapa Dharma, gửi tặng hoàng đế Trung Quốc một số vẹt, nhưng

Nghiên cứu

chúng không chịu nổi phong thổ quá lạnh của xứ này nên vua đã truyền cho sứ thần đem chúng trả lại xứ Chàm.

Về gia súc thì chỉ nói đến voi và bò (người Tàu xưa kia hay lẫn lộn trâu và bò, có lẽ thời đó người Chàm cũng đã có nuôi trâu rồi).

Ở xứ Chàm xưa kia không có ngựa.² Hoàng đế Trung Quốc thỉnh thoảng cũng có nhã ý gửi ngựa tặng vua Chàm. Một khi đã biết sử dụng ngựa, vua Chàm tìm cách mua ngựa của Trung Quốc nhưng bên Tàu ngựa là gia súc cấm xuất cảng.

e). Hải sản: Dưới biển có nhiều loại san hô và ngọc trai vô cùng quý giá.

Là những tay chài lưới lành nghề đồng thời là những thủy thủ đầy gan dạ, người Chàm ngang dọc đánh cá đủ loại khắp miền duyên hải. Ngoài ra họ còn rình bắt rùa biển. Mai rùa bán rất có giá.

Dân số

Dân số người Chàm không đông lắm³ và có lẽ không bao giờ lên đến hai triệu rưỡi người là dân số của Trung kỳ bây giờ không kể Thanh hóa và Nghệ An⁴.

² Sách “*Ngũ Đại Hội Yếu*” cổ ghi: “quân Chiêm Thành cỡi voi và ngựa”.

³ Các sách Song-se và Wen Hien T’ong Ka’o có ghi rằng: dưới triều vua Hariwarman đệ IV và đầu thế kỷ thứ VII cả 36 tỉnh Chàm chỉ gồm có 30,000 gia đình. Như vậy, dân số toàn quốc chỉ lên tới 200,000 người mà thôi.

⁴ Niên giám phổ thông của Đông Dương năm 1907-1908 (Hà Nội – Hải Phòng, nhà in Viễn Đông) cho biết, những con số chính thức về dân số như sau: 2,624,000 Việt; 119,675 Thượng và 15,000 Chàm. Tổng cộng là: 2,758,875 người được phân phối như sau:

Tỉnh	Việt	Thượng	Chàm
Quảng Bình	114,500	10,000	
Quảng Trị	230,000		
Thừa Thiên	80,000		
Quảng Nam	886,000		

Nghiên cứu

Dân tộc và nguồn gốc

Người ta chia dân tộc Chăm ra làm hai giống: giống Chăm và giống Thượng. Người Chăm xưa kia gọi giống người ở Cao nguyên là Mlecchas có nghĩa là “người rừng núi”⁵ hay là Kiratas “người núi”⁶. Người Chăm ở vùng Phan Rang được gọi là “Velas”⁷. Giống người Ra-ndai ngày nay gọi là Radê sống trên những miền Thượng Du giáp giới Khánh Hòa và Phú Yên. Còn ở Bình Định thì có giống người Mada; giống người này có lẽ là nguồn gốc của người Djarai bây giờ.

Trên bình diện nhân chủng học, có lẽ các giống người này đều thuộc giống Chăm⁸.

Người Chăm hình như thuộc giống người Malayo Polynesien. Tuy không có đầy đủ những chỉ dẫn chính xác về phương diện dân tộc học song ngày nay người ta có thể căn cứ vào các yếu tố ngôn ngữ học mà suy ra như thế. Ngôn ngữ Chăm bây giờ không mấy cách biệt ngôn ngữ thông dụng mà người ta đã dùng khi khắc trên các văn bia thời trước⁹, do đó có nhất định có liên lạc mật thiết với tộc ngữ Malayo Polynesien mặc dù có vay mượn ít nhiều tiếng

Quảng Ngãi	150,000	40,000	
Bình Định	800,000		
Phú Yên	200,000	75	
Khánh Hòa	75,000	40,000	
Ninh Thuận	30,000	7,500	6,000
Bình Thuận	58,200	22,000	9,000
Cộng	2,624,000	119,675	15,000
Tổng cộng	2,758,875		

⁵ Văn bia Tháp Bà Nha Trang (1,092 (?)- 1,070 sau TL).

⁶ Tiếng Kirata chỉ một sắc dân Thượng ở Ấn Độ.

⁷ Po Ina Nagar Phan-Rang.

⁸ Tiếng nói của người Jerai, Radê, Pnong Piak và một vài câu lạc bộ khác sống trên các vùng Đông Nam dãy núi Trường Sơn rất gần với tiếng Chăm.

⁹ Thế kỷ thứ XI triều Vua Harivarman đệ I.

Nghiên cứu

ngoại lai.

Ngoài ra người ta còn căn cứ vào hình dáng mà các du khách Trung Quốc đầu tiên mô tả người Chàm nước da đen, mắt sâu, mũi hếch, tóc quăn để hỗ trợ cho giả thuyết này.

Cách phục sức

Người Chàm xưa kia cũng như bây giờ ăn mặc không khác người Mã Lai; đàn ông và đàn bà đều vấn khăn “*kama*” bao quanh châu thân; mùa đông họ mặc thêm một loại áo dài khá dày.

Nếu giới bình dân đi chân không thì giới quý tộc lại mang giày bằng da. Đàn ông và đàn bà đều bới tóc thành búi và búi tóc của đàn bà giống hình chiếc búa. Đàn bà xỏ lỗ tai và đeo những chiếc vòng.

Cũng như người Mã Lai, người Chàm rất sạch sẽ: mỗi ngày họ tắm rửa nhiều lần, dùng một loại thuốc cao chế bằng xạ hương và long não để chà mình. Họ thường xức nước hoa. Họ tắm thơm áo quần với một hợp chất chế tạo bằng nhiều loại hương mộc.

Văn hóa

Khi người Chàm xuất hiện trong lịch sử vào đầu thế kỷ thứ II sau TL, họ đã sống dưới triều đại Ấn Độ hóa rồi, và văn bia Võ Cạnh khắc bằng tiếng Phạn chứng tỏ rõ ràng là người Chàm đã hấp thụ sâu đậm nền văn hóa Ấn Độ. Đó là lẽ thông thường bởi vì người Ấn Độ đã du nhập xứ Chàm trễ lắm là vào tiền bán thế kỷ thứ II sau TL. Ptolemee có khi ghi lại những danh từ địa lý gốc tiếng Phạn trong tập sử liệu của ông viết vào khoảng năm 150 sau TL liên quan đến những xứ mà người ta tin là thuộc Đông Dương và một vài hải đảo Nam Dương. Người Trung Quốc cũng có lưu truyền lại những huyền thoại của nước Phù Nam¹⁰ phản phát những

¹⁰ Phù Nam theo sử liệu Trung Quốc là một quốc gia gồm các phần đất hiện thời của Nam Kỳ, của Cao Miên và có thể của Đông Xiêm và của Hạ Lào nữa.

Nghiên cứu

dấu tích chứng tỏ đã có một cuộc du nhập đầu tiên của người Ấn Độ vào thế kỷ thứ I sau TL. Sau đó lại có cuộc du nhập thứ hai do Kaurdinya hướng dẫn vào thế kỷ thứ IV.

Chẳng bao lâu dân tộc Chăm hấp thụ hoàn toàn nền văn minh của Ấn Độ và chịu ảnh hưởng Ấn Độ rất sâu đậm trên mọi lãnh vực: tôn giáo, tập quán, văn tự, tư tưởng, hành chánh và luật lệ.

Vương quốc Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971 trang 32 - 36
(tiếp theo Ước Vọng số 1)

Lưu Quang Sang
(viết theo Maspéro)

Tín Ngưỡng Và Tôn Giáo

Mặc dầu dân tộc Chăm đã có một số tín ngưỡng, phong tục tập quán cổ truyền địa phương từ trước, nhưng đến khi tiếp xúc với nền văn minh Ấn Độ và Ả Rập, trong xã hội Chăm mới đặt thành vấn đề tôn giáo.

a). *Bà-La-Môn giáo*: Tôn giáo chính và có lẽ là Quốc giáo của người Chăm. Họ sùng bái duy nhất hoặc hỗn hợp Ba Ngôi Thần (TRIMURTI): BRAHMÂ - Thần Sáng Tạo, VISNU - Thần Bảo Tồn, CIVA - Thần Hủy Diệt.

Tuy người ta sùng kính các vị thần đó một cách trung thành, nhưng ở xứ Chăm cũng như Campuchia và Ấn Độ, hai vị thần Brahmâ và Visnu không được tôn sùng bằng Civa và các vị thần có liên hệ với vị thần Civa.

Theo quan niệm giáo thuyết Ấn Độ, Ba Ngôi Thần có một thân hình đồng thể, nhưng có ba cái đầu tượng trưng cho sự tổng hợp quyền bính của đấng Thượng đế: sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt. Ngoài ba vị thần thượng đẳng trên còn có vị nữ thần Cakti, đó là Uma vợ của Civa và Lakcemi vợ của Visnu.

Nghiên cứu

Tuy là đệ tam Thần, song Civa được coi là chúa tể của vũ trụ. Hình tượng Civa được mô tả muôn hình vạn trạng. Ngài là đấng đã vượt khỏi lời nói và tư tưởng và có rất nhiều đặc tính khác nhau tùy theo vai trò mà danh tánh hay hình tượng của ngài được biến hóa.

- Dưới danh hiệu Maha Dewa-Đại Thiên, Civa là một đấng Từ Bi, Từ Thiện và Vô Hình.

- Dưới danh hiệu Rudra, ngài là hiện thân của sức mạnh phá hủy và tiêu diệt vũ trụ, nhưng sự hủy diệt ấy cốt là để bắt đầu sáng tạo lại vạn vật mới, theo quan niệm sự chết đi là cần thiết để tạo sự sống khác. Sự biểu lộ bản thể của Ngài thường được tượng trưng bằng hình Dương Vật-Linga hoặc cả Dương Vật lẫn Âm Vật-Linga và Yôni tổng hợp.

- Mặc dầu bản thể của Civa được biểu lộ dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng bất cứ biểu lộ nào của Ngài cũng có hình ảnh của Cakti, tượng trưng bằng các bộ phận riêng biệt của đàn bà vì vậy được mô tả theo lưỡng tính, hình thức ái nam ái nữ, nghĩa là có vú đàn bà và bộ phận sinh dục đàn ông, đó là đặc tính nguyên lý sinh dục.

- Hình dáng thông thường của Civa có lẽ là Nataraja, hình tượng trình bày các động tác nhảy múa, có khi có đến năm cái mặt, bốn con mắt, bốn hay sáu cánh tay.

Tại xứ Chàm cũng như ở xứ Campuchia và cả bên Ấn Độ nữa, thần Visnu tuy ít được sùng bái hơn thần Civa nhưng vẫn có một số đền thờ dựng lên để ca ngợi ngài.

Trái lại thần Brahmâ, đệ nhất Thần trong Ba Ngôi Thần lại không có đền thờ riêng biệt.

Như trên đã nói, Balamôn giáo phát xuất từ Ấn Độ, nhưng khi du nhập xứ Chàm bị tín ngưỡng địa phương chi phối đã biến thể nên mang sắc thái đặc biệt Chàm như ngày hôm nay.

b). Phật giáo: Khi đã tiếp nhận văn hóa Ấn Độ, một dân tộc có nhiều tôn giáo khác nhau, dân tộc Chàm cũng không tránh khỏi điều đó. Người ta đã tìm thấy ở xứ Chàm có nhiều dấu vết Phật giáo.

Nghiên cứu

Căn cứ vào các văn bia và những di tích đền đài nguy nga ở Đồng Dương (Quảng Nam) cùng các di tích lịch sử ở nhiều nơi khác, người ta xác nhận có một thời dân tộc Chăm đã theo Phật giáo và có lẽ tôn giáo này đã truyền vào xứ Chăm vào khoảng thế kỷ IV. Nhưng người ta lý luận rằng dù Phật giáo ở xứ Chăm có bành trướng và thịnh hành đến đâu đi nữa, cũng không thể được coi là đạo Phật thuần túy.

Nhà khảo cổ Coedès cho rằng, tại địa hạt Quảng Nam, các vùng Trà Kiệu, Mĩ Sơn, và Đồng Dương là những nơi Thánh Địa của xứ Chăm, nhưng riêng vùng Đồng Dương được coi là trung tâm Phật giáo quan trọng.

Louis Finot cho biết thêm tại Đồng Dương ở vào giữa những đền thờ các vị thần Ấn Độ giáo, ít nhất cũng có một ngôi đền thờ Đức Phật. Trong số những dấu vết Phật giáo tìm thấy tại đây, phần đáng chú ý là một pho tượng Phật đứng đúc bằng đồng, một trong những pho đẹp nhất thuộc Trường Mĩ thuật Amaravati bên Ấn Độ, hiện được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Sài Gòn.

Ở Bình Định người ta cũng tìm được một pho tượng Phật nhỏ bằng đồng và được công nhận là tượng Bồ Tát ngồi trên con rắn Naga 7 đầu chụm lại và uốn vòng cao lên làm thành cái tán che đầu pho tượng.

Tại động Phong Nha (Quảng Bình) người ta cũng tìm được một pho tượng Phật nhỏ khác, có hình dáng Bồ Tát hoặc Quan Thế Âm.

Theo tài liệu của Yi-Tsing, một nhà sử Trung Quốc (634-713) thì đạo Phật được truyền sang xứ Chăm thuộc phái Tiểu Thừa hoặc Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa.

Nhưng các nhà khảo cổ, sau khi nghiên cứu các cổ bia Chăm từ trước cho đến thế kỷ IX-X đều công nhận Phật giáo tại xứ Chăm theo phái Đại Thừa và có pha lẫn với Đạo Civa, cho nên việc hành giáo ở đây hay bị lằng lảnh giữa Bà-La-Môn giáo và Phật giáo.

Ngoài ra các giáo thuyết được ghi khắc trên các bia Chăm đều có nói đến thuyết luân hồi, lòng từ bi bác ái, đức quảng đại, sự hy sinh một cách rõ rệt.

Tóm lại, trong thời kỳ bành trướng tại xứ Chàm, Phật giáo đã gặp phải sức mạnh của quốc giáo – đạo Bà-La-Môn, cho nên Phật giáo không tạo được thế đứng mạnh mẽ và lâu dài như ngày hôm nay ở các nước Campuchia, Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan...

c). Hồi giáo: Người ta phỏng đoán Hồi giáo du nhập vào lãnh thổ Chàm hồi thế kỷ X, hoặc trực tiếp bởi các nhà hàng hải, thương gia Ả Rập hoặc qua trung gian của những người Mã Lai và những người miền Tây các hòn đảo Indonésia. Nhưng độ khoảng thế kỷ XIV-XV thì mới có một số người Chàm cải đạo cũ theo Hồi giáo thật sự.

Sử Tàu, đời nhà Tống, có nói qua vì sự hiện diện của Hồi giáo tại xứ Chàm. Tại cực Nam xứ Chàm, vùng Phan Rang và Phan Rí cũng có hai cái bia Chàm nói đến sự kiện này.

Người ta cũng cho rằng không phải người Chàm theo Hồi giáo trước năm 1470, năm đánh dấu sự sụp đổ vương quốc Chiêm Thành. Người ta đưa những lập luận dựa trên các dự kiện lịch sử sau đây để dẫn chứng nhận xét trên.

Hiện nay có 2/3 người Chàm đang sống tại các tỉnh miền nam Trung Việt hãy còn theo đạo Bà-La-Môn, và trái lại tất cả người Chàm đã rời bỏ đất đai cũ của họ di cư vào Nam và sang Campuchia đều trở thành người Hồi giáo hoàn toàn. Tại đó đã có người Mã Lai sống từ lâu, họ cũng cùng nguồn gốc với người Chàm. Phải chăng người Mã Lai này đã dùng tình cảm mà lôi cuốn số người Chàm “lưu vong” nay cải đạo cũ của họ là Bà-La-Môn mà theo đạo mới là đạo Hồi. Rồi từ đó người những Chàm “lưu vong” này vì tinh thần truyền bá đạo giáo, đã trở về quê hương cũ, mang theo giáo thuyết của Mohamad truyền bá lại cho những người cùng giống với mình. Nhưng có lẽ sự truyền đạo của họ không có kết quả nhiều nên số người Chàm còn lại tại các tỉnh miền Nam Trung Việt chỉ theo đạo Hồi có độ 1/3 mà thôi và sự hành giáo theo đạo Hồi còn bị ảnh hưởng Bà-La-Môn giáo chi phối nữa.

Nghiên cứu

Hiện nay, tại Ninh Thuận và Bình Thuận Hồi giáo Chăm mang một sắc thái đặc biệt liên hệ chặt chẽ với Bà-La-Môn giáo trong một vài nghi thức hành giáo. Ngược lại Bà-La-Môn giáo cũng lệ thuộc rất nhiều vào Hồi giáo mà người ta thường gọi là đạo Bani.

Phải chăng những sự liên hệ mật thiết này giữa hai đạo giáo đã là nền tảng của một sự đoàn kết sâu đậm giữa hai nhóm người Chăm khác đạo.

Xin hãy chấm dứt!

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 23 -28

Jata Aneh

Hẳn không ai quên được trận ác chiến khủng khiếp đã diễn ra trên mảnh đất hiền hòa cần cỗi này cách đây không đầy một năm giữa ba tay "*lục lâm mã thượng*". Một trận giặc đã khốc liệt trong quá khứ, đang ngấm ngấm nhưng dữ dội trong hiện tại và sẽ lê thê trong tương lai. Một trận giặc không ngày mai và có thể không bao giờ kết thúc. Đó là cuộc chạy đua vào nhà lập pháp tranh giành giữa ba cao thủ võ lâm đa mưu túc kế là các ông X. M. C.

Một khía cạnh đặc biệt khác đáng chú ý của trận chiến này là nó mở màn bằng một cuộc thương nghị trong khi chiến tranh thường kết liễu bằng hòa đàm. Cuộc thương nghị này sở dĩ có là do một số giới trẻ yêu cầu. Giới trẻ hay ưu tư. Họ mong mỗi có cuộc nói chuyện dàn xếp giữa ba "chàng ngự lâm pháo thủ" này để chọn một chàng đơn phương ra ứng cử hầu tránh cảnh khốn nạn "gà nhà bôi mặt đá nhau" trước những tiếng cười hả hê của những người ngoài cuộc. Hơn nữa, đồng bào Chăm ở Ninh Thuận vốn dân số ít cho nên hầu hết đều quen biết thân tình với nhau hoặc do liên hệ gia đình hoặc do liên hệ xã hội. Do đó việc ba vị đều ra tranh cử ắt sẽ gây một tình trạng xáo trộn gay go mà chính thanh niên phải chịu nhận lãnh những hậu quả

khủng khiếp về sau. Thanh niên ý thức rõ ràng, muốn xây dựng xã hội, phải có một sự đoàn kết thật sự chứ không phải thứ đoàn kết “rao hàng”. Họ đương bước những bước đi chập chững và vất vả đến chỗ đoàn kết đó thì một cơn gió lốc bốc lên làm tan tành giấc mộng tha thiết của họ. Cơn gió lốc ác liệt đó là cuộc bầu cử dân chủ vừa qua. Nói như thế không phải chúng tôi phủ nhận giá trị cao đẹp của chế độ dân chủ: có dân chủ mới có tiến bộ và một dân tộc càng chậm tiến càng cần đến dân chủ. Nhưng có một điều chúng tôi không thể nào không thốt lộ được là dân chủ đã đến với người Chàm quá đột ngột, nó đã đến “*quá sớm trong một thế giới quá già*”. Nếu không có cuộc bầu cử dân chủ vừa qua, có thể tình trạng xã hội Chàm đã không đến nỗi rối rắm như ngày nay.

Vì ý thức hiểm họa chia rẽ ấy nên thanh niên đã lên tiếng đề nghị có cuộc sắp xếp giữa ba ứng cử viên tuy rằng họ thừa hiểu sự đề nghị ấy hoàn toàn vô lý. Vâng, vô lý lắm: một người cương quyết muốn thử thời vận trước thân đen đỏ chẳng bao giờ tin rằng mình sẽ thất. Thế mà đem phần “tưởng thắng” của mình dâng hiến cho kẻ khác thì ôi thật là điên rồ. Tâm tư các vị ứng cử viên cũng tương tự như vậy. Nhưng có mưu mới có thành, chúng tôi cứ đề nghị... Thế rồi việc gì đến đã đến: cuộc thương nghị thất bại nào nề. Ba cao thủ quyết tâm tranh sức so tài oai phong lẫn liệt ra đi, hẹn ngày tái ngộ trên bước giang hồ hiệp khách.

Rồi hồi chuông khai chiến rống lên làm mọi người bàng hoàng như vừa tỉnh cơn ác mộng. Giai đoạn đầu là giai đoạn chiêu binh. các tay cao thủ ai nấy lo chiêu dụ hiền tài, lập quân tạo tướng.

Đa số các thanh niên trí thức cũng như công chức đều tình nguyện qui nhập môn phái ông M. Một hành động vội vàng và thiếu cân nhắc chăng? Thưa không. Thanh niên ý thức điều họ làm và làm điều họ ý thức. Ứng cử viên M. trước mắt họ là người xứng đáng nhất về khả năng cũng như về quá trình hoạt động xã hội, là người thường gặn gủi giới trẻ, có thể tạo được nhịp cầu thông cảm giữa giới thanh niên

Nghiên cứu

và giới lớn tuổi. Vả lại ông là người biết nghe tiếng nói của thanh niên, do đó giới trẻ tin rằng tư tưởng và khuynh hướng của họ sẽ được thể hiện một phần nào qua vai trò lãnh đạo của ông M. Thanh niên nghĩ và tin như vậy cho đến khi nào thực tế trái ngược làm họ thất vọng thì lúc bấy giờ họ sẽ thay đổi thái độ đối với người họ đã chọn lựa. Nhưng đây là việc mai sau, xin để hạ hồi phân giải còn trong hiện tại cứ ủng hộ ứng cử viên M. cái đã! Nhưng phải thành thực mà nhận rằng sự lựa chọn của chúng tôi quá ư giới hạn: chỉ có những cái tương đối để chọn thì phải chọn cái tương đối tương đối khá hơn. Chúng tôi đã ở cái thế chẳng đặng đừng.

Ngoài ra có dư luận cho rằng thanh niên ủng hộ ông M. là để đền ơn đáp nghĩa ông ta đã có công hướng dẫn họ trên đường học vấn. Vâng, chúng tôi công nhận ông M. đã có công đáng ghi ơn đối với chúng tôi lúc chúng tôi còn cấp sách đến trường. Nhưng cho rằng đó là lý do duy nhất thúc bách chúng tôi ủng hộ ông ta thì quả người ta hiểu quá lệch lạc và nông cạn về chúng tôi. Ở thời buổi này, nếu còn ai nghĩ rằng thanh niên hành động chỉ vì ơn nghĩa thì thật là ngây ngô quá. Anh em chúng tôi khi quyết định việc gì cũng biết gạt bỏ tình cảm một bên để chấp nhận *lẽ phải*. Ông A là người bà con thân quyến mà bạn quý mến vô cùng, ông A ra tranh cử dân biểu, bạn bỏ phiếu cho ông B là người xa lạ không chút liên hệ tình cảm với bạn bởi lẽ ông B xứng đáng hơn ông A. Thế là bạn đã quyết định theo *lẽ phải* rồi đấy. Cái tệ hại của xã hội này là sự khiếm khuyết ánh sáng lý trí trong mọi việc xét suy, do đó thường đưa đến những nhận định lệch lạc mù quáng: ông A là người mất dạy nhất, ông B xấu chỉ vì ông B là người của phe khác trong khi ông B là người có giáo dục nhất. Nói cách khác sự nhận xét không may mắn tương quan đến đối tượng của nó mà chỉ tương quan đến cái “mình” và cái “người ta”: hễ cái “mình” là đúng là hay, dù đó là cái ngu xuẩn nhất thế gian, hễ cái “người ta” là sai là dở, dù đó là cái khôn ngoan nhất thiên hạ. Chúng tôi cầu khẩn cho cái “chủ qua bệnh hoạn” đó sớm cáo chung ở xã hội quá đau thương này để mọi người

suy nghĩ đúng hơn và nhận xét chính tề hơn. Chúng tôi xin đóng ngoặc ở đây để trở về trận địa.

Đạo quân của ông M. khá hùng hậu nhưng phần đông gồm những thành phần “xét lại”, không nhất nhất tuân hành triệt để chỉ thị của thủ lĩnh nên cuộc chiến đấu có vẻ hơi hợt. Binh sĩ của ông X. tuy ít hơn vì lượng nhưng hăng say chiến đấu, sẵn sàng lao mình như những con thiêu thân say ánh đèn. Chẳng bao giờ họ dừng bước để đặt lại vấn đề. Nhưng họ có vấn đề gì đâu ngoài vấn đề phải thắng dù phải trả bất cứ giá nào! Đoàn quân quyết thắng của ông khiến người ta liên tưởng đến đạo binh Thánh chiến. Họ rần rần rộ rộ kéo nhau đi khắp đó đây, không nơi nào không có họ. Còn ông C. chẳng thua kém ai, cũng có binh giỏi tướng tài nhưng lại ít khi thấy xuất hiện. Đoàn quân du kích của ông âm thầm lặng lẽ ra đi đột kích trên khắp nẻo đường hẻo lánh xa xôi để rồi mang về những chiến thắng vẻ vang (phiếu ông dẫn đầu ở Du Long và Song Pha)

Nói về chiến thuật và chiến lược thì mỗi thủ lĩnh có đường lối riêng. Nếu ông X. tấn công ồ ạt, giáng những đòn quyết tử thì ông M. đi thế “cương nhu” lúc quyết liệt lúc rụt rè càng lúc càng tạo cho đối phương nhiều bước tiến thuận lợi hơn. Trong khi đó ông C. thủ thế “án binh bất động” “trâu bò húc nhau ruồi muỗi nhờ”.

Thế theo chiến thuật trên thì quả những trận ác chiến chỉ xảy ra giữa tướng M. và tướng X. Cứ tướng M. lâu lâu đưa ra một độc chưởng thì tướng ít [X] lại tung ra nhiều ác chưởng trong số phải kể chưởng độc đao vô tiền khoáng hậu của tướng ta là chưởng “đá què giò”. Cứ như thế trận chiến mỗi ngày mỗi leo thang để rồi cuối cùng ngã ngũ mang lại phần thắng cho ông X.

Có lẽ độc giả phân vân hỏi rằng vì sao chúng tôi khơi lại chuyện đã qua rồi. Thưa quý vị, lý do rất đơn giản.

Cuộc bầu cử vừa qua đã gây cho đồng bào Chàm một cái ung nhọt nhức nhối, ung nhọt mà chúng tôi hy vọng đồng bào Chàm bạn cũng như nghịch, cùng chung sức mổ xẻ ra để chữa cho lành. Có như vậy mới hy vọng hàn gắn một

Nghiên cứu

phần nào những vết thương lở loét trong lòng mọi người, có như vậy mới tạo lại được hòa khí cổ truyền đã có từ ngàn xưa và có như vậy mới vãng hồi lại được sự đoàn kết huynh đệ rồi từ đó chúng ta cùng nhau xây dựng lại một xã hội người Chăm lành mạnh và tiến bộ hơn.

Trong cuộc bầu cử vừa qua, chúng tôi buộc lòng phải nói, các vị ứng cử viên đã tận dụng những phương tiện quá hiểm độc, đã đưa ra những luận điệu quá tàn nhẫn để vận động tranh cử, những luận điệu mà chúng tôi không đủ can đảm đan cử ra đây. Nhưng xin quý vị ứng cử viên yên tâm: chúng tôi không than trách quý vị đâu. Quý vị ra tranh cử hẳn với mục đích cao quý của quý vị rồi, nào ích nước lợi dân, nào xây dựng xã hội, nào đoàn kết dân tộc, nào... chính vì thế nên quý vị đã đặt nặng vấn đề cứu cánh mà không mấy may lưu tâm đến các phương tiện “mà!” Vả lại có cuộc tranh chấp nào mà không tàn bạo. Âu cũng là định luật tàn nhẫn của mọi cuộc tranh giành. Bởi thế chúng tôi không trách cứ quý vị mà còn thông cảm nữa.

Nhưng có một điều chúng tôi không thông cảm được là trận chiến khốc liệt mà chúng tôi đã trình bày ở phần trên vẫn còn tiếp diễn ngấm ngấm âm ỉ. Nó tiếp diễn cho đến khi nào hỏi quý vị?

Quý vị đã toại nguyện cả rồi! Một vị ở cấp lập pháp, một vị ở cấp ở hành pháp. Thiết tưởng quý vị đã có sẵn trong tay những điều kiện thuận tiện nhất để xây dựng cho xã hội chúng ta. Quý vị còn chờ gì nữa mà không cùng nhau bắt tay thân hữu, quý vị còn chờ gì nữa mà không hợp tác chân thành với nhau để mang lại tia sáng hy vọng cho đồng bào chúng ta? Một lần nữa chúng tôi tha thiết kêu gọi quý vị nên vì quyền lợi chung của đồng bào, vì tương lai của con cháu mà dẹp bỏ mọi tị hiềm cá nhân, chung lo đại cuộc hầu cứu vãn sự suy sụp của xã hội chúng ta đã tàn tạ lắm rồi. Đây là tiếng kêu thống thiết của một số thanh niên đang băng khuâng trước hoàn cảnh. Xin quý vị cố gắng chấm dứt càng sớm càng hay cái trò tranh chấp hiểm nghèo giữa quý vị cho con cháu quý vị được yên lòng.

Đã đánh mất một dịp may hiếm có

Như trên đã nói, ông X đắc cử. Những người ủng hộ các ứng cử viên khác tất nhiên cảm thấy buồn vì “gà” mình thua. Anh em thanh niên cũng không tránh được tâm trạng đó. Tuy nhiên cái buồn của chúng tôi chỉ thoáng qua trong giờ phút đầu mà thôi, vì một cảm tưởng khác chân thành hơn đến xâm chiếm chúng tôi: đó là cái cảm khoái “sau cơn mưa trời lại sáng”. Đúng thế, chúng tôi buồn để mà vui thôi, và chúng tôi đã vui cái vui chung của người triền miên bận tâm đến các vấn đề chung của đồng bào chúng tôi mà can hệ hơn là vấn đề chia rẽ giữa một số người Chàm Hồi giáo và người Chàm theo đạo Bà-La-Môn. Nạn chia rẽ này chắc chắn không phải bắt nguồn từ những lý do tôn giáo. Xưa nay, giữa đồng bào Chàm Hồi giáo và Bà-La-Môn không hề có chia rẽ tôn giáo, mà chính nó bắt nguồn từ những lý do nhân sự. Thật vậy, có một số người, vì muốn mưu đồ riêng tư và cũng cố địa vị của mình, đã lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ. Họ đặt điều xuyên tạc trắng trợn chẳng hạn như: “người Chàm Bà-La-Môn ỉ thế đa số áp chế người Chàm Hồi giáo là thiểu số hoặc nhóm đa số luôn luôn âm mưu ám hại nhóm thiểu số để độc quyền chỉ huy” v.v ... Những luận điệu giả tạo đó dần dần làm cho người Chàm nghi ngờ và hiểu lầm nhau rồi cuối cùng gây cho nhóm thiểu số một cái mặc cảm không tốt đối với nhóm đa số.

ông X là người Hồi giáo tức thuộc thành phần thiểu số. Việc ông đắc cử dân biểu, theo chỗ chúng tôi nghĩ, có thể tẩy xóa được mặc cảm nơi một số người Chàm Hồi giáo và đồng thời có thể lấp được hố chia rẽ của giữa người Chàm. Đó là những lý do làm cho chúng tôi có phần phấn khởi khi ông ta đắc cử.

Trong lúc đó, dư luận của đa số người Chàm lại tỏ ra bất mãn đối với kết quả nói trên. Chúng tôi đã phải tìm cách thuyết phục bạn bè tin rằng sự hợp tác với ông X là phương cách duy nhất để mang lại đoàn kết thật sự. Bằng không thì

Nghiên cứu

tình trạng sẽ trở y như cũ. Có một số đồng thanh niên tin theo chúng tôi. Nhưng tại sao chúng tôi có thái độ như vậy? Tại vì hai lý do: thứ nhất, hợp tác với ông X không có nghĩa là theo cá nhân ông ta mà có nghĩa là giúp ông ta phục vụ công ích đúng theo lập trường xây dựng của thanh niên; thứ hai, thanh niên chúng tôi tuyệt đối tin ở tài khéo léo khôn ngoan của ông X về phương diện cư xử, xã giao là điểm vàng son duy nhất của ông ta. Do đó, chúng tôi tin liệu rằng nhất định ông X sẽ đến với chúng tôi đúng với tinh thần đoàn kết xây dựng. Thế rồi một sự thật phũ phàng đập vào mắt chúng tôi: ông X đi “tuốc luốc” không kèn không trống. Chúng tôi ngỡ ngàng vô cùng vì không thể ngờ việc có thể xảy ra như vậy được. Tại sao thế hồi ông X ? Thái độ của ông hẳn phải có lý do. Lý do gì? Chúng tôi khó hiểu quá. Hay là ông bị “kẹt”? Phải chăng ông bị vài tay “đầu cơ” dụ dỗ đưa ông tiếp tục con đường chia rẽ vì họ nghĩ rằng nếu đoàn kết thì họ sẽ “lỗ vốn”? Đúng vậy, thưa ông, vì một khi trăm họ về một mối, thì các tay “đầu cơ” đó sẽ mất hết “thờ” bởi lẽ họ nghĩ ngờ không còn ai dùng họ nữa. ông X ơi! thế là ông đã vấp phải một lỗi lầm to tướng rồi mà hậu quả là thanh niên “lờ” ông và không còn tin vào cái tài duy nhất của ông nữa: đó là nghệ thuật xử thế khéo léo và khôn ngoan của ông./-

Nạn bất công những lạm cường quyền ác bá tại nông thôn

ƯỚC VONG, số 1, mùa Hè 1968, trang 50-54

Vĩ Tân Chế

Một vấn đề trọng đại của nông thôn

Trong thời gian gần đây báo chí thường hay lên tiếng về việc tham nhũng. Trong lúc đó, các nhà lãnh đạo cũng luôn luôn tuyên bố cương quyết diệt trừ tham nhũng và đặt vấn

đề này ngang hàng với quốc sách chống Cộng.

Trong khuôn khổ của một đặc san địa phương, chúng tôi không đề cập đến một vấn đề quốc gia quá rộng lớn như vậy, chỉ muốn bàn về nạn tệ đoan, bất công xã hội ở phạm vi nông thôn, trong chủ đích *xây dựng một xã hội lành mạnh và tiến bộ* mà thôi.

Chúng tôi nhận thấy hiện giờ tất cả nỗ lực của chánh phủ đều hướng về nông thôn và trận giặc đang diễn ra trên mảnh đất này là tranh thủ nhân tâm hơn là tranh giành đất đai. Nếu nông thôn nghèo khổ, đặc biệt là những thôn ấp Chàm từ bấy lâu vẫn bị nạn mê tín dị đoan làm tê liệt, lại còn phải đèo bồng thêm nạn bất công những lạm, cường quyền ác bá bóc lột thì thật là oái oăm và cùng khốn. Một xã hội có lắm thứ bệnh như thế sớm muộn gì cũng sẽ đưa đến chỗ sụp đổ toàn diện. Chúng tôi thiết tưởng những ai con có một tí lý tưởng xã hội cũng phải đau lòng mà phẫn nộ. Đó là một vấn đề trọng đại của nông thôn.

Những học sinh, thanh niên có nhiều nhiệt tâm với tiền đồ dân tộc không thể nào không nhìn vào sự thật để tìm mọi cách ngăn ngừa và cứu chữa, dù là khó khăn và hiểm nghèo, vì những tệ đoan trên chính là cái giá trong mắt; nó tiêu diệt tất cả những phấn khởi, những thiện ý muốn xây dựng của người dân ở thôn ấp. Nó là thủ phạm chính của sự bi quan, tiêu cực, chủ bại, mất tin tưởng ở chánh phủ và tương lai của đất nước. Nói tóm lại nạn tham nhũng bất công và cường quyền ác bá ở địa phương không những cản trở và làm tê liệt đường lối xây dựng nông thôn, quốc sách của chánh phủ mà nó còn phá hoại một cách nguy hiểm chương trình cao đẹp này nữa.

Cái gai trong mắt

Thông thường người dân quê ít để ý đến công việc hành chánh của xã thôn, quanh năm chỉ cặm cụi làm ăn. Khi cần ký giấy tờ hay có việc tác tụng mới đến xã ấp. Vì vậy, một nền hành chánh không cần phải chu đáo lắm cũng có thể

làm cho người dân thỏa mãn và sung sướng được, miễn là họ không bị chèn ép, dọa nạt và bóc lột trắng trợn. Cũng vì lý do chất phác và hơi lãnh đạm đó nên người dân quê ít phần nô hơn so với người thành thị mỗi khi nghe chính quyền địa phương của mình tham nhũng hay hối mại quyền thế, vì họ cho đó không có gì là quá đáng: đó cũng là tàn tích mặc cảm của người dân Việt từ nhiều trăm năm nay. Nhưng họ lấy làm uất ức và căm phẫn trước sự bất công và hà hiếp của chính quyền địa phương họ, nếu có, âu cũng là dễ hiểu: nếu chính quyền tham nhũng thì đâu có thiệt hại gì cho riêng họ mà họ phải la hét để “ách giữa đàng mang vào cổ”. Nếu chính quyền có ăn hối lộ thì dù sao họ cũng còn lời, vì viên chức xã ấp có những lạm công quỹ ăn hối lộ hay không đã gặp rất nhiều khó khăn; người dân không thấy lợi ích gì mỗi khi tố cáo, ngược lại chỉ chuốc lấy ngàn vạn tai họa vào thân. Họ không “dại” gì mà “tự nhiên” cưỡi lên lưng cọp.

Nhưng, nếu chính quyền địa phương bất công, bóc lột và hà hiếp họ, lúc đó họ mới hay rõ thiệt hại đến quyền lợi của họ và họ căm phẫn vì oan ức, vì bị miệt thị. Điển hình, một viên chức xã nọ hồ sơ như nhớp tư cách tồi tệ, nhưng người dân chẳng than van bao nhiêu; có chăng nữa cũng là nói “lén” để nghe với nhau trong lúc trà dư tửu hậu, rồi chẳng ai buồn nhắc đến lần thứ hai. Nhưng họ sôi sục căm hờn thù hận, khi viên chức xã ấy dở trò bất công và bóc lột trắng trợn, đặt quyền lợi riêng tư của mình trên luật pháp của nhà nước, công khai tác oai tác quái, xem trời không bằng cái vung. Động đến là phùng man trợn mắt, vung tay chửi bới, hăm dọa: nào là sẽ không ký giấy làm sổ Mỹ, nào là sẽ không cho giấy giới thiệu đi làm ăn xa. Khí giới bén nhọn nhứt của ông ta là dọa “báo cáo” chụp mũ, vì ông ta biết chính đó là nhược điểm của dân ngu khu đen, không bao giờ muốn “rắc rối” hay bị quấy rầy công việc làm ăn của mình. Thêm vào đó, họ lại mang nặng cái mặc cảm của hơn ngàn năm nô lệ và đô hộ ngoại bang: Sợ cơ quan an ninh điều tra. Một hôm kẻ viết bài này nghe lóm được những thân dân kể

lại với nhau bằng một giọng đầy oán hận rằng có một lần khi họ tát cá gần xong và “cá nhiều ới là nhiều” nguyên văn của họ thì bỗng nhiên, “ông tổ” xuất hiện; chẳng hỏi chẳng han chi cho phiên toái, ông ta liền đỡ hết bờ đập cho nước tràn vào và nói bồi thêm: “Chúng tát được cá to cá lớn mình cũng chẳng được ăn, phá cho huề cả đám”. Có lần ông xích mích với một vị tu sĩ, ông ta chẳng ngại cho loan báo công khai cấm vị tu sĩ ấy hành lễ trước sự kinh hoàn của các tín đồ trong ấp. Một lần khác, giữa phiên họp của Ban Hội đồng Xã ấp với dân chúng về vấn đề phân phối ruộng đất còn để bán cho dân chúng, trước những câu hỏi vô vọng của dân, ông ta oai nghiêm tuyên bố một câu: “Ruộng đất đâu có dễ, ví như một hàng cháo, không có tiền bà cháo đâu có múc, tiền trao cháo múc”...

Đấy, mới kể sơ qua bao nhiêu chuyện, cũng đủ thấy người dân ngậm đắng nuốt cay, căm hờn tức tưởi như thế nào! Uất ức thật, oán hờn thật, nhưng người dân cũng chẳng biết làm sao; người nào gan lì lắm mới dám làm đơn lên chính quyền quận hay tỉnh, rồi chỉ biết ngơ ngác chờ đợi trong sự lo âu sợ “ông tổ” trả thù. Tâm trạng của người dân quê mùa chất phác là như thế đó; ắt cũng có một lý do để cho họ phải khiếp đảm. Ngoài lý do chèn ép về giấy tờ làm ăn hay báo cáo chụp mũ, họ lại sợ bị cô lập, phản công một cách nguy kịch bởi những bè cánh xã ấp với nhau...

Vì vậy mà người dân đen dù có bất mãn đến đâu đi nữa, họ cũng thấy an lành hơn nếu họ “ngồi yên”, bằng không thì họ “tự nhiên lại ngu ngốc” đi ghẹo hùm.

Đàng nào các bạn cũng là “anh hùng”

Vấn đề đã đặt ra và đã mổ xẻ như trên. Vậy thái độ của học sinh, thanh niên chúng ta phải như thế nào? Lẽ dĩ nhiên chỉ có hai thái độ: chống hoặc không chống.

Nếu các bạn không chống, nghĩa là khoanh tay cúi đầu ngồi yên, các bạn sẽ được gì? Các bạn sẽ bị bao nhiêu người dân trách móc là phường “giá áo túi cơm”, chỉ sống bo bo

Nghiên cứu

với chủ nghĩa cá nhân hèn đốn, không biết đến quyền lợi chung của xã hội. Sự trách móc đó sẽ dẫn đến sự mất tin tưởng hoàn toàn ở các bạn; Họ sẽ thắc mắc tại sao các bạn đi học và tại sao họ còn cho con cái họ đi học để làm gì nữa?...Rồi, dù các bạn có cố gắng “ngồi yên” đi nữa, cái gai vẫn cứ đâm vào con mắt các bạn, các bạn sẽ thấy muôn phần bức bối, lương tâm cắn rứt, do đó các bạn sẽ chết dần chết mòn về tinh thần, chết một cách nhục nhã, một cách thấp hèn...

Nếu các bạn “chống”, các bạn sẽ được gì? các bạn thắng hoặc bại. Theo tôi thì đảng nào các bạn cũng trở thành “Anh hùng diệt trừ tệ đoan bất công xã hội”.

“Thắng”, các bạn sẽ cảm thấy phấn khởi vô cùng, các bạn sẽ vững tin ở tương lai xã hội và tiền đồ dân tộc hơn. Dù cá nhân các bạn bị thiệt thòi đi nữa, nhưng chẳng nghĩa lý gì đối với phần đóng góp to lớn xây dựng cho quê hương đất nước các bạn. Các bạn chính là “Anh hùng của nông thôn vùng dậy” vậy.

“Bại”, các bạn cũng gây được một tiếng vang, các bạn là chướng ngại vật ngăn trở sự tung hoành của cường quyền ác bá. Các bạn đã cảnh cáo cho chúng biết là: “có chúng tôi đây”. Các bạn đã mở đường giải thoát cho nông thôn bấy lâu nay bị áp bức bởi nạn bất công và tệ đoan xã hội. Các bạn đã giúp đỡ chánh phủ rất nhiều. Công việc càng khó khăn bao nhiêu, thì người học sinh, thanh niên càng thích thú bấy nhiêu. Có nguy hiểm mới có sự thử thách, mới có phần phấn khởi. Một đại văn hào Pháp đã nói: *“Thắng không khó thắng không vinh”*. Việc quan trọng là các bạn phải có lập trường, tột tể nhất những kẻ xu nịnh, chạy theo bã danh vọng, hay quyền lợi cá nhân nhỏ nhen mà chà đạp lên *công bằng và lẽ phải*. Vậy dù là thất bại công việc làm của các bạn vẫn mang trọn vẹn ý nghĩa cao đẹp của nó: Các bạn chính là những “anh hùng tiền phong giải thoát cho nông thôn của các bạn”.

Các bạn phải ý thức rằng, nếu các bạn những người học thức trẻ trung, tinh thần của thôn ấp mà sồn lòng e ngại, thì

Nghiên cứu

các bạn không thể chờ đợi ở một ai khác làm một công việc đó. Nếu phải chết, các bạn hãy chết với danh nghĩa là chiến sĩ diệt trừ bất công, cường quyền ác bá địa phương. Các bạn hãy tìm cái chết đó đi! Đẹp lắm các bạn ơi! Cao thượng lắm các bạn ơi! Các bạn hãy noi gương cụ thủ tướng Trần Văn Hương, trên 60 tuổi, mà vẫn được báo chí quốc nội lẫn quốc tế ca tụng và phong tặng là “ông già gân”. Các bạn là thanh niên, là rường cột của nước và của nhà, các bạn chính là niềm hy vọng tương lai của xã hội, các bạn hãy tỏ là “Anh hùng bài trừ tham nhũng bất công, cường quyền ác bá ở nông thôn” để tiếp tay giúp chánh phủ sớm tận diệt nạn tệ đoan bất công của xã hội.

Các bạn hãy vững tin ở *chính thể dân chủ pháp trị* và nhất là ở thủ tướng liêm khiết, can trường. Các bạn hãy tích cực ủng hộ các vị lãnh đạo của chúng ta, để cảnh thanh bình thịnh vượng sớm trở lại trên quê hương đau khổ này./-

Phan Rang 25/8/ 68

Chăn nuôi trâu bò

ƯỚC VỌNG, số 1, Năm 1968, trang 55 - 57

Mã Thanh Lâm
(Huấn sự Thú y)

Đồng bào tỉnh Ninh Thuận nói chung, và đồng bào Chăm nói riêng, hầu hết chuyên sống về nông nghiệp, và trâu bò vẫn chiếm một địa vị quan trọng vào bậc nhất trong công việc đồng áng.

Trong bài báo này, tôi chỉ mong giúp các bạn nông gia có một khái niệm sơ lược về cách tuyển lựa và chăm sóc trâu bò.

A. Chọn trâu bò:

Muốn có đàn trâu bò tốt theo ý muốn, người ta phải chọn trâu bò các tiêu chuẩn sau đây: con tốt khỏe mạnh thân hình cân đối.

Xem toàn diện từ đầu đến đuôi:

- Đầu: to vừa phải, trán cao và rộng chứng tỏ con vật ngoan ngoãn và dễ sai khiến, cặp mắt lanh, mũi lảng ươn “thú mạnh mũi luôn luôn ươn”, môn rộng chứng tỏ con vật ăn nhiều dễ mạnh.

- Cổ: ngắn to, ngực nở nang, vai rộng, mặt lưng thẳng và rộng, bụng thon, chân to chắc chắn và cân xứng với thân hình.

- Chọn đực giống: ngoài các tiêu chuẩn trên, con vật phải có bộ phận sinh dục to và đều. Về tuổi phải có từ 2 đến 7 tuổi. Trung bình 1 con đực cho 50 con cái.

- Chọn cái giống: cũng như con đực, nhưng bộ phận sinh dục phải rộng để sinh đẻ dễ dàng, vú phải lớn để cung cấp sữa đủ nuôi con.

B. Chuồng trại:

Tối thiểu phải cao ráo sạch sẽ, trên phải có mái lợp tranh lá, nếu có tol càng tốt. Nếu chuồng làm bằng đất nên hơi nghiêng hơi về phía sau để nước tiểu dễ thoát vào hầm phân, nếu có phương tiện làm bằng ximent càng tốt, nhưng tránh đừng làm láng trâu bò nhất là bê (bò con) dễ bị trượt té dọp miệng, tốt hơn nền ximent nên lót rơm, cỏ khô cho trâu bò bê nằm lên và khỏi bị trượt té và có thể cạo phân vào hầm dễ dàng.

C. Bệnh dịch tả trâu bò:

1.- Nguyên nhân: Bệnh dịch tả đã có từ đời thượng cổ, làm chết rất nhiều trâu bò, nhưng hiện nay đã có thuốc để tiêm ngừa “Vaccin Lapinisé” do ông bác sĩ Nacogarat người

Nghiên cứu

Nhật tìm ra.

2.- *Triệu chứng*: bệnh dịch tả có ba thời kỳ:

a). Khi vi trùng đã nhập vào thân thể trâu bò thì bệnh còn âm ỉ trong cơ thể; con vật ăn ít trong thời gian độ 2, 3 ngày, thời kỳ này bệnh chưa phát hiện, nhưng đôi khi bệnh hay làm con vật ngứa ngáy ngoài da nên gãi luôn. Nó vẫn ăn uống “nhưng ăn ít hơn ngày thường”.

b). Khi nó bỏ ăn uống nó yếu hẳn đi, mắt đỏ lơ lơ và chảy ghèn, nước mắt làm lở loét cả da dưới mắt, lở nướu răng, lở mép và dưới lưỡi lở theo màng mỏng, hôi thối, mũi khô, nước mũi đặc lẫn máu mủ, phân lúc đầu còn hơi rắn và 2, 3 ngày sau tiêu lỏng, và từ đó nó đi như tháo cống nhiệt độ từ 40 - 41 độ và khi chết nhiệt độ hạ xuống ở 36 độ.

c). Trong thời kỳ này nó ỉa chảy kịch liệt lẫn lầy nhày máu đàm hôi tanh khó chịu, lúc bấy giờ nó kiệt lực có thể chết một vài ngày sau. Trâu bò phát bệnh đôi khi nó còn đái ra máu hoặc mọc mụn đầy mình, trâu bò có chữa thường bị nhiều.

Từ lúc phát bệnh đến chết thường mất từ 5 - 10 ngày sau. Trâu chết từ 85% đến 90%, bò 50% đến 60%.

Nó bệnh kinh niên thì nó làm cho da thú nứt nẻ gây yếu, suy nhược đi đứng không vững đến chết luôn.

3.- *Chữa bệnh*: tiêm huyết thanh miễn dịch tả mỗi lần 50cc, tiêm độ 5, 6 lần và có thể tiêm Penicilline 1gr đối với con vật nặng 100 ký để diệt vi trùng phụ. Thấy con vật quá yếu tiêm thêm Sérrum Glueosé 250cc mỗi ngày. Cho cháu ăn, cám lỏng, chuồng trại phải cao ráo, sạch sẽ.

4.- *Dùng thuốc ngừa dịch-tả* “Vaccin L” tiêm độ 2cc. Trâu bò đã tiêm ngừa rồi không mắc bệnh dịch tả trong vòng 4 năm. Qua 4 năm sau mới tiêm ngừa lần thứ 2.

Nghiên cứu

Khi trâu bò mắc bệnh dịch tả hoặc chết, lập tức phải nhốt riêng xa chuồng thú mạnh để tránh sự lây truyền. Xác chết phải chôn hoặc đốt. Đồng thời cấp báo cho Ty Mục Súc biết để lập hàng rào thú y hầu ngăn chặn sự lan tràn của mầm bệnh truyền nhiễm gây thiệt hại tài sản của đồng bào.

Điều quan trọng là khi trâu bò bị nghi là mắc bệnh, quý vị nên liên lạc ngay với Ty Thú Y để được chỉ dẫn cách chữa bệnh chi kịp thời và đúng mức./-

ស៊ីណេមា ភាព “**Ấn định giờ**”

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 63

Ja Mata Harei

ភាព	កំ រំ កុំ	ស្រ ធំ ក្រ	ធ្លុំ ធ្លុំ ក្រ	ក្រ ធ្លុំ ក្រ	ក្រ ក្រ ក្រ
ក	ក	ក	ក្រ	ក្រ	ក
ស្រ, ធំ	ក	ក	ក	ក្រ	ក្រ
ក្រ	ក្រ	ក	ក	ក	ក្រ
ក្រ, ក	ក្រ	ក្រ	ក	ក	ក
ក	ក	ក្រ	ក្រ	ក	ក

ស៊ីណេមា: ក = កាត់ កាត់,, ក = កាត់ កាត់,, ក្រ = កាត់ កាត់,, ក្រ = កាត់ កាត់,, ក = កាត់ កាត់,,

Làm thế nào cho gà khỏi mắc bệnh?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 64-65

V.T.C (sưu tầm)

Hãy làm theo 7 điều căn-bản dưới đây:

1.- Chủng bằng thuốc chủng sống chế tại nước ta, bằng cách nhỏ thuốc nước vào lỗ mũi gà 1,2 giọt tùy gà con hay gà lớn, gà con sau khi nở một tuần lễ nên chủng thuốc để phòng bệnh, và 5, 6 tháng sau chủng lại một lần. (thuốc

Nghiên cứu

chúng gà hỏi mua ở tiệm thuốc Tây)

2.- Chuồng trại phải khô ráo, sạch sẽ, thoáng khí và nhiều ánh sáng. Thỉnh thoảng phải tẩy uế chuồng gà bằng cách quét vôi hay rải vôi bột lên nền, tường, phen của chuồng và sân thả gà.

3.- Cho gà ăn đầy đủ chất bổ và hấp vệ sinh. (có thể dùng vỏ trứng vò nát cho gà ăn để có chất vôi).

4.- Không bao giờ nhốt đàn gà cùng chuồng với gà mắc bệnh hay nghi có bệnh. Gà có triệu chứng bệnh phải nuôi riêng.

5.- Phải giết ngay những gà có triệu chứng mắc bệnh dịch tả. Gà bệnh chết phải chôn ngay, đổ vôi và dầu hỏa lên trên khi lấp đất lại.

6.- Chuồng và dụng cụ trong chuồng, sân gà mắc bệnh phải tẩy uế bằng nước vôi 10% hay nước Crésyl 5%, không chừa 1 kẻ hở nào.

7.- Cứ 15 ngày thì cho gà uống 1/4 viên Sulfaguanidina (có bán ở tiệm thuốc Tây) để ngừa và trị tất cả về ruột.

Nếu các bạn làm đúng 7 điều khuyên trên thì đàn gà của các bạn sẽ không bao giờ mắc bệnh, và chỉ trong vòng hai năm các bạn sẽ trở thành “đại phú gia”. Vậy chúng tôi xin kính chào ông “đại phú gia” tương lai của chúng tôi.

၇၀၆၆ ဣၤတီၤ ဣၤတီၤ ဣၤတီၤ

“Ngày dùng và tuổi tốt”

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 68-70

Ja Mata Harei

Quan niệm của đồng bào Chàm về việc chọn ngày lành tháng tốt là một vấn đề cần thiết và tối quan trọng.

Mọi vấn đề như: dựng nhà, cưới hỏi, tang tế, khai khẩn, tạo mãi v.v... Đều phải lựa ngày giờ tốt (*tanyruah*).

Tối kỵ những *harei dadin* (ngày hỏa), *harei juak nathak*

Nghiên cứu

(ngày ky) hoặc *tuk takalit* (giờ phạm).

Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ trình bày sơ lược những ngày giờ tốt, xấu để quý độc giả có một khái niệm tổng quát của vấn đề mà thôi.

Bảng kê ngày tốt (Harei siam)

Thứ	ngày về “bingun” từ mông 1 đến rằm	ngày về “kanem” từ 16 đến 30
Thứ Hai	3, 5, 7, 9, 10, 13	2, 8, 12
Thứ Ba	5, 9, 15	2, 11, 12
Thứ Tư	5, 10	4, 6, 8, 11
Thứ Năm	3, 9, 10, 13	2, 4, 12
Thứ Sáu	3, 5, 7, 13	8, 10, 11
Thứ Bảy	3, 5, 11	2, 6, 11, 12
Chúa Nhật	Không dùng	Không dùng

Bảng kê ngày hỏa (Harei dadin)

Tháng	ngày về “bingun” từ 1 đến rằm	ngày về “kanem” từ 16 đến 30
1 và 10	2	2
2 và 3	4	4
4 và 5	6,7	6,7
6 và 7	10	10
8 và 9	2	2

Bị chú: riêng tháng 11 và 12 không có ngày hỏa.

Bảng kê hướng xuất hành trong ngày lễ

Thứ	Đông	Tây	Nam	Bắc
Thứ Hai	xấu	vừa	vừa	tốt, có tài, lợi
Thứ Ba	tốt	xấu	xấu	xấu

Nghiên cứu

Thứ Tư	tốt	tốt	xấu	xấu
Thứ Năm	tốt	xấu	xấu	tốt
Thứ Sáu	tốt	tốt	rất tốt	xấu
Thứ Bảy	xấu	tốt	tốt	xấu

Bị chú: ngày Chúa Nhật không dùng.

Bảng kê giờ “Hên, Xui”

Thứ	Giờ (tuk) hên	Giờ xui (phạm)
Thứ Hai	5 tuk	3,6 tuk
Thứ Ba	4 -	3,5 -
Thứ Tư	3,6 -	1,4 -
Thứ Năm	4,8 -	2,3 -
Thứ Sáu	2,6 -	2,7 -
Thứ Bảy	2,8 -	1,2 -
Chủ Nhật	0	7,8 -

Bảng kê ngày ky (Juak nathak)

Tuổi	Thứ	Bị chú
Tý	Ky ngày Chúa Nhật	Đi trúng ngày ky bị tai nạn hoặc mang tai tiếng.
Sửu	Ky ngày Thứ Bảy	
Dần	Ky ngày Thứ Bảy	
Mẹo	Ky ngày Chúa Nhật	
Thìn	Ky ngày Thứ Tư	
Tỵ	Ky ngày Thứ Năm	
Ngọ	Ky ngày Thứ Sáu	
Mùi	Ky ngày Thứ Hai	
Thân	Ky ngày Thứ Năm	
Dậu	Ky ngày Thứ Hai	
Tuất	Ky ngày Thứ Ba	
Hợi	Ky ngày Thứ Tư	

Nghiên cứu

Bảng kê ngày hỏa táng và chôn (An táng)

	Thứ	Ngày về Dương từ 1 đến rằm	Ngày về Âm từ 16 đến 30
Hỏa táng	Thứ Tư	2, 6, 10, 12	2, 6, 10, 12
	Thứ Bảy	2, 6, 10, 12	2, 6, 10, 12
An táng	Thứ Ba	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14
	Thứ Tư	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14
	Thứ Bảy	4, 5, 8, 9, 14	4, 5, 8, 9, 14

Đặc biệt ngày hôn lễ:

Thứ Tư: 2 klem, 4kl, 8kl, 10 và 12kl.

Tuổi kết hôn :

Nam tuổi	Nữ tuổi	Bị chú
Tý	Sửu	Những tuổi trên đây nếu kết hôn với nhau rất tốt. Gia đình hạnh phúc đến già.
Dần	Hợi	
Mẹo	Tuất	
Thìn	Dậu	
Tỵ	Thân	
Ngọ	Mùi	
Hoặc ngược lại		

Những nguồn mỹ cảm của dân tộc

Việt Nam gặp gỡ Chiêm Thành

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 72 - 75

Tác-giả: Ứng Quả

Sưu-tầm: Ja Bah

Trong cuộc sinh hoạt của dân tộc Việt Nam, trải qua mấy mươi thế kỷ, chúng ta có thể nhận ra những nguồn mỹ cảm chẳng khác gì những mỹ cảm tiềm tàng trong tiểu sử

Nghiên cứu

của từng người. Những nguồn mỹ cảm ấy là những hứng thú, những phúc say sưa, những cơ tao ngộ, những lúc băn khoăn cảm động của dân tộc mình trước cảnh vật thiên nhiên hoặc trước công trình mỹ lệ của dân tộc khác. Những lúc đó rất nào nùng nó kích thích đến tâm hồn, biến đổi đến nghệ thuật của người mình, và có khi giúp thêm tài năng cho dân chúng để tác thành những công trình mới lạ, nổi hẳn lên trên loch sử mỹ thuật của nước nhà.

Ta chỉ xem vài tỷ dụ thì rõ.

Nhà Lý xây văn miếu ở Thăng Long, một công trình về vang về kiến trúc, mục đích công nhiên là để thờ đức Khổng Tử trong lúc nho giáo thịnh hành, mà về mặt mỹ thuật, là để thỏa lòng khao khát bấy lâu về kiến trúc sau khi đã cảm mến nghề kiến trúc của người Tàu.

Nhà Trần rất hăng hái về nghệ kịch, sau khi được thưởng thức tài năng của người Lý Nguyên Cát, một tay kép giỏi trong đạo quân Mông Cổ, lạc loài sau trận Tây kết, mà Trần Quốc Tuấn đem về và cấp dưỡng ở Thăng Long.

Nhà Nguyễn xây cung điện lăng tẩm ở Phú Xuân đại khái theo lối kiến trúc mấy đời trước, nhưng lại cho nó một vẻ mỹ miều phong nhã, là vì đã cảm cái khí vị đậm đà tán mạn trên non sông của Thuận Hóa.

Nhưng tỷ dụ như thế thì nhiều lắm. Nhưng chủ ý tôi bây giờ không phải là để thống kê tất cả những nguồn mỹ cảm từ trước đến sau đã làm rung động tâm hồn của tổ quốc. Trong vài trang sau đây, tôi chỉ xin nói về âm nhạc, và trong âm nhạc tôi chỉ lựa một thời kỳ. Thời kỳ ấy là sự gặp gỡ người Chiêm Thành, trong cuộc “Nam tiến” của dân tộc ta. Từ bài “*Tây thiên*” của nhà Lý, là lúc đôi bên mới gặp gỡ ở cầm đàn, cho bài “*Vọng giang nam*” của Nguyễn Triều là lúc đôi bên vĩnh quyết, ta đã cảm nhiễm sâu xa đến âm nhạc của người Chiêm.

Nước Chiêm Thành hay Chiêm-Ba, có cái tên khả ái, chữ Chiêm-Ba trong tiếng phạn là tên cây ngọc lan. Cây

Nghiên cứu

này có hoa thơm, mỗi hoa có mười cánh trắng và nở về mùa hè. Nếu ta quên những nỗi vất vả của loài người trong lịch sử, Chiêm Thành sẽ là xứ cây ngọc lan, Chiêm Thành sẽ là Ngọc Lan Quốc.

Nước Chiêm Thành không ở đâu xa lạ, chính ở nơi giải đất Trung Kỳ này, từ núi Hoàng Sơn ở miền bắc tỉnh Quảng Bình cho đến vùng Gia Định trong Lục Tỉnh, trong khi dân tộc ta là dòng dõi Giao Chỉ đang còn ở miền Trung Châu xứ Bắc Kỳ.

Lịch sử vẻ vang của Chiêm Thành, những thời chiến thắng, những tôn giáo tôn nghiêm, những lễ nghi rục rờ của họ nhất là những công trình tráng lệ về kiến trúc mà tàn tích còn đầy dẫy ở Quảng Nam, ở Bình Định, ở Khánh Hòa, thời cũng có nghe đến, tôi không nhắc lại làm gì. Tôi chỉ để ý đến một điều, là dân tộc tài hoa thế kia mà phải mang mệnh bạc. Cuộc “Nam tiến” của ta trên giải đất Trung Kỳ là diệt vong khốc liệt của người Chiêm, nó dồn dập trong khoảng mấy trăm năm, từ thế kỷ thứ XI đến thế kỷ thứ XVII là kết liễu.

Vua Lý Thái Tôn, năm 1044, thân chinh đi đánh Chiêm, hạ thành Phật Thệ, ở vào hạt Thừa Thiên bây giờ. Tuy Ngài không chiếm giữ đất Chiêm, nhưng bỗng nhiên Ngài đã làm cho quân sĩ tin ở sức tiến thủ của chúng. Sau đó, vua Lý Thánh Tôn, năm 1069, lấy được ba Châu của Chiêm là tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị bây giờ.

Vua Trần Anh Tôn, năm 1306, gả bà Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm là Chế Mân; vua Chiêm dâng cho Ngài Châu Ô và Châu Lý, tức là Thừa Thiên và một phần Quảng Nam.

Vua Hồ Hán Thương, năm 1402, lấy hết vùng Quảng Nam và lấy thêm vùng Quảng Nghĩa.

Vua Lê Thánh Tôn, năm 1470, thân chinh đánh Chiêm hạ được thành Đồ Bàn và lấy vùng Bình Định.

Sau cùng chúa Nguyễn lấy Phú Yên, năm 1611, Khánh Hòa năm 1656 và tỉnh Bình Thuận năm 1697. Từ đó người Chiêm mất nước, họ tìm những nơi rừng rậm núi hoang ở

miền Phan Rang và Phan Rí mà nướng thân, và không có tên tuổi gì trong lịch sử nữa.

Nhưng đồng thời ta chinh phục đất Chiêm, thì ta lại cảm cái văn hóa của người, và ta càng đi xa vào trong đất nước người, tâm hồn ta lại càng thâm nhiễm cái văn hóa đó. Về âm nhạc, ta thấy rằng từ nhà Lý đến nhà Nguyễn, âm nhạc Chiêm Thành cứ ngấm ngấm tiêm nhiễm vào âm nhạc ta, tiếng vọng của nó một ngày một thêm vang động, ban đầu vui vẻ và trang nghiêm như điệu nghệ thường trong ngọc khuyết, sau trở nên thanh oán bi ai như bài ca trường hận của một nước điêu tàn.

Trước hết ta mượn vũ nhạc của Chiêm. Vũ nhạc là thứ nhạc vừa diễn vừa múa. Trong thời thịnh trị, Chiêm sở trường về môn này.

Năm 1044, khi quân ta đã hạ quốc đô Chiêm Thành là Phật Thệ, vua Lý Thái Tôn bắt thần thiếp của vua Chiêm là Sạ Đẩu mà đem về Thăng Long. Ngoài nàng Mị Ê mà nổi tiếng ở sông Hoàng Giang đã để lại một mối thương tâm cho đời sau, vua đem về một bọn cung phi thành thạo về ca vũ. Về đến Thăng Long vua truyền bọn cung nữ ấy diễn khúc nhạc Chiêm là khúc Tây Thiên. Vua say mê điệu đó, và xây cung điện cho các nàng ở để dạy vẽ cho cung nữ của Ngài. Mười lăm năm về sau, vua Lý Thánh Tôn bắt đầu đem những khúc nhạc Chiêm phủ vào âm nhạc mình.

Chẳng những thế, đến đời Lý Cao Tôn có lệnh truyền nhạc công ta đặt thêm nhiều bài mới mà gọi là Chiêm Thành-âm. Kết quả là những điệu hát, điệu múa, nguyên lai ở vũ nhạc Chiêm Thành.

Những điệu ấy là điệu nào? Hiện giờ chúng ta chưa có thể phân tích điệu đó cho được chu đáo. Nếu nhạc “*Thieu*” trong lễ “*Nam giao*”, chẳng hạn ta biết chắc là nguyên lai ở âm nhạc Tàu, nếu bài hát đảo điên, ta biết chắc là nguyên thủy ở âm nhạc Chiêm, bao nhiêu điệu khác như “*Tấu Phụng, Phẩm Nghi, Bài Bông, Bát Tiên Quá Hải, Bát Dật, Trình Tường, Tứ Linh, Phúc Lộc Thọ*.” bao nhiêu điệu hát, điệu thán, điệu văn, trong ca vũ ta, thì lai lịch lại phiền phức

hơn nhiều; nhưng chắc rằng trong ấy Chiêm Thành-âm đã chiếm một phần lớn.

Trong thời kỳ sau ảnh hưởng của Chiêm Thành ra khỏi phạm vi vũ-nhạc, mà trở nên một thứ âm-nhạc lãng mạn và đạo tình.

Lúc bấy giờ, dân tộc ấy đã hầu tàn, trong lòng mang nặng những niềm luyến chúa, những nỗi tư hương. Chung quanh lâu đài đổ nát của nước Chiêm ngày trước, ta vẫn nghe, những điệu buồn rầu não nuột mà ta chưa từng nghe đến bao giờ. Đây là lời tự tình nỉ non của dân chúng, chớ không phải, là những bài vũ nhạc tương bưng nó nhịp nhàng cuộc đời rứt rứt của đế vương. Những điệu lý như “*Lý Vọng Phu*”, những bài quả phụ, “*Nam Tình, Nam Ai*” tức là “*Vọng Giang Nam*”, tất cả những điệu Nam trong, ca Huế sẽ phân biệt dễ dàng những điệu Nam tôi kể trên, với những điệu Khách, như “*Mười Bản Tàu, Lưu Thủy, Hành Vân, Cổ Ban, Phụ Lục*”. Điệu *Khách* thì vui tươi điệu *Nam* thì rẻo rắt. Ở Chiêm Thành sang ta trong những đêm đầm lệt, ca Nam có vẻ linh lạc và bi hoài, đậm đà và cảm khái.

Lúc đầu tiên mà tôi cảm thấy cái vẻ băng khuâng man mác của âm nhạc này, là một đêm hè ở Vĩ Dạ. Thuở ấy ở Vĩ Dạ có một tay thiện cầm, thành thuộc được nhiều cây đàn sau ba mươi năm thao luyện, lúc bấy giờ làm chức giáo tập dạy đàn trong phủ Hoàng Tương Công. Hôm ấy, lúc trăng khuya đã lên khỏi ngọn mấy cây xoan ở trước ngõ, và đã giải ánh sáng linh lung trong thửa vườn, nhạc sĩ ngồi dưới hiên mà gảy cây nguyệt cầm. Y gảy những điệu Nam, giọng đàn thanh tao mà gấn bó, thanh thoát mà não nùng, và hình như chỉ đàn cho mình nghe, không để ý đến chúng tôi, một nhóm trẻ con trong hàng thân thuộc của chủ nhân đang lặng lẽ lại gần để nghe nhạc.

Lệnh ái của Hoàng tương công, năm ấy lên mười sáu là người lớn nhất trong bọn chúng tôi; Hoàng tiểu thư đã học thành cây thập lục và lại biết ca. Khi đàn kia đã bật tiếng, chúng tôi sẽ van lơn, để tiểu thư ca cho một bài. Nể lòng của thân nhân, và tin ở cảnh vắng, tiểu thư liền nhận lời,

Nghiên cứu

nhưng xin lắng tiếng đàn để cho khỏi bận nhịp. Tiểu thư ca:

*Tiếng ve dặng dỏi... kêu sau.. bên lầu Hoàng Hạc... Xưa
thiếu phụ ngồi than...Chích bóng năm canh...*

Những câu bi hoài như thế có sức cảm xúc lạ thường, và xui ta nghĩ tới những nơi tịch mịch bên chân trời, những ngày xa xăm của dĩ vãng.

Trước đã cảm về đàn, bây giờ lại cảm về ca, nhưng từ lâu mà chúng tôi không để ý, chúng tôi lại còn say đắm về quang cảnh lúc ban đêm nó đang hòa hiệp với giọng hát của cung đàn. Từng cơn gió khuya đưa lại những mùi hương bát ngát của hoa ngọc lan và hoa lý. Khóm vườn ở đây thì cũng yên tĩnh, nhưng bên xa kia trong những lùm cây tối sẫm, đàn ve chốc chốc lại khua lên khúc nhạc rầu rĩ của mùa hè.

Từ đó tôi nhận chân giá trị của bài “*Vọng Giang Nam*”. Một lòng thủy chung tôi yêu điệu nhạc đó, vẫn biết rằng lòng người bạc bẽo sẽ một ngày một quên nó đi, như biết bao vật quý ở đời. Về sau dẫu tinh thần tôi có đổi thay, và quan niệm của tôi về âm nhạc có trở nên phiền phức theo cuộc tiến hóa của nước nhà, bao giờ trong ký ức của tôi những cảm giác thiếu thời nơi cảnh sắc cố hương cũng vẫn sâu xa tươi thắm. Tôi biết ơn dân tộc tài tình kia đã dành lại cho ta những cảm giác ấy, và bấy lâu tôi định ninh rằng dân tộc ấy là dân tộc Việt Nam. Đến nay, tôi được biết rằng âm nhạc đó là công trình kỳ thủy của Chiêm Thành, một dân tộc oanh liệt và tài hoa, đã từng sinh hoạt trên non sông này trải qua một nghìn năm lẻ.

Điều đó chẳng làm giảm bớt tấm lòng luyến quốc của ta, mà chỉ nhủ ta nên kỷ niệm đời đời cuộc tao phùng của nước Chiêm và nước Việt./-

Nghiên cứu

Các bạn phải là những anh hùng tiền phong của xã hội mới?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 81-85
(Viết cho các em học sinh và các bạn thanh niên cầu tiến)

Vĩ Tân Chế

Chắc các bạn đồng ý với tôi là chúng ta đang sống trong một xã hội quá chậm tiến, từ bấy lâu nay vẫn chìm đắm trong nạn mê tín dị đoan và không thoát khỏi vòng kiểm chế của những thói quen xấu cùng những tập tục lỗi thời, về sinh hoạt tinh thần, chúng ta cũng vẫn làm nô lệ cho định kiến, thành kiến cùng mặc cảm tự ti của muôn thuở...

Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi không phân tích để tìm căn nguyên của nạn mê tín dị đoan hay tệ đoan xã hội, chúng tôi chỉ dựa vào sự nhận định hiện tượng chậm tiến nói trên, cộng thêm sự phân hóa cực độ do thời thế tạo nên để thử bàn tìm một giải pháp khả dĩ thích ứng với xã hội của chúng ta hiện nay.

I. Một giải pháp đơn giản:

Không phê bình, chỉ trích, chỉ làm theo lẽ phải.

Đứng trên phương diện nhân sự, chúng tôi nhận thấy rằng có một vài phần tử muốn thoát khỏi vòng tối tăm của nạn mê tín dị đoan cùng những tệ đoan xã hội để tìm đến ánh sáng huyền diệu của khoa học. Những phần tử còn lại thì khư khư ôm lấy những hủ tục đó, xem như báu vật của tổ tiên để lại, sẵn sàng chống đối mọi sự canh tân cải tiến, và tạo một dư luận rập khuôn hết sức hùng mạnh để chỉ trích những ai muốn thoát khỏi... sự chậm tiến ngàn xưa. Những phần tử này chiếm đến 80%, lại là những phần tử thủ cựu không chấp nhận lý luận hay sự đổi mới nào. Họ có vẻ thuần nhất, đoàn kết và vững mạnh trong ý chí bảo thủ của họ. Còn những phần tử muốn cải tiến, muốn có cách mạng xã hội, đã thiếu số lại thiếu sự đồng nhất và chia rẽ nữa vì

Nghiên cứu

mỗi người có một sáng kiến riêng và mỗi người làm theo sáng kiến, bản ngã của mình, quyết liệt hay rụt rè, tùy theo sự can đảm của từng cá nhân.

Đối với phần tử quá mê tín, chúng tôi không thể nào bàn đến một giải pháp gì với họ được, vì rằng họ không bao giờ ngồi nghe. Nếu các bạn cứ lý luận để tìm lẽ phải thì các bạn sẽ bị chỉ trích kịch liệt, bị bôi nhọ một cách ghê tởm và bị liệt vào hạng người “vong ơn bội nghĩa” đối với “ông bà tổ tiên”. Các bạn sẽ bị họ khinh khi, miệt thị như một người đến phá hoại “cổ tục quý báu nhất của họ”. Chính vì vậy, các bạn chỉ trích không những là vô ích mà còn nguy hiểm nữa, vì lẽ vô tình thúc đẩy họ chống cự lại; Và như thế, họ sẽ xích lại gần nhau hơn nữa, trở nên đoàn kết chặt chẽ để bênh vực lẫn nhau.

Như đã nhận định ở trên, những phần tử này là phần tử thủ cựu cực đoan. Song chúng tôi không bi quan tí nào, vì những người bảo thủ này có một nhược điểm: *Biết bất chước cái lợi ích*. Khi các bạn làm một việc gì trái mắt họ, họ sẽ phẫn nộ và chỉ trích đủ điều... nhưng khi thấy bạn thành công họ sẽ ngạc nhiên và im lặng. Họ ngạc nhiên vì cho rằng bạn đã hành động ngược với cái mà họ gọi là “phong tục” thì bạn sẽ phải thất bại, phải bị “trời phạt”. Bấy giờ bạn thành công và trở nên giàu có, thì họ sẽ im lặng. Từ sự im lặng thái độ bình tĩnh để quan sát đến sự *chấp nhận* rồi *bất chước* chẳng bao xa.

Chúng tôi [không] phải chỉ “lý thuyết” suông mà chính đã dựa vào sự quan sát tỉ mỉ, lâu dài và những kinh nghiệm của những người chung quanh để đi đến kết luận trên. Chúng tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để lưu ý các bạn là nếu các bạn thất bại trong công cuộc “tiền phong” này, không những uy tín của các bạn bị suy giảm một cách thảm thương mà đường lối chủ trương của các bạn sẽ bị tê liệt và sẽ bị tẩy chay ngay. Chính vì những lẽ trên, chúng tôi xin đề nghị một giải pháp rất đơn giản và *không “lý thuyết”*, và *tuyệt đối không chỉ trích*. Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, chúng ta chỉ hành động đúng theo *lẽ phải và đà tiến bộ của nhân loại*.

II. Thế nào là lẽ phải?

Tôi còn nhớ má tôi đã kể lại với tôi rằng lúc bà còn là con gái, nghĩa là cách đây 45 năm, người Chàm rất kỵ chụp hình, vì sợ người ta thu hồn vào máy ảnh. Có lần má tôi cùng với cô gái Chàm khác khóc lóc, ôm mặt chạy về nhà vì... Có mấy ông Tây chặn lại chụp ảnh làm cho bà ngoại tôi phải cứng đờ gọi... “hồn khôn” trở về, cũng vào khoản thời gian đó, người Chàm rất kỵ nhà thương và nhà hộ sinh. Họ nhất định thà chịu chết ở nhà còn hơn đến “sống” ở nhà thương hay nhà hộ sinh. Quan niệm sai lầm này tới ngày nay cũng vẫn chưa gột rửa hết.

Lúc lớn lên, tôi là người duy nhất trong làng tôi từ trước tới nay theo học ở tỉnh xa. Lúc đó (vào khoảng 1948) đa số người Chàm còn xem sự học như một “xa xỉ phẩm” chỉ dành riêng cho những người dư tiền của dùng, y như loại dầu thơm tử lạnh theo quan niệm chúng ta bây giờ vậy. Những người nghèo hay chỉ đủ ăn như gia đình tôi mà cho con đi học, ắt phải bị dư luận chê cười không ít, vì đã “*làm phách lối*”, cơm không đủ ăn mà còn “*xài sang*” nữa ! Sự chỉ trích tuy ngấm ngầm nhưng không kém phần mãnh liệt, đến nỗi bà má tôi ít dám giao du với bạn bè, thân thuộc vì mang nặng một mặc cảm tự ti... Còn tôi lúc đó cũng ít tin tưởng ở tương lai sáng lạn mà sự học vẫn hứa hẹn đem đến cho mình, cũng chỉ vì mang mặc cảm là sẽ không một cô gái Chàm nào chịu lấy mình, vì mình đã “*đi học*”. Thật vậy, lúc đó những cô gái Chàm chỉ mơ mộng một anh chàng “nhà nông” thật giỏi, chứ không “đại” gì lấy một anh chàng trí thức “đài lưng tốn vải, ăn no... lại nằm”. Việc tìm kế sinh nhai bằng mấy cây viết đối với đại đa số người Chàm bấy giờ có vẻ ảo huyền và ...quái gở lắm!

Ngày nay, các bạn đã thấy, nhân sinh quan hoàn toàn đảo ngược, đảo ngược để theo đúng *lẽ phải và đã tiến bộ của nhân loại*. Thời đại bây giờ là thời đại khoa học, của máy móc. Người Chàm ngày nay không những không chỉ

Nghiên cứu

trích việc học hành nữa, mà lại sẵn sàng bán trâu bò ruộng nương và chịu cơ cực, hy sinh cho con cái đi học. Những ông già bà cả thường hay chỉ trích bà má tôi lúc trước, bây giờ vẫn còn sống; con cháu của họ có phần “văn minh” tiến bộ hơn tôi nữa. Như vậy, chúng ta có thể tạm kết luận rằng: khoa học đã thắng mê tín dị đoan, sự thành công về chức vị và vật chất của người đi tiên phong đã phá tan xiềng xích định kiến và thành kiến hủ lậu...

Nhưng ở đây, chúng tôi muốn nêu lên một thắc mắc: tại sao phải chờ đến 20 năm mới tìm ra *lẽ phải* hết sức đơn giản như vậy? Hỏi tức là đã trả lời. Chúng tôi chỉ muốn đề nghị với các bạn là phải đi “*đường tắt*”, phải thực hiện ngay bây giờ, chứ không chờ đến 20 năm sau, rồi lại 20 năm sau nữa mới chấp nhận *lẽ phải* quá hiển nhiên như: Bệnh thì phải đến bác sĩ, uống thuốc chứ không “lên đồng” cúng quải, tốn hao hàng chục ngàn để rồi “toi” mạng một cách oan uổng; Nhà thì phải trồng cây lấy bóng mát để làm dịu bớt ánh nắng thiêu đốt rồi mang bệnh suốt đời; Những cô gái lớn lên không phải chạy kiếm chồng như “rối cá” sợ cá ươn, rồi đến 17 tuổi chưa lấy chồng thì xem như đời đã bị “phế-thải”! Quan niệm sai lầm này rất nguy hiểm có thể đưa đến sự diệt chủng. Các bạn hãy suy nghĩ kỹ lại. Tôi có thể đề cử thêm hàng ngàn ví dụ bi đát tượng tự như trên.

Ngoài những ý kiến hủ lậu “mất nước” ấy ra chúng tôi muốn đề nghị với các bạn mạnh dạn đứng ra cổ võ duy trì thuần phong mỹ tục, và chỉ chấp nhận thuần phong mỹ tục mà thôi. Tôi xin đề cử một vài thí dụ điển hình như: Những đám lễ “cắt tóc”, hôn lễ hay tang lễ của đạo Chàm Bàni, có thể giản dị hóa đến mức tối đa để tránh sự phiền toái và tốn kém nhiều, mà *không đụng chạm đến phong tục cổ truyền bằng cách tổ chức tiệc tùng, ăn uống thu gọn trong một buổi chính*. Còn đám tang người Chàm Bà-La-Môn thường quá tốn kém, ăn uống kéo dài cả tuần, thì có thể thu gọn trong ba ngày lễ chính: Ngày “cho ăn”, ngày “đốn cây” và ngày “hỏa táng”. Ba ngày chính này là sẽ giản dị hóa đến mức tối đa miễn sao *tập tục và nghi lễ cổ truyền của đám tang*

vẫn được duy trì một cách tốt đẹp.

III. Muốn thành công phải có lập trường và thiện chí

Để thực hiện lời đề nghị trên cho có hiệu quả và thật thích nghi với xã hội Chăm, chúng ta không thể rơi vào hố thẳm của ý kiến cực đoan, thường muốn đập đổ tất cả để xây dựng lại tất cả: các bạn hãy nhớ rằng không có một cuộc cách mạng toàn diện nào thực hiện cùng một lúc mà thành công được. Làm như thế rất nguy hiểm và rất phiêu lưu, không đo lường được hậu quả tai hại...

Vì vậy, ít nhất trong giai đoạn hiện tại, chúng ta chỉ thực hiện đúng theo kim chỉ nam dưới đây:

1) Không phạm đến thuần phong mỹ tục vì đó là một “tín ngưỡng” chứ không phải mê tín dị đoan. Chúng ta phải xem những nghi lễ cổ tục Chăm như một vấn đề thiêng liêng, vượt khỏi tầm suy xét của chúng ta.

2) Sự cải tiến phải hợp với khoa học và không đi ngược lại với sự tiến bộ của nhân loại.

Có kim chỉ nam để khỏi thất lạc rồi chúng ta còn cần phải có thiện chí xây dựng xã hội để giúp ta có một sự tổ chức nữa; Chúng tôi xin đưa ý là chỉ *tổ chức* thu hẹp trong vòng bạn bè và một số người lớn có tinh thần cầu tiến mà thôi. Các bạn phải “học tập”, cố gắng, để chuẩn bị thực hành. Xong, các bạn hãy theo phương pháp đơn giản đã nói trên là không lý luận, chỉ làm theo *đường lối đúng đã vạch sẵn để làm gương*.

Có thiện chí cũng chưa đủ, cần phải có lập trường thật vững vàng mới có thể chịu đựng được: Mỗi khi muốn thoát khỏi sự kiểm chế của mê tín, cùng định kiến để tiến bước, dư luận sẽ bao vây, đá kích bôi nhọ các bạn, mong các bạn hãy bình tĩnh mà giữ vững lập trường của người thanh niên tiên phong sẵn sàng đứng mũi chịu sào. Các bạn hãy tỏ ra là

Nghiên cứu

người can đảm và hãy tin tưởng vào ngày mai xán lạn mà sống. Có thể ngày mai các bạn sẽ bị dư luận bôi nhọ, xuyên tạc, làm cho các bạn có cảm tưởng bị mất tất cả. Nhưng thưa các bạn, chính lúc các bạn có cảm tưởng bị mất tất cả là lúc các bạn được tất cả: Các bạn đã trở thành “anh hùng tiền phong xã hội”. Tôi tin các bạn sẽ thắng, vì các bạn đang đi trên trục tiến bộ của loài người và hậu thuẫn của các bạn là nền văn minh rực rỡ của nhân loại. Điểm quan trọng nhất, là các bạn đừng bán rẻ danh dự, tán tâu lương tâm để xu thời, nịnh bợ những tệ đoan cùng sâu mọt xã hội.

Một đại văn hào Tây Phương đã nói: “*Sống tức là tranh đấu*”. Chúng tôi muốn thêm: “*Sống tức là tranh đấu và chấp nhận*”. Chấp nhận tất cả, để rồi mạnh dạn đứng lên đập đổ những tệ đoan, những tàn tích thối nát hủ lậu, hầu xây dựng một xã hội lành mạnh và tiến bộ. Các bạn hãy xem đó như một lời nguyện.

Người Chàm tổ chức hôn lễ vào dịp nào? Và tại sao?

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 86-89

Jaya Panrang

Dân tộc Chàm, cũng như các dân tộc khác ở Phương Đông đều tính thời gian theo vòng quay của mặt trăng, tức là theo âm lịch.

Trong các vấn đề: quan, hôn, tang, tế. Người Chàm chọn lựa giờ khắc và ngày tháng rất chu đáo, gần như cố định, nhất là thời gian dành cho cuộc hôn lễ.

Người Chàm theo thuyết âm dương và tôn sùng Linga (Dương thần) và Yoni (Âm thần) một cách trung thành. Họ quan niệm hai biểu tượng này rất thiêng liêng. Trong sự tín ngưỡng của họ, họ gắn liền Dương thần và Âm thần với sự sáng tạo của muôn loài.

Đối với vấn đề tín ngưỡng này, họ đã đưa vào một số

Nghiên cứu

biểu tượng cho thuyết âm dương như sau:

Thuộc về Dương:

- *akal* [*< akan*]: trời, bầu trời.
- *aditiak*: mặt trời.
- *bangun*: từ ngày 1 trăng non cho đến ngày trăng rằm (tròn).
- *harei*: ban ngày.
- *pagé*: buổi sáng.
- *pur*: hướng đông.
- *hanuk*: bên hữu.
- *yau*: số chẵn; v..v...

Thuộc về Âm:

- *tanah riya*: đất, quả địa cầu.
- *channak*: mặt trăng.
- *kanam*: từ ngày 1 trăng khuyết sau rằm, cho đến ngày trăng hết.
- *malam*: ban đêm.
- *biér harei*: buổi chiều;
- *pai*: hướng tây.
- *iw*: bên tả.
- *chaoh*: số lẻ; v..v...

a) giờ khắc:

Một ngày, từ 6 giờ sáng, từ lúc mặt trời mới mọc cho đến khi mặt trời lặn, có 8 *tuk*, buổi sáng có 4 *tuk*, buổi chiều có 4 *tuk*. Mỗi *tuk* tính ra có một tiếng rưỡi đồng hồ (90 phút). Ban đêm đáng lẽ ra cũng có 8 *tuk*, nhưng chỉ được tính từ 6 giờ chiều cho đến 12 giờ khuya, gồm 4 *tuk* mà thôi, còn từ 0 giờ sáng thì không được tính, vì trong khoảng này người ta cho là thời gian âm dương phối hợp và tất cả sinh vật cây cỏ sinh nở.

b) ngày:

Một tuần lễ của người Chăm cũng có 7 ngày và mỗi

Nghiên cứu

ngày có một biểu tượng riêng:

- *Adit, tok mah*: Chủ Nhật, tiếp nhận vàng.
- *Som, tok pariak*: Thứ Hai, tiếp nhận bạc,
- *Angar, tok bathei*: Thứ Ba, tiếp nhận sắt.
- *But, tok tanah bacah*: Thứ Tư, tiếp nhận đất nẽ.
- *Jip, tok drap mang takai*: Thứ Năm, tiếp nhận súc vật.
- *Suk, tok paca*: Thứ Sáu: tiếp nhận y phục.
- *Sanacar, tok padai*: Thứ Bảy, tiếp nhận lúa thóc.

c) tháng:

Một năm có mười hai tháng. Những tháng lẻ: 1, 3, 5, 7, 9, và 11, đều có ba mươi ngày. Những tháng chẵn: 2, 4, 6, 8, 10, và 12 thì chỉ có 29 ngày.

Mỗi tháng của Chăm cũng có biểu tượng:

- *bilan sa, binyâk than auen*: tháng giêng, thuận về tương tư.
- *bilan dua, binyâk danuh khak*: tháng hai, thuận về tội lỗi.
- *bilan klau, binyâk padai*: tháng ba, thuận về lúa thóc.
- *bilan pak, binyâk matai*: tháng tư, thuận về chết chóc.
- *bilan lima, binyâk mathao*: tháng năm, thuận về gây hấn.
- *bilan nam, binyâk pagul drap*: tháng sáu, thuận về tài sản được tập trung.
- *bilan tajuh, binyâk than kik*: tháng bảy, thuận về đau ốm.
- *bilan dalipan, binyâk ganuh khak*: tháng tám, thuận về tội lỗi.
- *bilan salipan, binyâk mathao*: tháng chín, thuận về gây hấn.
- *bilan pluh, binyâk than drap biak*: tháng mười, thuận về phát tài to lớn.
- *bilan puis, binyâk rat dabrat dhik*: tháng mười một, thuận về hưng thịnh.
- *bilan mak, binyâk apuei mbeng*: tháng chạp, thuận về lửa phát cháy.

Nghiên cứu

Căn cứ vào các thời gian lập thành như đã trình bày trên, nên người Chàm tổ chức hôn lễ vào thời gian cố định như sau:

Lễ cưới phải được tổ chức vào buổi chiều, ngày Thứ Tư ngày chẵn của trăng khuyết, sau rằm: 2, 4, 6, 8, 10, 12 và 14 và phải chọn tháng Ba, 6, 10, và 11 của Chàm. Tuy nhiên người Chàm ta còn chọn thêm tháng thứ Tám nữa mặc dầu không phải là tháng tốt, để cho có rộng rãi công việc cưới hỏi.

Tại sao người Chàm lại phải chọn thời gian kể trên để tổ chức lễ cưới một cách cố định như vậy, vì theo bảng lập thành âm lịch Chàm đã quy định:

Buổi chiều thuộc về âm, tượng trưng cho tuổi về già, sống với nhau lâu dài.

Thứ Tư, thuận về đất nê, một thứ đất có nhiều màu mỡ, dùng để trồng lúa, hoa màu để phát sinh: mưu cầu chung cho hai người sống với nhau sinh con đẻ cháu đầy đàn. Thứ Tư là ngày âm-dương gặp nhau, vì người Chàm còn quan niệm rằng ngày Thứ Tư còn có thể ví như lỗ rốn của con người; từ đầu tới rốn có ba phần: đầu, cổ và ngực tượng trưng cho ngày Chủ Nhật, Thứ Hai và Thứ Ba; từ rốn tới bàn chân có: bụng, hán và bắp chân tượng trưng cho ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy. Người Chàm còn quan niệm thêm rằng: từ lỗ rốn trở lên đầu đối với người chồng có thiên chức như người cha, đối với người vợ có thiên chức người mẹ, còn từ rốn trở xuống đến bàn chân người đàn ông mới hẳn là người chồng và người đàn bà mới hẳn là người vợ. Ngoài ra, giữa hai vợ chồng thường thường xưng hô với nhau bằng “mày tao” mặc dầu chồng lớn hơn vợ nhiều tuổi, hoặc ngược lại cũng chỉ xưng hô với nhau như vậy. So sánh ngày Thứ Tư giữa tuần, cái rốn nằm ở trung tâm điểm của thân thể cùng lối xưng hô giữa hai vợ chồng, ta thấy người Chàm có bình đẳng một cách quá rõ rệt.

Còn việc chọn Tháng Ba, thuận về lúa tức tháng bắt đầu công việc cấy bừa, gieo cấy; Tháng Sáu, thuận về tài sản

Nghiên cứu

được tập trung, có nghĩa là mùa gặt lúa ba tháng và bắt đầu cày gieo mùa thứ hai trong năm; Tháng Mười, thuộc về phát tài to lớn, tức tháng mùa gặt hái mùa lúa chính; và Tháng Mười Một, thuận về hưng thịnh, mùa gặt hái hoàn toàn và mọi công tác khác đều đã thu hoạch xong xuôi.

Tóm lại, người Chăm chọn thời gian làm lễ cưới, một phần lệ thuộc vào kinh tế nông nghiệp, lấy mùa gieo hạt giống làm tiêu biểu cho sự kết hợp và lấy mùa gặt hái làm tiêu biểu cho sự thành tựu; một phần lệ thuộc vào các biểu tượng nhiên nhiên, theo thuyết Âm Dương./-

Lịch sử Trường Trung Học Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 5 - 7

Ước Vọng

Trường Trung Học Pô Klong thành lập vào năm 1965. Ngày khai giảng đầu tiên là 01. 10. 1965.

Lúc đầu trường mang tên Trung Học An Phước, chỉ có một lớp đệ thất (lớp bảy) được thiết lập tại ấp BẦU TRÚC (làng Vĩnh Thuận) thuộc quận An Phước, tỉnh Ninh Thuận. Lớp tân lập này học nhờ một phòng của Trường Tiểu Học BẦU TRÚC. Giáo sư lúc bấy giờ hoàn toàn thiếu thốn. Vị quản đốc phải bao thầu dạy đủ các môn.

Đến tháng 2 năm 1966, Trường được dời về đặt tại quận lỵ An Phước (gần cầu móng Tháp Chàm) cho thuận tiện sinh hoạt. Tại đây, năm đầu trường cũng chỉ mượn ngôi nhà “Thanh niên” quận thiết lập tạm phòng học. Qua năm sau, Trường Tiểu Học Phú Nhuận dời về trường mới ở ấp, nhường ngôi trường cũ lại cho Trường Trung Học An Phước. Từ đó, mới tạm phòng ốc để học.

Cũng trong thời gian này, nhờ sự giúp đỡ của chính quyền, quân lực đồng minh và đoàn Thanh Niên Thiện Chí Chàm, nhà trường thiết lập được một ký túc xá tự túc cho học sinh. Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã hợp thức hóa thành

Nghiên cứu

KTX công lập vào năm 1969, và đổi tên thành KTX Pô Klong theo danh xưng của trường.

Tiếp đến tháng 2 năm 1970, vì tình hình an ninh tại địa điểm cũ không được bảo đảm, một lần nữa, nhà trường lại được chính quyền Tỉnh cho phép dời về thị xã Phan Rang, đặt trong khuôn viên Khu Sắc Tộc Ninh Thuận. Sự việc này được Bộ Giáo Dục chấp nhận trên văn thư số 3497 GD/TGTT ngày 9. 5.1970.

Qua tháng 2 năm 1971, Bộ Giáo Dục chính thức cho đổi tên Trường Trung Học An Phước thành Trường Trung Học Pô Klong (NĐ Số 202/KH/PC/NĐ ngày 15. 2.1971) theo thỉnh cầu của đồng bào sắc tộc địa phương.

Tưởng cũng nên nhắc thêm: Trường Trung Học Pô Klong đã được hợp thức hóa thành trường trung học đệ nhất cấp kể từ năm 1969 tức là 5 năm sau ngày thành lập (NĐ số 545-GDTN/PC/NĐ ngày 31. 03. 69).

Khi mới dời về Phan Rang, trường chỉ dạy tạm tại các căn nhà Ty PTST, ký túc xá và những dãy nhà gỗ do chính học sinh tự xây cất lấy. Mãi đến đầu năm 71 với sự đóng góp của đồng bào sắc tộc cùng sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và trung ương, nhà trường xây được 5 phòng đúc. Cuối năm 72, hội phụ huynh học sinh xây thêm 3 phòng trệt, giúp giải quyết phần nào nạn khan thiếu phòng học của trường. Trong tài khóa 1973, nhà trường được Bộ Giáo Dục trợ cấp thêm 4 triệu rưỡi để xây nốt 5 phòng lầu. Công tác đã khởi tiền từ tháng 4 và sẽ hoàn tất vào cuối tháng 5/ 1973 này.

Như vậy, kể từ ngày ra đời đến nay, Trường Trung Học Pô Klong mới có cơ sở chính thức khang trang và vững chắc.

Nói về phát triển lớp, người ta phải công nhận rằng Trường Trung Học Pô Klong phát triển hơi chậm so với các trường bạn trong tỉnh. Sau 9 năm trường thành và 8 niên khóa hoạt động. Trường chỉ mới [có] 10 lớp đệ nhất cấp: 3 sáu, 3 bảy, 2 tám, 2 chín với tổng số học sinh khoảng 500 người. Tình trạng thay đổi địa điểm nhiều lần cùng sự thiếu thốn phòng ốc dai dẳng đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát

Nghiên cứu

triển chậm chạp của trường.

- Với một lịch sử ngắn ngủi, trường cũng đã thay đổi 3 vị cấp điều khiển:

*Ô. Thành Phú Bá, quản đốc từ 1965 đến 1970.

*Ô. Lưu Quang Sang, hiệu trưởng từ 1970-1971.

*Ô. Nguyễn Văn Tỷ, hiệu trưởng từ 1971, và đương nhiệm.

Nói tóm lại, Trường Trung Học Pô Klong ra đời không gặp “số hên” lắm. Nó trải qua nhiều giai đoạn gian nan. Hơn 3 lần dời địa điểm với cảnh sống nhờ sống kế: suốt 7 năm trường, thiếu thốn mọi phương diện. Tuy nó vẫn cố vươn lên, vươn lên bằng ý chí và nghị lực. Chặn đường nhọc nhằn, cơ cực như đã vượt qua. Với thân xác rã rỏi, khuôn mặt rạn rở đầy niềm tin hiện nay, người ta mong ước nó sẽ thuận buồm xuôi gió trên chặn đường tương lai.

Vài nét về dân tộc Chăm

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 43 - 45

Lưu Thị Ngon

Chàm ngày nay chỉ còn là hình bóng của một dân tộc xưa kia đã từng có một văn minh và đã từng chiếm lĩnh một khu vực khá rộng gần khắp miền Trung Việt và một vùng đất Nam Việt. Họ đã từng là một quốc gia oanh liệt Nước Chiêm Thành.

Ngày nay trong các vùng xưa kia, Chiêm Thành còn lại rất nhiều di tích chứng minh nền văn minh cổ của người Chàm, một nền văn minh chịu ảnh hưởng rất nhiều nền văn minh Ấn Độ, trong kiến trúc cũng như trong văn tự.

Những di tích Chàm còn nói lên sự phồn thịnh giàu mạnh của quốc gia Chiêm Thành, xưa kia là vua chúa thiết lập được những lâu đài cung điện nguy nga tráng lệ vào bậc

Nghiên cứu

nhất Á Đông, như thành Trà Kiệu, thành Mĩ Sơn, thành Chà Bàn ở tỉnh Quảng Nam, Tháp Pô Ina Nagar, và Tháp Pô Klông Girai tục gọi là Tháp Chàm mà ngày nay phần đông người Chàm sinh sống và lạc nghiệp tại đây. Cứ mỗi năm vào tháng chín (dương lịch) họ có một cái lễ gọi là Katê: Những thầy Cả, thầy Xế, bà Bống... đều có mặt ở đây. Các lâu đài cung điện cũ còn đó, dân tộc Chàm còn đây, tuy ngày nay bánh xe thời gian tàn phá nhưng những gì còn lại cũng đủ cho người ta nhìn thấy lịch sử vẻ vang của vương quốc Chiêm. Những di vật của vua chúa Chàm còn lại một vài chiếc mũ vàng, một vài món trang sức hay khí giới đều là những vật có mỹ thuật thời đại xưa. Những tháp Chàm chính là những lâu đài được xây riêng biệt, hẹp và cao, trên những núi đất nhỏ mà từ dưới đồng bằng nhìn lên như những cổ miếu Cao Miên, gạch xây đỏ chói và cứng rắn lại mang những nét chạm trổ công phu những đường thẳng, đường ngang trong và ngoài tháp đều cân đối.

Văn minh Chàm xưa kia như vậy, mà ngày nay người Chàm lại sống trong những thôn ấp lụp xụp, có ai nghĩ rằng những thôn ấp ấy lại chính là những di sản của một nền kiến trúc cao đẹp đã xây lên những lâu đài nguy nga tráng lệ của vương quốc Chiêm Thành không?

Tuy sống chung với người Việt Nam gần 3 thế kỷ, nhưng người Chàm vẫn giữ phong tục tập quán riêng biệt của họ. Về việc cưới gả họ theo chế độ mẫu hệ, con gái được đi cưới con trai, hôn lễ được cử hành bên vợ, chế độ này vẫn được duy trì đến ngày hôm nay. Tôn giáo chánh của họ là Bà-La-Môn tuy nhiên vẫn có một số ít người vẫn theo tôn giáo khác.

Về phương diện nhân loại cũng như văn hóa, người Chàm thuộc giống Indonesien có điểm thêm một vài sắc thái Tây Phương có lẽ do sự hòa hợp với giống người miền Nam Ấn Độ. Mặc dù văn hóa khác biệt người Việt Nam, người Chàm cũng có một phần pha giống người Mông Cổ, người ta nói đây là một dân tộc nằm theo ranh giới phân chia giống da ngăm ngăm và giống da vàng.

Nghiên cứu

Cách ăn mặc của họ: những cô Chiêm nữ mặc xà rong, con trai mặc âu phục như người Kinh, tuy nhiên về những ngày lễ tất cả đều mặc y phục dân tộc.

Họ cũng khai thác những đám rừng bao la của họ, những hương trầm của họ được ưa thích trên thị trường. Người Chăm sống đa số về nghề nông, vì thế quanh thôn ấp của họ đầy những cánh đồng bao la bát ngát. Người Chăm cũng rất tinh xảo về thủ công nghệ họ dệt chiếu bằng lá dừa, và vấn dây thừng dây luộc rất khéo, nhất là nghề đồ gốm và dệt vải lụa (ở Ninh Thuận, Mĩ Nghiệp) đang lưu truyền đến ngày nay.

Một số kho tàng còn lưu lại của nhiều vị vua, những kỹ vật bằng vải, bông hoa rất đặc sắc, những đường chỉ vàng tạo thành những hình vẽ phức tạp chứng tỏ một lối kỹ thuật tinh vi của dân tộc Chăm.

Lịch sử Chăm không được nhiều người biết cận kẽ vì trong sách cũng như trong văn học sử không được ghi chép rõ ràng lắm, qua mười mấy thế kỷ lập quốc, rồi lớn mạnh, rồi suy vong. Họ chẳng người ta còn nhớ đến hình ảnh mù mờ của một Chế Bồng Nga vũ dũng, hoặc câu chuyện tình của một Huyền Trân công chúa từ Đại Việt được đem sang đất Chiêm Thành.

Người ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên khi ngay cả thế hệ thanh niên Chăm mới trưởng thành sau này mang tiếng là gốc Chăm, vẫn còn nói tiếng Chăm, sống trên quê hương với cha mẹ từ thuở bé, nhưng có ai hỏi về lịch sử Chăm thì cũng chẳng biết đưa ra một vấn đề gì đáng kể về lịch sử dân tộc mình cả, ngoài những câu chuyện cổ ngày càng mang nặng chi tiết hoang đường do các bô lão kể lại. Trong lúc mọi sự ghi chép, hay lưu truyền, chỉ có giá trị khách quan mới vĩnh cửu...

(viết theo tài liệu Dorohiem và Cửu Long Giang...)

Nghiên cứu

Trang màu trắng
(white page)

3. Giáo dục gia đình

Tôi đã giáo dục con tôi như thế nào ?

Sự giáo dục bắt đầu ở gia đình
ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 40-44

Vĩ Tân Chế

(viết theo tài liệu báo Sélection du Rider's digest)

Tôi đã bắt đầu giáo huấn con tôi cách đây hai mươi năm, nhất quyết đào tạo nó thành một người tự tin ở chính mình, và hữu ích cho xã hội. Tôi không bao giờ đồng ý với những phụ huynh trao trọn trách nhiệm dạy dỗ con em cho học đường; tôi cho rằng giáo dục phải bắt đầu tại gia, trước tuổi cấp sách đến trường và phải được theo đuổi suốt thời gian học tập ở trường.

Năm nay, Thông được hai mươi ba tuổi, cao 1m70, anh mê thể thao và thích chơi với bạn gái, ham đọc sách và giao du với bạn bè rất hòa nhã. Anh vừa ra trường năm ngoái và sẵn sàng hành nghề kĩ sư mà anh rất thích.

Chúng tôi dựa vào nguyên tắc căn bản: mục đích chính của sự giáo dục là làm sao cho đứa trẻ tin tưởng và ỷ lại nơi mình, và điều kiện tiên quyết để thực hiện việc đó là đứa trẻ phải biết sử dụng mười ngón tay mà trời đã ban cho. Vì thế mà tôi đã bắt đầu dạy thủ công cho Thông, khi Thông lên ba; nằm dài dưới đất bên cạnh Thông, tôi chỉ vẽ cho anh và giúp anh xây cất nhà bằng những chiếc hộp hình khối cồng con. Anh chọn cái gì cũng được, nhưng tôi bắt buộc anh phải làm mặt tường thật phẳng và các góc thật vuông. Tôi cố gắng làm sao huấn luyện cho Thông có thói quen làm việc cẩn thận.

Lên ba tuổi rưỡi, Thông đã làm quen với những dụng cụ. Thuyết của tôi là những dụng cụ đó rèn luyện cả tay lẫn óc cùng một lúc. Trong lúc sử dụng nó, chúng ta luyện cách tập

trung tư tưởng, cách suy luận và cách định nguyên nhân và kết quả. Do đó chúng ta rèn được sự chính xác và sự nhẫn nại.

Có một ổ khóa cần phải vô dầu? Tôi bảo Thông đến giúp tôi. Ban đầu anh chỉ giúp đưa cho tôi những dụng cụ cần thiết; nhưng chẳng bao lâu, tôi có thể nói ngay với anh: “Cần phải mở ổ khóa này ra; chúng ta phải làm thế nào đây?”. Tôi làm thử tất cả cách mà Thông đề nghị và tôi khéo dẫn cho anh biết đấy không phải là phương cách đúng. Lúc đó chúng tôi làm lại từ đầu theo một phương cách khác. Cuối cùng gương mặt Thông sáng lên: chính anh đã tìm ra giải pháp. Lúc lên năm, Thông sửa chữa tất cả những trục trặc vặt vãnh trong nhà một cách dễ dàng.

Những người bạn của tôi cho lối dạy dỗ con về nghề chân tay như thế là không thiết thực, vì họ biết chắc chắn đứa con của tôi sẽ sinh sống về nghề trí tuệ. Nhưng tôi không từ bỏ cái ý định của tôi. Nếu ngày nay Thông đã được một địa vị tốt cũng nhờ anh đã học cách áp dụng những điều mà anh thụ hưởng được ở trường. Có những bạn của anh thông minh hơn anh, nhưng lại cảm thấy nhiều trở ngại và khó khăn lúc ra đời.

Lúc lớn lên, khi anh bắt đầu đặt những câu hỏi “cái đó” chạy “như thế nào hở ba”, tôi thường trả lời bằng cách ngược lại: “Thế, đó con đoán nó” chạy “như thế nào?” Và lắm lúc, tôi lại thêm: “Hãy tháo nó ra, và tự xem lấy”. Lúc đó Thông cười khoái trá lắm.

Ngày nay, không có một vật gì trong nhà hay một thành phần nào của chiếc xe mà Thông không sửa được vì anh thường nghĩ thật kỹ cách làm, ghi nhận công dụng những bộ phận trong lúc anh tháo gỡ và tìm hiểu sự liên quan giữa những bộ phận đó. Bỏ ích hơn nữa là nhờ sự đào tạo đặc biệt đó. Thông có một tánh hiếu kỳ chung đối với những nguyên động lực bí ẩn của thế giới chung quanh.

Tôi và nhà tôi thường tìm mọi cách giúp Thông tránh những câu trả lời thói thoát. Ở mỗi cái “tại sao”, chúng tôi lại bắt đầu bằng cách hỏi ngược anh lại. Nếu cả ba người

không sao tìm được câu trả lời thỏa đáng, chúng tôi tham khảo các sách vở hay những chuyên viên. Có lần tôi phải dắt anh đến xưởng máy để nhờ một anh thợ giải thích về một vấn đề kĩ thuật xe hơi mà tôi không hiểu nổi.

Ngay trong thời kỳ thơ ấu của Thông, tôi tìm cách làm thế nào cho mỗi lý thuyết hay nguyên tắc đều phù hợp với một hình ảnh cụ thể trong óc của Thông. Khi anh hỏi tôi tại sao chiếc tàu bằng sắt không chìm mà một miếng sắt lại đắm xuống nước; tôi đã giải thích cặn kẽ cho anh, nhưng anh không nắm được lý luận đó. Vài ngày sau, lợi dụng lúc anh chơi thả tàu bằng giấy trong bồn tắm, dựa vào một miếng gỗ chân giấy và một cái đĩa lớn bằng pha lê, tôi dẫn giải rằng miếng gỗ đắm xuống nước, nhưng cái đĩa nặng hơn gỗ mà vẫn tiếp tục nổi được trên mặt nước. Bỗng nhiên Thông nắm được cái nguyên tắc. Sau này tôi được nghe anh giải thích một cách rành mạch nguyên tắc Archimède cho một người lớn hoàn toàn không hiểu gì về nguyên tắc này.

Khi anh đem về nhà quyển sách địa lý đầu tiên của anh, chúng tôi đã mua cho anh một quả địa cầu. Chúng tôi cùng theo trên đó những cuộc hành trình của Christophe Colomb. Ít ngày sau, tôi thấy Thông rủ bạn bè của anh vào phòng để cùng chúng “Đi du lịch vòng quanh thế giới”. Trong lúc phơi bày một sự hiểu biết vừa mới thu thập được, anh tự khai triển sự thông minh của anh một cách tự nhiên không một tí cố gắng nào.

Tôi nghĩ rằng cần phải bỏ túc sự hiểu biết tổng quát của vũ trụ bằng sự quan sát những thiếu cực. Sự tương phản đó sẽ mở rộng óc tưởng tượng của trẻ. Vì thế, tôi tìm mua một kính hiển vi bán solde. Thông mang về những côn trùng, những lá cây, những bông hoa, những mẫu đá. Ngày hôm ấy, cả một thế giới huyền diệu nằm dưới ống kính hiển vi của chúng tôi.

Lẽ dĩ nhiên lối giáo dục linh hoạt ấy cần nhiều sự nhẫn nại cho cha mẹ, vì cha mẹ phải để ý đến con cái luôn để hưởng dẫn chúng trong mọi sinh hoạt thích nghi và bổ ích. Ở đây chúng tôi chỉ đổi những câu hỏi của Thông thành những

trò chơi hay những cuộc mạo hiểm tạo cho anh nhiều thích thú. Điều chúng tôi quan tâm nhất là làm thế nào cho Thông tập những thói quen tốt, và chỉ những thói quen tốt mà thôi. Như thế, sau này chúng tôi khỏi phí sức vì những bực bội thường trực phải la rầy con cái “không biết vâng lời cha mẹ”.

Thông là một đứa trẻ bình thường, và nó cũng phung phí nhiều thì giờ để chơi và để phá. Nhưng chúng tôi muốn những thời giờ ấy phải bổ ích cho đời sống của anh sau này; và, theo mục đích đó, chúng tôi hướng những ý thích của anh về những sinh hoạt đặc biệt nhằm đào tạo con người của anh một cách tự nhiên trong lúc chơi đùa. Lẽ dĩ nhiên Thông biết hơn ai hết là những sinh hoạt có hướng dẫn đó cốt để giáo dục anh.

Chúng tôi tự thấy mãn nguyện vì đã đối xử với đứa con mình như một người lớn: Sự kiêu hãnh của Thông lúc anh chỉ cho bạn bè thấy quả địa cầu và kính hiển vi của anh, chứng tỏ rằng có một sự ý thức về nhân phẩm nơi đứa trẻ, nhân phẩm mà lắm khi bị những bậc phụ huynh chà đạp bằng cách mua cho đứa trẻ những đồ chơi rẻ tiền hay không mang một ý nghĩa gì. Từ ngày đó chúng tôi cố gắng, trong phạm vi tài chánh cho phép mua cho Thông những đồ chơi cỡ lớn như đồ thật. Khi Thông xin một hộp đồ nghề, chúng tôi mua cho anh những dụng cụ thật và nhận thấy rằng sự chi tiêu đó không phải là phung phí vì Thông biết quý trọng những dụng cụ.

Mùa Giáng sinh năm sau, chúng tôi đã hy sinh cả tiền chi tiêu vặt trong nhà để mua tặng anh một máy in bằng tay cỡ nhỏ, với một vài chữ in. Khi thấy món quà đó, mắt Thông sáng lên, mừng rỡ. Ít lâu sau, tôi nhận thấy rằng Thông có thể kiếm được tiền với vật dụng đó; và mỗi buổi tối và chiều Thứ Bảy tôi giúp Thông in những giấy tờ vặt cho những người láng giềng của chúng tôi để kiếm tiền.

Để dạy cho Thông biết sự khác biệt giữa tiền vốn xuất ra vốn lưu động (fond de roulement), chúng tôi lập ra những cổ phần công ty. Tôi viết cho Thông in những cổ phiếu và

chúng tôi chia đồng đều những cổ phần.

Những tiền lời cũng được chia nhau đồng đều, nhưng một số tiền lời phải giữ lại để chi mua những vật dụng cần thiết. Nếu chúng tôi thiếu tiền để mua giấy viết thư hay những đồ dùng khác, thì tôi giải thích cho Thông hiểu rằng chúng ta thiếu “vốn lưu động”. Và tôi sẽ trở thành chủ ngân hàng của kinh doanh đó. Tôi cho vay số tiền nhưng tôi buộc Thông phải ký cho tôi một miếng giấy bảo chứng. Tôi muốn rằng Thông không sợ vay mượn một số tiền, nhưng anh ta phải biết tôn trọng chữ ký của mình trên một thương phiếu.

Sau cùng, tùy theo phương tiện và khả năng tài chánh, chúng tôi dùng sự du lịch để bổ khuyết sự học hỏi của con chúng tôi ở lớp học cũng như ở gia đình. Và để luyện cho khiếu thực dụng (sens pratique) của Thông, chúng tôi thường giao tất cả chìa khóa phòng cho Thông, để cho anh tự xếp đặt áo quần của anh, phải đi lấy vé xe lửa và cân những hành lý.

Khi Thông xa chúng tôi để lên đại học, chúng tôi lại làm một cuộc thí nghiệm nguy hiểm: giao cho Thông giữ luôn tất cả số tiền mà anh phải chi phí trong một năm học của anh.

Không viện một cơ gì để xin tiền thêm nữa đấy, tôi bảo Thông như thế. Nếu dư thì cho con luôn. Con hãy viết cho ba má về sự chi tiêu hàng tháng của con.

Không có lần nào chúng tôi phải cho Thông thêm nữa và năm đầu anh đã dùng tiền dư mua được một chiếc máy thu thanh. Cuối 4 năm học, Thông đã để dành được một số tiền khá lớn. Biết dùng tiền một cách đứng đắn là đã tự tạo cho mình một sự giáo dục khá vững vàng; Thông đã hiểu thấu đáo giá trị của đồng tiền mà nhiều người lớn tuổi chưa biết được.

Sau những kinh nghiệm nuôi nấng mấy đứa con chúng tôi, chúng tôi có thể kết luận là chỉ có cha mẹ mới có thể giáo dục đứa con mình một cách đầy đủ được. Có lẽ đối với những đứa trẻ khác phải dùng đến những phương pháp khác. Điều quan trọng là phải hiểu rằng sự giáo dục phải được

Giáo dục gia đình

thực hiện dần dần, từng bậc một, bắt đầu từ khi đứa bé chập chững tập đi và tập nói bập bẹ và cha mẹ phải biết lợi dụng khai thác đến mức tối đa những trò chơi, những câu hỏi và những khuynh hướng tự nhiên của đứa trẻ.

4. Văn chương

ᩈᩢ᩠ᨦᩉ᩠ᩅᩁᩣ᩠ᨦ (Padan)

Tim Hiểu Một Bài Thơ Chàm
ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè, 1968, trang 60-63

Jaya Panrang

Trong văn học Chàm cũng như của các dân tộc văn minh khác, có một số vấn đề thuộc về khẩu truyền như ca dao, tục ngữ, chuyện cổ tích, thần thoại và một số vấn đề khác ghi chép bằng văn tự hắc hoi hoặc khắc trên bia đá kể trên lá gồi hay viết trên giấy v.v... nói về sự tích thần thánh hay ghi công nghiệp lịch sử của vua chúa, anh hùng liệt sĩ v.v...

Những tài liệu Phạn ngữ, một cổ tự mà dân tộc Chàm đã hấp thụ của Ấn Độ từ lâu đời thì nay không còn người Chàm nào có thể đọc được nữa. Chỉ có những tài liệu viết bằng Chàm ngữ, cũng bắt nguồn từ phạn ngữ mà ra nhưng đã được Chàm hóa thành chữ mẹ để dân tộc thì nhiều người còn đọc và viết được khá thông thạo.

Ngày nay, văn tự Chàm chỉ được phổ biến trong phạm vi nhỏ hẹp, vì hầu hết tác phẩm Chàm là những bản viết tay, nên không thể phổ biến rộng rãi được. Hiện giờ chỉ những vị có bốn phận và trách nhiệm lãnh đạo tinh thần, tôn giáo, phong tục và một số khác hăm mộ văn học của ông cha lưu truyền, thì còn gắng công tìm hiểu và học hỏi mà thôi. Nhiều người đã tiên đoán rằng nếu cứ theo đà này, có thể trong tương lai gần đây sẽ không còn ai đọc và viết chữ Chàm được nữa. Những tài liệu văn học Chàm quý giá mà họ đang có trong tay sẽ trở thành những mớ giấy lộn và rồi dần dần sẽ bị chôn vùi trong quên lãng một cách oan uổng, bằng chứng cụ thể là văn bia Chàm (bằng chữ Phạn) không còn người Chàm nào đọc được.

Văn chương Chăm

ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
asaih takhaot kara maraw
ꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
jak gep mangaw préw thaow asaih
ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣ ꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,
takhaot bak danak bak glaih
ꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ ꨣꨣꨣ ꨀꨣꨣꨣꨣ,³
hua gep jaih daok sa gok

Tạm dịch thoát ra thơ lục bát Việt Nam

Cây tre không mắt không gai,
Mọc trên rùa nọ cái mai không đầu,,
Chỉ tơ hai sợi buộc vào,
Ngựa phi qua lại trên cao lưng rùa,,
Ngựa phi rùa vội phân bua,
Đồng thanh ca hát, lại vừa ghì cương,,
Ngựa phi đuổi sức, cùng đường,
Ngựa rùa hiệp lại vào nươg cùng chuồng,,

Phân tích:

I) Như trên đã thấy, lối gieo vần của bài thơ này có thể nói là thể thơ “tứ lục”, chữ cuối của câu 4 vần với chữ thứ ba của câu 6, rồi chữ cuối của câu 6 lại vần với chữ cuối của câu 4. Trên nguyên tắc, cứ thế mà tiếp tục cho đến hết bài thơ.

Tuy nhiên trong bài thơ này có hai điểm khác thường, nghĩa là không theo đúng “niêm luật”, vì:

a) Câu thứ tư chữ cuối vần *a* (*kara*) mà chữ cuối của câu thứ năm lại vần *ao* (*kamrao*).

b) Đáng chú ý hơn, vì câu thứ bảy, thay vì 4 chữ theo niêm luật như các câu trên, trái lại câu này có đến 5 chữ nhưng ở đây chúng tôi không đặt nặng vấn đề niêm luật và chỉ cốt tìm hiểu ý nghĩa bài thơ mà thôi.

³ Có chỗ viết ꨣꨣꨣꨣꨣ, *kasaok*, một góc, một nơi kín.

II) Người ta có thể phân tích bài thơ ra làm bốn đoạn và mỗi đoạn miêu tả một vấn đề:

1) Ba câu đầu tả các bộ phận của cây đàn.

2) Câu bốn và năm nói về cung đuôi ngựa (mã vĩ cầm) và động tác kéo đàn, kéo lui đẩy tới cán cung trên mai rùa, cung cọ xát vào hai sợi dây phát âm thanh ai oán nã nùng. Tác giả diễn hình hóa cái cung thành con ngựa, động tác kéo đàn thành ngựa phi trên lưng con rùa và tiếng đàn trở lên là tiếng rùa than thở, phân bua.

3) Câu sáu, nói về lời ca, tiếng nhạc hòa âm. Nên hiểu thêm, thường thường người Chăm hay đồng ca hơn là đơn ca, nhất là tang lễ. Hơn nữa, bài này đã đặt nặng trong vấn đề tang chế, và khi đồng ca như vậy thì lời ca lẫn át tiếng đàn nên có câu “*đồng thanh ca hát lại vừa ghi cương*”. Ngựa đang phi nước đại mà bị ghi cương lại thì bắt buộc phải giảm tốc độ, cũng như lời ca cao giọng thì làm giảm mất tiếng đàn. Hơn nữa, khi có lời ca thì tiếng đàn chỉ làm nhiệm vụ đánh nhịp mà thôi.

4) Hai câu chót, diễn tả khi đàn xong, người ta xếp cung đàn theo chiều dài của thân đàn móc lên trục lên dây rồi cất chung vào một cái túi may bằng vải, cho nên có câu: “*ngựa rùa hiệp lại vào nươg cùng chuồng*” “là do ý đó”.

Tóm lại, bài thơ trên đây có dụng ý miêu tả một cây đàn mai rùa với tánh cách một bài thơ đố. Cây đàn này người Chăm gọi là *Kanyi baong kara* và gọi tắt là “*Kanyi*”, đàn nhị mai rùa hay đàn nhị. Đến đây, chúng tôi phân vân về danh từ “*kanyi*” của Chăm và “*nhị*” của Việt có ảnh hưởng gì với nhau không?

Cũng nên nói thêm rằng, nếu ai đã có dịp thưởng thức âm điệu *Kanyi* và tiếng hát “*baklam*” của thầy *Kadhar* (hát tế của thầy lễ), tiếng đàn và tiếng *samas* (hát xướng) tang lễ thì thật là thâm thúy và càng nổi bậc tài mô tả cây đàn *Kanyi* của thi sĩ qua bài thơ này./-

Văn chương Chăm

Cổ huấn thi Ariya Gleng Anak

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 11

Lưu Quý Tân

Situ tâm và trích dịch

*Sách Gleng Anak (1) cổ nhân viết rõ:
Giống người Chăm hiện ở bốn vùng
Phan Rang, Phan Rí, Lòng Sông,
Phố Hải đều cũng một giòng mà ra
Chiêm Thành mát, quốc gia điều mát,
Nước suy vong, mảnh đất không còn.
Lần qua trang sử vàng son,
Anh hùng, liệt sĩ chẳng còn một ai.
Quốc gia vong, u hoài số phận,
Dân tộc suy, tử hận mệnh trời.
Kìa xem cây lá xanh tươi,
Khi rụng về cội, chẳng rơi ngã nào.
Sắt thép cứng nhai đâu có dễ,
Quyết lòng nhai, răng bể, máu tuông.
Khuyên ta đặt nặng tình thương,
Sống trong đoàn kết, nhịn nhường lẫn nhau.
Tránh không nên gieo sâu rắc thảm,
Đối với nhau thông cảm dưới trên.
Không vì: danh, lợi, thế, quyền,
Xéo dày nòi giống, lụy phiền tổ tông.*

(1) Một bài thơ cổ Chăm đang lưu truyền trong dân chúng ở các thôn ấp Chăm hiện nay (giống như *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi VN)

Dân Ca Cam Bani

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 100-101

Ja Pariya

*Thei mai mang déh thei o,
Dreh phik kau lo yaom sa urang.,*

Văn chương Chăm

*Thei thau ka tian kau ka,
Njam pan di aia mang thau ka tian,,
Cam saong Bani sa paran,
Thei anâh jalan awal ahiér,,
Cam saong Bani ké atah,
Yaom sa darah kal mang dahlau,,
Mbuah kar di Pô Nabi,
Anâh ngap Bani saong ngap Cam,,
Khaol ita anak Adam,
Bhap anak Cam abih sa kadha,,
Likau juai anâh paribha,
Pagul gap ka mang khang kadeng,,,*

Giới thiệu một bài đồng dao Chăm

ƯỚC VỌNG, số 03, Năm 1971, trang 48 - 50

Ja Tanranh

Ngày nay, người dân Chăm còn giữ được phần nào nền văn hóa cổ xưa của họ. Nhìn vào lối ăn mặc, hình thức nhà cửa, sự tín ngưỡng, cách hành xử phong tục... Đủ thấy rõ sắc thái đặc biệt đó.

Về đời sống tinh thần, họ vẫn truyền tụng những bài thơ, những bài hát, những câu ca dao, tục ngữ... rất phong phú, phản ánh tâm hồn, nếp sống của cả dân tộc.

Dưới đây chúng tôi xin phiên dịch một bài Đồng dao để giới thiệu với bạn đọc một khía cạnh nhỏ của nền văn chương Chăm.

*Kaok ley kaok, njép hagait hô liwang
Dang o ndong
Dang ley dang; njép hagait hô o ndong
Harek ralo
Harek ley harek njép hagait hô ralo?
Kubaw o mbeng
Kubaw ley kubaw njep hagait hô o mbeng*

Văn chương Chăm

Jamâng o kalaih
Jamâng ley jamâng njép hagait hô o kalaih
Ja Mbaih o gleng
Ja Mbaih ley Ja Mbaih njép hagait hô o gleng?
Tian pa-ndik
Tian ley tian njép hagait hô pa-ndik?
Lithei matah
Lithei ley lithei njép hagait hô matah?
Njuh baok
Njuh ley njuh njép hagait hô baok?
Hajan kathaiy
Hajan ley hajan njép hagait hô kathaiy?
Kiếp giraw kaduk
Kiếp ley kiép njép hagait hô giraw kaduk?
Mang muk mang kei mai yau nan kar

Dịch nguyên nghĩa

Cò ơi cò sao mà y ồm?
- Tại tôm không nổi.
Tôm ơi tôm sao mà y không nổi?
- Tại cỏ nhiều.
Cỏ ơi cỏ sao mà y nhiều?
- Tại trâu không ăn.
Trâu ơi trâu sao mà y không ăn?
- Tại thặng mặng không mở.
Mặng ơi mặng sao mà y không mở?
- Tại thặng Mbaih không chẵn.
Mbaih ơi Mbaih sao mà y không chẵn?
- Tại bụng đau.
Bụng ơi bụng sao mà y đau?
- Tại côm sống.
Côm ơi côm sao mà y sống?
- Tại củi ứt
Củi ơi củi sao mà y ứt?
- Tại mưa phùn.
Mưa ơi mưa sao mà y phùn?

Văn chương Chăm

- Tại Ếch gãi háng.
- Ếch ơi ếch sao mà y gãi háng?
- Tại tổ tiên truyền như vậy.

Tadhau ayuh (Cung chúc)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 29

(ƯỚC VỌNG hân hạnh giới thiệu một thể thơ thất ngôn bát cú Chăm)

*TADHAU ayuh saih Cam ran magru,
 AYUH sak, kheng kadeng, jak: caong bihu,,
 PARAN Cam ra-mbah ra-mbâp hadom maong akaok,
 CAM drei pataom gap wek sa gru.*

*NGAOK Uluah, la drei hec rai biruw!
 JALAN hadah yam nao ka mâng thau.
 HADAH hrei, hrei dah oh malau mbaok,
 HADAI gap ginum prân ngap ka lok biruw.*

Jaya Yut Cam
 Banmêthuôt, October 1965

Tình hoài hương (Tinh hoài hương)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 76-78

Pok payua ka Dương Tấn Thi saong Tôn Sung (Q.G.H.C) Sài gòn

Jaya Yut Cam

๑๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐ [< ๑๒๓๔] ๕๖๗,
 ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗,
 ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ ๒๓๔ ๕๖๗ ๘๙๐,
 ๑๒๓ ๔๕๖๗ ๘๙๐๑ [< ๑๒๓๔๕๖๗], ๘๙๐ ๑๒๓ ๔๕๖ ๗ ๘ ๙,,

Văn chương Chăm

ၣ်ဃိ တၢ်န့ၣ် ဃၢ်ဃၢ် န့ၣ် [< န့ၣ်] န့ၣ်,
 ဃၢ်ဃၢ် န့ၣ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်, န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 ၣ်ဃိ န့ၣ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် [< န့ၣ်ဃၢ်] န့ၣ်ဃၢ်, န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 ၣ်ဃိ န့ၣ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် [< န့ၣ်] န့ၣ်,
 န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် [< န့ၣ်ဃၢ်] န့ၣ်ဃၢ်, န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 ၣ်ဃိ န့ၣ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ် [န့ၣ်] န့ၣ်ဃၢ်, န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,
 ၣ်ဃိ န့ၣ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် [< န့ၣ်],
 န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်, န့ၣ်ဃၢ် န့ၣ်ဃၢ်,

Phiên ngữ theo La-tinh

Su-auen Bhum Cam

*Bier harei daok ngaok mbuen jua,
 Maong hala kayau jruh, pahuai paha than drei.
 Gleng trun jalan atah bhum palei,
 Bhum ley! hu thau tian, drei harit haraw.
 Raong hatai brai phik, tian haraw,
 Prân ba yawa thuak, yam nao ké jieng.
 Harei malam tapong akaok dom sanâng,
 Lingik halei pacalah Cam jieng brai rai!*

*Harei ni ngaok dhua jalan mai,
 Mboh Bimong kiak jruh phik hatai klaih dua.
 Anit lo dih birak Bal Riya,
 Aia thu tanâh pacah, atah adhua thei maong.
 Bil Suer sunit ginreh thraong daong,
 Po ley Cam ra-mbah, Pô maong, Klong tadhau.
 Anit lo bhum Pa-mblap: Klak, Biruw,
 Padai maow, aia mamih ca-mbuai klao, mbaok brai.
 Tapak tung anaih panuec bi-ndi biniai,
 Oh thau klah nâh, jhak hatai binguk bilei.
 Anit lo Cuah Patih Katuh drei,*

Văn chương Chăm

*Tamakai, tangey mbak, patuei habei klik yamân.
Taom thunрук ngap mang prân,
Njuh ndua, gilainг caoh, pabah ân ka anâk magru.
Anit lo Aia Binguk, Aia Li-u,
Taom thun kho ra-mbah, ké hu hamu kubaw,
Kathaot min, adei seh buy klao,
Njuah, rusa, tapai, praok baoh kayau dalam glai.
Anit lo bhum Ram rah rai,
Jaik jalan, nao wek, halar hatai tuai janguai.
Kathaot jien, oh kathaot di ca-mbuai,
Gheh di ndom puec talang taluai panuec kadha.
Anit lo palei gah Baoh Dana,
Kraong praong bhum ginup hamu dua birieng, halim.
Cheh chai praong anaih buy ma-in,
Yuak li-aua, li-aua yuak hajan angin njep bilan.
Anit lo Hamu Tanran takik hajan,
Bac magru akhar tapuk kareh pachang Cam drei.
Tanâh pajieng jak gheh likei, kumei,
Pathar patharрук hagait abih drei buy tian.
Anit lo Hamu Craok Danao Panrang,
Taom thun ngap gaok ngap khang ndua pablei.
Kathaot lo bhum Caklaing, Pacaong biruw,
Aban, khan, dalah, jih, jang thau abih drei,
Tari tarieng ngapрук taklam harei,
Tuak tuei krung krâc muk kei pamajieng.
Sei tama nagar dalam ndom hai,
Jalan nao min atah, adei sa-ai oh rabha.
Sei nao nagar Parik brei payua,
Su-uh su-auen tian anit pa-ndik pa-ndua Cam drei.
Sei nao nagar Pajai ndom brei,
Kayua su-uh su-auen adei, mbaok daok nde cawan.
Sei nao nagar Kraong jaik jalan,
Biak je adhua atah, min tian tuei ba.
Sei nao ngaok jalan canah dua,
Hadar hai panuec klak ndom payua mang dahlau,
Sei nao ngaok jalan canah klau,
Maong karah di canau: hadar Cam kho ra-mbah.*

Văn chương Chăm

*yua adei, kamuon marat sa kadha,,
klaoh hatai bhut tik aia,
marat sa kadha that klaoh saong gep,,
tana siam khik ngap binjep,
rakun jhak tachep klak baik adei,,
ni dom panuec sa-ai kakei,
payua grep adei ndaom peng pajip,,*

អាវចា ហម (Khuyên học)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 97

ចាហម (Ja Thoi)

អាវចា ថ្ងៃ កើត អាវចា ឧទា,
កាតា ឧទា វាឧទា អាវចា ហម ឧទា,,
អាវចា ម៉ អ័ វា ឧទា,
ឧទា ក៏ តាឧទា ឧទា ឧទា ឧទា,,
អាវចា ម៉ ឧទា ឧទា ឧទា,
ថ្ងៃ ហម ឧទា ឧទា ក៏ អ័ ឧទា,,
“កា”, “កា”, “កា”, ហម ហម ឧទា,
អាវចា ថ្ងៃ ឧទា ឧទា ឧទា ក៏,,
អាវចា “កា” ឧទា អាវចា “កា”,
“កា” ឧទា “កា” អាវចា កា ឧទា,
“កា” ឧទា “កា” ឧទា ឧទា ឧទា,
ថ្ងៃ ក៏ ឧទា ឧទា ឧទា ឧទា,,
អាវចា ឧទា ឧទា,
ថ្ងៃ ក៏ ឧទា ឧទា ឧទា ឧទា,,
ឧទា ឧទា កា ឧទា ឧទា,
ថ្ងៃ ឧទា ឧទា កា ថ្ងៃ ឧទា,,

Văn chương Chăm

Caong Takrâ

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 102

(Ước Vọng hân hạnh giới thiệu cùng độc giả một bài thơ tự do Chăm)

Thành Thảo

*Tian ley hâ caong hagait?
Caong pataom hai caong pabrai?
Caong ka Cam sa hatai,
Caong ka hu bhum Cam seh sai,,
Caong ka hu baruw birang,
Caong ka Parik saong Panrang,,
Ngap habar jieng wek Pandarang,
Ka bhap paran Cam kheng kadeng,,*

*Tian ley tian hâ takrâ hagait?
Takrâ ka abih grep halau,
Juai ngap angin raok thrau hadau,,
Halim hajan ka that harek kayau,
Njam thraow, pluy mabaoh, tangey tabau biak yamân,,
Klah di atung aek abih prân,
Caong takrâ grep manât... oh damân caong takrâ,,,*

Dân ca, gia huấn ca

ពិសេស រស់រវើក ក្នុង ពិសេស រស់រវើក,,

- ១. ពិសេស រស់ រវើក ពិសេស [ធូលី] ក្នុង ពិសេស,
ក៏ ប្រសើរ ក្នុង ពិសេស រស់រវើក ពិសេស,,
- ២. ក្នុង ពិសេស ពិសេស ក៏ រស់រវើក,
រស់រវើក ក៏ ពិសេស រស់ រវើក ពិសេស,,
- ៣. ពិសេស ពិសេស រស់ រវើក,
ក៏ ពិសេស ពិសេស រស់ រវើក ពិសេស,,
- ៤. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ក៏ ពិសេស ពិសេស,,
- ៥. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ក៏ ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ៦. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស [< ក្នុង ពិសេស],,,
- ៧. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ៨. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ៩. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ១០. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ១១. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ១២. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ១៣. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,
- ១៤. ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,
ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស ពិសេស,,

6. Chuyện cổ Chăm

ᩈᩣ᩠ᨦᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦᩣ᩠ᨦ (Trâu Đực Đẻ Con)

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 66-67

Jaya Panrang

Ngày xưa, có hai anh em nhà kia, người anh giàu có và có nhiều thế lực, người em đã nghèo lại bị người anh coi rẻ và bị liệt vào giai cấp hèn mạt của xã hội.

Người anh có một bầy trâu đực. Người em thì chỉ có vón vện một con trâu cái. Với một con trâu lẻ loi như vậy, người em không thể dùng vào việc cấy bừa chi được, vả lại cũng không có một miếng đất nhỏ nào để cày lấy, nên đem con trâu ấy đến đợ cho người anh. Mãn mùa cuối năm, con trâu cái ấy sinh được một con trâu nghé. Người em đến bắt hai mẹ con trâu ấy về thì bị người anh cản trở, chỉ cho bắt trâu mẹ, còn con nghé thì người anh nói là do trâu đực của ông ta đẻ mà thôi. Người em tìm đủ cách trình bày lý lẽ để bắt trâu nghé về, người anh cũng không cho.

Úc lòng người em mới nạp lễ, mâm trầu hủ rượu vào làng để thưa người anh về tội đoạt lấy con trâu nghé của mình. Người em thì lúc nào cũng tin ở lẽ phải, ở công lý phân minh.

Còn người anh thì ngược lại, chỉ biết sở cậy ở thế lực mạnh của mình, thừa tiền bạc đem đút lót cho kẻ cầm quyền để binh vực cho mình, miễn làm sao đạt được tham vọng mà thôi.

Quả nhiên làng xử người anh thắng, người anh có quyền giữ lại con nghé ấy, vì ông làng cũng đồng lõa với người anh là trâu đực đẻ con nghé ấy. Người em hết lòng van xin làng xét xử công minh nhưng vô ích.

Người em mất tin tưởng nơi công lý cấp làng, nên khởi tố lên cấp tổng, chánh tổng cũng xử y hệt như lý trưởng ở

làng là con trâu đực đẽ.

Người em tuy hơi thất vọng, qua hai lần thua kiện nhưng còn chút tin tưởng ở sự công bằng của cấp huyện, nơi có nhiều quyền hành và có đủ tư cách cho đại diện cho nhà vua, nên quyết thương tố người anh lên cấp huyện.

Một hôm cửa pháp đình mở rộng, đôi bên nguyên cáo và bị cáo đều đến hầu đông đủ. Sau khi trình bày nội vụ trước kẻ cầm quyền, có nhiệm vụ cầm cân nảy mực cao cấp hơn, người em đặt nhiều hy vọng và tin tưởng vào cán cân công lý này sẽ không còn bất công, không còn cảnh cá lớn nuốt cá bé, giàu hiếp nghèo, kẻ có thế lực áp bức người không thế lực vân vân và vân vân, nghĩa là lẽ phải về với lẽ phải.

Nhưng than ôi! cá mè một lứa, khi quan huyện phán xử cũng theo một luận điệu như quan tổng, quan làng, như ý muốn người anh là “trâu đực đẽ con”.

Người em tự nhủ: Ủa! hóa ra tiền tài lúc nào cũng mạnh thế lực lúc nào cũng thắng và việc khéo cúi lòn và hối lộ lúc nào cũng kiến hiệu. Thật phủ phàng thay!

Người em cam đành nuốt tủi hận và lủi thủi ra về. Dọc đường, một chú thỏ đứng dưới lùm cây trông thấy người em vừa đi vừa khóc sụt sùi, động lòng trắc ẩn, chú thỏ bèn cất cao giọng hỏi:

- Tại sao anh khóc!

- Tôi khóc vì sự bất công của người đời, vì thế lực tàn bạo, vì công lý thiên lệch, vì đồng tiền làm cho con người mù quáng... và người em kể hết việc đã xảy ra cho chú thỏ nghe.

Sau một hồi suy nghĩ, như đã tìm được một mưu kế cao siêu đặc ý, chú thỏ bèn bảo với người em: “Có gì đâu mà phải khóc kể than van. Thôi, anh hãy trở lại huyện đường với tôi, vì nhân đạo, vì lẽ phải, tôi đã có cách giúp anh việc này”.

Người em, như lúc hạn gặp cơn mưa, như đang bị bệnh nan y gặp được thầy thuốc giỏi, bèn theo bèn gót chú thỏ trở lại huyện đường.

Truyện cổ Chăm

Đến nơi người em đứng nép bên vách tường, còn chú thỏ lấy lọ nghệ và nghệ bôi bẩn cùng mặt mày rồi đến ngồi trước cửa văn phòng quan huyện và giả vờ ngủ gục. Một lát sau, quan huyện đi ngang qua thấy vậy liền hỏi:

- Chú thỏ kia! tại sao mặt mày nhơ nhớp thế và làm gì mà ngủ gục vậy.

- Dạ! bẩm quan lớn, tôi bận việc nuôi cha tôi lâm bồn từ mấy bữa nay, nên không có thì giờ tắm rửa và ngủ cho đã giấc.

Ngạc nhiên, quan huyện quát:

- Đồ láo cha của chú là đàn ông, làm sao sinh đẻ được! Được nước. Chú thỏ liền đáp gọn:

-Thưa đại quan! Nếu tôi không làm vừa rồi, ngài đã xử vụ của ông này (chỉ vào người em) rằng: “Trâu đực đẻ con, thì sao?!”

- !!!

Quan Huyện biết mình bị xỏ ngọt “Võ quít dày gắp móng tay nhọn” rồi, bèn ra lệnh cho lý trưởng truyền lại cho người anh khốn nạn kia phải giao con nghé lại cho người em, vì không cách nào che dấu sự bất công trắng trợn này nữa.

Người em được con nghé, mừng mừng, rỡ rỡ, cảm ơn chú thỏ ríu rít, đồng thời nghĩ rằng: “Ừa! thế ra ở đời này, kẻ trung ất có người cứu và lẽ phải cuối cùng vẫn thắng ./-

Sự Tích Pô Klaong Garai

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 10 - 13

Nguy Hoạt

Nhân dịp Trường Trung Học An Phước được hân hạnh mang tên PÔ KLONG GARAI, một vị Vua tài ba của dân tộc, có nhiều công lao với địa phương Ninh Thuận nói riêng, toàn dân Chăm nói chung, chúng tôi xin trích: Một phần sự tích của Ngài trong cuốn “Lược Sử Chăm của Dohamide

Dorohiem để cống hiến các bạn”.

Theo thơ văn cổ, Pô Klong Garai sanh ngày Thứ Bảy nhằm ngày thứ tư của nửa tháng trăng khuyết, Tháng Mười Một Chăm, mình mẩy đầy lác và phong cùi, nên đã được ông bà nuôi nấng kỹ lưỡng không hề cho chân đụng đất và lúc đầu được đặt tên là: Pô Ông. Năm 7 tuổi, Pô Klong Garai giữ bò cho vua. Bò do Pô Klong Garai giữ luôn luôn lục tục phía sau các bầy bò khác. Một hôm theo đoàn người đến Aia Ru, một con bò bị thất lạc. Pô Klong Garai đi tìm khắp nơi không gặp, bèn leo lên cây nhìn ở chân trời thì thấy con bò này đang bị cột trong một vườn trồng bông gòn, đằng sau một tư dinh hết sức to lớn. Mừng quá Pô Klong Garai tuột mau xuống đất, thân cây bị rung chuyển đã đột nhiên trở nên đổ chới từ rễ đến ngọn, biến thành con Rồng, nhìn Pô Klong Garai một cách kính cẩn.

Pô Klong Garai đã nhờ người lớn tuổi dẫn đến lâu đài ấy để xin con bò lại, thì gặp nhà của thầy cả Chiêm tinh, nên không ai dám vào xin cả và chỉ im lặng chờ bên ngoài. Pô Klong Garai thấy thế bèn vào quỳ lạy và bẩm: “Đó là con bò của Knok Pang đưa cho chúng cháu giữ, thuộc đoàn chúng tôi”.

Thầy cả Chiêm tinh liền cho gọi Pô Klong Garai vào. Thấy mình mẩy Pô Klong Garai đầy lác và phong hủi đàn bà, trẻ con và gia nhân đều ghê sợ trốn tất cả và lật đật hoàn trả con bò lại.

Thầy cả Chiêm tinh bèn nói với vợ: “Hãy nhìn cho rõ người bị phong hủi ấy. Y có một sức mạnh hơn người, và sau này sẽ làm vua đó.”

Rồi quay sang đứa con gái nói tiếp :“Đừng diên như vậy, sau này con sẽ là hoàng hậu và nổi danh với người ấy. Phong hủi kia chỉ là bông hoa mà bề trên đã gắn vào người để che dấu vẻ đẹp cùng sức mạnh hơn người của y mà thôi. Đến ngày lành tháng tốt, một con rồng sẽ tẩy sạch châu thân y”.

Pô Klong Garai đã gặp Pô Patih tức Pô Klong Chanh và

kết bạn với nhau, rồi cùng đi buôn bán trâu như mọi người. Một hôm đến chỗ Đá Chẻ (*Batau Tablah* là một phiến đá vôi thạch nứt làm đôi, trên có khắc nhiều văn bia, hiện còn tại làng *Ram* (Văn Lâm, Phan Rang) Pô Klong Garai bị đau nhức từ đầu đến chân, nên không thể đội trâu đi được nữa. Pô Klong Chanh rất lấy làm lo ngại, đã để Pô Klong Garai tại chỗ Đá Chẻ rồi trở về nhà báo cho mẹ biết, cùng mang cơm nước cho bạn...

Khi Pô Klong Chanh trở lại cùng nhiều người thì thấy một con rồng đang liếm khắp châu thân Pô Klong Garai và bạn mình đã mất hết phong hủi ghê tởm trở nên đẹp đẽ lạ thường.

Chợt tỉnh dậy thấy Pô Klong Chanh trước mặt, Pô Klong Garai có ý hờn trách bạn tại sao lại bỏ đi, để Pô Klong Garai một mình trong khu rừng trong khi đang bị bệnh.

Pô Klong Chanh thấy cảnh tượng biết bạn mình thực là Chánh vì Vương chớ không phải người thường, nên đã dâng cơm trâu và nước cho Pô Klong Garai dùng trước.

Nhưng Pô Klong Garai không chịu cho Pô Klong Chanh gọi mình là Lãnh chúa mà chỉ muốn được gọi là em như trước rồi cả hai cùng nhau ăn uống.

Một ngày kia, nhờ tới vụ con bò và người trẻ tuổi bị phong hủi chặn bò, vị thầy cả Chiêm tinh bèn mang lễ vật đến nhà trao tặng ông Kuek Pang kết thân.

Pô Klong Garai đã nhận cô gái của vị Chiêm tinh gia kia làm vợ. Toàn thể vương quốc vui rộn lên người ta tổ chức săn thú và dân chúng đã vui say, ăn uống với những thức ăn do các con thú săn được. Các bạch tượng lấy vòi đặt lên nền đất, kêu lên âm ỉ. Tại Aia Ru, một con bạch tượng đặt Pô Klong Garai trên lưng, cùng một đoàn voi lên đường đến Sri Banây và Pô Klong Garai đã đóng đô tại đây.

Tục truyền rằng, Pô Klong Garai đã dùng xảo thuật thắng được một cuộc thách đố với Yang Ba Kran, trong việc biểu dương lực lượng hoàn tất xây dựng đến tháp khiến Yang Ba Kran (người Khơ Me) phải đem binh ra khỏi vùng của Pô Klong Garai.

Có một buổi trưa, Pô Klong Garai làm một cái bè chuối thả xuống nước, chiếc bè ấy nổi lên bờ rồi trôi ngược dòng sông lên cách chỗ thả hai dặm, rồi ngừng lại. Pô Klong Garai đã chỉ ngay địa điểm ấy và ra lệnh khởi công việc đào kinh, mang thịnh vượng lại cho xứ sở.

Có hai con kinh: một con kinh giao toàn cho đàn bà con gái tự đào lấy, một con kinh khác thuộc đàn ông con trai. Hai con kinh này tồn tại đến ngày nay, cách ngôi đền Pô Klong Garai ở Phan Rang lối hai dặm đường. Một con kinh đào theo đường thẳng bị bỏ dở không dùng được, còn một con kinh khác đào theo đường cong như con rồng uốn khúc đã tưới nước cho một vùng trồng trọt.

Người ta nói con kinh bỏ dở đó là con kinh của bọn đàn ông đào, vì lẽ trong khi đào, bọn đàn ông mê gái chệnh mảng đã kéo nhau đến tán tỉnh trêu ghẹo các cô nên không làm đến đâu cả!

Theo một tài liệu chữ Chăm chép tay khác, thì Pô Klong Garai trước khi lên ngôi tên là Ja Tha Mãng lên ngôi năm Ngọ và trị vì được 55 năm.

Theo tục truyền, Pô Klong Garai đã dạy người Chăm đắp đập và lấy nước tưới ruộng, để sau cùng thăng thiên, thành một vị thần linh che chở người dân Chăm đến ngày nay.

Sự tích con gà gáy sáng hay Atmahékat (Một cổ sử Chăm)

ƯỚC VỌNG, số 03, Năm 1971, trang 25 - 28

Jaya Panrang

Phàm trong thiên hạ, đời càng xưa càng lắm chuyện kỳ, đất càng rộng càng nhiều tích lạ nhất là các bậc cứu nhân

độ thế thì lịch sử không thể không ghi chép được ¹.

Cũng như cổ sử, các nước trên thế giới, cổ sử Chăm còn ghi lại nhiều sự tích đáng kể, nhưng chưa được khai thác và phổ biến. Tuy đôi khi có tính cách hoang đường, đứng về phương diện khoa học khó mà chấp nhận được, kể cả ngày tháng cũng có nói tới song khó mà có thể đối chiếu với lịch thường dùng. Nhưng đó là những sự kiện có thể giúp ta hiểu được phần nào sự việc trong trời đất từ thời cổ xưa theo quan niệm người Chăm.

Cứ theo cổ sử Atmahékat ², lúc sơ khai trái đất còn mềm và lung lay, bênh bồng, có tới 12 mặt trời và 12 mặt trăng, do đó khí hậu vô cùng nóng bức, khó chịu. Ngày cũng như đêm, ánh sáng mặt trời, mặt trăng rọi chiếu gay gắt xuống mặt đất.

Pô Kuk cho thánh Ibrahimmak và các vị thánh khác giáng trần vào ngày Thứ Sáu mồng 1 để lo tổ chức và quản trị mọi vật trên trần gian. Mỗi vị thánh giáng trần đều phải vào Thánh đường tu luyện kinh kệ. Tại một Thánh đường, một hôm các chư thánh đang đọc sách, tụng kinh, một phần vì buồn ngủ, một phần vì quá chén say sưa tất cả đều mê ngủ.

Lợi dụng cơ hội các thánh không còn ai thức giấc, ông Maha Masibaykayong, một thủ lĩnh của phái Abiléh (giống ma quỷ) với thâm ý muốn làm đảo lộn thế gian để bề bề quấy phá, lên vào thánh đường hóa ra 4 tên Abiléh rồi ra lệnh cho chúng nhổ tất cả cây cột cái (cột chính giữa) của Thánh đường đem thả dưới biển sâu (bây giờ các Thánh đường Hồi giáo Bàn không có cột cái chính giữa là do tích này). Một mặt ông Maha Masibaykayong cắp lấy cái nỏ và tên vàng trong tay ông Pô Kuk rồi bắn tan nát 11 cái mặt trời, và 11 cái mặt trăng. Còn lại một mặt trời và một mặt

¹ Lời ông Phan Thanh Giản viết trên tấm bia ghi công đức Po Nagar tại Tháp Bà Nha Trang.

² Tài liệu này còn nói nhiều đến sự tích khác nữa.

trăng chạy mất.

Lúc bấy giờ vũ trụ trở nên tối tăm, khí hậu lạnh buốt, hơi lạnh thấm vào da thịt, các vị thánh đang say ngủ làm cho các ngài phải thức giấc. Tỉnh dậy, các ngài thấy đây đó toàn là màu đen u ám, mọi vật vô cùng hỗn loạn, loài người; loài vật kêu la khóc lóc thảm thiết... Riêng bọn ma quỷ thì mặc sức hoành hành quấy phá...

Pô Kuk bình tâm nhận xét biết có người phá hoại liền hóa phép... Ngài nhỏ 3 giọt nước mắt trên bàn tay, nước mắt đông lại thành sáp, đoạn nhỏ lông nheo của ngài làm tim, vuốt thành cây nến dài độ 7 tấc và hóa lửa đốt sáng lên (ngày nay người Chăm cúng tế thường thắp nến bằng sáp ong là do tích ấy). Với ánh sáng của cây nến, ngài thấy mấy cây cột cái [của] Thánh đường [đã] bị nhỏ mất, nõ và tên vàng của ngài cũng không còn nữa. Đồng thời ngài cũng thấy được cảnh vật hỗn độn chung quanh. Khi trước, còn mặt trời mặt trăng, ánh sáng gay gắt làm cho con người, muôn vật khó chịu, đến lúc mặt trăng mất đi, ánh sáng mới thấy cần thiết và đáng quý.

Để tìm hiểu nguyên do xảy ra, thánh Brahimak ngửa bàn tay bắm độn, gieo quẻ, biết được thủ phạm là ông Maha Masibaikayong và loài ma quỷ đã ám hại thế gian.

Pô Kuk truyền cho thánh Jibrael gọi tất cả thú vật chim muôn, loài người đến hỏi ý kiến: Ai có thể giúp Pô Kuk vượt biển cả sang xứ Mekah Manah (Madinah) để tìm lại mặt trăng, mặt trời đem ánh sáng về cho trần gian, loại trừ ma quỷ ?

Tất cả mọi loài đều than là bất lực, kể cả loài người, duy chỉ có cặp vợ chồng vịt, vợ chồng gà, tình nguyện giúp đỡ Pô Kuk. Nhưng vợ chồng vịt lại kêu là đang bận ấp trứng nên chưa tiện đi ngay được. Còn vợ chồng gà thì kêu là không bơi trên mặt nước được vì các ngón chân đều rời nhau. Thánh Brahimak, liền truyền cho gà mái ở nhà ấp trứng và ấp dùm luôn trứng của vợ chồng nhà vịt (vịt không còn ấp trứng là do tích ấy). Thế là cuộc chuẩn bị đã xong, đến ngày lên đường, cặp vợ chồng vịt với bàn chân có màng

đính lại, bơi rất giỏi và giai sức, làm chiếc thuyền chở Pô Kuk. Con gà trống được thiên phú cái bộ óc tinh vi, canh được giờ giấc, phân biệt được ngày đêm, được Pô Kuk đem theo để ghi nhận thời gian. (cũng nên nói thêm rằng: mỗi lần gà gáy là mỗi lần sang canh. Tiếng gà gáy đầu báo hiệu canh một, tức là trời sắp sáng. Tiếng gà gáy *ó...o... ó... ó... o...* người Chăm cho là tiếng gọi Chủ dậy “*tagok ley Pô tagok = dậy bố Ngài dậy*”. Trong cuộc hành trình, gà vừa đóng vai “đồng hồ” vừa làm địa bàn hướng dẫn vịt trực chỉ hướng có mặt trời và mặt trăng đang ẩn náu.

Khi đến địa phận xứ Makah Manah thì thấy mặt trời mặt trăng đang trốn trong con người của thần Ina Rakholak Mâlyae1 (Ina Rakhalik Ismail ?). Tính từ ngày ngày mặt trời mặt trăng mất đến lúc Pô Kuk tìm thấy lại được 8 năm tròn. Pô Kuk liền hóa phép giải thoát cho mặt trăng và mặt trời ra khỏi con người thần Ina Rakholak Mâlyae1 và trở lại không gian.

Từ đó, mặt đất được mặt trăng mặt trời chiếu sáng nhưng không phải gay gắt lúc ban đầu, mà điều hoà hơn, có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông như ngày nay.

Sau đó, các chư thánh lại vâng lệnh Pô Kuk và giáng trần, tái lập mọi trật tự, ổn định tổ chức quản trị muôn loài. Riêng loài người được hướng dẫn xây dựng nhiều ngành nghề, nhiều tổ chức như bây giờ.

Pô Kuk cũng truyền cho loài người đừng uống rượu, ham mê dục vọng, phải chịu khó tu hành và dốc lòng tiểu trừ ma quỷ. (Có lẽ do ý nghĩa này mà mỗi lần làm phép tiểu trừ ma quỷ, các thầy pháp Chăm đều gọi tên Pô Kuk đứng đầu).

Để ghi công loài vịt (giống chỉ đẻ trứng mà không ấp), để bảo tồn nòi giống này Pô Kuk cấm loài người không được sát sinh vịt để cúng thần linh. Còn gà tuy cũng có công nhưng vì [biết] ấp trứng [để] nở con, có thể sinh sôi nảy nở nên ngài cho phép loài người giết gà [để] cúng Thần. Do đó, người Chăm thường *giết gà để cúng tế thần linh* cầu xin phước lành./-

Truyện cổ Chăm

Trang màu trắng
(white page)

7. Thơ tiếng Việt

Lời cho anh

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 16

Hàn Đông

(trong những điệu trầm)

Ôi xin anh đừng quay lưng đi,
Bỏ lại đau thương có ích gì.
Cho lệ tràn đầy đôi má dại,
Cho buồn vương vấn ở trên mi.
Tôi chỉ xin anh có một điều,
Dù đời giá lạnh lắm cô liêu.
Anh đưa tay rấn cho tôi bám,
Để lũ chúng tôi được dắt dìu.
Quá khứ còn hay chết hắt rồi!
Bao nhiêu ngày tháng cũ anh ơi!
Xin đừng quên lãng theo năm tháng,
Trút hận muôn đời cho chúng tôi.
Đất nước này đâu phải riêng ai,
Sao anh mãi mãi vẫn u hoài.
Hãy đi nhau cố vượt lên nhé!
Đừng bỏ nhau trên quãng đường dài.
Anh hãy là tôi, tôi là anh,
Dù cho ngày tháng có qua nhanh,
Mái đầu anh điểm pha màu trắng,
Mộng của chúng mình vẫn cứ xanh.
Mong ước đường đời tôi có anh.
Niềm tin nó sẽ hết mong manh,
Cho tôi tìm thấy trên môi dại,
E ấp cười duyên đáng đẹp lành.
Tha thiết mong anh chớ cúi đầu,
Để cho ngày tháng phải qua mau.
Cho đàn em nhỏ bơ vơ lạc,
Đau xót muôn đời nếu thiếu nhau.

Thơ tiếng Việt

Gắng học

ƯỚC VỌNG, số 1, Mùa Hè, 1968, trang 22

Huỳnh Ngọc Trảng
(Đệ Thất), Hè 68

Các em cùng học một trường,
Ngồi chung một lớp, học chung một thầy.
Hằng ngày sung sướng vui vầy,
Đến trường nghe lấy lời thầy khuyên răn.
Học hành chăm chỉ chuyên cần,
Tranh đua học tập dành phần điểm cao.
Phen này em quyết làm sao,
Hàng trên vị thứ, nhìn vào thấy ngay.
Sự học quan trọng lắm thay,
Phải chăm, phải cố, cố ngày cũng nên.
Tu thân sửa tính cho thành,
Ngày sau ta sẽ nên danh anh tài.
Lo tròn nhiệm vụ người trai,
Giúp dân giúp nước, một mai huy hoàng.

Hè trong thương nhớ

ƯỚC VỌNG, số 1, Mùa Hè, 1968, trang 22

Phú Văn Tình
(Đệ Thất), Hè 68

Rồi đây đến lúc chia tay,
Hè về hoa phượng nở đầy đường đi.
Phượng ơi đừng nở làm chi,
Lòng ta buồn tủi cũng vì phượng thôi.
Sắc hoa màu thắm rơi rơi,
Từ đây cách biệt ngôi trường thân yêu.
Cảnh vật sao quá tiêu điều,
Bạc bè đi hết, quạnh hiu cạnh trường.
Từ đây mang nặng tình thương,

Thơ tiếng Việt

Bao nhiêu kỷ niệm, vương vương nổi lòng.
Trường ơi những ngón cùng trông,
Hãy mau kết lại những dòng thời gian.
Để ta nghe lại bản đàn,
Khúc ca ngày ấy họp đoàn chung vui.

Thương về trường cũ

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 14

Phú Văn Tình

Gửi về An Phước cũ một niềm thương bất tận

Hôm nay là buổi tựu trường đây
Nỗi nhớ trường xưa lệ nhỏ đây
An Phước còn đâu hình bóng cũ
Lá vàng rơi rụng gió thoảng bay
Nơi ấy còn không dáng người thân
Những ngày tháng cũ đã xa dần
Chiều nay có ai về An Phước
Trao gửi đôi lời như cố nhân
Trường cũ giờ đây đã hoang tàn
Một mình đứng lặng với thời gian
Chiến tranh tàn khốc hay định mệnh
Và để nơi đây dấu võ vàng.

Xứ lạ hằng đêm tôi nguyện cầu
Bao giờ dứt hết những thương đau
Bao giờ An Phước tươi nguồn sống
Đón nhận nơi đây những mái đầu.

Thơ tiếng Việt

Tháp cũ

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 7

Thọ Thị Lâm
(lớp 9)

Trăng mờ nhạt lững lờ soi Tháp cũ
Hàng cây buồn ủ rũ gục vào nhau.
Tiếng quyện kêu vắng vắng oán than sầu
Hận vong quốc chìm sâu vào dĩ vãng
Còn đâu nữa người ơi ngày chói rạng?
Đâu *kinh thành* lấp loáng ánh vàng son?
Đâu *non sông* chốn cũ thuở huy hoàng,
Đâu *khúc nhạc* ca vang mừng đại hội.
Ngày tháng đó người ơi thôi đừng nói
Nhắc làm gì chỉ gợi những sầu vương
Hãy quên đi, quên hết những nỗi buồn
Bỏ hờn oán, tình thương ta hàn gắn.

Thân phận

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 13

Đàng Năng Sinh

Trong đêm tối nghẹn ngào tôi lặng khóc,
Tủi thân mình cô độc phận mồ côi.
Vì chiến tranh đã cướp mất người ơi!
Hình ảnh mẹ ngàn đời tôi thương nhớ.

Bên xác mẹ, ôm Nội già nước nở.
Thương em nhiều, lo sợ bước tương lai.
Tôi băng khuâng cuộc sống hãy còn dài.
Đời cạm bẫy chông gai mình bé nhỏ...

Tôi cực khổ, lang thang kể từ đó.
Bỏ học hành chịu khó để mưu sinh
Nuôi em thơ từng bữa lãng quên mình

Thơ tiếng Việt

Ai hiểu được tâm tình con mất mẹ.

Đường lao khổ tôi đi trong lặng lẽ.
Sống lạc loài từ bé đến hôm nay.
Biết bao đêm thao thức lệ rơi đầy.
Xót thân phận đắng cay, nhiều bất hạnh.

Nỗi buồn của con

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 14

Đàng Năng Sinh

Chiều chiều ra đứng bờ sông,
Thích về quê mẹ nhưng không có đò.
Chiều chiều ra viếng thăm mồ
Trông về đất lạnh ngẩn ngơ con buồn.

Gửi lời cho em

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 61

Đàng Năng Sinh

Hãy cố học để tương lai bừng sáng
Cho Nội nhà nở rạng một niềm vui
Anh em ta xây đắp một cuộc đời
Đừng nản chí em ơi bền sức sống
Từng đêm lạnh bên đèn khuya một bóng
Nghe lệ trào ước vọng ở quanh mi
Vì thương em bé nhỏ chẳng biết gì
Tuổi thơ ấu sớm đi vào cảnh khổ

Anh cố gắng đem tài hèn sức nhỏ
Vì sinh ra anh chẳng có bạc vàng
Thiếu tiền tài tình cảm vẫn mệnh mang
Thề chịu đựng, bền gan tay chèo chống
Anh cũng biết nếu mẹ cha còn sống

Thơ tiếng Việt

Mình có quyền ước vọng tương lai
Ai cấm đâu những đứa trẻ lạc loài
Nuôi hy vọng chờ ngày mai tươi sáng
Anh còn nhớ em ơi thời dĩ vãng
Phút lìa trần mẹ rón dạn dò thêm
“Gắng nghe con, ở lại cố nuôi em”
Gầy dựng nó sớm nên người hữu dụng

Lời hiền mẫu hôm nay còn vang vọng
Gợi cho anh một sức sống hy sinh
Bao tháng năm còn lại nguyện quên mình
Dành tất cả tâm tình cho em đó.

Tháp chiều thu

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 32

Đàng Năng Sinh

Tôi viếng tháp một chiều thu lá rụng
Áng mây vàng thong thả nhẹ nhàng trôi
Bay tha thướt dưới chân trời bất tận
Như hồn tôi đang lăm nổi băng khuâng
Tuy chân bước mà lòng đang vương vấn
Cùng bước đều theo nhịp thở của con tim
Hòa vang theo tiếng xạc xào hoa lá
Cùng đưa theo làn gió nhẹ nhàng qua
Tôi ngẩng mặt đứng nhìn lên đỉnh Tháp
Cảnh điêu tàn sơ xác lại hiện ra
Chỉ trông thấy những rêu phong mục nát
Những tượng Chàm lác đác đuối nhau rơi
Hôm nay đó và còn mai kia nữa
Mai kia kia rồi tiếp đến mai sau
Trên mặt đất vắng hoang cần cội
Dấu lệ này ai lấy khăn lau
Cứ nấn lại lũy thành xưa đổ nát

Thơ tiếng Việt

Dấu mặt trời cuồng độ đuổi xô
Mai đợi đây mây ngang trời rộn rã
Tiếng vui cười sẽ trở lại cùng ta.

Không thuộc bài

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 17

Thuận Văn Quốc

Hôm qua vì ham chơi
Tôi quên cả học bài
Và đợi khi sáng tới
Mới cầm học sơ sài.

Hôm nay vào lớp học
Thầy gọi tôi trả bài
Tôi đứng lên và đọc
Không biết đúng hay sai
Mãi áp-a áp-úng
Mới đọc được hàng đầu
Tôi đâm lo lúng túng
Vì không thuộc hết câu

Thầy bảo tôi đi xuống
Nói rồi giở sổ ra
"Dê-rô", cho tôi uống
Vì thuộc bài quá ta.

Chiều quê tôi

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 18

Quảng Chấn

Chiều chiều đứng ngõ trông ra
Bóng chiều tha thướt thật là buồn ghê
Tiếng chim riu rít bay về

Thơ tiếng Việt

Nào người nào vật mãi mê suốt ngày

Tới khi đã đến giờ đây
Lớp người lớp vật đến đây đường đi
Hàng cây những lá xanh rì
Cành cây rung động như mừng chiều quê.

Chiều vắng

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 22

Quảng Đại Điển
(lớp 7/2)

Trời buồn đứng giữa không gian,
Cây yên lặng gió mây vàng buông trôi.
Hoàng hôn vừa khuất sau đồi,
Chim bay về tận phương trời xa xăm.

Chuông chùa thông thả nhẹ ngân,
Xa đưa tiếng sáo mục đồng hắt hiu.
Mái tranh quyện khói lam chiều,
Tình quê lai láng thân yêu đậm đà.

Mẹ ơi con mơ

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 25

Quảng Đại Điển

Hè sang ve thổi nhạc buồn
Con nghe Xuân chết giữa hồn ngây thơ!
Còn gì những ước cùng mơ?
Con nghe phượng rụng lòng bơ vơ sầu.

Còn mơ Thu đến nhịp cầu?
Thương xưa tình cũ đẹp màu thiên thanh

Thơ tiếng Việt

Phượng rơi lác đác ve lành
Con nghe tình nhớ mong manh trong lòng.

Đêm khôn cùng

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 54

Quảng Đại Điển

Trời buông nắng xuống sân trường
Tiễn người đắm lệ đoạn trường tim gan
Mưa rơi nhỏ giọt đôi hàng
Đêm nay đưa tiễn mây ngàn xót xa

Thời gian như mối tình gà
Ngao du trong gió mặn mà giáng xưa
Người đi kẻ ở ngóng chờ
Đến thu vàng lá mắt mờ chân mây.

Nhớ ới ta nhớ những ngày;
Tóc buông lời nói ngắt ngây nỗi niềm.

Hoàng hôn

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 22 – 23

Ngọc Lan (Hứa-Phảng)
(lớp 7/2)

Mặt trời vừa khuất phương Tây,
Vài con chim sẻ tung bay gọi đàn
Vang vang trong buổi hôn hoàng
Ê a tiếng học của đàn em thơ
Xa đưa tiếng sáo lững lờ
Từng bày mục tử thả thờ về thôn
Chuông chùa rời rạc nhẹ buông
Dư âm để lại nỗi buồn mênh mang

Thơ tiếng Việt

Khiến cô Chiêm nữ mơ màng
Bên sông ngắm bóng chiều sang hững hờ.
Lạc bầy cánh nhạn bơ vơ,
Ngàn sao lấp lánh đợi chờ bóng đêm.
Nhà ai vọng tiếng ru em
Sương chiều vương nhẹ, ánh đèn hắt hiu
Đó đây vạc bắt đầu kêu
Phước Nhon lặng lẽ bóng chiều ra đi...

Trường cũ

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 17

Ngọc Lan (Hứa-Phăng)

(lớp 7/2)

Hôm nay trở lại trường xưa
Phượng buồn khoe sắc, ve đưa nhạc sầu
Ai gây chi cảnh thương đau
Trường xưa vắng những mái đầu mấn yêu
Giờ đây cảnh vật tiêu điều
Thần thờ bóng cũ về chiều còn đâu?
Khắp nơi ảm đạm một màu
Trường tiên ngói đỏ u sầu thê lương
Trách ai tình vẫn còn vương
Cố nhân sao chẳng thăm trường hoang vu
Đông về, Xuân lại sang Thu
Lá vàng lả tả, sương mù bụi bay
Còn đâu giây phút sum vầy
Trường tan bạn cũ giờ đây hoang tàn
Chiến tranh định mệnh phủ phàng
Đang tâm tàn phá, chẳng màng xót thông.

Thơ tiếng Việt

Lời cuối cho mùa hạ

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 22 – 23

Ngọc Lan (Hứa-Phảng)
(lớp 7/2)

Xuân đã đến, Hè sang sâu cách biệt
Đâu còn gì kỷ niệm thuở học sinh
Bạn lòng ơi! Hãy kể lại tâm tình
Thơ thương nhớ ve sầu ca nước nở.

Chuyện bút mực giờ đây đành dang dở
Lối ra về phượng rải rắc, ve than
Trên trời cao nắng Hạ chợt mơ màng
Giờ gác bút Hè sang bao luyến nhớ.

Này ve hỡi im lặng đi đừng nước nở,
Tâm can này tan nát bởi vì mi
Mi than van, vui hát điệu nhạc gì?
Đừng khóc nữa, im đi ta van vái.

Hè chợt đến, sân trường hoa cỏ cháy
Bóng ai buồn thơ thẩn ở cuối sân,
Cho ta đi được hiện diện một lần
Rồi mai nếu cách xa mình an phận.

Rồi sau đó cuộc đời ta lên đận,
Nhặt phượng tàn nuốt hững khối ưu tư
Ngày xưa qua ai khóc biệt già từ
Ôi dĩ vãng vấn vương ta bịn rịn.

Một lần nữa ta bảo: ve hãy nín
Cho một lần: phượng ngót rải hoa tươi
Cho môi ta hiện diện một lần cười
Cho Thu đến lá vàng in trang giấy

Ta còn nhớ cách xa trường từ đây

Thơ tiếng Việt

Chuyện học trò thuyên lỗ bước sang ngang,
Hạ ơi! sao mi lại nở phũ phàng,
Thôi hết cả! Giác mơ đời thi sĩ,

Ta mơ ước kết hoa mùa phượng vĩ
Lối ra về lác đác lá hương Thu,
Cho lòng ta hết cần cỗi, hoang vu,
Cho ta mặc áo thơ tràn ý sống.

Mẹ Việt Nam

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 37 – 38

Ngọc Lan (Hứa-Phăng)

Mẹ Việt Nam hai mươi năm khói lửa
Mái tranh nghèo, mòn mỏi ngóng đàn con
Đêm đêm nghe tiếng đại bác nổ dồn,
Lòng quặn thắt, sầu dâng bao tiếng nấc

Khói lửa hai mươi năm rồi reo rãc,
Gia tài này để lại lũ con thơ,
Chiến tranh về nằm cháy ngọn trơ trơ
Lũ con đói: nằm dài bên sông chết.

Hai mươi năm rồi, xác người la lết
Mẹ Việt buồn, đầu buột mảnh khăn sô,
Bên mồ con than khóc: ới cơ đồ!
Rồi gục khóc, vai gầy ôm tóc xỏa.

Hai mươi năm rồi quê hương nghiêng ngã
Hai mươi năm máu chảy tụ thành sông
Hai mươi năm qua xương máu chất chồng
Ôi, định mệnh hẩm hiu đời bất hạnh.

Súng lại nổ, tuổi già tim chột lạnh,
Tay cỗi cần tựa cửa ngóng ra xa,

Thơ tiếng Việt

Ngoài xa kia sương phủ bãi tha ma,
Từng tiếng khóc con ma gào đòi sống!

Ai? Ai? nở gieo sâu bao tang tóc
Lưng mẹ hằn lần đạn những đêm thâu
Áo mẹ xanh nay hóa kiếp bạc màu
Đời bể khổ mẹ sâu đôn côi cút.

Đã, đã hai mươi năm rồi bom trút
Tuổi về chiều mẹ sống những ngày đôn
Nghe đàn con cầu xé bóng đêm trường
Sông Bến Hải đàn con la inh ỏi!

Trời hỡi trời! hai mươi năm mòn mỏi
Con khẩn cầu Thượng đế rộng từ bi
Cho quê hương khói lửa hãy ra đi
Cho mẹ Việt nhoẻn cười nhìn con lại.

Quê tôi

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 23

Đàng Sĩ Điểm

Quê tôi ở chốn rừng xanh
Phần đông nghèo khổ nhà tranh tối tăm
Dân số ước độ một ngàn
Dân quê ao ước giàu sang thanh bình
Phía đông có một mái Đình
Trường học với những học sinh nô đùa
Nhộn nhịp tấp nập như mùa Xuân sang
Đồng xanh tràn ngập lúa vàng
Quê tôi yêu dấu muôn vàng ấm no

Thơ tiếng Việt

Vòng tay mẹ hiền

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 51

Đàng Sĩ Điểm

** kính trao hiền mẫu*

Chiều quê đã nhạt nắng
Tiếng thu buồn xa xa...
Điệu buồn theo năm tháng
Với tình mẹ bao la

Tình mẹ không bến bờ
Âu yếm bỗng con thơ
Bàn tay mẹ gầy yếu
Tiếng ru buồn như mơ...

À ơi!...lời ru mẹ hát,
Ru giấc ngủ triền miên
Năm con còn ngỡ ngác
Trong vòng tay mẹ hiền...

Tình bạn bè

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 23

Thạch Ngọc Quân

Lớp 7/2

Các em cùng học một trường,
Cùng thầy cùng bạn, phải thương nhau nhiều.
Ganh đua học tập sớm chiều
Nghe lời thầy dạy trọng điều nghĩa nhân.
Thương nhau như thể tay chân,
Một lòng tận tụy, chẳng phân giàu nghèo.

Thơ tiếng Việt

Tâm sự tháp Chàm

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 30 – 31

C.V. P

Chiều dần xuống đứng lẻ loi buồn nản,
Trên đồi cao năm tháng mãi bơ vơ.
Thân hình tôi là một đồng gạch khô
Sương với gió nắng mưa làm vỡ rạn.

Sao không ngự ở Kinh Thành ánh sáng
Tôi lại về miền Thôn Bản hoang vu
Đêm đêm nghe những tiếng khóc hận thù
Lời uất nghẹn từ muôn thu vọng lại.

Vì sao nhỉ? Vì sao tôi sống mãi
Những tháng ngày còn lại: kiếp diệt vong
Chiêm Quốc ơi! Ai hiểu được nỗi lòng
Kẻ khắc khoải sống trong từng kỷ niệm.

Tôi nhớ quá những Đèn Đài Cung Điện
Thuở vàng son tằm tiếng của dân ta
Ôi chiến công hiển hách Chế Bồng Nga
Còn đâu nữa?-Sương sa vùng Tháp lạnh.

Tôi cúi mặt dấu đi niềm kiêu hãnh,
Nghe nghẹn ngào cô quạnh ở trong tâm
Người xưa đâu chẳng trở lại một lần
Thăm quê cũ, nhìn núi sông đổ nát?

Nói sao hết những nỗi niềm khao khát
Xóa sao nhòa những điệu nhạc hờn căm
Khóc sao với những nỗi khổ âm thầm
Trong tâm khảm của người dân mất nước.

Dĩ vãng sáng bừng tương lai chấn bước
Hiện tại buồn, còn có nghĩa gì đâu

Thơ tiếng Việt

Sống thêm chi cho vương nhục, vấn sầu
Xin vĩnh biệt - Tháp Chàm tôi muốn chết.

Lời cuối cho em

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 42 – 43

Tần Nữ

Dòng chữ cuối dành cho em đó
Chiêm nữ ơi! Em có biết hay không?
Gửi nơi đây tất cả những nỗi lòng
Tâm sự kẻ thán năm sầu cố quốc.

Em có nhớ ngày xưa vì nước mất
Thục Đế buồn, nước mắt chảy năm canh
Ánh trăng khuya mờ nhạt chiếu qua màn
Người gục chết biến thành chim Đỗ Vũ

Chị không muốn nhắc chi đây chuyện cũ
Để em sầu, áp ủ một niềm đau
Gọi làm chi dĩ vãng dưới mồ sâu
Khi đáy huyết đã bắt đầu mục nát

Nhưng em ạ, cứ mỗi lần qua Tháp
Cảnh điêu tàn, sợ xác lại hiện ra
Chị bàng khuâng tưởng nhớ Chế Bồng Nga
Thương Tổ Quốc, Sơn Hà không còn nữa

Tìm đâu nữa em ơi bao ánh lửa
Đêm hoa đăng trước cửa thành Đồ Bàn
Muôn dân Chiêm ca hát khúc khải hoàn
Mừng chiến thắng hân hoan và hãnh diện

Ngày hoa mộng chóng qua rồi tai biến
Khói lửa tràn, Cung Điện đổ, Thành xiêu
Thịt xương rơi máu chảy cũng đã nhiều
Màu tang chế cô liêu chòm Chiêm quốc

Thơ tiếng Việt

Cả cơ nghiệp, em đi...trong phút chốc
Nát tan còn mảnh đất vắng tiêu sơ
Khấp nơi nơi ủ rủ một màu cờ
Sắc tang trắng bây giờ em buộc tóc

Nhớ không em thuở huy hoàng đã mất
Dấu chi em niềm u uất trong tâm
Lau đi em, những giọt lệ không cầm
Ngồi xích lại thêm gần đây chị bảo

Cố quên hết bao sâu thương khổ não
Chuyện qua rồi, hãy tạo một tình thương
Đây Việt Chiêm thân ái khắp mười phương
Bỏ thù hận, chung đường tìm ý sống.

Hạ buồn

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 14 – 15

Nguyễn Hạnh

** trao về ai có “kỷ niệm ban đầu”*

Màu phượng đỏ trên cành đem ly biệt
Nhạc ve sầu tha thiết gọi Hè sang
Bơ vơ đi lặng lẽ giữa hôn hoàng
Mình cúi mặt, mệnh mang buồn chi lạ.

Này ve hỡi, nín đi đừng ra rã
Phượng hãy ngừng tới tả sắc hoa rơi
Để cho ta gửi gắm lại một lời
Thơ thương nhớ mong với sầu chiu nặng

Hồi tưởng lại một chiều Thu nhạt nắng
Bước ngập ngừng xa vắng, ghé nơi đây
Mình băng khuâng lo ngại những tháng ngày
Nơi xứ lạ, từ nay ai an ủi?

Thơ tiếng Việt

Buồn ghê lắm, phút tan trường lắm lắm
Trên đường về đón gió bụi thành than
Nghe rưng rưng khóc mắt lệ tuôn tràn
Thầm lặng bước - Chiều lan qua thành phố

Rồi ngày tháng qua đi bên tuổi nhỏ
Ánh mắt hiền đây đó đã thiết tha
Những bờ môi hé mở tựa ngàn hoa
Mình quên nỗi nhớ nhà, buồn xa mẹ

Bên tất cả tình thương mình vui vẻ
Sống êm đềm như thế tưởng ngàn năm
Nào ngờ đâu định mệnh muốn rẽ ngăn
Đem Hè đến âm thầm không báo trước

Giờ tan học, chiều nay mình lê bước
Buổi cuối cùng nghe nước mắt chảy quanh
Những ngày vui xum họp quá trôi nhanh
Và tất cả... nay thành vùng kỷ niệm

Hè sang

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 16

Nguy Hoạt

Ve ngâm từng khúc nhạc
Báo hiệu mùa Hè sang
Lá vàng rơi lác đác
Hoa phượng nở bên đàng

Tay ôm từng kỷ niệm
Nhìn mái trường thân yêu
Mùa chia tay lại đến
Tự nhiên vương vấn nhiều

Nắng Hè như thiêu đốt

Thơ tiếng Việt

Mùa phượng đỏ chói chan
Biết làm sao bạn hỡi
Ta níu lại thời gian

Có bao điều tâm sự
Đừng ấp ủ trong lòng
Tay nắm tay khẽ nói
Cho với bớt thương mong

Rơi rắc từng giọt mưa
Trên đám cỏ lúa thưa
Chiều nay buồn chi lạ
Ngậm ngùi phút tiễn đưa.

Thơm mùi đất mẹ

ƯỚC VONG, số 03, năm 1971, trang 23

Hoài Lâm Hương

Thơ anh viết chiều nay sau buổi học
Gửi người em tuổi ngọc xứ dân Chiêm
Trọn nơi đây tất cả những nỗi niềm
Bao lo ngại của từng đêm tựa cửa...
Anh rất sợ ngày mai không còn nữa
Em gái Chiêm thuần túy của thời xưa
Không còn nơi gương sáng của My Ê
Cùng Hoàng Hậu Mỹ Lan Hương thuở nọ
Anh rất sợ cách xa hoa quyến rũ
Bắt em quên những mĩ tục cổ truyền
Và áo đen - màu tang chế dân Chiêm
Hàng tưởng nhớ Bông Nga và Chế Củ
Khăn trắng chít đầu - Cờ tang ủ rũ
Em biết chăng kỷ niệm của diệt vong
Vui chi em vết thương lở khắp lòng
Thêm mai nữa và người đời nguyên rủa

Thơ tiếng Việt

Tiếng mẹ đẻ biết em còn nhớ nữa?
Anh van em đừng thương mến anh thêm
Nếu em quên những tiếng nói dịu hiền
Coi như chuyện tình yêu mình đã mất
Anh sẽ đem lờ làng duyên chôn chặt
Trong lòng anh chung thủy đến trọn đời
Trái tim anh anh chỉ gửi một người
Không vương vấn trên những miền đất lạ
Ước nguyện không thành đời anh tàn tạ
Gắng lên em đừng trái ý tình anh
Phong tục xưa xin giữ trọn tâm thành
Tiếng em nói phải thơm mùi đất mẹ.

Cho mai sau

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 17
(cho học trò của tôi)

Hoài Lâm Hương

Cũng cần đất phì nhiêu
Cũng cần là mưa nhiều
Cây con mới tươi tốt (?)
- Cần chăm sóc, nuông chiều.

Dù chúng ta là nắng,
Dù chúng ta là sương
Cũng cần như phân bón,
- Đứa trẻ cần tình thương.

Khoan hái lá, bẻ cành
Chúng hãy còn non xanh
Mai sau dùng chẳng muộn,
Xin người chớ chen, tranh.

Mỗi người một năm phân,

Thơ tiếng Việt

Mỗi người một gàu nước
Mỗi người một cây cuốc
Góp tâm lực vun trồng.

Cây cối ắt xanh tươi,
Đẹp mắt chung mọi người.
Dưới bóng cây ta hát
“Tương lai mình sáng ngời.”

Quê em

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 24

Phú Thành

Quê em xa chốn thị thành
Tục danh là xóm Hậu Sanh người Chàm

Quê em thuộc nước Việt Nam
Bắc, Đông ruộng lúa, Tây, Nam rừng già
Phía Tây cách khoảng không xa
Có ngôi Tháp gạch ấy là Tháp Chiêm

Trong làng những bậc thanh niên
Cầm súng chiến đấu một niềm hăng say
Từ hơn khoảng một năm nay
Ngôi Trường Tiểu Học mới xây giữa làng

Quê em đang thuở huy hoàng
Muôn dân no ấm lúa tràn đồng xanh
Mùi hương đất lạ thơm lành
Bàn tay góp lại xây thành tương lai

Quê em bền vững lâu dài
Quanh năm suốt tháng miệt mài làm ăn
Nữ thời cấy lúa dệt khăn

Thơ tiếng Việt

Nam thời cày xới có lần đi buôn

Chúng em bé nhỏ đến trường
Trao đổi văn hóa lớn khôn giúp đời
Quê em nay đã sáng ngời
Tình thương ý chí khắp nơi vững bền

Ngày xưa còn bé

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 43
viết theo đoạn văn "*Ngày Xưa Còn Bé*"
của Ngọc Lan đăng trên Ước Vọng 4

Phú Thành

Tôi ghé trường xưa một buổi chiều,
Phượng buồn nức nở tiếng ve kêu.
Ngày xưa còn bé về đâu nhỉ?
Trường đó người đây lắm quạnh hiu.
Tôi nhớ ngày nao đọc i tờ
Bên cô hiền mắt sáng trêu mơ
Ngoài trời phơ phất cờ bay gió
Chim nhỏ bên đường hát bài mơ.
Tôi nhớ ngày nao trống tan về,
Chiều đông mưa lạnh nhỏ lê thê!
Trên tay xách vở tung tăng nhảy,
Khi lúc đến nhà chịu "tò te"
Tôi nhớ ngày nao bên bờ ao,
Cần câu, giỏ cá bắt cào cào
Nức nở tiếng cười khi giựt cá
Hàng tre gió thổi hát lao xao.
"Ngày xưa còn bé" của tôi ơi!
Kỷ niệm lòng tôi kể sao với?
Vẫy tay già biệt mi lần cuối,
Hồi ký ngày thơ: lúc vào đời.

Thơ tiếng Việt

Lời cầu xin

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 41 – 42

Thiên Thị Nai
(Franciscaines Đà Lạt)

Xin cho quê hương mình thôi lửa đỏ
Nắng trưa về thôi đốt cháy niềm tin
Con quỳ lên, lạy Thượng đế cầu xin
Mong đất nước mau thanh bình trở lại.

Xin Chúa nhận cho, lời con vụng dại
Đất Việt này thôi ngậm đắng nuốt cay
Hỏa châu rơi tan giấc ngủ mê say
Đừng nghe thấy lũ điều hâu súng đạn

Con xin Chúa một nhiệm màu thấp sáng
Quê hương mình rã rạc hết chiến tranh
Chúa yêu thương ban lần cuối phước lành
Cho con Việt biết một nhà Nam Bắc

Tháng ngày dài chiến cuộc gieo tang tóc
Kiếp phù du trông đợi mất niềm tin
Đến ngày cuối thôi khắc khoải cầu xin
Đến ngày ấy quê hương còn nứt rạn

Con xin Chúa lĩnh nguồn cao xứ lạnh
Ngày trở về không ngỡ ngác bơ vơ
Cho con thấy một sự thật như mơ
“Bến Hải thôi, hết rồi mùa ly loạn”

Cũng da vàng, cùng đồng hương quê quán
Nay trở về mang thân xác lạt phai
Đất nước này đâu của chỉ riêng ai
Nay khép kín - người thân tình niềm nở

Bao năm rồi hít khói bom ghệt thở
Vòng tay mềm không đan lấy dù nhau

Thơ tiếng Việt

Lạy Trời cao nghe con xin nguyện cầu
Lạy Thượng đế dập tắt chiến tranh tàn khốc

Mơ về tháp

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 51

Sinh Tử

Ngồi nhìn sương lạnh chiều Đông
Mơ về đất Tháp nghe lòng nhớ thương
Tháp Chàm cúi mặt sầu vương
Tháng năm ôm ấp nỗi buồn lẻ loi.
Đồi cao từng chiếc lá rơi
Đổ Quyên khắc khoải khóc thời vàng son
Non sông Chiêm Quốc đâu còn
Dấu chân kỷ niệm phai mòn thời gian
Thần thờ đốt một nén nhang
Hương về Đất Tháp lòng tràn khổ đau
Thành tâm ta kẻ nguyện cầu
Cho người còn lại thương nhau suốt đời
Chiêm Quốc ơi! Chiêm Quốc ơi!
Nghìn thu ôm hận một thời diệt vong.

Quê hương và chiến tranh

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 39

Sinh Tử

Quê hương tan tác bom cày
Phá tan giấc ngủ mê say con người
Đêm đêm đại bác nổ rơi
Làm sao quên nỗi cuộc đời đắng cay
Lòng tôi khổ não đêm ngày
Thương cho số phận đọa đầy luân lưu

Thơ tiếng Việt

Đạn rền thay gió mùa xuân
Hỏa châu thấp sáng một vùng quê ta
Đồng xanh thuở ấy bao la
Mục đồng vui hát khúc ca ngày mùa
Thôn quê vang tiếng cười vui
Đêm ba mươi tết giao thừa quê hương
Giờ đây cảnh ấy đâu còn
Ai gây chi cảnh tang thương nã o nề
Ước sao năm tới Xuân về
Cà Mau, Bến Hải, tràn trề niềm vui.

Lớp tôi

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 52

Báo Ngọc Lít

Trường tôi có lớp Bảy Hai
Học hành xuất sắc hơn ai trong trường
Bạn nào học giỏi cô thương
Mỗi lần vào lớp cô thường ngợi khen
Bảy Hai cố gắng luyện rèn
Để cho trong lớp người khen được nhiều
Học sinh cố gắng mọi đều
Mỗi lần trường đặt ra nhiều cuộc thi
Bảy Hai chiếm được giải nhì
Niềm tin “ước vọng” khắc ghi lần đầu
Tinh thần tự giác rất sâu
Áo quần đồng phục một màu trắng xanh
Học hành tiến bộ rất nhanh
Thương yêu đoàn kết đua tranh với đời
Gắng công học chẳng ham chơi
Để cho tiếng tốt lớp tôi vẫn còn
Bảy Hai nhiều đứa con con
Nhưng mà xứng với Pô Klong hiệu trường.

Thơ tiếng Việt

Đây Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 24

Báo Ngọc Lít

Cách đây vào khoảng một năm,
Ngôi trường rộng rãi kang trang thành hình
Tường vôi cửa kính xinh xinh
Là nơi xây thắm cho tình học sinh
Trông vào đẹp đẽ mới tinh
Dành cho tất cả học sinh người Chàm
Năm phòng theo hướng Bắc Nam
Giúp cho giới trẻ người Chàm gặp nhau
Trước sân đất cát một màu
Với hàng dương liễu đều nhau mọc đầy
Giữa sân hai trụ bằng cây
Bóng chuyền sôi nổi ở đây mỗi chiều
Pô Klong đây đáng mỹ miều,
Học sinh đồng phục đủ điều làm gương,
Khiến cho du khách qua đường
Phải trông ngoảnh lại vấn vương mối tình...

Bình minh

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 53

Vạn Tình

Vùng ô, vừa ló phương Đông
Trên cành sương ướt, nắng hồng lung linh
Ruộng đồng chào đón bình minh
Đàn chim vỗ cánh vương mình tung bay
Nông dân, kẻ cuốc người cày
Chỗ kia cấy lúa, nơi này trồng khoai
Từng đoàn già trẻ, gái, trai
Hăng say dưới ánh nắng mai huy hoàng
Nắng tươi đổ xuống thôn trang

Thơ tiếng Việt

Lòng người rộn rã ngập tràn niềm vui.

Giã từ

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 60

Trường Giang

Kìa nắng Hạ đang ngập tràn tuổi dại
Và sân trường phượng rải rắc hoa tươi
Và muôn ve văng vẳng tiếng u hoài
Sầu ly biệt giờ đây xa cách mãi
Còn đâu nữa những ngày xanh êm ái
Sống bên nhau chung lối mộng ban đầu
Có ai ngờ ngày tháng quá trôi mau
Giờ ly biệt âu sầu mình đôi ngả.
Trường thân hỡi! Từ nay thôi hết cả
Bốn năm dài trao trả những buồn vui
Bước chân đi lòng vương vấn những bụi ngùi
Nghe xa xót dâng tròn lên khóe mắt
Ta muốn dấu Trường ơi bao thống thiết
Thuở sách đèn mình thân mật bên nhau
Lúc chia ly ôi giây phút u sầu
Lòng tê tái gục đầu ta tiếc nhớ...

Sau lưng

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 20

Hoài-Hương

Tôi cảm thấy cô đơn
Ngày sắp sửa bãi trường
Chia tay, người mỗi ngã
Kỷ niệm nào buồn hơn.

Thơ tiếng Việt

Bên mình vở sách dày
Chín tháng như tên bay
Hè về, dài đằng đẵng
Ngăn cách tuổi thơ ngây

Bỏ lại ở sau lưng
Phòng trống trải, lạnh lùng
Sân trường buồn không nói
Bàn ghế nằm lặng câm

Hàng dương liễu xanh xanh
Sầu thương tóc vàng nhanh
Khăng khiu vì mong đợi
Ai hờ hững sao đành.

Xa nhau thấy nhớ nhiều
Các bè bạn thân yêu
Thầy, cô tôi đâu vắng
Mái tranh quê tiêu điều

Ước mong chóng tựu trường
Cho lòng bớt vấn vương
Gắng công chuyên học tập
Cho bạn mến thầy thương.

Ngày thơ ấu

(trao về những thằng bạn đã ra đi...)

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 21

Chiều nay lòng ta vấn vương lạ
Hương về trường cũ chạnh niềm đau
Thu mới độ nào sao nhanh thế?
Để lại lòng ta bao nhớ thương
Nhớ những buổi chiều còn rộn rã
Tiếng cười vui, phất phới áo tung bay

Thơ tiếng Việt

Vài đàn chim sẻ trên cành phượng
Ca hát líu lo tuổi học trò
Nhớ những ngày xưa còn thơ ấu
Trên con đường mẹ dẫn đến trường
Lần đầu tiên được vào lớp học
Lòng nghe bỡ ngỡ lẫn ngỡ ngàng
Nhưng giờ đây biết tìm đâu nữa?...
Kỷ niệm vui buồn thuở xa xưa?...
Giờ đây sân trường đều hiu quạnh
Cùng tiếng ve rên rỉ bản nhạc sầu
Ve ơi! Ta van mi đừng rên nữa
Đừng thốt lên chi điệu nhạc buồn
Kỷ niệm ban đầu mi đã cướp!
Để lòng này ôm mối cô đơn.

Hồn tháp

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 49

** nhớ thương Chiêm Quốc vào một buổi chiều cô quạnh.*

Ngọc Toán

Đồi cao mở lối đưa hồn
Thấy mình lữ lối chập chờn bóng xưa
Mộng về gió cuốn xa đưa
Nhớ thời dĩ vãng nắng mưa gợi buồn
Một mình cúi mặt cô đơn
Nghe hồn lên tiếng van lơn não nề
Đền trời soi bóng thảm thê
Thương người ở chốn bốn bề mệnh mang
Làm sao ta hết ngỡ ngàng?!...
Phút sang mỗi phút lại càng thêm xa.
Nhớ Chiêm Quốc tựa hải hà...
Thương Chiêm Quốc mãi như là núi non...!
Nhưng đời vẫn thấy mỗi mòn
Hình thù dáng vóc đâu còn trông nhau

Thơ tiếng Việt

Nghìn thu nghìn kỷ giọt ngâu
Nhớ thương sa ngã ôm sầu làm căm...

Hối hận

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 50

** trao về Đạt, Trường, Tươi*

Tài Giỏ

Đêm nay dưới ánh trăng rằm
Ngồi bên song cửa ta thầm nhớ thương
Tháp Chàm ẩn hiện màn sương
Thân mình lở lói tang thương ê chề
Từng làn gió kéo lê thê
Từng viên gạch rụng não nề xác xơ
Tháp Chàm cúi mặt làm ngơ
Dấu niềm kiêu hãnh của thời vàng son
Nước non Chiêm Quốc đâu còn
Dư âm, dư ảnh vẫn còn đâu đây
Ai gây chi cảnh thương đau
Cửa nhà tan nát một màu thê lương
Còn đâu bóng dáng Chiêm nương
Cùng nàng Thái Hậu Lan Hương thuở nào
Đêm đêm vọng tiếng kêu gào
Của người chinh phụ ngán ngao đường đời
Đếm từng những hạt sương rơi
Hương về Tháp cũ lệ rơi mấy dòng
Cố nhân ngài chẳng động lòng
Để mình Tháp cũ, sống trong điêu tàn?

Thơ tiếng Việt

Viết cho Việt Nam

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 15-16

Tài Giỏ

Nhắc đến Việt Nam lòng tràn đau khổ,
Hai mươi năm quần quai trong thương đau.
Hai mươi năm đại bác vọng đêm sâu,
Người gục chết biết bao không kể xiết.
Có những đêm mẹ cất lời tha thiết,
Để ru con vào giấc ngủ thanh bình.
Rồi bỗng nhiên một viên đạn vô tình,
Cướp đi mất người mẹ hiền thương mến.
Có những chiều khi hoàng hôn vừa đến,
Người mẹ già nước mắt chảy quanh mi,
Người ta đem trả lại một tử thi.
Của đứa con bỏ mình vì đất nước.
Có những đêm trong căn nhà ẩm ướt,
Đàn con ngồi kêu “Đói quá mẹ ơi!...”
Lòng mẹ già như rách nát tả tơi,
Thương con trẻ, sớm mang nhiều bất hạnh.
Có những đêm sương rơi lạnh lạnh,
Súng nổ dồn từng trái hỏa châu rơi.
Người mẹ già cất tiếng “Ôi, con ơi.”
Rồi gục chết bỏ đàn con yêu dấu.
Nhắc làm chi khi Việt Nam lửa máu,
Nhắc làm gì khi dân Việt thương đau?
Trong tháng năm đầy những chuyện u sầu,
Thôi hết cả, thôi Việt Nam hết cả!...
Lòng cúi xin Đảng Từ Bi che chở,
Dập chiến tranh xoa dịu nỗi đau buồn,
Để cho dòng lệ mẹ khỏi tràn tuôn,
Để dân Việt thấy mặt trời rực sáng.

Thơ tiếng Việt

Viết cho người nằm xuống

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 29 - 30

Tài Giỏ

Một buổi chiều khi hoàng hôn phủ xuống,
Anh trở về trên một chiếc “băng ca”
Anh trở về bằng một chiếc vòng hoa,
Với năm chữ “*Phân ưu cùng tang quyến*”!
Anh trở về trong không gian lặng tiếng,
Anh không cười, không nói chỉ nằm yên.
Anh ru hồn vào giấc ngủ triền miên,
Không để lại dù một lời trần trối.
Anh trở về một chiều đầy bóng tối,
Anh trở về mẹ ngất lịm bên anh.
Anh trở về bằng thể xác hôi tanh,
Nằm bất động trong quan tài đầy máu.
Anh trở về trong chiến trường lửa máu,
Vết đạn thù bắn nát trái tim anh.
Anh trở về trên một chiếc trực thăng,
Nước mắt mẹ đầm đìa trên đôi má.
Anh trở về trong một căn nhà lá.
Đàn con ngồi quanh cái xác thân anh.
Anh trở về với nấm mộ vừa xanh,
Trong nghĩa địa nơi anh vừa an tọa.
Anh trở về tất cả đều xa lạ,
Con nhìn cha với đôi mắt thù hằn,
Vợ nhìn chồng tất cả đều lạnh căm.
Và tất cả anh về xa lạ.

Lười

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 52

Lương Văn Lợi

Mẹ cha may sắm áo quần
Mua cho mỗi đứa để cùng che thân

Thơ tiếng Việt

Mỗi năm chỉ có một lần
Tiền tiêu lặt vặt mỗi tuần một trăm
Lo cho con cái hằng năm
Thành tài con lớn đâu cần kể công
Cho vào trường học Pô Klong
Khuyên con gắng học nếu không mẹ sầu
Nhưng nào con có nghe đâu
Ngày này tháng nọ vào châu “bi da”
Mãi khi bạc hết tiền ra
Bây giờ mới tiếc thì ra hết tiền
Vào lớp thầy mắng liên miên
Bài học không thuộc thầy phiền bạn chê
Lúc này xấu hổ mới ghê
Từ rày không dám, xin thề chăm ngoan
Học hành cố gắng vẹn toàn,
Thầy cô thương mến, hết than mình lười.

Nuối tiếc

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 55 - 56

Vĩnh Trúc

Đồng Dương ơi, Tháp Đồng Dương
Nhìn người ta thấy đoạn trường làm sao
Càng nhìn càng thấy ghen ngào
Ai kia đập phá, ai đào xới đây?
Người xưa nào có biết hay
Kể nay đau đớn đắng cay muôn phần
Yếu đuối kia đành ngậm câm
Nuốt vào trong ngực lệ căm hận thù
Bao công trình, bao điểm tô
Mà nay còn lại nắm mồ xác xơ
Ngổn ngang gạch vụn chơ vơ
Biết bao năm tháng đợi chờ ai đây
Tượng người lán lóc chết đầy

Thơ tiếng Việt

Lối đi rậm cỏ, rừng cây lan tràn
Riêng một mình đứng thở than
Chùa chiều đầm ấm, hương nhan ngút trời
Tưng bừng nhộn nhịp ai ơi
Mà sao đây vắng bóng người vắng lai?
Nhà thờ lữ lượt bóng ai
Ra vô tấp nập mãi hoài ngày đêm
Giáo đường sao quá trang nghiêm
Còn đây lại cả một niềm hoang sơ
Quanh năm chỉ khói sương mờ
Đâu đây tiếng khóc cơ đồ ngửa nghiêng
Kinh đô, đất nước dân Chiêm
Bỗng đứng giây phút đắm chìm nơi nao
Máu dân Chiêm đổ biết bao!
Ao vuông Bình Định, xương cao thành đổi
Hết lớp người, lại lớp người
Chất xây ngôi báu, đời đời hiển vinh
Nước non là nước non mình
Lẽ đâu giờ chỉ, còn hình Tháp, Bia?
Nhưng nào nguyên vẹn, ô kìa!
Thịt văng từng mảnh, hồn lìa xác đi.
Đau đớn lắm có vui gì?
Người đi để lại sầu chi nào nề!
Để cho kẻ ở dầm dề giọt châu
Hết âu sầu, lại âu sầu
Nơi đây trùm phủ một màu tóc tang.
Xưa kia oanh liệt hiên ngang
Giờ đây chỉ thấy từng đoàn chuột, dơi
Bay ngang chạy dọc khắp nơi,
Hoang vu cảnh vật, sông, đồi núi cao
Số phận này biết nói sao!
Đừng than không trách lại nao núng lòng
Ngậm ngùi tưởng niệm non sông
Đồng Dương quạnh quẽ khuất trong bóng chiều
Thấp hương lòng trước cô liêu
Bước đi một bước thấy nhiều luyến thương

Thơ tiếng Việt

Tôi đây làm khách qua đường
Thăm giang sơn cũ cho tường rồi đi
Cúi đầu, tay chấp, gối quỳ
Mật niệm đôi phút sầu ghi trọn đời
Nước non, non nước dân Hời
Người đây, Tháp đấy, đời đời cách xa!

*(Tháp Đồng Dương và Ao Vuông thuộc Xã Bình Định,
Tỉnh Quảng Nam nay thuộc Quảng Tín)*

Niềm đau tuổi trẻ

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 18

Hồi Thi

Chiều buông tóc xỏa mịt mù,
Suy tư mang nặng tháng ngày buồn tênh
Cung sầu trải mộng thên thang
Tình ôm thương nhớ lên đèn u hoài
Cúi đầu buông rủ đôi tay,
Xanh xao tuổi nhớ hình hài bơ vơ.
Thoáng nghe rọi gọi âm thừa,
Vàng dẫu tiếc nuối, tím mờ niềm yêu.
Đêm về ray rức cô liêu,
Nhọc nhằn thể xác, rong rêu linh hồn.
Chiều buồn loạn động mưa tuôn
Đắng cay tuổi mộng héo muộn u tình.
Xin cho tôi được một lần
Nuông chiều kiếp sống cho tình lên cao.
Sóng xô lòng bỗng rạt rào,
Tôi xin chấp nhận lời vào cô đơn.

Thơ tiếng Việt

Hãy trả cho tôi

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 28

Star Hồng (Đà-lạt)

Hãy trả cho tôi Thiên Đàng đổ nát,
Hãy trả cho tôi tiếng nhạc mùa Xuân
Hãy trả cho tôi nửa hồn còn lại
Đừng để hồn kia gào thét điên cuồng.

Để tôi xây lại Thiên Đàng sụp đổ,
Đừng để ve rên suốt mùa Hè
Đừng để cho tôi niềm vui cần cỗi,
Và đừng để tôi hận suốt một đời.

Hãy trả cho tôi một Thiên Đàng mới,
Để tôi nhặt lá vàng sang mùa Thu.
Để cùng tôi nâng cạn tách rượu sầu,
Cùng tôi thắm phương trời hào quang mới.

Đừng cho tôi Thiên Đàng trong Địa Ngục
Đừng để tôi than khóc giữa chiều Đông
Hãy trả cho tôi một lần được quên mất,
Đừng để tôi nghe khúc hát điêu tàn.

Phan Rang

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 31

An Tri Bửu

Về Phan Rang, ta về Sông Dinh,
Thuyền mơ nằm bến trót tâm tình
Lặng lẽ nước xuôi giòng xuống Cửa
Đường chiều Thống Nhất dáng xinh xinh.

Thơ tiếng Việt

Hương về Tây viếng Tháp Pô Klông
Năm tháng ôm sầu nhớ ngày son
Đường lên Ga không xa nhiều lắm,
Xin bạn chung tình nhẹ lòng son.

Đông Giang quê tôi lắm cá tươi,
Chiều buông bãi cát, rộn tiếng cười
Ninh Chữ nước xanh in mây bóng,
Nhơn Sơn hành tỏi nắng bày phơi.

Muối chất đọng giữa vùng trời xanh,
Nghìn năm nuôi sống đám dân lành
Cà Ná tình thương mùi đất tổ
Mĩ Thạnh lè tè những bóng tranh.

Về Phan Rang, ta về Phan Rang,
Hồi ký tôi ghi chữ nghèo nàn,
Quê hương tôi đó không hoa mỹ
Rộn rã tiếng cười lúc Xuân sang.

Niềm khắc khoải

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 32

Bạch Vân An

Chợ vớ đứng giữa khung trời sầu muộn,
Gió rêu phong cuộn cuộn lá vàng rơi.
Bao tháng năm gạch Tháp rụng tả tơi.
Còn đâu nữa, thời vàng son xưa cũ
Chiều nhạt nắng lá cây buồn ủ rũ,
Tháp Chiêm sầu ấp ủ mối thương đau
Gạch tháp rơi rắc...rắc tựa đầu lâu
Dân Chiêm quốc u sầu theo năm tháng.
Bơ phờ đứng trong vùng trời ngao ngán
Lá cây buồn than vãn với gió mây

Thơ tiếng Việt

Tháp Chàm phơi đầu bạc kể từ đây
Lòng khắc khoải tràn đầy niềm nhục nhã
Ngày xưa đâu? Tháp Chiêm buồn rên rả
Sao không về một lần nữa cố nhân?
Dân Nước Chiêm đang rộn rã bản khoăn
Đang chờ ngóng mà lòng tràn hy vọng.
Rồi mai đây Dân Ta thêm lặn đạn
Tháp Chiêm buồn ngơ ngẩn ngóng ra xa
Nắng nhẹ vương lên đỉnh Tháp lửa nhòa
Như than vãn, kêu ca lời đoạn tuyệt.

Việt Nam hôm nay còn gì

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 42

Thùy Dương

Quê hương tôi trở trọi đồng xanh
Với dấu bom cày cuộc chiến tranh
Của tôi đó đất khô cày sỏi?
Lửa cháy từng hàng mái nhà tranh.

Đau đớn quê tôi chút khăn xô!
Mẹ Việt yêu rướm lệ bên mồ
Tang tóc đau thương chợt đến mãi
Mẹ già nua tức tưởi chết khô

Xương trắng sọ khô chất đầy đồi,
Đêm khuya trắng trắng đám ma trời,
Sợ người gằm thét trong đêm tối
Bút nghiên nào ghi hết cho vơi.

Quê tôi đó nghĩa địa dẫy hàng
Tuổi nhỏ vô tư trắng khăn tang
Mẹ già cần cỗi mùa Xuân đến,
Việt Nam ơi nội chiến tương tàn.

Chơi xuân trên đỉnh bình yên

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 44

Hương Trang Tử

Non cao ngổi ngấm môi hoang,
Tinh sương rừng ngọc, hú vang tiếng chèo.
Trên giòng nước trắng trong veo,
Thuyền lan nhè nhẹ ai chèo xa xa
Nơi kia én lộng oanh ca,
Đón Xuân Đỉnh Ngọc cho hoa kéo tàn.
Hàng tùng học cảnh giang san
Ngang lưng hàng bách tỏa vàng tóc mây.
Trên làn nước trắng phây phây,
Bấy nhiêu hình ảnh cùng mây của trời.
Lừa làn nước đục buông lời,
Thả hồn như vợi quên người vui Xuân.
Cả Sơn lẫn Bể vui chẳng?
Chơi Xuân ta chọn phong trần ngất ngây.
Ném mùi giọt nước bay bay...
Mưa trong nắng đẹp của ngày mùa Xuân.
Có ai nếm giọt nước lừng?
Rơi sâu trên cỏ đọng ngưng giữa hồn.
Khéo đừng mở quá mưa tuôn,
Mưa tuôn nhiều quá làm buồn mùa Xuân.

Thơ tiếng Việt

Trang màu trắng
(white page)

8. Văn, truyện ngắn

Tình bạn

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 48-49

Trương Thị Đào (lớp 7)

Đêm nay trăng sáng tỏ, các bạn tôi đều say sưa trong giấc ngủ, giờ đây chỉ riêng mình tôi ngồi dưới ánh trăng nghe từng tiếng than của muôn loài ve, hít từng hơi thở từng mùi thơm của hoa phượng. Mỗi lần phượng nở gọi lại cho tôi nhớ đến Trinh. Nếu đêm nay mà có Trinh, Trinh sẽ cùng tôi ngồi đây, trò chuyện và kể cho nhau những chuyện cổ tích, đêm nay mà có Trinh thì giờ đây tôi đâu có buồn như thế này, tôi đâu có âm thầm lặng lẽ một mình với bóng ngồi hưởng ánh trăng. Cũng tại tiếng ve, hoa phượng đã cướp mất Trinh thương mến của tôi.

Năm ngoái, dưới mái Trường Trung Học An Phước có một đôi bạn rất thân với nhau đó là tôi và Trinh, hai đứa tôi cùng học một trường, cùng ngồi chung lớp với nhau, vì hiểu tính tình nhau nên không bao giờ giữa tôi và Trinh xích mích với nhau, tình thương hai đứa bền chặt như anh em ruột thịt thì hè đến. Hè đến bao sự chia ly hiện ra trước mắt tôi, tôi vẫn biết hè đến tôi sẽ được về quê, được bà thương mẹ quý, được sum họp với gia đình sau bao ngày xa cách. Từ nay tôi sẽ được tự do như con chim sổ lồng ngày hai buổi tôi không bị kìm hãm phải cắp sách đến trường, ngày ngày tôi không còn phải học những bài Việt Văn, Sử Địa dài cả trang, phải vùi đầu vào những bài toán suy nghĩ nát óc và tôi không còn phải mất ăn mất ngủ trong những kỳ thi lục cá nguyệt. Nhưng những sự sung sướng ấy có an ủi được lòng tôi đâu, vì mai đây tôi phải xa Trinh, người bạn mà tôi thích nhất, tôi phải xa thầy, cô là người đã hết lòng dạy dỗ cho tôi nên người hữu ích và xa mái trường thân yêu nhỏ bé này. Tôi

không muốn sự chia ly đó đến, nhưng nó vẫn vô tâm đến với chúng tôi và gieo cho chúng tôi bao sự đau khổ, chúng đến cùng tiếng ve, cùng hoa phượng cùng với những khí trời oi bức.

Tôi nhớ lắm, hôm ăn liên hoan bãi trường, lớp tôi không một ai được vui cả, những quyển lưu bút đậm đà đầy những giọt nước mắt và nhất là giữa tôi và Trinh. Thời gian qua rất mau, giờ đây cổng trường khép kín, sân trường vắng bóng cười đùa của lũ học sinh, mái hiên trường vắng bóng người đi, những tiếng chuông báo hiệu giờ ra chơi hay vào lớp đầu còn nữa, và chắc có lẽ phượng cũng buồn lắm, vì từ nay phượng còn biết khoe cành đỏ thắm của mình với ai khi học sinh đã đi hết rồi? Tôi biết làm gì hơn là nhìn mặt Trinh lần cuối cùng, lòng tôi bắt đầu lo sợ, Tôi sợ vì ngày mai kia, tôi hoặc Trinh có được đi học nữa hay chẳng? Hôm ấy tôi đi tiễn Trinh đến tận bến xe, một hồi lâu chiếc xe từ từ chuyển bánh và đưa Trinh về miền quê hẻo lánh. Còn tôi, tôi cũng về quê tôi, một làng tương đối gần hơn.

Sau ba tháng dài đằng đẵng mùa hạ nặng nề trôi qua, mùa thu đã đến, cây cối nở đầy đường, đời học sinh cũng bắt đầu nở sau ba tháng tàn úa. Hôm nay là ngày khai giảng lòng tôi vui mừng không thể tả, trên đường lòng tôi mang nhiều hy vọng lớn lao, chốc nữa tôi sẽ được gặp Trinh và thầy cô cùng các bạn bè khác. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi cảm thấy khó chịu, hình như linh tính báo cho tôi một chuyện gì không lành đã xảy ra. Quả đúng như thế, ngôi trường đây, thầy cô và các bạn khác, mới, cũ... Tất cả đều đầy đủ nhưng chỉ thiếu bóng Trinh, Trinh của tôi đâu chẳng thấy, tôi cố gắng hỏi thăm từng người có quen biết với Trinh, nhưng các bạn ấy chỉ cho tôi những câu thất vọng. “Xóm Trinh là xóm ở gần rừng núi, thiếu an ninh, nên chiến tranh khói lửa đã thiêu đốt xóm Trinh thành tro bụi và không một ai biết tin tức gì về gia đình Trinh cả”. Dù biết như vậy nhưng tôi vẫn cố gắng lặn lội đến vùng quê để tìm Trinh nhưng chẳng thấy hình bóng nàng.

Thôi rồi tôi đã mất Trinh, mùa hạ đã làm cho tôi phải xa

Văn, Truyện ngắn

Trình, tôi tưởng chỉ xa Trình trong ba tháng hè, chứ tôi đâu có ngờ lại có chuyện làm cho tôi phải xa Trình mãi mãi. Trình ơi! giờ đây Trình ở phương trời nào, và có biết dào dạt mong nhớ Trình không. Đêm nay trăng sáng chừng nào, lòng tôi thêm thương nhớ Trình chừng nấy. Trăng ơi! hãy lu mờ đi để cho lòng người con gái mất tình thương bạn này bớt buồn rầu và bớt nhớ đến Trình./-

Hối hận

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 71

Lê Văn Hớn (lớp 6)

Trong đời học sinh, những lỗi lầm tôi đã phạm phải kể ra rất nhiều nhưng có một lỗi mà đến bây giờ tôi vẫn còn thấy ray rức trong lòng mỗi khi nhớ đến. Đó là chuyện chơi “ÁC” đã xảy ra hơn hai năm nay.

Ngày ấy tôi còn học lớp Nhì, bạn đồng lớp với tôi là Khang ở liền vách với nhà tôi. Cha mẹ anh là thiếu Bẩy và chú Bẩy. Những người này rất hiền lành. Khang có em gái tên là Loan mới lên năm. Khang là một học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ, học hành, trái lại, tôi hư hỏng, lười biếng, đủ thứ. Vì vậy, cha mẹ tôi vẫn thường phàn nàn, trách mắng tôi và đem Khang ra để làm gương cho tôi bắt chước phải noi theo. Tôi đã không nghe lời cha mẹ mà còn để tâm oán thù Khang, chỉ tại anh ấy mà tôi bị la mắng luôn.

Biết Khang là người cận thị, tôi bèn nghĩ, một kế làm cho Khang phải té và tôi được một dịp cười cho bằng thích. Tôi kiếm sẵn một vài chiếc vỏ chuối, đợi đến giờ Khang đi học, tôi lén vất vào đầu hè nhà anh ấy. Tôi núp sau cửa sổ hồi hộp chờ đợi tấn kịch “vồ ếch” xảy ra. Chỉ một lát sau, có tiếng mở cửa rồi tiếng người ngã, tiếp theo tiếng la khóc. Tôi hết sức sung sướng, tiếng khóc không phải của Khang mà là của Loan. Tôi lật đật chạy sang, cảnh tượng làm tôi hoảng

hốt, Loan ngã dài, nằm sóng sượt dưới đất. Hai chân gát trên bậc hè. Tôi đỡ Loan dậy trên trán nó có một vết thương thật lớn máu đổ ra cả mặt. Thiếm Bẫy chạy đến thấy vậy cũng ngất xỉu. Tôi vội vã về nhà lấy bông băng vết thương cho Loan.

Thiếm Bẫy cảm ơn cha mẹ tôi và cả tôi nữa. Tôi cảm thấy khó chịu và bức rức trong lương tâm.

Từ đó, tôi không dám đùa nghịch nữa vì hình ảnh mặt mày đầy máu me của Loan cứ ám ảnh tôi mãi.

Sau mười ngày, vết thương đã lành, mỗi lần gặp Loan, thấy vết sẹo đỏ trên trán, tôi lại nghĩ đến tội ác của mình mà lấy làm xấu hổ vô cùng.

Về sau, tôi không chịu nổi sự ray rức trong lòng. Vào một buổi sáng đẹp trời, tôi cố thu hết can đảm, đi thú thật với gia đình Thiếm Bẫy về hành động ác ý của mình và được Thiếm Bẫy vui vẻ tha thứ cho tôi.

Tôi cảm thấy thoải mái phần nào và từ đó tôi rất chăm chỉ học hành và quý mến Khang như anh em. Tuy nhiên, mỗi lần nhớ đến sự trả thù hèn hạ trước kia, tôi vẫn không sao vui được.

Ngày lễ Katê tại thắp Chàm

ƯỚC VỌNG, số 1, năm 1968, trang 91 - 93

Quảng Đại Hội

Trên thế giới này, ở một quê hương, một dân tộc nào cũng có tập tục khác nhau, như ở Phương Đông người Việt Nam thường hay “Ăn Tết” vào khoảng đầu năm (Nguyên Đán), đó là niềm vui sướng nhất. Trong dãy đất miền Nam Việt Nam còn có một dân tộc thường hay tổ chức một ngày lễ trọng thể mà người ta thường gọi là “Katê”, ngày đại lễ này được tổ chức vào đầu tháng 7 Chàm, khoảng tháng 9 dương lịch, tất cả những người Chàm đều tụ họp lại nơi nào có đền thờ, có thắp Chàm để tưởng niệm lại những gì của

dân tộc mình.

Trước khi làm lễ người ta phải lên trên tháp sửa soạn nhiều ngày, lẽ dĩ nhiên đây là ngày đại lễ nên ai ai cũng biết tới, tôi đã thực sự nằm chờ ở Trường Trung Học An Phước trước ba ngày. Trước một ngày tổ chức đại lễ, một nhóm học sinh thiện chí Chàm kéo nhau lên trên tháp để sửa soạn, họ làm việc một cách hăng say, vài ba người trèo lên trên ngọn tháp cao hằng chục mét, trên đó tôi thấy nụ cười của họ rất tươi, đôi mắt của họ sáng ngời và chắc rằng họ không còn nghĩ gì, ngoài công việc hiện bây giờ đang làm, hình ảnh bây giờ là ngày lễ của họ và những di tích hiện họ đang bảo tồn, từng tấm biểu ngữ phát phơ trước gió, những bàn tay chỉ biết cầm viết, bù đầu vào sách vở, bây giờ lại hóa ra là những nhà trang trí. Ngọn tháp này nằm trên một ngọn đồi cao chừng 50m, ngày thường người ta chỉ thấy toàn một màu đỏ của gạch, của đất, nhưng hôm nay đều đổi mới, mong ước làm sống lại với những ngày xưa, có còn gì vui bằng và họ sửa soạn cho ngày đại lễ, tất cả đều gom vào đấy, trong ánh mắt, trong nụ cười, tôi biết họ đã nghĩ gì. Quê hương họ là đây.

Sáng ngày hôm sau, các nẻo đường về tháp, nhất là con đường từ Trường Trung Học An Phước chạy dài tới ngọn tháp, từng đoàn người: trai, gái lũ lượt, gương mặt họ vui tươi, nói cười hớn hở, những tà áo của các nàng Chiêm nữ, theo tôi có lẽ một trong những kiểu áo đẹp và kín nhất ở Phương Đông này. Điểm chú ý nhất là các công dân mang giòng máu Chàm đều mặc sắc phục riêng của dân tộc mình, những chiếc váy màu trắng, viền những bản trang sức đặc biệt của đồng bào Chàm dệt lấy. Không còn gì vui sướng bằng, mình khoác những y phục mà ngày xưa tổ tiên mình để lại, có lẽ đây là dịp để họ nhìn nhau và nhớ lại, do đâu mà ra, họ hãnh diện mặc những bộ đồ mới, bởi vì họ biết tất cả đều là của họ, tất cả đều dành cho hôm nay, những gương mặt phấn khởi, hy vọng vào ngày mai những hình ảnh này sẽ không bao giờ phai đi. Bây giờ đúng 9 giờ, các trai thanh gái lịch xứ Chàm đã họp mặt đông đủ, họ sửa soạn lại

tất cả lần cuối, xong đâu đó họ ngồi tụm năm, tụm ba, đề tài của họ không còn gì khác hơn là ngày đại lễ.

Ngồi trên ngọn đồi, gió muôn phương thổi vào, những tấm biểu ngữ hôm nay trông thật đẹp mắt, ánh mắt của tất cả những người hiện có mặt đang nhìn lên trên đó. Hình những thần Chàm 6 tay ngồi xếp bằng, đôi mắt, khuôn mặt có vẻ nghiêm nghị. Những dĩ vãng sẽ sống lại trong lòng họ, khi họ biết mảnh đồi họ đang ngồi và ngọn tháp họ đang nhìn, chung quy là của họ, mảnh đất này tuy không màu mỡ, nhưng ở đây tàng trữ một trong những di tích còn sót lại sau những đoàn người đã ra đi...

Đủ các giới chức sắc Chàm có mặt hôm nay. Không khí vui nhưng không ồn ào mất trật tự. Ngày lễ này, còn có điểm đặc biệt là sự có mặt của trung tá tỉnh trưởng Ninh Thuận, vài cấp tá của quân đội đồng minh trú đóng tại Tháp-Chàm và các quan khách trong tỉnh nhà.

Đúng 16 giờ phái đoàn quan khách tới, đi đầu là trung tá tỉnh trưởng, người kế bên cạnh là đại úy quận trưởng quận An Phước và tiếp nối là những quan khách, những tiếng vỗ tay cổ vũ, làm sống động mảnh đồi từ lâu hằng yên ngủ. Cả phái đoàn, họ vui tươi. Sau khi đã xong xuôi phần nghi lễ đón rước quan khách kể đến các chức sắc Chàm cử hành nghi lễ cổ truyền, đây là điểm then chốt của buổi lễ. Không khí im lặng, trang nghiêm, tất cả đều hướng về dân tộc. Để cung hiến trước đáng tổ tiên, cũng như để bày tỏ lòng tri ân đối với quan khách đã đến chung vui dự đại lễ. Một đoàn thiếu nữ Chàm đã biểu diễn nhiều điệu múa ẻo lả thật nhịp nhàng theo lối cổ truyền rất đẹp mắt, không khác nào điệu múa của Thần Siva đang múa trước cửa của ngôi tháp. Theo lời mời của ban tổ chức, các quan khách ở lại chung vui với ngày đại lễ một buổi tiệc thân mật, những nàng Chiêm nữ có mái tóc thề, không tô son điểm phấn, bàn tay xinh xắn, bước đi dịu dàng, bưng từng thức ăn, từng ly nước.... Đặc biệt các quan khách được thưởng thức giọng hát của một nàng Chiêm nữ, âm điệu của bản nhạc Chàm như gọi lại bao nhiêu hình ảnh, bao những sự đã rồi và nghe u uất khi

Văn, Truyện ngắn

những di tích còn sót lại nơi này từ nhiều trăm năm nay. Sau hơn một giờ chung vui, quan khách lần lượt ra về. Niềm vui sẽ tiếp tục với những tâm hồn trẻ hôm nay, từng điệu nhạc tiếp nối, từng ly nước ngọt nuốt cạn và hiện thời họ đang sống hình như đây là quê hương của họ, nơi này có dân tộc của họ, tất cả đều gọi lại rằng họ là người Chăm, chính hiện tại tất cả đều đang hồi tưởng lại với những ngày xưa, dù rằng họ biết chỉ trong vài giờ nữa tất cả chỉ còn lại dư âm. Khoảng trước mặt sẽ không còn gì, cái nô nức dù ham muốn dù chất chứa từ bấy lâu nay, những ao ước thực tiễn cũng chẳng làm gì được khi ngày vui này sắp tàn và họ phải chờ đợi một thời gian khá lâu.

Sau hơn ba tiếng đồng hồ vui chơi thỏa thích, tất cả đều tụ họp lại và nhóm học sinh thiện chí lần lượt thu dọn những gì mình đã dựng lên. Bây giờ đúng 19 giờ, hàng bao cặp mắt nhìn lại ngọn tháp lần chót và tuần tự bước xuống đồi, niềm vui vẫn còn đó trong gương mặt của họ, con đường lại tấp nập lạ và đẹp mắt.

Không khí buổi chiều vui như tâm hồn của tất cả những người hiện đang đi và những người tự nghĩ rằng mình là dân tộc Chiêm Thành.

Kỷ niệm lễ Katê 1967

Hai vì sao đêm

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 94-96

Hàn Đông (Trượng Văn Lâu)

Khu Tam giác đêm 26 - 4 - 1968

(Chỉ viết theo sự tưởng tượng)

Ngày mai tao đi bỏ lại vùng trời nhỏ bé cho mày, tao gửi tất cả kỷ niệm ngày tao lớn, tao đi xa có lẽ đến một chân trời nào đó để gặm nhấm nỗi đau buồn của 1/3 đời người, để tìm thấy niềm vui nếu có ở phương trời lạ, xa cách nơi đây ngàn trùng. Tao không còn gì để hàn gắn và níu kéo lại,

mà níu kéo làm gì hở mày, hàn gắn làm gì, chỉ làm đau thêm vết thương chưa lành, tao không oán trách cuộc sống hiện tại, nhưng tao nghĩ lớn rồi không lẽ cứ bám mãi vào cuộc sống tạm bợ này sao! Mình cần phải tìm lối thoát cho bản thân, và giúp ích cho quê hương mai sau.

Tiếng Vũ vang lên như những điệu nhạc buồn trầm ấm, gọi lên trong tâm tư nỗi u buồn ray rức, ly cà phê nhỏ những giọt đen đặc sánh đều đặn, không khí âm thầm đến lạnh buốt da thịt. Huy kéo một hơi dài khói thuốc, để mong xoa dịu một phần nào tâm tư đang gợn sóng. Tiếng nhạc nhẹ nhàng vang lên xoáy vào đêm buồn nào nùng. Ánh đèn mờ mờ của quán giải khát tạo nên khung cảnh thật huyền ảo, Huy tưởng mình lạc vào thế giới lạ, có tiếng nhạc buồn, có tiếng nói trầm ấm của Vũ:

- Tao nghĩ rằng mày hãy sống một vài năm nữa rồi đi cũng chẳng muộn gì, đành rằng cuộc sống hôm nay không phải là vĩnh viễn, thế hệ hiện tại ở trong mỗi con người chúng ta phải tìm một lối thoát êm đẹp, để mang cho quê hương sự ngọt ngào đầm ấm, cho chúng ta sự sung sướng hãnh diện. “Điều tủi nhục nào bằng hiện tại, chúng ta bị kiểm hãm quá mức. Giòng tuổi thơ bị mất đi thật nhiều, chúng ta có được niềm an ủi và sự khích lệ nào đâu.” Huy nói.

Vũ nhếch môi cười, ánh mắt hẳn lên niềm cương quyết, trong khung cảnh nửa tối nửa sáng đó, Huy thấy ánh mắt Vũ sáng lên như một vì sao lạc bơ vơ trong bầu trời đầy sao kia. Huy cảm thấy thương Vũ hơn bao giờ, tình thương tràn ngập tâm hồn, Huy nhìn Vũ thật lâu để thấu nhận hình ảnh người bạn vào tận tâm tư, tâm tư đang rướm máu, tâm tư đang sôi động về hình ảnh ngày mai của quê hương thân yêu. Huy nhấm nháp ly cà phê hương vị thơm đắng làm Huy cảm thấy dễ chịu. Huy nói thêm: “Cuộc đời chúng mình đen và đắng như ly cà phê này Vũ nhỉ.” Tiếng Vũ đều đều lại vang lên:

- Ở lại làm gì hở Huy! Có sống một vài năm hay sống một đời người ở đây thì cũng chỉ chừng ấy thời gian đêm ngày, bốn mùa: Xuân Hạ Thu Đông cũng chỉ chừng ấy động

tác ăn ngủ thì mình thấy có sống nhiều đi nữa cũng vô ích thôi. Thời gian có tác dụng làm già héo con người. Mà sống một ngày hay vài tháng nó vẫn hơn, nếu mình biết tranh đấu cho cuộc sống. Vì vậy, ở lại cũng chỉ thế thôi, chỉ thêm chuốc lấy những đau thương, tủ nhục vô ích. Thế hệ hiện tại của chúng mình, chúng mình lo bảo vệ lấy.

Huy buồn:

- Mà quyết định đi thật sao! Mà còn nhỏ quá, bước chân của mà chưa đi nửa đường đời, biết bao nhiêu chông gai đang chờ đón.

Vũ cắn chặt môi, đầu hơi cúi xuống, mái tóc buông lòa xòa trước trán tạo nên sự xa vắng lạnh lùng của gương mặt. Vũ nói qua âm điệu cũ:

- Mà đừng lo gì cho tao cả, chuyển đi này biết đâu sẽ làm cho tao hãnh diện, sung sướng và cuộc đời tao bay bướm hơn hiện tại.

Huy hỏi:

- Mà đi, mà không nhớ cuộc sống ở Khu Tam Giác sao!

- Nhớ lắm chứ, nhưng tao không thể ở lại được. Có lẽ tao không quên, tao sẽ mang kỷ niệm đó để rồi từng đêm nhìn trăng, đếm sao, tao sẽ thả hồn xuôi về dĩ vãng và những giông kỷ niệm lần lượt hiện lên trong ký ức, làm sao tao quên được tụi mày với ngày tháng êm đềm đó.

Huy buồn thật nhiều, nỗi buồn đến như cơn sóng nhẹ nhàng len vào tâm tư xoáy mạnh vào tim, và nỗi cô đơn rộng như một tấm lưới phủ chụp vào dòng suy tưởng của Huy. Ngày mai, mà đi rồi phải không Vũ, bỏ lại quê hương nhỏ bé với những kỷ niệm chất đầy cho tao, mà trốn lánh hiện tại bi đát, xóa bỏ quá khứ đau buồn để mà đi. Còn ai ngâm những bài thơ Chế Lan Viên cho tụi tao nghe, còn ai hát bài Hận Đồ Bàn cho tụi tao thưởng thức và còn ai nói chuyện ròn tan về đất mẹ của chúng mình với những trang lịch sử kiêu hùng, với di tích huyền hoặc đổ nát xa xưa, còn ai tiếp tục những bữa cơm đạm bạc do chúng mình nấu. Hết rồi phải không Vũ, mà ngồi đó tao ngồi đây, đối diện cách

nhau không đầy gang tấc mà tao thấy dường như xa vắng quá, tao cố gắng níu kéo hình ảnh của mày lại, hình ảnh của người bạn có ít nhiều sự hòa đồng tư tưởng mà đầu tiên tao gặp trong suốt quãng đời bé nhỏ, suy tư... Huy đưa lưỡi liếm môi nghe mằn mặn thì ra mình đã khóc tự bao giờ, giọt nước mắt nhỏ xuống long lanh, trước sự đối diện tình cảm và khúc quanh của đời Huy buồn làm sao ấy, nhìn lại Vũ thấy nó vẫn thản nhiên thả đôi mắt về nơi vô định, chắc trong tâm trí của Vũ đang hiện lên hình ảnh thật đẹp về ngày mai. Huy cảm thấy thèn thẹn:

Thôi khuya rồi về đi mày!

Tiếng bước chân của hai đứa vang lên thật đều trong đêm khuya. Đường đã vắng bóng người, dãy phố đã đóng cửa những trụ đèn trời lơ lửng soi một khoảng sáng, những con thiêu thân chập chờn trong ánh đèn đêm, bóng hai người đo dãi quyện lên mất đường. Ngày mai không còn gì nữa, Vũ đã tự tìm cho nó một lối thoát, một lối thoát thật êm đẹp. Những viễn ảnh ngày mai về quê hương thân yêu đang gợn lên trong tâm tư Vũ. Đôi khi Huy cũng muốn đi như Vũ, nhưng bây giờ thì làm sao ra đi được, hai bàn tay trắng với vốn hiểu biết tầm thường, làm sao giúp ích được quê hương của mình. Huy mong muốn một ngày nào đó chắc xa lắm đối với Huy vì Huy tin tưởng rằng ở vào lứa tuổi và khoảng thời gian nào mình cũng có thể gây dựng cuộc đời và gây dựng tương lai.

Bất chợt Huy hỏi:

- Uyên có biết ngày mai này mày đi không Vũ?

- Biết, Uyên đã khóc thật nhiều khi hay tin tao đi xa, mà chuyển đi không biết ngày trở lại. Tao cũng buồn khi bỏ lại Uyên với ước mong chưa trọn, đường đời của Uyên rồi đây như chim non gãy cánh. Ngày trước tao hy vọng sẽ cố gắng đào tạo cho Uyên thành một đứa em tinh thần, tao đã truyền lại cho Uyên tất cả những gì tao đã học được trên đoạn đường đi qua. Bây giờ ước mong của tao chưa thành. Tao gửi lại Uyên cho mày, mong mày trông nom và huấn luyện dùm tao để nối lại quãng đường đã đứt. Mày hứa với tao đi

Huy, tao mong mày không từ chối ước vọng cuối cùng của người bạn đi xa.

Huy nắm lấy tay Vũ thật chặt:

- Vâng! Tao hứa với mày, tao sẽ thay mày huấn luyện cho Uyên thành một đứa em tinh thần để mong một ngày nào đó Uyên cũng sẽ có ý niệm thật nhiều về quê hương, dân tộc như mày, có một cuộc sống giản dị đạm bạc như bao nhiêu người khác.

Bỗng nhiên giọng Vũ trở nên buồn bã lạ thường:

- Còn mẹ tao nữa, người mẹ đã suốt đời đau thương dằn vặt bởi cuộc sống đắng cay, để nuôi tao khôn lớn đến ngày nay. Làm sao tao quên được mẹ và những đứa em thơ bơ vơ ở nhà tao vẫn thường tự nhủ trong lòng rằng: lớn lên tao sẽ nuôi mẹ, gầy dựng cho đàn em thành người, mẹ vẫn thường ước mong tao chóng nên người để mẹ vui mừng trong quãng đời già yếu. Nhưng bây giờ quãng đường tao đi còn quá xa, tao làm sao mang ước vọng về cho mẹ. Hôm tao đi, tao không dám nói với mẹ lời cuối, tao chỉ cầm tay mẹ, tao thấy bàn tay mẹ gầy gộc quá, từng lóng xương nhô ra dưới làn da nhăn nheo. Nhìn vào mắt mẹ, tao thấy mắt mẹ cũng mờ kém đi.

Tội nghiệp mẹ và những đứa em thơ của tao. Tao thương mẹ và chúng nó nhiều. Tao đi bỏ lại mẹ, mẹ và đàn gà mái năm con của mẹ mà mẹ bảo sang năm sẽ bán đi mua sách vở cho tao, bỏ lại quê hương nghèo nàn, xơ xác với giòng sông lững lờ trôi, bỏ lại mái trường làng, có những đứa bé thơ cắp sách đến học, mà tao từng vuốt ve đầu chúng nó bảo rằng: “Các em hãy ráng học để lớn lên giúp ích quê hương đất mẹ của mình”, những lúc đó chúng nhìn tao bằng đôi mắt ngơ ngác, hẳn lên niềm tin tưởng mai sau... Giọng Vũ trở nên ngẹn ngào: thỉnh thoảng mày nhớ về cầm lấy bàn tay và nhìn vào đôi mắt mẹ dùm tao và xoa đầu những em bé thơ ngây đó đôi câu an ủi để phương xa tao được yên lòng...

Tiếng Vũ vang lên đều đều trong đêm, trên con đường vắng với hai bóng hình quyện vào nhau. Tự nhiên Huy

Văn, Truyện ngắn

muốn khóc. Đôi mắt Vũ long lanh như vì sao lạc bơ vơ trên bầu trời. Sao đêm nay nhiều quá phải không Vũ! Nhưng trời không trăng. Một làn gió thổi đến lành lạnh. Huy kéo Vũ sát bên mình. Hãy đi sát bên tao Vũ ạ! Để hai đứa mình truyền hơi ấm cho nhau. Vũ đang đi bên Huy mà như xa cách lắm, Vũ! Vũ! phải mà không hở Vũ! Ngày mai mà đi con đường không có hoa, có bướm, nhưng nơi đó có quế hương tươi mát dịu hiền, có dòng sông xanh uốn khúc, có đồng lúa phì nhiêu, có tiếng sáo diều bên mái đình làng, đẹp hơn, nên thơ và sống động hơn, có bàn tay ấm áp của mẹ sinh đẻ thật nhiều. Bất chợt đôi mắt Vũ long lanh ngấn lệ, nghẹn ngào Vũ ngâm bốn câu thơ thật buồn:

*"Thương con mẹ bới tìm rau ốc,
Trần trọc trâu đêm nước mắt sa.
Mai một con đi tìm tiếng khóc,
Nhọc nhằn trong cuộc sống người ta".*

Đêm kinh hoàng

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 5 - 7

Phú Văn Tình (lớp 9)

Kính dâng cho linh hồn An Phước cũ một sự thật đầy đau lòng và thương hận.

Đêm ấy, cả khu nội trú chúng tôi đang đắm chìm trong giấc ngủ,

Nhưng đến nửa đêm, một tai nạn đầy trời ai cũng không ngờ có thể xảy ra được.

Mọi người đang say sưa với giấc ngủ thì... ầm! Một tiếng nổ chói tai như trời long đất lở chợt xé tan màn đêm dày đặc và yên lặng. Tôi vội mở mắt ra nhìn nhưng phòng tối quá chẳng thấy gì. Chưa kịp định trí thì tiếng nổ thứ hai kế tiếp, tim tôi đập mạnh, tôi vội tung mền ngồi dậy. Lúc đó tâm trí tôi bàng hoàng vô cùng. Tiếng nổ thứ ba lại kế tiếp với tia sáng chói mắt, tôi biết nguy đến nơi. Mọi người nhảy

xuống giường tôi cũng bắt chước giữa lúc thần kinh căng thẳng tột độ. Tôi núp xuống giường nhưng những tiếng nổ cứ hăm dọa với tia lửa. Những tiếng nổ này hình như gần lắm và cách nhau không đầy một phút.

Bỗng có tiếng hét to “chạy vô hầm! Mau lên!...chạy vô hầm!” Giữa lúc kinh hoàng cần thoát nguy lại nghe tiếng chân các bạn thình thịch trên sàn nhà, tôi vội rời chỗ núp chạy đến cánh cửa. Nhưng ở đây đông nghẹt người. Các bạn tôi không dám chạy ra vì khoảng cách giữa cửa hầm hơi xa. Sợ quả bom rơi giữa sân thì khốn! Còn tôi lại khác, tôi sợ quả bom nào đó rơi trên nóc nhà biết đâu tôi cùng chúng bạn sẽ một số phận như nhau.

Trong lúc đó tiếng nổ vẫn tiếp tục. Tôi sợ quá, mặc dù bị dồn vào trong, tôi cũng cố sức đẩy họ ra để tìm khoảng trống chạy ra ngoài, mặc cho nó ra sao thì ra.

May thay tôi chui được vào hầm và có một chỗ ngồi nho nhỏ. Các bạn tôi như chuột trốn mèo lũ lượt kéo nhau vào hầm. Số người trong hầm mỗi lúc một tăng. Chẳng mấy chốc tôi bị dồn ép vào trong một góc, tiếng xô đẩy, la ó và tiếng gọi nhau xen lẫn tạo thành âm thanh hỗn tạp. Bom vẫn rơi đều đều...Không khí trong hầm trở lại yên lặng vì có lẽ ai đó cũng bận đưa mắt đác đác nhìn ra ngoài, cầu cho mọi sự sớm chấm dứt.

Hầm chật, người đông, hơi thở nóng nực khiến tôi cảm thấy ngọt ngọt nóng nẩy như đang ở trong lò nung vậy. Nhưng biết làm sao hơn, tôi đành ngồi yên lặng và thầm khấn nguyện đấng thiêng liêng phù hộ che chở cho chúng tôi an lành. Bom vẫn đều đều rơi...

Bỗng một tiếng nổ đỉnh tai nhức óc gần lắm, tia sáng soi vào hầm như đèn điện. Tôi giật mình và trống ngực đánh liên hồi. Đây là tiếng nổ trên nóc phòng ngủ làm nóc nhà lủng một lỗ lớn và một số các bạn tôi cũng chung số phận.

Tiếp đó có tiếng người trong hầm rên rĩ vì mảnh bom, rồi tiếng kêu cứu của người bị thương trong phòng vọng lại bên tai tôi...khiến lòng tôi càng nôn nao, bứt rứt...

Bom vẫn đều đều rơi đến một lúc sau mới dứt, chúng tôi

Văn, Truyện ngắn

chui ra khỏi hầm lo sợ, thăm hỏi các bạn bị thương. Mặt đứa nào cũng còn vẻ hoảng sợ.

Thật là một đêm kinh hoàng khủng khiếp, ghi như mãi trong trí óc tôi. Vì ai có ngờ đâu rằng giữa đêm trường vắng lặng lúc chúng tôi đang say sưa với giấc ngủ hồn nhiên thơ dại lại xảy đến một “trận” pháo kích như vậy. Nào chúng tôi có tội tình gì đâu? Sao người ta lại nỡ tâm đem bom đạn đến xáo trộn cuộc sống yên lành để cho niềm tin yêu, ước vọng thuở ban đầu của lũ học sinh chúng tôi bị chôn vùi tất cả?

Dưới mái trường xưa

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 63 - 64

Phú Văn Tình (lớp 9)

* tùy bút

Trời gần sang thu...Gió chiều hiu hắt, lá vàng rơi lả tả. Nhìn những hàng cây khẳng khiu xơ xác với dáng ủ rũ dưới ánh nắng chiều khi về thăm trường cũ một nỗi buồn man mác len lỏi vào tâm tư khiến tôi càng nghe buốt giá.

Trường xưa đây với dãy phòng và hàng chữ in trên tường vàng vọt rêu phủ khó quên. Đó là hình ảnh quen thuộc nhất đã ghi sâu vào trí óc tôi khi tôi mới cắp sách đến mái trường thân yêu này. Nhưng bây giờ nhìn lại trường xưa lòng tôi nôn nao bứt rứt không thể tả.

Từ khi bom đạn bay về, sân trường vắng bóng người cùng tiếng cười đùa rộn rã, lớp học không còn tiếng vang vang của thầy, trường xưa như vết đau thương và tiêu tụy phai tàn theo năm tháng một cách mau chóng. Tôi lê bước trên hiên qua từng lớp học, một nỗi buồn cô đơn lặng lẽ chợt đến. Phải, chính nơi đây mới ngày nào tôi còn ngồi nghe thầy giảng bài, cười đùa bên các bạn mà bây giờ quang cảnh vắng tanh không một bóng người, khiến tôi cảm thấy mình bơ vơ lạc lõng như từ hành tinh xa lạ nào lạc đến.

Đây những mái nhà mang vết loang lỗ vì đạn thù, kia là những bức tường đổ nát... Tất cả đều mang một vẻ bi thương và hoang tàn...

Vì chiến tranh hay vì định mệnh mà chúng tôi buộc lòng ra đi? Ra đi không một lời từ biệt! Ôi chiến tranh! Sao chiến tranh nở tâm bùng bom đạn để xua đuổi chúng đến một phương trời xa lạ, bắt lũ học trò thơ dại chúng tôi rời bỏ ngôi trường thân mến, chôn vùi tất cả kỷ niệm vui buồn thuở ấu thơ. Tôi nghe lòng dâng lên niềm xót xa và niềm uất hận. Biết đến bao giờ chúng tôi được vui vầy dưới mái trường như thuở nào.

Nhìn lại trường xưa, vẻ điêu tàn hoang sơ còn in đậm như muốn kêu gào khóc than với định mệnh. Tôi thấy có một vẻ gì nuối tiếc và nhớ nhung. Mới ngày nào đó ngôi trường tràn đầy sức sống, giờ đây còn đâu nữa? Ngôi trường đành cam phận sống quăng đời bơ vơ âm thầm với vẻ hoang sơ tiêu tụy. Chắc trường tủi thân lắm và sẽ tàn tạ vì không chịu đựng được cảnh cô đơn vắng vẻ, đêm dài nước nở suối lệ đầy vơi, tiếc thương thuở xa xưa và xót xa chuỗi ngày hiện tại.

Người xưa đâu? Sao chẳng về một lần thăm trường cũ để tìm lại dấu chân kỷ niệm, để nghe tiếng thổn thức cuối cùng? Người xưa đâu?...

Gió chiều vắng hắt hiu, lá vàng vẫn rơi rụng theo mây chiều như muốn tiễn đưa một linh hồn lạc loài đến một phương trời xa xăm nào đó...

Ngõ tâm tư

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 8 - 10

Ngọc Lan (Hứa Phăng) (7/2)

Mặt trời dần khuất sau dãy núi màu xanh thẫm, cánh đồng trở nên yên tĩnh. Trên nền trời xuất hiện rải rác mấy vì sao. Tiếng ếch nhái kêu, tiếng côn trùng rền rĩ tạo thành

một khúc nhạc thê lương âm vang cả một vùng quê tịch mịch. Vài ánh đèn dầu hiu hắt từ các chòi tranh xa xa thấp thoáng sau rặng liễu đìu hiu.

Tôi nhìn ra đầu thôn, gió đồng nhè nhẹ thổi vào, làm tôi cảm thấy tâm hồn thoải mái lạ. Chiều nay trời chớm sang thu, vài chiếc lá vàng lìa cành rơi lả tả đánh dấu một mùa hè nóng bức đã qua và gợi cho tôi nhớ lại kỷ niệm của mấy mùa thu trước... Một nỗi buồn mênh mang chợt đến trong hồn tôi khi chạnh nhớ những tháng ngày ở dưới mái trường An Phước: bên Tuấn người bạn thân yêu của tôi.

Nhưng còn đâu, còn đâu nữa? Thu xưa tôi và Tuấn sống bên nhau qua những ngày buồn vui trong ký túc xá, trong lớp học. Giờ đây Tuấn đã xa tôi về lòng đất lạnh, không lời giã biệt cuối cùng, để lại cho tôi một nỗi buồn sâu xa, ngày hôm nay và ngỡ ngàng đau đớn khi nghe tin bạn không còn nữa.

Tôi có ngờ đâu ba tháng hè dài đằng đẵng, tôi già từ mẹ già và làng quê yêu dấu, trở lên tỉnh dự buổi tựu trường với niềm vui sướng hy vọng gặp lại thầy bạn và nhất là Tuấn người bạn yêu quý của tôi, lại là ngày tôi đón nhận cái tang đau đớn: Tuấn không còn nữa.

Vâng, cách đây một tháng. Sân trường nhộn nhịp tiếng cười, nói xôn xao của ngày khai giảng. Áo quần tề chỉnh, sách vở mới tinh tôi hớn hỡ đến trường. Bước vào cổng, tôi rẽ đám đông tìm người quen nhưng chỉ thấy toàn bộ mặt lạ. Tôi thầm hỏi: Chúng nó đâu hết? Tuấn, Tuấn đâu? Buồn bã tôi đến tựa cửa văn phòng chờ đợi. Bỗng từ xa một dáng quen quen đi tới, tôi mừng rỡ gọi ríu rít:

-Đạm!.. Đạm!...

Chưa thấy ai gọi mình, Đạm ngơ ngác nhìn quanh rồi khi nhận ra tôi, Đạm bước nhanh chân hơn và đáp lại nụ cười gượng gạo. Điều đó làm tôi ngạc nhiên, vì những ngày thường Đạm vui tính lắm. Tuy vậy tôi vẫn niềm nở thăm hỏi bạn tuy lòng không khỏi băn khoăn:

- Đạm, lâu ngày quá, mạnh khỏe chứ.

Đạm ưỡn oải đáp:

- Mạnh, ... duy... có...

Nói được chừng đó Đạm nghẹn ngào quay đi, tự nhiên tôi thấy nao nao trong lòng, như câu nói bỏ lửng ấy báo trước một điềm chẳng lành, nên hỏi dồn:

- Sao, sao, chuyện gì thế Đạm?!

Đạm nói nhanh: Nó chết rồi...

Tôi hoảng hốt:

- Ai, ai chết?

- Thăng Tuấn.

Tôi mở to mắt, lắp bắp: Tuấn...Tuấn ư ?

Đau xót quá, tôi lao đảo xuýt ngã, nước mắt đầm đìa. Đạm vội vàng đỡ lấy tôi diu đến một gốc cây, hai đứa ngồi xuống. Rồi bắt đầu Đạm kể kể tai nạn rủi ro đến cho Tuấn...Tiếng Đạm đều đều vang lên, nhưng tôi chỉ nghe, tiếng được tiếng mất và thấy như đầu óc quay cuồng. Qua màn lệ, mơ hồ tôi thấy hình ảnh Tuấn hiện ra: vẫn chiếc miệng xinh xinh, nho nhỏ đôi mắt to và sáng hiền lành, màu da ngăm ngăm. Ôi tôi quên làm sao được hình dáng một người bạn thân yêu ấy.

- Tuấn! Tuấn ơi.

Tôi úp mặt vào bàn tay gọi nho nhỏ, nước mắt tuôn trào không dứt.

Kể từ hôm đó, tôi sống âm thầm, lặng lẽ trong khắc khoải sầu thương. Tôi chán đời, nhìn cuộc đời như một ảo mộng thôi và tưởng như tâm tư chỉ còn là chút ánh sáng mờ hồ. Có những buổi chiều nghe lòng ảm đạm, hình ảnh người bạn nhỏ ấy lại hiện về, rõ rệt trong tôi. Có lúc tôi như người điên, làm trò cười, hoặc đùa giỡn không phải lúc. Sau những trận cười hả hê tôi lại nghe lòng trống vắng. Nỗi buồn đi vào ngõ tâm tư âm thầm, lặng lẽ.

Văn, Truyện ngắn

Làng tôi

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 18 - 20

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

Làng tôi ở giữa một cánh đồng rộng bao la bát ngát chạy dài tận chân trời xa. Đó là một ngôi làng nhỏ bé thuộc vùng đồng bằng Trung Việt.

Một con đường đất ngoằn ngoèo bò vào làng phủ lớp lá điệp lác đác dẫn khách lạ đến gặp cổng làng với hai chũa đơn sơ: “Ấp Tân Sinh Phước Nhơn” vắt ngang đó một con sông uốn éo chạy thẳng về hướng đông. Mới đặt chân vào cổng, thoạt nhiên khách lạ thấy một ngôi đình cổ, mái ngói ẩm mốc rêu phong đổ nát, nhuộm vẻ bi tang thời Pháp thuộc. Chỗ đó nối liền với hai dãy nhà xinh xắn hàng ngày quyến rũ bao mái đầu xanh trẻ dại, miệng còn nhoi nhóp hàng quà buổi sáng. Đó là ngôi trường tiểu học.

Xa hơn một chút có một dãy nhà tôn, nền xi-măng tấp nập người gánh kẻ đội, tiếng rao lanh lảnh hòa lẫn tiếng mời gọi mua hàng nhộn nhịp, ấy là ngôi chợ.

Theo đường cái về hướng đông là trụ sở Hội Đồng Xã với ngọn kỳ đài cao, phát phới lá quốc kỳ tung bay trong gió lộng trông thật oai nghiêm, đẹp mắt. Nhà cửa trong làng tôi không có gì đặc sắc; chỉ mấy mái tranh nghèo san sát như muốn tình bang giao láng giềng thêm đậm đà, thắm thiết.

Tuy cuộc sống nghèo nàn, kham khổ nhưng tính tình dân quê tôi lại khác hẳn. Họ biết thương yêu, bênh vực, giúp đỡ nhau trong mọi trường hợp.

Quê hương tôi là thế! Là thế đấy, là bữa ăn đạm bạc, mái tranh nghèo lụp xụp với nghề nông vất vả nhưng nhiều tin tưởng về tương lai. Niềm tin và sức chịu đựng đã tạo cho dân quê tôi thành những người cần cù, nhẫn nại và ham sống.

Sáng sớm tinh sương mọi người lũ lượt kéo nhau ra đồng vừa đi vừa nói chuyện vui vẻ. Không khí rộn rịp ở ngoài đường như muốn đánh thức những kẻ đang trong giấc ngủ

muộn màng.

Chiều chiều mục đồng gọi trâu ghé ngõ, nông phu thông thả trên đường về nói cười huyên áo. Trong khi đó mặt trời thấp dần, chỉ còn vài tia sáng vàng vọt, yếu ớt...Khói thổi cơm chiều từ mấy đám nhà đầu thôn vương vীu qua mấy ngọn tre, đàn muỗi bắt đầu vo ve...

Vào những đêm trăng ngày mùa không khí trong làng vui nhộn lắm. Tiếng đập lúa đều đều của người lực điền hòa lẫn tiếng cười nói của bọn thợ phát ra oang-oang. Thoang thoang đâu đây mùi rạ mới thơm thơm. Văng vẳng trong nhà vọng ra tiếng hát bà ru cháu cùng tiếng võng đưa kẽo-kẹt. Cảnh hoạt động kéo dài tới khi vầng trăng lên đỉnh đầu, sáng vằng vặc trên không, gió đêm lành lạnh, vài con vạc bay đêm “oan-oác” kiếm ăn... thì ngưng hẳn.

Đời sống dân quê tôi an lành lắm. Họ ao ước những ngày êm đềm ấy cứ trôi mãi theo thời gian.

Làng tôi là nơi quê cha đất tổ, ghi dấu bao kỷ niệm êm đềm của tôi từ thuở ấu thời nên tôi rất yêu mến. Dân làng tôi đoàn kết, chung sức bảo vệ quê hương và họ thề quyết không rời xa mảnh đất thân yêu dù máu đổ xương rơi thành đống.

Lạc loài

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 38 - 40

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

* Viết cho những đứa bé bất hạnh sống lang thang bên hè phố.

Một cơn gió thổi qua, vài hạt sương nhẹ nhàng rơi xuống. Hàng cây điệp vẫn bất động dưới sương mờ. Trên bầu trời còn mấy vì sao nhợt nhạt, yếu ớt. Hôm nay trời chớm sang xuân, vài khóm mai vàng bắt đầu hé nụ lóng lánh hạt sương. Thành phố vẫn say sưa trong giấc ngủ, mặc dầu tiếng gà gáy từ ngoại ô đã xao xác vọng về.

Tân khẻ trở mình dụi vội mắt, rùng mình bởi một luồng

gió lạnh thoáng qua, nó ngáp dài vài tiếng mệt mỏi. Sau đêm nằm ngoài sương lạnh, quần áo nó bị ướt đẫm. Đưa tay gài lại nút áo sơ sài, Tân nhồm dậy quay sang lay gọi thằng bé nằm bên cạnh, nhỏ hơn nó một tí.

Hai đứa trẻ xó rọ ngồi đợi chờ trời sáng, để tiếp tục cuộc đời “đầu đường xó chợ”. Tân năm nay 10 tuổi, Vũ tám tuổi: là hai đứa trẻ mồ côi, tứ thời chỉ mặc một bộ đồ “ka ki” cũ, rách tả tơi, sống lang thang khắp hè phố, lênh đênh giữa chợ đời đen tối. Tân tiếc cho quãng đời quá khứ chóng tàn: Ngày xưa lúc nó còn cha mẹ, gia đình sống thật hạnh phúc trên quê hương miền Trung mến yêu! Nhà nó có vườn, có ruộng cũng như bao người khác trong vùng. Bỗng một đêm nọ Tân không ngờ chuyện đau thương xảy đến cho đời mình: Giữa đêm trường vắng lặng mọi người đang chìm đắm trong giấc ngủ mê say qua một ngày làm việc vất vả ở ngoài đồng ruộng. Khoảng 2 giờ sáng một trận pháo kích tàn ác xảy đến, lửa bùng dậy cả một góc trời, nhà nó bị thiêu cháy cha mẹ, người thân yêu bị chôn vùi trong khói lửa phủ phàng. Chỉ một mình nó may mắn thoát chết. Làng xóm, từ đây trở nên điêu tàn, hoang vắng, còn trơ lại những nền nhà cháy trụi, vách đất đỏ nát, cỏ cây bị cháy khô.

Từ đây, Tân phải sống cuộc đời bơ vơ, làm thuê rồi ở mướn cho một điền chủ trong làng khác; nhưng gặp bà chủ quá độc ác, khắc nghiệt hành hạ đủ điều. Tân sống không nổi nên bỏ trốn lên Tỉnh sống nghề đánh giày. Cuộc đời tuy không no ấm nhưng cũng đủ yên ổn. Ngày tháng trôi qua...Tân kết bạn cùng Vũ, một đứa bé đồng nghề, cùng chung số phận, nhỏ hơn nên Tân gọi bằng em, chúng thương nhau như ruột thịt, vui buồn đối khổ cho nhau. Tối về ngủ ngoài hiên phố lạnh...

Màn sương tan dần, bình minh ló dạng. Thành phố bắt đầu vang động những âm thanh quen thuộc; tiếng xe cộ ồn ào, tiếng chim muông ca hát líu lo, vui vẻ. Hai đứa trẻ lạc loài bước ra đường phố hướng về chợ tỉnh tìm thức ăn lót dạ.

Hôm nay chợ gần tết nên mới sáng sớm đã đông đảo tấp nập người mua bán. Tiếng trao đổi giá cả ồn ào, náo nhiệt,

tiếng gọi nhau ới ới, tạo thành một thứ âm thanh hỗn loạn. Đây hàng thịt, kia hàng rau, hàng áo quần trẻ em, hàng mũ nón...

- "Ô!" bộ áo quần kia đẹp làm sao! Có lẽ Vũ mặc vừa, mình sẽ mua làm quà Tết cho nó". Tân nghĩ thầm.

- "Kìa" chiếc mũ này xinh quá, ta sẽ mua tặng anh Tân cho đỡ nắng". Vũ lẩm bẩm một mình.

Tân và Vũ say mê nhìn mọi vật chăm chú không chớp mắt, mỗi đứa theo dõi một dự tính riêng.

"Bỗng" : "Xoảng!"

Chồng đĩa của bà bán hàng gần đấy bị Vũ vô ý bước lui dẫm nát tan tành. Hai đứa trẻ bấy giờ mặt mày xanh ngắt, hoảng hốt, sợ hãi. Chưa kịp nói gì thì bà bán hàng đã hầm hầm đến túm cổ Vũ, vung tay tát mạnh vào mặt, làm nó loạng choạng xuýt ngã. Rồi bà giựt thùng đồ nghề trên tay thẳng bé, mở ra lục lọi, lấy hết số tiền đánh giày nó dành dụm lâu nay định Tết này mua quà tặng cho Tân, xong liệng cái thùng trở lại [làm Vũ] bị trượt chân té nhào, khóc không ra tiếng.

Tân nhìn cảnh ấy lòng đau như cắt, toan chống đối nhưng nghĩ mình bé nhỏ, cô thế nên đành lặng thinh cúi xuống đỡ bạn dậy trước những đôi mắt ái ngại của người hiếu kỳ đứng xem. Lúc đó người đàn bà kia cũng vừa quay lưng trở lại hàng mình, nhặt những mảnh vỡ, bằng lòng với số tiền "bồi thường do áp lực", nhưng không quên lẩm bẩm vài câu nguyên rủa.

Tân cảm thấy uất nghẹn nơi cổ họng, từ khước mắt hai giọt lệ lăn dài xuống má.

Mặt trời đã đứng bóng, vài đám mây lơ lửng trên không. Tiếng chuông nhà thờ gần đó đánh liên hồi... vài cơn gió thổi mát mẻ, mang những lá me vàng rơi rớt... Hai đứa trẻ lủi thủi nhấc nhau đi vào ngõ hẻm. Văng vẳng đâu đây tiếng hát theo gió thoảng đưa lại:

"Thằng bé âm thầm đi vào ngõ nhỏ,

Tuổi ấu thơ đã mang nhiều âu lo

Ngày nó kiếp sống lang thang

Văn, Truyện ngắn

*Ngẩn ngơ như chim xa đàn
Nghĩ mình, tủi thân vô vàn”.*

Ngày xưa còn bé

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 14 – 16

Ngọc Lan (Hứa Phăng)
(cho tuổi thơ những lời thương tiếc)

Tôi ghé thăm trường làng cũ vào một buổi chiều mùa hạ, khi cánh phượng tàn buồn bã phơi mình trên bãi nắng, sân cỏ úa tàn tạ, tiếng đàn sáo của những chú ve như vẫn buồn luyến tiếc ngày ly biệt đã qua. Một tiếng động nhỏ trên cành bàng, một tiếng động của một cành hoa đang rụng trên bãi cỏ...mơ hồ như nhắc tôi những kỷ niệm xa xưa...ngày còn là cậu học trò nhà quê đầu tóc nhẵn.

Tôi quên làm sao được hình ảnh chuỗi ngày vô tư lự của tuổi học trò thơ dại mà tôi đã sống qua, nó để lại cho khung cảnh hoang vắng này bao dư âm thánh thót của thời xưa cũ chứa chất đầy thương yêu trù mến.

Nhìn lại dãy trường u sầu ẩn mình dưới bóng liễu lòng tôi cảm thấy buồn bã và đau đớn làm sao? Đây lối cỏ mòn bởi dấu chân quen thuộc năm nào?

Đây hàng rào cao mang vẻ bơ phờ, ngao ngán sự nghịch phá của cậu học trò lì lợm phá phách. Kia lối đá trên sân gạch vẫn còn nguyên vẹn mà hôm ấy thầy đã phạt tôi về tội đào sân gạch nhà trường.

Đây bãi cỏ xanh tươi mà về chiều lữ lượt, rộn rã tiếng cười của các cô nữ sinh. Giờ đây, lửa mùa hạ đã đốt cháy! Cháy tất cả, cháy lòng non của tuổi học trò, cháy cả buổi tìm luyến nhớ của tôi.

Tôi muốn nếm lại những lá bàng khô mục nát, hôn lên những lối mòn năm cũ; ôm lại những thân cây sần sùi đầy những tên được ghi lại bằng móng tay, để thả lại không khí của dĩ vãng, để thưởng thức lại mùi vị của giòng thời gian

“ngọc ngà” đã trôi qua biên biệt.

Còn đâu nữa? Những ngày êm ấm cũ, những nụ cười hé nở trên vành môi nhỏ nhắn, xinh tươi.

Tôi nhớ quá: nhớ những buổi học êm ả bên ông Thầy hiền từ, bên cô giáo mỹ miều có khuôn mặt triều mến! Nhớ những buổi mai trời còn sương mù đến trường sớm để nghe tiếng hót líu lo của hoàng oanh trên cành bàng cao vợi vợi. Những buổi nắng oi ả, mấy thằng quý “Mĩ Nhơn” sang sông làm giặc già đánh nhau rồi ùa vào mương Nhựt tắm cho bằng thích.

Nhớ những buổi chiều mưa tầm tã, tiếng trống liên hồi báo giờ tan học, chúng tôi chạy ùa ra đường cái như đàn vịt vừa mở chuồng, đùa giỡn trên làn nước đục, ướt cả quần áo, sách vở, về nhà chịu đòn của cha mẹ...

Nhớ những ngày nghỉ học rủ nhau ra ngồi ở trên bờ mương câu cá hay lên đồi nơi đóng binh của quân đội Đại Hàn lượm đồ hộp để về ăn rồi đem hộp không ra ngoài đồng bắt dế về nhà đá chơi.

Những đêm trăng ngày mùa, đoàn quân “tí hon” mang khí giới “bất tử” rình mò trong các ngõ hẻm phục kích “địch”, mỗi lần giáp trận, đoàn quân này tung những quả “bom tro” mờ mịt làm cho hàng xóm phải đánh đuổi, rượt bắt. “tàn quân” này chỉ có cách chui rúc trong những đóng rơm. Sau đó, tiếp tục chia phe giao chiến cho đến khuya mới thôi, lúc đó tiếng bà mẹ ở cuối xóm gọi con về ngủ ơ ời.

Những buổi trưa im lặng, đoàn quân này lặng lẽ “hoạt động” trong vườn ổi, vườn xoài làm cho mấy con chó đang lim dim bên thềm phải thức giấc sủa lên inh ỏi.

Và bây giờ không còn nữa? Tôi đã chấp cánh bay ra rồi, bỏ lại sau lưng vùng tuổi thơ vụng dại.

Nhìn lại cuối cùng ngôi trường lòng tôi như se lại. Ngoài kia ánh nắng hoàng hôn còn hấp hối trên ngọn đồi ở chân trời xa, ở ngoài đồng tiếng ếch nhái cũng bắt đầu kêu rang; mọi vật như chào mừng chờ màn đêm bước xuống để rồi chạy trốn cái bức bối của ngày Hè: mơ hồ quanh tôi, tuổi thơ như sống lại.

Văn, Truyện ngắn

Viết trong cuộc đời

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 40 - 42

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

Kính dâng cho tổ quốc một tình thương bất tận

Kính dâng cho tất cả mọi người

Tôi sinh ra đời vào một buổi chiều thu ảm đạm, ngoài kia lá vàng đuoỉ nhau rơi theo chiều gió heo hút.

Lúc đó ngoài sông Bến Hải làn vôi trắng bạo tàn cắt đau lòng mẹ Việt: Bắc Nam chia cắt, cầu Hiền Lương khóc than cho cuộc tình dang dở.

Cũng như bao đứa trẻ khác, tiếng khóc chào đời của tôi được thay thế bằng một thứ mỉm cười chua xót, đớn đau.

Vâng, tôi đã mỉm cười một cách dã man bên vành môi hé nhỏ, khi tiếng đại bác rền từ chiến địa, trái hỏa châu hồng soi sáng mái tranh xơ xác, tiếng bà mẹ thất thanh gọi con chạy giặc trong đêm kinh hoàng.

Tôi lớn dần theo thời gian; chiến chinh vẫn còn đeo đuoỉ; tôi đã thấy nhiều người chết, nhiều xe tăng rền rĩ! nhiều mảnh khăn sô buộc tóc... nhiều và nhiều lắm mà tôi không kể xiết.

Tôi ngơ ngác vào đời như một con vật lạ, đi tìm kiếm đồng bọn trong bãi sa mạc mênh mông, dấu chân ấy được xóa nhòa bởi thời gian vô tình tôi đi mãi...Đôi chân đã mòn mỏi nhưng nào thấy [gì] ngoài chiến tranh.

Và bây giờ tôi đã lớn! Lớn để nhìn vũ trụ và cuộc đời. Tôi đã hiểu thế nào là nỗi khổ làm người!

Tôi ngơ ngẩn nhìn cảnh tháp Chàm lở lói đứng buồn bã trên ngọn đồi quạnh hiu, hoang vu, mà mọi người cho đó là quê hương thật sự của tôi, thật thế sao?

- Tất cả là sự thật! Tất cả là tàn bạo và ô nhục!

Mười mấy mùa thu trôi qua như một giấc mộng, tôi sống nghệt thở trong làn bom đạn xé tan đêm trường, tôi được ấp ủ của một người mẹ Chiêm, đã nhiều lần bế bổng tôi băng qua đồng ruộng lầy lội để chạy giặc; nhiều lần chui rúc

trong hầm tối om để tránh đạn.

Tôi lớn lên trong tuổi học trò sớm lo âu và buồn tủi. Tôi đã mất một tình thương thiêng liêng vô tận, tôi đã khóc nhiều! Nước mắt tôi đã cạn! Tôi muốn vùi lại cảnh huy hoàng, rực rỡ của nước non Chiêm! Để nhìn lại thành Đồ Bàn nguy nga trong buổi bình minh vang tiếng nhạc lừng ca khúc hải hoàn. Nhưng còn đâu nữa? Còn đâu nữa? Giờ đây chỉ còn lại những đống gạch vụn mảnh sọ khô không tủy! Những tượng người quần quai trong đêm thâu rện người! Tiếng oan hồn chinh phu gào vang chiến địa.

Tôi khát lắm! Hãy cho tôi giọt nước nhuộm màu. Thượng đế ơi! Hãy nghe tiếng nói của con! Tiếng nói của loài người dã man! Tiếng ca của tình người man rợ...con cúi đầu lạy Ngài, lạy tất cả mọi người, hãy thấp sáng lại trong tháp điêu tàn, bậm bụi, cho Đồ Bàn thôi rên rỉ! Cho xương khô chinh phu thôi rào rạc!...Cho lòng con tắt lửa hờn! Cho loài người thôi chém giết. Sóng đại dương thôi gào thét!...Đừng gây tang thương nữa Thượng đế ơi!

Nhưng tôi vẫn sống! Vẫn mang kiếp con người với hình hài tiêu tụy, xác xơ...

Tôi biết rằng tương lai tôi mờ mịt, nhưng tôi phải sống với lòng ao ước, với niềm khát khao để khỏi tủi thẹn với thế hệ mai sau.

Trên đỉnh đau thương

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 8 - 10

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

Tội nghiệp Chiêm quốc người đi không hẹn ngày về. Mấy thế kỷ xa lánh cõi trần ai người lột xác làm hình hài cát bụi để đi vào thế giới phù du mệt mỏi.

Trăng mấy mùa in bến cũ, tịch liêu như nỗi buồn phiền của góa phụ, mây lam chiều như giải khăn tang vắt lên nền trời bệnh hoạn, như ngán nỗi diệt vong, tang tóc. Hồi tưởng

lại nơi này một buổi chiều buông thái bình oanh liệt, trường thành phất phơ quốc kỳ lộng gió, tiếng binh khí chạm nhau, tiếng ngựa hí rền trời, đàn voi như thác lũ: Chiêm quốc hãnh diện ra thách đố.

Rồi cũng một buổi chiều cuối thu Chiêm quốc lịm chết theo lá vàng để đi vào một mùa đông rét mướt trên đỉnh sầu vạn cổ. Tạo hóa khéo xoay vần trầm luân cho dân Chiêm hứng giọt sầu đeo đẳng thiên thu. Chiêm quốc người đi không mang theo tử nhục đau thương: bỏ lòng lưu lạc, những biển nước mắt và thành trì hoang phế cho thế hệ sau lấm đoạn trường.

Chiều nay mùa thu về mang lá vàng và nỗi nhớ bay trên cỏ thành, nhưng Chiêm quốc không về kẻ mong đợi cũng đã chết trên khắp nẻo cũ. Lá chết chất đầy thao trường cũ; lá giã chết trên lầu ngọc và vườn thượng uyển, còn đâu vị hoàng tử? Nàng công chúa để sửa sang chốn xưa? Ôi điều tàn! Ôi tiêu sơ ai khéo vẽ? Tiếng hát ai đó làm não nuột tâm can người thăm viếng.

Chiều nay trên bậc dậm đường mấy năm lưu luân trong kiếp trần ai. Nghe lá mùa thu kể lẽ sầu muộn tôi dừng chân chốn này để nghe lòng mình rướm rướm đau thương.

Trời ơi tôi là người lữ khách đi thăm non sông cũ! Đi thăm di tích lịch sử xưa, đi thăm cảnh hoang tàn của nòi giống, đi nhật sọ người và gạch vụn để nếm lại cái mùi vị mà người đã đoạt mất. Tôi cúi đầu xuống trước một pho tượng lở lói, đôi mắt người xưa mở rộng nhìn tôi như oán hờn, như muốn cấu xé và gào thét. Nỗi oán hờn xưa mùa Thu nào kể lẽ hết cho vơi.

Nhìn lên đỉnh tháp, dây leo tượng nát ôi tang thương quá! Tôi lặng lẽ bật diêm trong lòng tháp tắm tối như một oan hồn trở về để cầu nguyện cho linh hồn sớm siêu thoát lên chốn linh thiêng.

Trong bóng chiều sắp chết, đàn dơi đen từng đám lớn thả bụi điêu tàn trên tường vách, tiếng côn trùng rên dưới cỏ tưởng như ai vừa đến đâu đây... tiếng hú vang từ rừng sâu dội lại hay chẳng là tiếng thúc binh của vua tôi thắng trận

giở quân về thành, sương trắng quyện cây lim xanh hay chẳng bóng dáng Chiêm nữ múa điệu liệt oanh! Ôi hết rồi một triều đại...

Mấy ngàn thu tháp Chàm vẫn chờ đợi, chờ đợi ai đây? Chờ đợi người xưa hay chờ đợi ngày nào đó hóa thân cát bụi để vào chốn hư không mang nỗi sầu vạn kiếp.

Trăng vẫn sáng thiên thu, trăng hé cười nghìn thế kỷ. Mảnh trăng ôi! Trăng có biết nước Chàm xưa không? Một thời vang bóng và một thời tàn phế đau thương. Trăng! Xin trăng đừng cho mảnh trăng rơi xuống đất tháp; tủi nhục và oán hận sẽ cúi đầu trước ánh trăng vàng; những bóng ma viếng tháp sẽ chạy trốn cảnh cũ; họ cảm thấy tủi nhục trước ánh sáng. Xin trăng nhớ nhé!

Ngày mai đây tôi cũng giống bao người, một trăm năm gõ nhịp trên bánh xe tang đưa tôi vào nghĩa địa một tiếng khóc... những tiếng thở dài. Nhưng than ôi! Trên đồng gạch vụn, trên những đồng xương khô, trong những đêm thâu rợn người. Tôi sẽ gào thét, tôi sẽ gọi người xưa về áp ủ quê hương! Ai đã tàn bạo, ai đã nỡ lòng??...

Ngày mai tôi chết, lời thơ nào cho quê hương tôi trong những đêm trường bên ngọn đèn tàn, lời thơ nào cho người tình áo trắng xứ tháp Chàm. Xin người còn lại khóc giùm tôi, gào giùm tôi và uống trăng giùm tôi cho kẻ nằm xuống cho bớt bi đau.

Ngày mai tôi chết, xin người còn lại đừng phụ bạc, xin khắc ghi mãi mãi bao lời.

Tiếng ngàn đời

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 23- 25

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

* Kính dâng mẹ quà tặng đầu đời

Mẹ. Tiếng mẹ nức trong hồn tôi như tiếng hú dài của vũ trụ cùng thẳm ngàn thế kỷ dội lại, từng đêm gõ nhịp trên

thành tim của tôi phát thành lời ca dạt dào thoi miên. Nó bắt nguồn từ rừng nhạc hiền hòa có thuyền chở đầy trăng nằm trên bến vắng cắm chèo! ...

Mẹ. Tiếng mẹ vang vọng vào rừng già...một nai tơ đang gặm cỏ... lọt vào tai chợt ngẩng đầu lên gọi: “be be”. Một đàn sư tử đang cẩu xé thịt một loài thú nhỏ trong một hang kín... Tiếng mẹ ngách mình theo kẻ đá lọt vào... Đàn sư tử hoảng hốt và rống lên náo nức.

Ai còn mẹ? Ai mất mẹ? Hãy nhắm mắt nguyện cầu. Ai còn mẹ ước cho mình luôn luôn ở cạnh mẹ. Người mất mẹ ước mơ một hình ảnh dịu hiền trong giấc cô miên Mẹ, tiếng mẹ như giòng nước ngọt ngào... một buổi chiều lã lướt mình trên sườn núi... và một hôm vào đồng ruộng làm xanh tươi nhánh lúa...Mẹ...Tiếng mẹ ngân nga như chuông giáo đường gọi những người lầm đường lạc lối trở về nẻo chính. Mẹ...âm thanh mẹ không bao giờ dứt...Mẹ , là cái gì quý báu nhất trên cõi đời phiền muộn này.

Tôi còn mẹ, anh mất mẹ...Tôi xin cho anh 1 đóa bông hồng cài áo, đừng từ chối anh nhé! Mà làm buồn lòng mẹ nơi chín suối. Anh hãy trú ngụ trong vùng bóng mát đó...Nó vẫn dịu dịu như bóng mát mẹ tôi. Bóng mát của người còn mẹ. Anh đừng xót xa kéo hoa rụng, nỗi khổ trên đời thêm đau đớn.

Mẹ. Ngàn đời vẫn là tiếng mẹ! ...Tiếng mẹ có từ thời lập địa, nó không kiêu căng và thắm mĩ! Nó nhẹ nhàng và êm ái...Mẹ là tiếng an ủi thần diệu, nó vô hình nhưng mãnh liệt...Nó không của một ai...Nó là tất cả của mọi người. Ôi tiếng mẹ! Ôi tình thương vô bến vô bờ.

Đôi mắt của mẹ kết tinh bằng một thứ tình thương trong trẻo, hiền hòa và mộc mạc...lòng mẹ kết tinh bằng tất cả những lòng yêu không giới hạn. Bàn tay và bàn chân của mẹ được thành hình bằng một thứ cẩm thạch thô nhưng trường cửu, bất diệt. Mẹ đứng trên bờ đá nhìn đại dương... đại dương lặng... nhìn đôi thông ... thông thoi than vãn.

Mẹ là tiếng nói đầu đời và cũng là tiếng nói cuối đời. Một đứa bé sinh ra đã biết khóc gọi “mẹ”. Một người thủy

thủ ngang tàng khuấy nước động trời khi sắp buông tay giữa vùng vũ bão cũng phải gọi hai tiếng “mẹ ơi!”

Ôi, tiếng mẹ cao quý biết chừng nào!

Tôi sinh ra đời được bàn tay nâng niu của mẹ, giòng sữa mẹ đã cho tôi tiếng nói trung thực hôm nay. Mẹ tôi khuyên tôi nên yêu những mảnh thú rừng già, yêu trẻ thơ và yêu tất cả những gì có trên đời này.

Ôi, tiếng mẹ trìu mến quá! Trong giấc ngủ cô miên anh chợt ngời dậy, không có tiếng mẹ một cuộc đời trống rỗng cô đơn bao chung quanh anh... Lúc đó mùa đông đã về mang theo hơi gió lạnh thổi vào con tim của anh, chắc lúc ấy anh buốt giá lắm!

Mẹ là tiếng ngàn đời...Nó là dư âm của vũ trụ qua mấy ngàn thế kỷ uốn nắn đã thành tiếng ngọt ngào êm ái...biến chuyển trong thời gian mập mờ về hậu thế và hôm nay một buổi chiều mùa thu gồm ba phần tư thế kỷ hai mươi sống đây trong lời thơ tôi một tiếng đàn vang dội, một âm thanh không bao giờ dứt...

Xóm Mới đầu mùa mưa./-

Giả từ tuổi nhỏ

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 33 - 35

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

Buổi sáng mùa thu có sương mù thật nhiều. Gió thổi lạnh cả hồn thơ, ta ngồi trên tóc cỏ rồi lòng ngỡ như bay cao tuyệt vời trên không trung bất tận.

Gió hát hiu thối... Xào xạt vài lá vàng rơi...

Em tuổi nhỏ của tôi ơi! Khung cảnh gợi cho anh nhớ em thật nhiều. Ngày em đi thu khóc tiễn gót chân thon, đồng đến với ta như cả mùa băng giá. Ai đó ở cuối mùa buồn ngâm khúc oan trái cho lá rụng nhiều, cho mong nhớ bay trên mây ngàn bồng bềnh về góc trời xa, trường cũ giờ đây

ve ca mùa phượng đỏ, tường vách ngày xưa bút mực nào ấp ủ dư hương? Lối mòn bên giàn thiên lý thấp thoáng tà áo trắng học trò hay mơ hồ sương quyện giáng liễu mai!

Em tuổi nhỏ của tôi ơi! Tôi nhớ em trong một giấc mơ nồng...không...một buổi chiều ngồi trên áng mây về thiên đàng thơ ấu, nhớ em ta cầm đàn ngồi khẽ từng nhịp, mắt buồn nhớ trông về phương xa, đàn lạc giọng mây cao ngủ vùi trong tiếng ca hồ!

Em tuổi nhỏ ơi! Thời gian đã đành đoạt lời em trên vòng tay nâng niu của ta về viễn mộng, bây giờ là đầu mùa thu lá rụng nhiều, ta nhớ em như con chim một hôm nhớ rừng khi mỗi cánh trên dặm trường. Thành hoang phế một trưa oai nhớ ngày vàng son cũ. Xin ai diên nhật lá vàng sưởi ấm vũ trụ cho em tuổi nhỏ của tôi bớt sầu buồn, cho em tôi mơ thấy một thiên đường tuổi nhỏ trong địa ngục loài người, cho môi em nở nụ hồng yêu đời tô thắm vùng trần ai phiến nã. Xin, xin cúi, xin ban ân phước cho tuổi xanh bất hạnh.

Mười mấy năm qua, vàng võ lá khô trên tóc mùa. Từng khắc con tim trở nhánh hoang vu trên sỏi đá, ta xa em để vào đời cát bụi. Ai biết đau thương mà xin vũ trụ thôi quay tròn. Em tuổi nhỏ của tôi ơi! Ta nhớ em mỗi lần trống điểm, mỗi lần chim hót bên cửa sổ nhà trường thánh thót như ngày xưa ấy. Thu sang dẫu có lạnh em tuổi nhỏ ơi! Ta vẫn ngồi xếp lá vàng chờ đợi ngày em về mang dáng diễm xưa...

Gió tung bụi từng mùa ở chân trời, chim bay đã mỗi cánh ở ngàn khơi...Thời gian vẫn du chân trên sỏi đá... ngày em về vẫn biên biệt dằng dặc như lời thơ ta nặng trĩu đoạn trường.

Và một hôm...

Trên đường thiên lý ta làm người lữ thứ độc hành đi tìm em tay run run lên từng niềm thương nhớ. Xứ chú cuội ngồi nhớ trầm gian, giòng sông ngân bất tận khắc ghi mối tình ngắn cách Ngư Lang Chức Nữ làng Bích Câu, chàng thư sinh Tú Duyên tương tự tiên nữ Giáng Kiều. Anh đã đi tìm em, em tuổi nhỏ của tôi ơi phương trời viễn xứ em có thấu.

Gió rét mùa đông, tiễn chân anh về mang niềm nhớ

Văn, Truyện ngắn

không nguôi đi dạo trong hồn từng đêm cay đắng vuốt ve. Tương tư từng ngày dần vật tâm hồn như bao lời cay đắng. Em tuổi nhỏ của tôi ơi! Có lẽ em bỏ tôi thật tình ư?

Không...không...không bao giờ, em đã sống với ta cả một tuổi thơ ấu ở ngôi Trường làng, ở miền quê nghèo lúa vàng. Em đã hát cùng ta bài ca chưa tròn của tuổi nhỏ, bên giòng sông ngọt ngào của quê mẹ có vùng ấu thơ trú ngụ.

Ta nhớ cùng em ngồi trên cầu đầu làng thả ghe “cái” ghe “đực” xuôi theo giòng nước rồi vỗ tay mà cười nức nở:

- Chúng sẽ về Mĩ Nhơn bay ơi!

Những cái ấy em đã mang đi hết rồi, em tuổi nhỏ của tôi ơi! Hoàng hôn đã buông lời điệu nhạc muôn trùng xin em hãy đến cho cuộc tình trên tam cấp sống mãi thiên thu.

Tuổi nhỏ ơi xin già từ.

Đêm giáng sinh 72

Chuyện tình 20 năm

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 51 - 53

Ngọc Lan (Hứa Phăng)

Chiến tranh yêu quê hương tôi đã hai mươi năm chuyện tình xót xa đằng đặc 20 năm tôi xin kể.

Chiến tranh yêu quê hương tôi như người tình chung thủy; không một lần hờn dỗi; không một lần chia tay; không một lần ngậm ngùi rơi nước mắt. Ôi một cuộc tình gương mẫu! Lời đau rớt trên mặt giấy trắng học trò từ ngòi bút nhỏ tôi xin ghi trên đây lời nói chân thành của tuổi trẻ bất diệt, cố vươn lên trong vùng lửa đỏ.

Từng đêm...từng đêm chấp chờn bóng tối chiến tranh thủ thỉ với quê hương tôi bằng tiếng đại bác rền, tiếng AK nổ dòn ở đầu làng, tiếng mìn claymore tan tác bóng đêm dài...Những đóm mắt hỏa châu hồng treo trên vòm trời kỷ niệm, chiến tranh bảo rằng ấy chính là hoa đăng của ngày

cưỡi. Ai không xót xa khi nhìn một hàng nhà cháy; quanh đó những xác người chết xém...Mắt còn mở to nhìn lên vòm trời của mẹ khi hỏa châu rực sáng, họ ôm mặt kêu thất thanh: “ôi hoa đăng” rồi xuôi tay nhắm mắt ngàn đời.

Còn gì nữa đâu anh? Anh hãy nhìn vào căn nhà nhỏ cuối xóm, nó hiền hòa làm sao! Nhưng anh ạ! Trong mái nhà tranh bé bỏng đó...mẹ già và em thơ đã ra đi từ lúc nào, trước khi bình minh đem ánh nắng đào tô vườn khoai sắn. Chắc anh biết rồi tại sao?

Quê hương tôi đó: Những buổi mai đi lượm xác người ở đầu làng đem chôn; những buổi chiều trẻ nhỏ đi lượm lượm đạn và viên kẹo đồng về nhà làm đồ chơi. Thành phố tôi ở xa lộ là đường hầm, một đàn bò lạc loài đi dạo phố, một con chó hoang đói chạy lẩn xấn trên những đống gạch tàn, một con heo ăn đồng loài no nê nằm bên cạnh chiếc xe tăng lật...

Thành phố anh ở hai xác kẻ thù nằm chồng lên nhau. Trên đó cắm một lá cờ chiến thắng. Họ xa quê hương để vào quê hương dùng bàn tay mạnh mẽ tàn phá nhà cửa của đồng bào ruột thịt; hình hài tan biến thành phân màu mỡ làm cho xanh cây lá, để ngày mai đây mọc lên những mầm hy vọng.

Những đêm dài thức trắng...Mẹ ngồi chờ đàn con đi đánh giặc ở ngoài trận tuyến trở về đón xuân sang... Và hôm sau người con trai đã trở về với gia đình bằng chiếc quan tài phủ cờ Tổ quốc ghi ơn... Ôi mùa xuân! Ôi tang thương! Không một phút lìa xa cho quê nghèo dựng nêu ăn Tết như ngày nào?

Dưới bóng tre già người vợ hiền bỗng con mồi mòn ngóng tin chồng....rồi một hôm...một buổi chiều nắng úa trên đám rau muống trước nhà, người chồng đã trở về trên đôi nạn gỗ, dáng xưa đâu còn, đàn con bu quanh đòi quà...Người cha xót xa chỉ vào đôi chân trả lời: “Quà của các con đây”. Đàn con yên lặng...linh báo cho chúng biết bắt đầu từ đây mình sẽ khổ...những ngày vui của trẻ thơ không còn nữa.

Văn, Truyện ngắn

Quê hương tôi có mẹ và chị hiền hòa ngồi ước mơ thanh bình sớm về... Để lên núi tìm xương người thân thuộc; để hưởng chút một sự khoái lạc hiếm có trong cuộc đời hẩm hiu này.

Quê hương tôi có xe tang chở người bất hạnh, về nghĩa trang...phải tìm... người chết hai lần... Quê hương tôi có xe ngựa chạy “cọc cạch” trên đường quê vào thành phố nằm nghỉ bên vệ đường hai bánh lại nhìn lên trời cao. Quê hương tôi con sông hiền hòa bênh bồng xác người...Quê hương tôi có một đóa bông lấm tấm giọt máu đào của người lính chết đêm qua.

Còn gì nữa đâu anh? Cho tôi và anh đây những căn nhà hoang vắng, những cây cau gãy vì mìn, ngôi chợ không người, giáo đường quạnh hiu.

Ôi! Hai mươi năm rồi đạn bom không mỗi một; ôi hai mươi năm rồi chuyện tình không dang dở. Chiến tranh ơi! Người thù ơi! Xin cho mùa trăng sáng lên hiền hòa trên đường lúa xóm nghèo, cho tiếng chày vang lên từng chập chờn trong ngõ tối...

Đạn bom ơi! Xin một lần vĩnh biệt cho em tôi hát ca dao trên đồng khô, trên giồng sông nhỏ có thuyền con lạng lờ trôi...ôi nên thơ...ôi tình đẹp miền thôn dã...

Chiến tranh ơi! Bão tố ơi! Xin một lần xa lìa quê hương tôi...Cho ngàn yêu thương reo vui trên đỉnh bình yên thật hiền hòa.

Nhớ mẹ

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 11, 12, 16

Đổng Đại Sung (lớp 9)

Trời về khuya, trong phòng các bạn đều yên giấc chỉ riêng mình tôi còn thao thức, gục đầu bên cửa sổ. Không hiểu tại sao đêm nay tôi buồn quá. Một cơn gió nhẹ thoảng qua song cửa làm tôi chột rùng mình vì lạnh. Văng vẳng đâu

đây tiếng hát trầm buồn của người nữ ca sĩ từ chiếc radio nhà bên cạnh mơ hồ vọng đến.

- *“Mẹ tôi tóc xanh nhuộm bạc tháng ngày, mẹ tôi đau buồn nặng trĩu đôi vai...”*

Tiếng hát như nước nở vang trong đêm vắng gọi cho tôi một nỗi buồn khó tả - bất giác nước mắt tôi trào ra, hình ảnh mẹ hiện về nhạt nhoà trong đó. Tôi quên làm sao được người mẹ hiền suốt đời tảo tần, tận tụy vì con.

Mới ngoài 40 tuổi mà tóc mẹ đã bạc màu, đôi tay nhăn nheo vì dãi dầu mưa nắng. Niềm hy vọng của mẹ thật lớn lao, nhưng ước vọng của người quá nhỏ bé: mong sao con chóng nên người - chỉ có chừng ấy mà trời không chiều lòng người. Chiến tranh định mệnh đã cướp mất người mẹ thân yêu của tôi, khi ước vọng của người chưa thành, công danh con trẻ chưa đạt.

Đã ba năm nay tôi sống trong tình thương yêu chiều chuộng của cha và bà nội. Nhưng tất cả không làm cho tôi vui, lấp được khoảng trống to tát vì sự thiếu vắng mẹ trong tâm hồn. Ngày qua ngày tôi chỉ thấy tủi buồn thêm. Nhất là kể từ độ vào ký túc xá tôi khóc âm thầm những đêm như hôm nay nhìn muôn vì sao lấp lánh trên nền trời, hoặc những khuya ngồi học bài thi thiếp ngủ trên bàn rồi lúc giật mình thức dậy bàng hoàng trong cô quạnh, giá lúc đó có mẹ, tôi sẽ được nghe những lời thăm hỏi âu yếm:

- Sao con không ngủ, thức làm gì khuya vậy? hoặc “con gái mẹ chăm học quá, con có uống sữa không, mẹ pha nhé...vv...”

Tôi khao khát bàn tay dịu hiền của mẹ - bàn tay ngày xưa đã từng vuốt lên mái tóc dài của tôi, nhẹ nhàng cầm lược gỡ từng sợi rồi lấy kéo cắt đi cho đều. Tôi nhớ ánh mắt buồn xa vắng và giọng trầm trầm êm nhẹ của mẹ đêm nào ngồi kể cho tôi nghe câu chuyện vàng son một thuở của nước non Chiêm. Tiếng mẹ êm quá, dịu quá ru tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Ôi! êm ái làm sao giấc ngủ trong vòng tay mẹ hiền.

Nhưng bây giờ tất cả đều lùi vào dĩ vãng. Thân xác mẹ

đã tan trong khói lửa hỏa táng, linh hồn người đã về một thế giới nào xa xăm, còn đâu, còn đâu nữa mẹ ơi...?

Đã quá nửa đêm rồi, ánh trăng lung linh ở trên cao tỏa ánh sáng mờ nhạt bên cạnh các vì sao lưa thưa. Xa xa tiếng chuông chùa vọng lại buồn mênh mang... Giữa đêm tối một bóng đen bay tới làm tôi giật mình. Nhưng nhìn kĩ lại thì đó là một chú chim con miệng kêu chiêm chiếp, lượn đi, lượn lại bên hiên một lát, rồi bay đi, biến mất trong màn đêm... Có lẽ nó cũng đi tìm mẹ. Tôi thầm đoán như vậy. Nhưng tìm đâu, tìm đâu? Buồn quá tôi gọi nhỏ: Mẹ ơi! Nơi đây có hai tâm hồn lạc lõng: chim non bé ngoài trời và con gái mẹ cô đơn trong phòng nội trú. Tuy chim và người không có ngôn ngữ trao đổi, nhưng cùng một niềm cảm thông sâu xa tâm sự của một đứa con thiếu tình mẫu tử.

Đêm tối và yên lặng quá, không ai đáp lại tiếng than của tôi. Thẩn thờ tôi gục mặt vào đôi bàn tay, mặc cho lệ tuôn. Ngoài kia trăng mờ dần sau những đám mây đen ồ ạt đến.

Mưa bắt đầu rơi...

Đôi dòng cảm nghĩ

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 15 - 16

Đổng Đại Sung (lớp 9)

Đêm đêm nằm nghe những tiếng đại bác liên tiếp từ xa vọng về làm căn gác rung động, tôi chợt nghĩ đến những thảm cảnh rất có thể xảy ra lúc đó mà lòng vương buồn.

Giờ đây đất Việt đang chìm đắm trong màn máu lửa thê lương. Bên cạnh lớp người ra đi và đã nằm xuống còn một số người vô tình quên đi đất nước mình chiến tranh, dân tộc mình đau khổ. Tại sao vậy? Vì ích kỷ, cầu an, buông xuôi hay thảm họa chiến tranh đã tạo nên những thành phần vô trách nhiệm đó? Thật khó có thể giải đáp được. Riêng tôi chiến tranh luôn luôn là vấn đề khuấy động tâm tư từ thuở

bé và đã để lại cho tôi hai cái tang đau đớn nhất đời. Vì cuộc chiến, cha tôi đã anh dũng hy sinh đền nợ nước trong một trận đánh lớn ở miền quê. Mẹ tôi xót xa đau khổ đến tột độ và cuối cùng ngã bệnh qua đời, cách đó không đầy một năm.

Từ đây tôi phải đến ở với một người cô cùng xóm. Tôi lớn lên trong tình thương, gần như hững hờ, lạnh nhạt của người cô họ và dường như ít khi hỏi thăm đến đứa cháu lạc loài.

Tôi cảm thấy đời sống mình thiếu tình thương lẫn vật chất nhưng đành phải cam chịu.

Cha tôi qua đời lúc tôi còn bập bẹ gọi: “Cha, cha...” Rồi mẹ cũng ra đi khi mùa đông sắp tàn, tang chồng chưa mãn, con trẻ chưa báo đền được công ơn. Ai, ai đã cướp đi tình thương của tôi? Chiến tranh...chiến tranh thật tàn bạo, nó đã giết lăm người vô tội...

Từng đêm tôi thao thức, nhớ đến mẹ, nhiều khi lại mơ hồ thấy hình ảnh cha hiện đến bên mình với bao niềm thương mến. Tôi muốn gào thét lên để níu lại hình ảnh thân yêu đó. Nhưng tất cả hoàn toàn bị sụp đổ, tan biến mỗi khi tôi chạm đến.

Cũng vì chiến tranh mà dòng lệ còn ứa trên đôi má của các bà mẹ già, vành khăn tang còn trên đầu những trẻ thơ mất cha và làm tuổi trẻ chúng ta tiêu hao quá nhiều. Chiến tranh cũng nhắc tôi nhớ đến những người bạn thân đã ra đi để lại lớp học những khoảng trống như những ngày cuối năm. Họ ra đi để người ở lại sống trong bình yên che chở.

Quê hương ta đau khổ quá nhiều. Đừng để thực trạng này kéo dài thêm nữa. Đất nước này, quê hương dân tộc này chỉ chờ đợi “những bàn tay đen và lương tâm trắng”. Những bầu nhiệt huyết sôi ý chí diệt thù chứ không chờ đợi ở chúng ta những lời nguyện cầu. Tất cả chúng ta phải gánh lấy nhiệm vụ bảo vệ quê hương xứ sở, xóa bớt thảm họa khói lửa thương đau. Bạn còn chần chờ gì nữa, chúng ta hãy đi lên, làm lại cuộc sống hôm nay và lo cho ngày mai. Hy vọng rằng thế hệ sau sẽ không còn sống với hình ảnh máu

Văn, Truyện ngắn

chảy hòa nước mắt. Ngày nào còn chiến tranh, đêm nào còn hỏa châu soi sáng, lúc nào còn bom đạn reo vang khi đó non sông còn tang tóc. Chúng ta phải là ngọn đuốc soi sáng dẫn đường cho thế hệ sau và bình minh cho những ngày đen tối, phải không bạn?

Bãi trường

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 21

Hán Thị Lạc

Hôm nay là ngày bãi trường lòng tôi cảm thấy băng khuâng buồn vì phải xa thầy, bạn về quê nghỉ hè.

Nói sao hết những nỗi buồn khi xa cách? Giờ đây tôi muốn kéo dài giây phút gần gũi, trò chuyện bên các bạn để lúc ra đi bớt sầu thương. Còn đâu nữa những tháng ngày vui đùa cùng bạn dưới mái trường thân yêu? An Phước! An Phước, nơi đã rèn luyện cho tôi nên người hữu dụng. Bạn ơi! Bạn có buồn không khi phút chia tay gần kề? Tự nhiên tôi thấy quyến luyến tất cả, từ cái bàn, chiếc ghế đến chỗ của từng người: đây là nơi thầy thương ngồi giảng dạy, đó chỗ tôi, kia chỗ bạn...

Hai chữ “bãi trường” ngắn ngủi chiều nay bỗng đem lại cho tôi một nỗi buồn vô hạn: thầy tôi, bạn tôi, những gương mặt không vui đang nhìn tôi với vẻ luyến lưu.

Thầy kính, bạn yêu, trường ơi; tôi xin gửi lời giả biệt cuối cùng. Hẹn gặp lại vào mùa thu tới.

Lưu luyến

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 25 - 26

Phú Thành

Thời gian trôi nhanh: như gió thoảng, như mây bay, như

nước chảy qua cầu. Mỗi hôm nào đây, chúng ta ngồi kể nhau trò chuyện thân mật và trao cho nhau những kỷ niệm rạt rào. Thế mà mai đây chúng ta phải tạm biệt nhau mỗi người mỗi ngã. Kể ở góc biển, người chân mây. Khu trường này sẽ là khoảng không gian trống rỗng, mặc cho những tiếng hoan ca của đàn chim bé nhỏ vào lúc bình minh, hoặc buổi hoàng hôn, mặc cho tiếng ve sầu say nức nở, mặc thân xác phượng nằm la liệt trên mặt đất.

Các bạn ơi! Tôi bù nhìn luyến tiếc ngày xưa đã chìm dần trong dĩ vãng. Ngày hôm nay và lát nữa đây nó cũng như cái ngày xa xôi ấy sẽ trôi về trong quá khứ. Bạn hãy cùng tôi thấp nén hương lên để cầu nguyện cho nhau, cho tâm hồn chúng ta được an ủi trong niềm hoan hỉ. Rồi đây chúng ta sẽ già biệt nhau mỗi người một con đường mới, mỗi người sống một lối riêng biệt.

Biết nói gì đây nếu không phải là hai tiếng già từ. Già từ để luyến nhau, để nhớ nhau và để gặp nhau bạn ạ. Tôi muốn chúng mình sẽ gặp nhau. Gặp nhau trong một bầu trời trong vắt dưới một làn không khí êm ả bên một cảnh phượng đang khoe màu đỏ thắm.

Hãy nhìn nhau đi, vì chỉ còn một chốc nữa là chúng mình xa nhau và các bạn cũng như tôi sẽ xếp bút ra đi giữa những ngày oi ả và người đi cũng như kẻ ở bao giờ cũng có một nỗi luyến thương, buồn nhớ.

Tôi muốn trao cho các bạn cánh hoa phượng của chiều nay, cánh hoa mà tôi ép trên trang giấy này. Đừng chối từ bạn nhé. Bạn hãy vui vẻ nhận lấy cánh hoa này. Cánh hoa đó đã in một kỷ niệm êm đềm ngày ly biệt của chúng mình. Dù đó là cánh hoa rơi, một cánh hoa tàn trong gió, nhưng các bạn ạ. Cánh hoa tàn rụng đối với chúng mình nó có một ý nghĩa làm sao. Nó là trung gian của người đi và kẻ ở. Nó là tượng trưng cho mối tình êm đẹp của chúng mình.

Bạn hãy kéo dài thời gian thêm chút nữa để cầu nguyện cho nhau, đời thêm đẹp đẽ, như màu xanh của da trời.

Thế là hết rồi, vì giờ chia tay của chúng ta đã đến. Hãy mỉm cười tươi trẻ hơn. Hãy dẹp những mối u buồn ão não và

Văn, Truyện ngắn

vui vẻ cùng nhau chơi đùa cho thỏa thích - kìa xem! Tiếng hát ca của ve sâu như tiến bước chúng ta, cổng trường đã từ khép lại, hoa phượng lẻ loi mặc cho gió. Kia người đi bịn rịn vai nhau trò chuyện vui vẻ và sắp khuất vào nẻo vắng.

Nỗi buồn ký túc xá

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 27

Bá Thị Kim Thoa

Từ khi được trúng tuyển vào Trường Trung Học An Phước, tôi rất buồn vì không được chính phủ nuôi ăn học như một số các bạn khác. Nói như vậy không phải tôi có ý ganh tỵ với ai. Gia đình tôi nghèo lắm. Tất cả mọi việc trong nhà đều nhờ một tay mẹ đảm đang, gánh vác. Suốt ngày bà phải xuôi ngược cuối chợ đầu thôn kiếm chút tiền cho đàn con đi học. Nhìn mẹ khổ quá, tôi thấy thương vô cùng. Đôi lúc tôi ước ao mình làm được một cái gì có tiền để giúp đỡ mẹ. Nhưng biết làm chi đây khi tôi chỉ là một con bé khờ dại, mới chập chững bước vào cửa trung học. Vì thế những ngày sống ở đây, các bạn tôi, người ta chơi đùa vui vẻ, riêng tôi không lúc nào nét mặt chẳng vương sầu. Nhứt là đến tháng nộp tiền ăn, tôi bần khuân, lo lắng không ngủ được. Xin ai, kiếm đâu ra một số tiền 1700 đồng nếu không về nhờ to cùng mẹ như mọi lần để thấy mẹ chạy sang hàng xóm năn nỉ vay mượn? Biết đâu những lúc đó vì con, mẹ đã gạt nước mắt chịu đựng bao lời “nặng nề” của kẻ có tiền...? Ôi đó là một điều tôi không bao giờ muốn cả.

Càng nghĩ tôi càng thương mẹ nhiều. Đến bao giờ tôi mới đền đáp được công ơn của cha mẹ mặc dầu tôi vẫn luôn luôn ghi nhớ hai câu ca dao:

*“ Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra ”.*

Thôi tôi chẳng biết nói gì hơn là ghi lên đây ước vọng của mình: mong sao được chính phủ cấp dưỡng tiền ăn học cho lòng tôi với bối sầu lo, mẹ tôi đỡ khổ giữa lúc sinh kế khó khăn, vật giá đắt đỏ, gia đình nghèo túng.

Huyền thoại về cây “Kraik”

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 44 – 48

Mỗi khi nhắc đến Pô Romê, người dân Chàm thường liên tưởng đến cây Kraik. Cây Kraik tức là cây lim xanh thuộc loại danh mộc, người Chàm tin tưởng như là rường cột của Vương quốc Champa thời trước.

Theo tục truyền chính của vua Pô Romê vì mắc mưu gái Yuen mà đốn ngã cây Kraik linh thiêng làm cho vương quốc Champa sụp đổ.

Huyền thoại về cây Kraik được lưu truyền trong đồng bào Chàm tại miền Trung và đồng bào Chàm tại Châu Đốc và Cam Bốt có đôi phần khác nhau về chi tiết ở câu chuyện nhưng lại giữ một tinh thần chung hối tiếc một lỡ lầm cùng đau thương cho nguồn gốc và cơ đồ dân tộc.

Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu trước huyền thoại về cây Kraik do người Chàm Châu Đốc - ông Dohamide - tác giả cuốn “*Dân Tộc Chàm Lược Sử*”. Kể lại như sau:

Ngày xưa có hai chị em là nàng công chúa: Juk Bang, Juk Bia và hai vị tướng Chàm Cei Nok và Cei Bok.

Bên cạnh cửa hoàng cung có cây Kraik là gốc rễ Vương quốc Chàm.

Nhiều cuộc lễ lớn đã diễn ra tại trào vài người không thấy người Việt, người Tàu hay người Miên nào cả.

Vào tháng 4 năm con trâu, một viên quan đầu tỉnh đã báo trình cuộc nổi loạn của người Chu Ru, Ko Ho và Stiêng; hai vị Cei đã tấu trình sự việc lên vua, và nhà vua sau khi hỏi ý kiến các quan trong triều đã cấp 500 quân cho Cei Nok và Cei Bok đi đánh dẹp.

Nhà vua đã cấp áo giáp cho hai tướng và cầu xin thần

linh giúp chiến thắng. Ngày giờ xuất quân được xem xét kĩ lưỡng. Vào đúng Ngọ, hai Cei lên đường, Cei Nok đi tiên phong, Cei Bok giữ phần hậu tập.

Đoàn quân tiến như một đám rừng giáo mác, cờ trắng dẫn đầu rồi tới cờ đỏ, cờ xanh cờ tím. Sắc màu chói mắt, cảnh vật trong thật đẹp.

Hãy tạm gác chuyện này sang bên, để qua một việc khác. Người Yuen đã làm cho chúng ta cơ cực thống khổ bao nhiêu, chỉ vì chúng ta đã xâm phạm gốc nguồn. Họ đã xâm nhiều và họ còn muốn đánh chiếm tất cả.

Một người Yuen già và nghèo cho đến nỗi chỉ có một bữa cơm mỗi ngày, nhưng có một đứa con gái tuyệt đẹp, mong có ngày dẫn sang đất Chàm. Hai cha con đi trên một chiếc ghe nhỏ, mang theo một ít hàng hóa, đã phải đi 5 ngày đường mới đến biên giới Chàm và để cho các chức viên Chàm hỏi.

Người con gái luôn nở nụ cười trên môi, đã tự nhiên pha trò và đã để cho một viên chức Chàm ôm lấy châu thân, trong khi đó ông cụ già làm ra tuồng như không hay biết gì cả, để chỉ lo sắp xếp những sừng con tê giác cùng ngà voi. Viên chức Chàm mặc bầy sắc đẹp, mà cho hai cha con xuất nhập biên giới tự do. Sau khi đã buôn bán ba bốn tháng trên đất Chàm, họ quay về nước. Viên chức ở biên giới còn bảo họ hãy khéo thu xếp để chóng trở lại.

Hàng hóa Chàm họ mang về đã được người Yuen ưa thích, chỉ 7 ngày sau, họ đã trở lại và lần này có cả thảy 10 chiếc ghe. 7 ngày sau đó, họ lại đến trạm biên giới và được viên chức hữu trách bảo cứ mua bán tự do. Người con gái nói: “có tới 7 chiếc tàu”.

- Không hề gì! Thế là nàng cứ đem lụa đến, để mang ngà voi đi. Người con gái mừng rỡ cứ tiếp tục buôn bán. Họ cất chòi để ở và người Yuen theo họ đến rất nhiều.

Nhà vua nghe người Yuen đến ngụ ở biên giới đông như thế, bèn cho người đi lấy tin tức và hạ lệnh tống xuất họ đi hết. Nàng con gái khóc biệt với tình nhân và được tặng nhiều đồ vật trước khi lên đường.

Giờ sang câu chuyện khác

Vua Yuen lâm trào được các quan cho biết chính cây Kraik và hai viên tướng là những trở ngại chính yếu cho cuộc xâm chiếm Champa nên đã ngỏ ý gả công chúa cho Chiêm Vương.

Vua Yuen bèn chọn một công chúa xinh nhất và nói rõ ý định: Hãy tìm đủ cách đốn bỏ cây Kraik. Nếu thành công ta sẽ nhường ngôi báu.

Nàng công chúa vui nhận sứ mạng và xuống ghe, đi với hai tỳ nữ. Đi được 7 ngày thì đến trạm biên giới Chàm. Quân lính Chàm báo động, nhưng bên Yuen đã lên tiếng. "Chúng tôi đem công chúa chúng tôi sang Champa".

Được tấu trình, vua Chàm liền sai cận thần đến nơi rước công chúa về trào. Vua vừa thấy dung nhan thì phải lòng ngay thì xin cưới. Thế là trâu bò heo bị làm thịt không kể xiết để ăn mừng lễ cưới. Quá đam mê công chúa Yuen, nhà vua đã bỏ hết các người vợ trước; không ngó ngàng tới nữa.

Trước tình cảnh đó, hai chị em Juk Bang và Juk Bia cố gắng khuyên can nhà vua với nhiệm vụ chân chính nhưng không tài nào lay chuyển nhà vua được nữa.

Hãy tiếp tục câu chuyện: Hỡi đàn ông và đàn bà hãy lấy đó mà giữ mình.

Một ngày kia nàng công chúa Yuen giờ mang tên là Nai Bia Ut bỗng kêu la lâm trọng bệnh, nhưng không có thuốc thang nào chữa khỏi cả. Nhà vua lo ngại, đến thăm thì Bia Ut nũng nịu tâu: "Thưa Chúa Thượng, thiếp thấy nhượng như trong mình máu đã chảy đi cả và da thịt bị xâu xé như miếng vải bị kéo qua bụi gai vậy".

Các ngự y, thầy thiên văn được mời đến tức tốc.

Thầy thiên văn lần tay tính tuổi, cung vân của Nai Bia Ut thì thấy chẳng có chi lạ cả, bèn trình lên vua sự việc.

Nhà vua nổi giận mắng: "Sao? Các người ngu đâu dám nói ái hậu của ta chẳng đau bệnh gì cả".

- "Ái hậu đau ở đâu?"

Nai Bia mếu máo: "Thiếp hồng biết, hình như dưới bụng."

- “Ái hậu đừng dẫu diễm ta nữa, ta sẽ làm mọi cách để ái hậu mau mạnh.”

Nai Bia Ut càng nhăn nhó:

- “Trời ơi! Thiếp như chết cả nữa thân mình rồi. Bệ hạ ơi!

Nhà vua hoảng hốt:

- Trẫm phải làm sao bây giờ?

Nai Bia Ut khóc lóc:

- Chỉ tại Kraik đó, cây Kraik đã trù yểm thiếp. Thiếp sẽ chết nếu bệ hạ không thương thiếp!

Nhà vua nổi trận lôi đình:

-Hỡi Kraik ta sẽ đốn ngươi, nếu người cứ làm như vậy, để báo đáp lại bao nhiêu danh dự, kính trọng mà ta đã dành cho người”.

Nhà vua liền triệu các quan đến và phán:

"Ngày trước cây Kraik đã che chở cho ta, nhưng nay Kraik lại bức bách ái hậu ta. Các người hãy nói cho Kraik rõ, Kraik sẽ bị đốn ngã, nếu cứ tiếp tục làm như vậy. Theo tập tục, các người hãy chuẩn bị lễ vật gồm 3 con trâu một số heo và gà lông trắng, rồi các người làm lễ cúng để báo cho Kraik rõ quyết định của ta”.

Các cận thần làm y lời vua và trình với cây Kraik:

- Xin ngài đừng làm rộן chúa thượng.

Cây Kraik đáp: “Ta nào có làm chi đâu? Chúa Thượng chỉ nghe người đàn bà Yuen nói láo.

Các quan vào tâu Vua việc thi hành lệnh, nhà Vua liền cho Nai Bia Ut hay, và nàng đã giả bộ bệnh vừa được thuyên giảm. Nhà vua lấy làm vui mừng. Phải nàng đã giả bộ mang thai. Chỉ ba ngày sau căn bệnh lại tái phát và lần này có mùi trầm trọng hơn nữa:

“Chỉ có ai muốn cho thiếp chết mới nói rằng thiếp là người đàn bà hư”.

Nhà vua nổi giận liền hạ lệnh: “Quân này! Đốn nó phứt cho rồi đi!”

Kẻ thuộc hạ nghe lệnh nhưng không một ai dám tuân theo. Hai công chúa Juk Bang và Juk Bia thấy thế cũng than

thở:

- “Than ơi! Anh ta chỉ nghe lời đường mật của người đàn bà hư ấy, Vương quốc sẽ sụp đổ và các quan cũng sẽ chết mất hết. Phải rồi, một khi cây Kraik mà ngã xuống rồi, xứ chúng ta sẽ chịu tai họa tày trời”.

Hai công chúa vào can vua anh một lần nữa và....(thiếu vì đã mất trang)

Lời giã biệt

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 3 – 4

Xuân qua, hạ lại trở về mang theo cái nắng gay gắt chói chan trên những cánh phượng mang màu sắc đỏ như màu máu thấm pha. Đâu đây tiếng ve ra rả khúc nhạc sầu ly gợi cho lòng mỗi học sinh chúng ta một nỗi buồn mênh mang. Vẫn biết rằng “bèo hợp để rồi tan, người gần sẽ ly biệt, trăng tròn nay, mai khuyết”. Đó là định luật gần như bất di bất dịch mà con người sống ở thế gian này không ai phủ nhận được. Nhưng bạn ơi! Sau bao tháng ngày gần gũi nay bỗng cách xa, trước phút chia tay ai tránh khỏi ngậm ngùi quyến luyến. Còn đâu những giờ học êm ả thân mật bên cô giáo hiền, ông thầy nghiêm nghị đáng kính? Còn đâu những phút vui khi ngồi bên nhau trong lớp học chia từng mẫu bánh, cái kẹo đem ra ăn dẫu thấy, đồ chơi mới đem khoe bạn, hoặc những lúc nô đùa quanh sân trường hay ngồi yên lặng kể lể cho nhau nghe nỗi niềm tâm sự. Kỷ niệm, kỷ niệm kể sau cho hết hử bạn?

Mặt trời dần khuất sau dãy núi xa, chỉ còn vài tia nắng yếu ớt vàng vọt kéo lê thê trên cao. Một buổi nữa thôi, lễ phát phần thưởng xong rồi, mai ta sẽ chia tay người mỗi ngã. Một mình thơ thẩn dạo quanh sân trường chiều nay, cúi nhặt những cánh phượng tàn rơi lả tả trên đất, bạn đang nhớ và nghĩ gì đó? Nhớ những người sắp xa đang đứng trước mặt, nhớ ngôi trường thân yêu nay mai quanh vắng và suy ngẫm chuyện buồn vui quá khứ mà thấy cổ nghẹn lại, môi mấp má, khóe mắt rưng rưng. Thật là:

Văn, Truyện ngắn

*“Chưa biệt ly đã cách xa nhau,
Nếu biệt ly rồi, xa đến đâu?”*

X.D

Nhưng dấu sao đi nữa, cảm tình chỉ nên chứa đựng trong
thâm lặng. Bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu quyến luyến,
bụi ngùi cũng vẫn là: có nói cũng không cùng.

Sắp đến giờ cổng trường khép lại, trước phút ly biệt, bạn
hãy cùng tôi siết chặt tay nhau, nhìn sâu vào ánh mắt, rồi ta
lặng lẽ giã từ. Thôi, hẹn tái ngộ vào mùa lá rụng, phượng
kết trái cùng nhau vui vẻ sánh vai tiến bước trên đường học
vấn.

Dòng lưu niệm

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 7 - 9

Nguyễn Thị Ngọc Yến

Hè về, phượng rơi, mùa chia tay đến...

Nhìn lại lần sau chót những khuôn mặt còn hiện diện ở
đây, tất cả đều có vẻ buồn ngơ ngác mà không có một ngôn
từ nào diễn tả được tâm trạng chúng tôi. Chỉ một khoảng
thời gian bé nhỏ và mong manh nữa thôi rồi mãi mãi không
bao giờ tôi sống được với khung cảnh này - với không gian
này - với tình cảm bè bạn hôm nay. Một ngăn cách không
muốn cũng không được nảy nở trong lòng tôi bỗng dưng
biến thành nỗi lo âu rộng lớn chánh thức. Tự nhiên tôi có
cảm tưởng như mình bé nhỏ quá - bơ vơ như một cánh chim
giữa khung trời to rộng. Hình ảnh khu trường thân yêu khép
nép bên “KTX” là một vùng kỷ niệm của tuổi học trò. Có
không gian đậm đà quyến rũ - có những khuôn mặt thân yêu
- có những tình cảm sâu đậm...và có...thật nhiều mà tôi
không bao giờ đếm hết !

Trong thời gian còn ngồi chung học tập bên nhau có thể

nói tất cả chúng tôi đều không thấy có điều gì để lưu luyến vấn vương. Nay đến lúc sắp từ giã ngôi trường thân yêu lại cảm thấy như có một cái gì gắn bó ràng buộc. Tôi muốn nói thật nhiều với thầy, cô, bạn bè, nhưng tôi không có can đảm để nói lên những gì mà tôi muốn nói. Chỉ cố gắng âm thầm thấu nhận từng khuôn mặt, từng dáng dấp quen thuộc thân yêu...những cảm tình của bao ngày tháng qua... những niềm luyến tiếc sắp xa nhau... nhiều lắm, tôi không nói gì được cả. Niềm cảm xúc sẽ làm tôi nghẹn lời. Tôi hồi tưởng lại quãng thời gian sung sướng chịu sự dạy dỗ của thầy cô, những phút vui lúc được khen, nhưng phút buồn không khí lớp học nặng nề với ăn năn hối hận khi chúng tôi lầm lỗi bị quở phạt...

Thời gian đó không còn nữa! ...Tôi cảm thấy như mình mất mát nhiều vì xa thầy, cô xa các bạn, không nói được những gì của dự tính. Nhưng thôi nói nhiều nó cũng vậy rồi, chia ly vẫn đến, buồn vẫn không vơi. Bầu trời thương yêu dịu vợi đối với chúng tôi lúc này chính là lòng thương mến của thầy cô đã hết lòng dạy dỗ bấy lâu nay. Mình đã bơi lội trong ấy, sướng vui mà không hay! đến lúc nhớ ra thì đã sắp từ giã ngôi trường thân mến - xa tất cả rồi ! ! !

Sân trường hôm nay còn hằn sâu những bước chân của chúng tôi. Nhưng ngày mai sẽ bị xóa nhòa, để thay thế bằng những dấu chân của người khác đến! Khu trường vẫn muôn đời cố định. Chúng tôi là những cánh chim đầu đàn của Trung Học Pô Klong bấy lâu chui rúc trong tổ ấm học đường, nay tạm đủ lông đủ cánh sắp rời tổ mẹ bay xa để tìm chân trời mới...

Tôi sợ không khí của những ngày cuối năm. Cảnh biệt ly bao giờ cũng diễn ra thâm lặng nhưng đầy nước mắt, cũng như những cánh phượng âm thầm rơi, kết thúc ngày tháng của niên học. Tôi yêu hoa phượng vô cùng. Nhưng cũng tại sợ phải nhìn thấy nó. Nhiều khi chột nhìn màu đỏ thắm của phượng tôi không sao tránh được những phút giây bàng khuâng ngồi yên như bất động để nghe nỗi buồn không tên về vây kín hồn mình. Những hiện tượng “mùa hè” thường

làm tôi ngơ ngẩn! Nhưng rồi mùa hè vẫn tiếp nối và kết thúc bằng những nỗi tiếc của tuổi học trò...

Ngày mai đối với tôi nghe như có một cái gì xa vắng - một mất mát âm thầm. Biết mà không giữ được, đành “bó gối” để ôm trọn cái chán chường đi nhanh vào hôn. Vùng không gian trước mặt tôi đã đặt rồi một lối rẽ. Con đường ngày xưa mà tôi đã đến nửa nẻo, sắp rẽ sang một con đường mới thật xa lạ... mà tôi chưa biết được cuộc hành trình định trước, hay là một chuyến phiêu lưu chưa thể xác định rõ rệt! Nhưng tôi chỉ biết rằng sau cuộc hành trình đó mình sẽ mang ít nhiều khác lạ hơn ngày hôm nay ! !!

Mai đây, tôi từ giã ngôi trường trong những tiếng ve sầu - Những cánh phượng rơi - những lá bàng vàng úa - Những tiếng pháo tay rời rạc - Những bản nhạc buồn da diết. Làm sao vui cười được nữa ! Chỉ buồn nhiều khi phải xa nhau - xa ngôi trường thân yêu xa thầy cô triu mến!

Thời gian vẫn trôi mãi không thôi. Làm sao giữ được những phút giây thần tiên của tuổi học trò. Làm sao còn nhân được mãi sự dạy dỗ của thầy cô. Làm sao? Làm sao? ...Tất cả đã chìm trong dĩ vãng mà thời gian là một lớp bụi vô tình. Càng ngày phủ mờ đi những kỷ niệm buồn vui. Mai đây, tung cánh ra đời, mỗi người một nẻo, mà hành trang chỉ là “mớ kiến thức” ít oi của bốn năm đèn sách. Liệu có hiểu biết tường tận sự học vấn này không? Những thắc mắc lo âu thường xuyên quay cuồng trong ý nghĩ, làm tôi buông một tiếng cười khô héo... cần cỗi...

Lời của kẻ ra đi

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 18 - 19

Thạch Ngọc Cúc

An Phước ơi! Một mai này bé xa Phước, Phước có nhớ bé không? Xin lỗi Phước nhé vì Phước đã đổi tên là Pô Klông rồi. Nhưng cứng ơi! đối với bé cứng lúc nào Phước

của bé mãi mãi. Phước biết không? Lúc nào bé cũng dành cho cứng tất cả tình thương chân thật trong lòng và có hai tiếng vắng tất đã in sâu trong lòng bé như những bước chân ai đã hằn sâu trong lòng đất rồi, Phước có biết hai tiếng ấy là ai không? - đó là “An Phước” đấy.

Vâng! Làm sao bé có thể tẩy sạch An Phước ở trong lòng để thay thế đó vào hai tiếng Pô Klong xa lạ ấy. Và làm sao bé có thể rời bỏ Phước được, vì Phước là lò nung đúc đầu óc bé đại của bé để trở thành đầu óc lớn khôn. Không những chỉ như thế mà Phước còn là 1 nguồn an ủi duy nhất đối với kẻ bạc phước, thiếu tình thương như bé.

Từ bốn năm nay, mỗi năm bé xa Phước chỉ ba tháng hè thôi, thế mà bé cảm thấy như đã trải qua cả nghìn thế kỷ. Vậy bây giờ bé phải xa Phước vĩnh viễn để đi vào một chân trời mới lạ mà bé không hằn quen biết, chắc bé không đủ can đảm để rời cứng đầu Phước ạ. Nhưng Phước ơi! Chúng mình biết làm sao nữa đây, khi hai tiếng “hè về” đã vắng vắng bên tai. Nhắc đến hai tiếng đó sao bé ghê tởm chi lạ, vì nó đã tàn ác bắt bé phải xa thầy cô các bạn và nhất là cứng của bé nữa. Phải chi bé được học ở Duy Tân để bé trở về thăm Phước, phải chi định mệnh đừng bắt bé xa Phước, và phải chi...phải chi....Nhưng than ôi! dù nói gì đi nữa giờ chia tay cũng sắp đến nơi rồi. Còn vài phút nữa thôi, chúng mình thốt ra hai tiếng “giã biệt” Phước ơi! Hãy nói lên đi, kể những gì đang u uẩn ở trong lòng cho bé nghe đi để chúng ta cùng chia nhau chịu đựng. Đừng buồn Phước nhé, vì buồn làm cho lòng ta thiếu can đảm thôi chẳng ích gì. Giờ đây bé xin trả lại Phước những dây trường thân yêu, những hàng dương tươi tốt, ngôi Ký Túc Xá kiêu diễm và bé xin trao trả Phước tất cả những gì làm cho bé vui hay buồn trong bốn năm vừa qua. Còn Phước cứng có gì cho bé để làm kỷ niệm không? À có rồi Phước đã cho bé cái bảng hiệu. Với kỷ vật lần cuối này bé sẽ giữ nó theo bên mình mãi mãi...

Ô kìa! sao Phước lại khóc nén đi cứng, đừng khóc nữa, nếu cứng còn khóc mãi bé sẽ không còn nhớ đến cứng đâu. Bé cũng buồn lắm cơ, nhưng ngoài mặt bé vẫn cười nói như

thường. Giờ chia tay đã đến rồi, thời gian xưa nhanh như luồng gió. Phước ơi, hãy siết tay bé đi, hôn bé đi, thốt lên hai tiếng “ly biệt” đi để bé nhớ mãi cái hình ảnh thân yêu của Phước. Ô! Sao chân bé níu lại đây, nó không chịu rời chỗ này đâu, nhưng dù sao bé cũng phải nằng nể nó đưa bé rời chỗ quyến luyến này để bé đừng nhỏ lệ. Thôi xin giã biệt ...Phước ơi! Mình giã biệt.

Tâm sự gửi tháp

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 20 - 22

Đàng Năng Sinh

Hè qua, thu lại về mang theo những cơn gió heo may lạnh mạnh, vài chiếc lá lìa cành rơi trên cát. Tiếng chuông chùa từ xa vọng đến, nghe buồn thảm quá, gợi cho tôi một niềm băng khuâng.

Ấn trong màng sương chiều. tháp Chàm rêu phong mờ mờ hiện ra sừng sững nhắc tôi nhớ thời oanh liệt đã qua. Chắc hẳn mọi người đều nhìn lại quá khứ với một niềm luyến tiếc sâu xa?

Riêng tôi, cứ mỗi chiều thâm lặng, vẫn vợ nhìn lên đồi cao trông hình ảnh tháp đứng lẻ loi buồn nản khi phố thị đã lên đèn, tháp một mình chờ đợi sương đêm đến...Lòng tôi xót xa... Tuy thân nó là một đồng gạch khô, không ngôn ngữ trao đổi, thông cảm nhưng vẫn đủ nhắc tôi nhớ lại nguồn gốc của giòng máu tôi, tìm lại thời dĩ vãng trong trí nhớ, kể già đầu bạc, truyền lại câu chuyện cho tuổi ấu thơ mà tôi thường được nghe. Tôi hình dung Chế Bồng Nga với vẻ oai phong lẫm liệt vượt thuyền trên biển cả từ Bắc chí Nam mang chiến thắng về Chiêm quốc thành Đồ Bàn lấp lánh ánh huy hoàng và những ngôi tháp ngày đêm có những chiến sĩ Chiêm canh canh gát gát... Và nơi đây tháng năm có biết bao kẻ đi người lại, chiêm bái như ngày đại hội... Nhưng nay đâu còn nữa... chỉ còn rêu xanh nhuộm mình

tháp. Gió sương, nắng mưa làm nó biến thành màu nâu, cây trên đồi tui tụy về âu sầu như khóc than uất nghẹn cho chuỗi ngày tàn còn lại ở mảnh đất cỗi cằn, bên tượng đá khô khan không nhựa sống. Than ôi! Di tích của giòng máu ta nay đã xác xơ.

Tôi sinh ra không may mắn thấy được “*phút huy hoàng*” của tổ quốc, [mà] chỉ thấy toàn cảnh “*buồn le lói suốt trăm năm*”. Tôi ôm niềm khắc khoải đó cho đến lúc lớn lên, biết suy nghĩ khi nghe ai nhắc đến mấy chữ “*giang sơn tổ quốc*”. Lòng tôi lại băn khoăn không biết giới hạn 4 chữ ấy nằm ở đâu đối với dân tộc tôi. Có hỏi thì chỉ nghe cha mẹ ông bà thở dài đáp: “*Nước mình, giang sơn mình mất rồi, chỉ còn chứng tích lịch sử là những ngôi tháp...*” Nghe mấy lời đó tôi lặng người đi, tưởng như có một cái gì đau buốt lắng vào tâm tư khiến tôi nghẹn ngào, đưa mắt hướng về tháp với tình thương xót xa lẫn xót đau luyến tiếc ngậm ngùi. Tháp ơi! Tháp ơi!...Xưa kia khi vương quốc Chiêm còn rực ánh vinh quang, mây là hiện thân tươi đẹp của một thời vàng son. Nay nước ta mất mây cũng bị tàn phá theo thời gian, cằn khô vì năm tháng để bây giờ trở thành chứng tích điêu tàn thương thời bại vong.

Nhưng Tháp vẫn còn đó...sừng sững lặng nuốt đau thương, chịu đựng tủi buồn, dân Chiêm ta hãy còn đây.

*Nước Non Chàm không bao giờ tiêu diệt!
Tháng ngày qua vẫn sống với đêm mờ
"Chế Lan Viên"*

Hỡi hồn thiêng sông núi, những kẻ đã hy sinh dưới đáy mồ sâu hãy hiện về đây cùng những người còn lại... Chiều nay, chúng ta hãy cùng nhau thấp nén hương nguyện cầu. Lịch sử huy hoàng sống mãi trong lòng muôn dân Chiêm, ta cùng nhau đoàn kết, tránh mọi chia rẽ, nổi da xáo thịt, tranh chấp quyền lợi, tị hiềm nhỏ nhen.

Quyết chung đường tìm ý sống vị tha.

Văn, Truyện ngắn

Những ngày cô đơn

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 28 - 29

Đàng Năng Sinh

viết tặng cho những đứa trẻ cùng chung thân phận

Một buổi chiều đông giá lạnh, thơ thẩn tôi bước vào một căn nhà lụp xụp, nhìn em ngủ trên giường tre tồi tàn. Tâm hồn tôi tự nhiên liên tưởng đến ngày cha mẹ đã già từ cõi đời để lại tôi và em tôi trên thế gian này.

Tôi quên sao được câu chuyện dĩ vãng khắc ghi trong lòng tôi. Khi chiến tranh tràn về đất Việt, quê hương tôi khói lửa ngút trời.

Kẻ chết người sống mất cả sản nghiệp. Các thanh niên đều ra tòng chinh, trong đó có ba tôi. Vì chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, nên cha tôi phải hy sinh đền nợ nước ở một miền quê tỉnh Thừa Thiên. Mẹ tôi xót xa đau khổ thương nhớ nên đã lâm bệnh lìa trần để lại hai anh em tôi bơ vơ như thế này.

Từ đấy tôi và em tôi sống lẻ loi, không nơi nương tựa, thiếu tất cả tình thương lẫn vật chất nhưng đành phải cam chịu. Hàng xóm kể lại “khi cha tôi qua đời tôi mới lên năm, em tôi còn tanh mùi sữa mẹ” rồi mẹ tôi cũng ra đi vào một tối cuối đông, tang chồng chưa dứt nay lại chồng chất, còn cảnh nào đau đớn hơn.

Thời gian thấm thoát trôi qua những nỗi sầu lo vẫn còn đeo đẳng bên tôi. Vì thiếu vật chất, nên tôi phải rời mái nhà thân yêu ra đi để tìm kế sinh nhai, dành lại số tiền mọn săn sóc cho em thơ vào trường. Em tôi làm con nuôi của một người dượng. Nhưng rủi thay vì chuyện xích mích nên dượng đã đuổi em tôi ra khỏi nhà. Từ đó em tôi mất nơi nương tựa, không ai chăm sóc, bữa đói bữa no, nghĩ đến nay tôi không cầm được nước mắt. Em tôi thôi học, sống nhờ lối xóm còn tôi đi chăn trâu mướn ở một làng xa.

Lúc đầu tôi cảm thấy khó chịu nhưng về sau tôi quen

với cảnh này. Lũ mục đồng đùa giỡn, chạy nhẩy trong đồng quê, trông vui thú lạ. Họ mua nào ná, cao su, nào quả banh, nào là bi... Đứa nào cũng có. Riêng tôi với cảnh thiếu thốn này làm sao tôi có được. Ngoài ra chúng còn mua bánh kẹo để ăn chung, còn tôi chỉ biết ngậm ngùi thêm khát.

Bạn bè tôi cũng đã xa lánh, mình tôi đơn lẻ, trước mặt tôi chỉ còn là cảnh buồn, hiện diện trước mắt tôi là trâu bò, là đồng ruộng bao la bát ngát. Lúc này tôi cảm thấy nhớ em thơ nơi quê nhà.

Tôi ước mong sao ông chỉ mỗi tháng cho tôi được về nhà một ngày để thăm em, nhưng đâu có dễ dàng vậy!

Trời ơi! Ai cướp mất mẹ cha tôi? để tôi phải chịu cảnh tù đầy này. Nơi chín tuổi cha mẹ có biết, cảnh khổ của hai con chẳng?

Tôi như kẻ điên cuồng, càng suy nghĩ lòng càng thấy dồn dập đau thêm cho số phận. Tôi hận chiến tranh phủ phàng, tôi ước mong sao hòa bình sớm trở về trên đất Việt để tôi và em tôi bớt khổ sở.

Nỗi buồn khi hè về

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 45 - 48

Đàng Năng Sinh

Hàng năm cứ mỗi độ hè về, phượng vĩ lại nở tô thêm màu đỏ cho bầu trời xanh, ve sầu ngâm nga điệu nhạc trầm trầm gợi cho tôi nỗi buồn vô hạn. Nhiều khi tôi tự hỏi, tại sao tôi buồn?

Hè về, hai tiếng đó in sâu vào lòng khiến tôi băng khuâng lưu luyến khi nghĩ đến lúc xa thầy, cô, bạn bè và luôn cả mái trường thân yêu, nơi ấp ủ biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn của đời tôi và đem lại cho tôi bao tình thương yêu an ủi.

Các bạn ơi! Tôi không có gia đình, thầy và các bạn là gia đình của tôi. Mái trường là tổ ấm sưởi ấm những tháng

ngày đơn lạnh, bơ vơ của kiếp lạc loài thiếu tình thương từ tấm bé này. Bao năm chung sống dưới mái trường Pô Klong, tình thương yêu đã sâu đậm, chúng ta đã chia sẻ cho nhau cho nhau từng miếng bánh kẹo, bát cơm, cốc nước, cùng ngồi học, ăn ngủ chung, vui buồn có nhau, thế mà mai đây mình phải cách nhau chín mười ngày đặng đặng? Biết rằng: kiếp người là tử biệt, sinh ly nhưng giữa phút chia tay ai mà tránh khỏi bồi ngùi, luyến tiếc, nhớ nhung phải không bạn? Dù sao đi nữa, ta cũng cố vui, ngượng cười, tiến bước nhau đi, hẹn ngày tái ngộ, lúc sang thu cùng chung vai tiến bước trên đường học vấn.

Hỡi bạn thân yêu! Công ơn thầy còn đó, bốn phận ta chưa tròn, niên học này sắp hết... Biết làm gì đây để đáp đền tấm lòng thiết tha tận tụy, tình thương bao la, khoan dung của thầy. Bây giờ ngồi nghĩ lại tự nhiên tôi thấy ăn năn hối hận về những lỗi lầm của mình trong năm qua, đã làm cho thầy buồn, cái trán trâm tư điểm thêm những nếp nhăn chịu đựng. Những lời răn dạy ngọt ngào hôm nào của người nay như còn dư âm vang vọng bên tai khiến tôi thối thía lạ. Tôi luyến tiếc những phút giây trong lớp học, tháng ngày buồn vui nơi mái trường, bên KTX. Nào ai giữ được bánh xe thời gian cho hề dừng đến, xuân không qua và ngày xanh thôi tàn tạ? Bạn ơi, hết rồi tìm đâu?

Giờ chia tay sắp đến, biết nói chi đây, nếu không phải tiếng già từ gieo vào lòng mình nỗi buồn xa vắng. Thôi: lần cuối cùng: Con xin chào quý thầy cô, hứa cố gắng học hành tiến bộ trong năm tới.

Tôi xin tạm biệt các bạn, hẹn ngày gặp lại lúc sang thu.

Vùng trời quê hương

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 31 - 33

Dzương Thư

Thực trạng hôm nay có những gì? Sự thật quá nhàm

chán: Chiến tranh chảy mãi trên mảnh đất quê hương, trên thi thể những người còn sống và người chết, xoi mòn hố sâu và sẵn sàng chôn lấp những thi hài. Giòng nước vẫn triều miên...triển miên đốn ngã cây hạnh phúc và loài rêu có dịp trưởng thành. Trái đắng cuộc đời bắt đầu chín mộng đỏ tươi như màu máu, thực chất của con người bị nghiệt ngã bắt lực...Bầy ngựa hoang đi vào sa mạc như chúng ta đang sống giữa thế giới hoang vu bệnh hoạn...

Chúng ta mang một hoài bão lớn: Hy vọng được gì? Một cây dừa đầy trái ngọt mọc giữa sa mạc cát bỏng, một vì tinh tú mọc giữa đêm đen, mặt trời trở về sau những tháng dài mùa đông bất lực... tất cả đều là hư ảo, chung qui cũng chỉ là vùng cát nóng bỏng, đêm đen vẫn còn vây hãm và khao khát đến tột cùng. Mây đen đem về ngựa trị trên vùng trời quang đấng, thực tại bày biện ranh giới lợi khí để cuối cùng thu lấy hậu quả thương đau: hàng rào kẽm gai bom đạn, tàn phá và chết chóc. Những mái nhà nghiêng đổ, những thân cây ngã gục theo, có những đại lộ còn vương mùi thuốc súng lồi lõm rãnh cửa vì những bánh xe tăng xả hết tốc lực; dấu giày đinh của những khách bạn qua đường. Đường quê hương bây giờ lồi lõm hơn nhiều, cát bụi bám đầy, mặt tiền án ngữ, những mái nhà đen đúa, ngõ hẻm tối tăm, cát bụi bám đầy cả linh hồn của những người con dân nước Hời. Người quê hương hôm nay lẫn xả vào cuộc chiến hoặc đứng bên lề cuộc chiến vẫn cùng chung số phận. Bom đạn không tha thứ một ai vì là món ăn thông dụng, lối tiêu khiển của những kẻ điên thời đại... Một xác người gục ngã là chiến lợi phẩm tăng lên, một niềm xót xa vô tận của những người ở lại.

Người quê hương hôm nay không còn bầu vú những cái gì của quê hương một cách trọn vẹn. Mảnh vườn rời cũng trở thành hố sâu, hầm chôn vũ khí. Cánh đồng bát ngát mông mênh rời cũng trở thành trận chiến khốc liệt. Màu xanh của lúa rời cũng trở thành màu đỏ của máu, màu xám của tang thương, hiện thân cho héo tàn qua những bờ ruộng chỉ còn trơ gốc rạ, những bác nông phu áo rách vá vai từ già

ruộng đồng.

Trời quê hương? Ôi vùng trời nghệt thở môi trường thích hợp cho những bầy chim sắt cày bới. Thực trạng héo mòn hiện hữu là điều bất hạnh. Xin cho mọi người sớm trở về sống những ngày bình yên thuở trước.

Đứng trước những trạng huống bi thương nóng bỏng ấy, là những thành phần còn lại của một giai đoạn thử thách này. Chúng ta sẽ làm gì? Nghĩ gì? Tuổi trẻ là một sự vươn lên. Quá vãng chỉ là những mớ hành trang để đi vào tương lai. Tuổi trẻ sống cho tương lai. Tuổi trẻ không cần những lý tưởng viễn vông, lý tưởng chỉ có ở những người đã bị đào thải sau bao lần nhập cuộc. Tuổi trẻ chỉ nhập cuộc bằng một khối óc vô tư, sáng suốt và đầy hy vọng. Ngày nay tuổi trẻ chưa hơn một lần bị cày xới, đó là một điều đáng hãnh diện. Đứng trước những ngã đường đi vào tương lai, là những thành phần còn lại, tuổi trẻ có quyền phân tách lựa chọn. Mỗi người đều có một lối nhìn. Mỗi phương pháp rất có nhiều phương sách để đến. Tuổi trẻ phải chọn những phương sách nào được xem là hữu hiệu nhất. Đó là điều kiện rất ư cần thiết mà người quê hương đang ngóng chờ. Đoàn kết chẳng? Để làm gì? Thật là ngốc nghếch. Trong thực tại ai rêu rao đoàn kết đó là tư tưởng ấu trĩ, không lối thoát. Thử đặt vấn đề: “dân trí đã đến mức độ đó chưa? Tôi quả quyết rằng chưa. Vậy chúng ta phải làm gì? Đó là một vấn đề tối quan trọng mà chỉ ở những ai có trách nhiệm về giáo dục mới có thể trả lời được. Giáo dục rất cần cho sự sống. Sống không có giáo dục là bị thiệt thòi. Nổ máy thì chạy, hết nổ thì ngừng. Trong hiến chương giáo dục giáo sư Kim Định có minh định rằng: “*Một dân tộc cũng như một cá nhân chỉ có thể chống lại đoàn lũ hay tư trào tràn vào gieo rắc phân tán dân tộc mình là khi nào tâm thức dân tộc ấy được tổ chức chu đáo trên một cơ sở tinh thần vững mạnh*”; trong một đoàn thể, xã hội hay một dân tộc nào yếu tố tinh thần cũng được đặt lên hàng đầu cả.

Ở trong bất cứ giai đoạn nào, người quê hương cũng chỉ mong ở sự vươn lên, vươn lên để tìm lối thoát, vươn lên để

Văn, Truyện ngắn

đập phá những thành trì bảo thủ luôn luôn làm lợi khí cho sự bước lùi. Tuổi trẻ phải tin tưởng vào sự bất khuất của truyền thống, phải nhìn vào thực tại để làm hành trang cho tương lai...

tháng 5. 71

Vào tương lai

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 34 - 35

Đàng Nguyên

Người học trò bây giờ đang đứng trước ngõ vào đời. Mỗi người có một định mệnh riêng, khắt khe có, tàn nhẫn có, êm đẹp có, huy hoàng có, mà làm người ai ai cũng muốn tương lai mình đẹp, cuộc sống ngày mai được hạnh phúc hoàn toàn, chứ không ai muốn cho mình thua bạn. Đã biết vậy, thế mà có một số người ngay trong lúc còn mang bộ áo thư sinh, không dẹp bỏ được lòng ích kỷ tị hiềm, nhỏ nhen, tầm thường, người học trò bây giờ thiếu sự tìm hiểu, không có óc khai phá kém phần kiên tâm học hỏi, đó chẳng qua là kết quả “của chiến tranh” và “tình trạng xã hội phân hóa hiện tại”. Con người sẽ bị sa lầy hơn nữa, đường vào tương lai sẽ bị đứt đoạn, cuộc sống sẽ bị đọa đầy, nếu không nói là bị nô lệ, khi ngay những lớp bạn trẻ chúng ta không chịu học hỏi và cầu tiến. Đến khi nhận sự thất bại rồi, đến khi ngậm đầy cay đắng rồi, chúng ta mới hối tiếc, mới ăn năn, mới đổ thừa cho định mệnh. Nhưng người ta quên rằng trong ngày xa xưa đó, ngày còn mang áo học trò, ngày còn tuổi thơ sinh người ta không có ý niệm nào về sự học hỏi, về óc cầu tiến.

Nếu chúng ta là những con người đó, chúng ta sẽ nghĩ những gì? Oán trách định mệnh ư? Hay trách mình ngày xưa không chịu học hỏi, cầu tiến...

Phần đông tuổi trẻ hiện tại thường học theo những phong trào Tây Phương, không chịu đặt mình vào lối sống

của dân tộc, làm mất vẻ thuần túy của dân tộc Chăm, một dân tộc vang bóng một thời dưới trời Đông Nam Á. Thử nhìn lại cái quá trình sinh hoạt của xã hội Chăm cách đây vài chục năm về trước, chúng ta đâu có bị đồng hóa như hôm nay, mẹ Chiêm Quốc đâu có thương tổn như hiện tại và tuổi trẻ chúng ta đâu có bị đầu độc sa đọa vào những phong trào suy đồi làm hoen ố thuần phong mỹ tục của giống nòi Champa mình.

Người học sinh chúng ta vào tương lai bằng đôi bàn tay trắng, bằng trí óc thông minh, bằng dòng máu dũng cảm của người có truyền thống oanh liệt.... chúng ta đừng làm nô lệ cho những ai muốn chúng ta thành những kẻ nô lệ. Quê hương ta, dân tộc ta, chúng ta có quyền xây dựng lại ngày mai huy hoàng hơn.

Chúng ta vào tương lai bằng ý chí can trường đừng để cho những cám dỗ làm ta mù quáng. Đường vào tương lai tươi đẹp lắm! Tuổi thanh niên của chúng ta hy vọng và hồn nhiên lắm; hãy tự mình nhìn thẳng đến tương lai mình bằng lối suy xét kĩ càng; hãy đặt mọi hy vọng vào việc làm của chúng ta ngày nay.

Người có trí sắp sửa đi vào tương lai chắc chắn họ sẽ kiểm soát lại những hành vi hằng ngày của mình và không bao giờ đổ thừa cho định mệnh hay than van cho kiếp sống đọa đầy nữa.

Một tương lai tốt đẹp đang chờ ta.
Nào! Ta lên đường.

11A. Trung Học Lê-Lợi. Di Linh

Văn, Truyện ngắn

Thân phận

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 36 - 37

Trương Thống

Đêm nay khi cầm sách lên học bài công dân “cha mẹ” đôi mắt của tôi từ từ ứa lệ khi nghĩ đến thân phận mình. Tôi nhớ từ khi mẹ tôi mất, ba tôi không còn trong gia đình nữa, hai anh em tôi sống buồn thảm bên nhau. Từ đó hàng ngày đến buổi cơm chiều chúng tôi ngồi hiu quạnh trên chiếc giường tre dưới bóng đèn cày. Lúc đó tôi cảm thấy đời cô đơn và đau khổ thiếu thốn đủ mọi bề. Nhưng cũng đành phải cam chịu. Đêm đến anh em ngủ trong căn nhà cũ kĩ. Có những lúc tôi thao thức nằm không ngủ chỉ nhìn em thơ mà nuốt lệ. Mới năm nào em tôi đang sống trong lứa tuổi có bố mẹ nâng niu chiều chuộng nay lại bị mồ côi, thiếu tất cả tình thương và niềm an ủi đành sống một cuộc đời đơn lẻ không nơi nương tựa.

Ngày tháng trôi qua, những sầu lo vẫn đeo đuổi ám ảnh bên tôi mãi mãi. Vì học vấn tôi phải rời quê nhà đến hôm nay lên tỉnh học đã hơn mấy tháng trời vẫn không nguôi lòng nhớ quê. Nhớ ngôi nhà cũ kỹ, nhớ người em thơ chạy lăn lóc ngoài đường không ai chăm sóc bữa đói bữa no. Nghĩ đến đây tôi không cầm được nước mắt, niềm đau khổ dâng lên làm tôi thấy thấm thía ý nghĩa hai câu thơ:

"Có cha có mẹ thì hơn,

"Không cha không mẹ như đèn đút dây"

Càng đọc giòng lệ tôi cứ tuôn trào, chảy dài trên đôi má, thấm ướt trang sách không làm sao ngăn giữ được.

Thêm suy nghĩ nhiều lại thấy lòng đau xót, tôi vắt sách xuống bàn để cố quên. Nhưng nó lại càng bắt tôi suy nghĩ nhiều hơn... Nơi đây tôi mong sau chóng đến ngày nghỉ để về quê nhìn lại mái nhà xưa nơi mà tôi sinh trưởng, chăm sóc đứa em thơ dại và lo tất cả mọi việc trong gia đình mặc

dầu tôi chỉ có đôi bàn tay trắng. Sống ở trường nhiều lúc tôi thấy các bạn sung sướng lại có nhiều tiền tôi bỗng mơ ước...Nhưng việc đó đối với tôi làm sao có được? Tôi chỉ cầu mong Thượng đế ban cho anh em chúng tôi bình an cũng đủ lắm rồi. Ở ký túc xá hàng đêm đến giờ chuông ngủ tôi thường bắt tay lên trán, không phải để ngủ, không phải để yên giấc mà thụ hưởng những niềm sung sướng của tuổi trẻ mà để suy nghĩ, khao khát, thèm thuồng hàng trăm thứ mà các bạn tôi đã có. Những người mồ côi như tôi giờ đây chắc họ cũng suy nghĩ, cũng khao khát thèm thuồng như vậy. Những kẻ đau khổ như chúng tôi thường luôn luôn có một tâm hồn không yên nghỉ.

Tôi càng suy nghĩ vợ vẫn đâu đâu thì các ý nghĩ càng dồn dập...Ôi! Ai thấu hiểu cho tâm sự bi thương, chua xót của người con mất mẹ, những đứa mồ côi sống đời bất hạnh như tôi.

Thư gửi mẹ

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 46 - 47

Đổng Đại Sung

Giá buốt bắt đầu mãnh liệt trên vùng đất cằn cỗi này. Những ngày cuối đông bao giờ cũng lạnh quá mẹ ạ. Giọng ru con trầm buồn của bà mẹ trong căn nhà bên cạnh vang lên làm con chợt nhớ đến mẹ nhiều!

Mẹ ơi con lạnh lắm, lạnh từ cái lạnh tằm thường trong thể chất đến cái lạnh xót xa ở tâm hồn. Con nhớ lại mùa đông trước mẹ còn ở bên con, mẹ để con nằm gọn vào lòng vừa đan áo cho con mặc vừa vỗ về ru con tròn giấc. Lúc ấy con chỉ biết giương mắt nhìn đôi bàn tay mềm dịu xinh xắn của mẹ thoăn thoắt rồi rúc đầu vào ngực thiếp quên đi. Những lần đó con thương mẹ quá nhưng không biết nói gì cả.

Con sinh ra lúc đất nước chia đôi: 1954 hiệp định

Geneve được ký kết. Tiếng súng ngưng nhưng giặc vẫn không thôi quấy phá. Những ngày chạy loạn mẹ hy sinh che chở như biển cả. Cuộc sống hằng ngày không cho mẹ thảnh thơi được, phải tảo tần buôn bán ngược xuôi đêm về lại còn cố gắng thức may từng chiếc áo cho con. Con nhớ có lần con hỏi mẹ: “Người ta sau khi chết về đâu?” Mẹ nhìn con mỉm cười đáp:

-Người chết thì thân xác tan rã; xương cốt sẽ hóa thành cát bụi. Nhưng linh hồn vẫn còn. Theo mẹ, hễ ai sống trên đời ăn ở phúc đức thì chết sẽ được lên thiên đường . Ngược lại sẽ sa vào 10 cửa địa ngục.

- Con nhìn mẹ ngây thơ hỏi tiếp:

- Mẹ đã ăn ở hiền lành, vậy chắc khi chết mẹ được lên thiên đường phải không mẹ? Mẹ hôn lên má con xiết chặt vào lòng không đáp.

Rồi thời gian qua lời của con hôm nào đã thành sự thật... Một chiều thu ảm đạm, mẹ ra đi không giả từ con đến nay đã mấy năm rồi. Hơn sáu năm rồi con vắng tình thương của mẹ, và mẹ ơi, đêm từng đêm con trai mẹ ngồi trên gác trọ lại lắng lòng về dĩ vãng để ngậm ngùi đau thương thấy lòng cô đơn thấm thía xót xa thân phận mồ côi. Tuy nhiên, dù sao con vẫn cố giữ xứng đáng giọt máu của mẹ.

Con viết thư này chẳng bao giờ mẹ đọc được nhưng con vẫn cứ viết. Mẹ ơi, nghĩ đến đây tự nhiên con thấy khóe mắt cay cay bờ môi mẫn hình như con đã khóc. Phải, con đang khóc để thay cho tiếng nấc nghẹn sâu thương của một đứa trẻ thiếu tình mẫu tử.

Mùa đông năm ấy

ƯỚC VỌNG, số 03, năm 1971, trang 54 - 59

Trường Giang

**trao về cho tất cả những tâm hồn cô độc*

Mưa phùn bắt đầu rả rích, trời tối dần...

Mùa đông lại đến mang theo từng cơn giá lạnh của những ngày tàn cuối năm. Ngồi trên giường tre đơn sơ giữa mái tranh tối tàn lụp xụp, Khái để tâm hồn ôn lại dĩ vãng: Những chuỗi ngày cô đơn đau khổ và mệt mỏi. Trong màn đêm dày đặc và giá lạnh chợt văng vẳng đâu đây tiếng chó sủa từng hồi từ xa vọng lại cùng tiếng xào xạt vi vút của từng cơn gió mang theo hạt mưa... Một cuốn phim dĩ vãng chợt sống lại trong đầu óc Khái. Phải, năm ấy cũng trời cuối đông như bây giờ, cũng tiếng chó sủa trong đêm mưa, giữa mái tranh sơ xác này Khái đã mang một cái tang đau đớn, và cũng từ đó, đời Khái bắt đầu chìm đắm trong đói rách...

Gần cuối đông, bầu trời nhuốm vẻ ảm đạm và u ám. Trên cao mấy đám mây đen che mờ ánh nắng vàng vọt của mặt trời khiến cảnh vật thêm thê lương. Thỉnh thoảng một cơn gió lướt qua mang theo hơi lạnh của những ngày cuối năm.

Trong cảnh rộn rịp nơi bến xe, người ta nghe văng vẳng đâu đây tiếng ra lanh lảnh của một đứa bé, “Nước trà đây...Nước trà nóng đây...” Nó vừa bước, miệng vừa rao. Nhìn kĩ, đó là một thằng bé trạc mười tuổi, gầy còm ốm yếu, đầu đội chiếc mũ cũ rách, quần áo đơn sơ, tay xách chiếc ấm to và nặng càng làm nổi bật khuôn mặt dày dặn nắng mưa vất vả của nó. Nó vẫn đều đều bước, miệng vừa rao, thỉnh thoảng lại dừng chân bán nước trà cho khách.

Cuộc đời của Khái - tên thằng bé cứ thế êm đềm trôi theo ngày tháng bên mái nhà tranh nghèo với nội nó, một cụ bà trên bảy mươi.

Hôm ấy cũng như bao lần, trời u ám, nhưng khác hẳn mọi ngày, sáng ấy như linh tính báo trước cho Khái có một việc chẳng lành sẽ đến với nó. Nó phân vân nhưng rồi cuối cùng phải xách ấm nước ra đi.

Sau khi bán nước trà xong, nó an tâm về nhà, đến một nơi góc phố vắng vẻ, bỗng :

- Ê nhỏ! Đi đâu vậy?

Khái ngược nhìn, đó là một thằng độ mười lăm tuổi, đầu

tóc bù xù, ăn mặc lôi thôi, theo sau có một bọn nữa độ chừng bốn năm thằng. Đoán biết bọn này chẳng lương thiện gì, Khái đáp giọng run sợ:

- Thưa anh, em về ạ...

Giọng thằng con trai hách dịch:

- Bữa nay mày bán được bao nhiêu? Đưa coi!

Biết mình sắp bị bọn này hiếp để đoạt tiền, Khái năn nỉ:

- Thôi mà anh...cho em về đi mà, nội em đợi.

Thằng ấy liền nạt:

- Kệ má mày chứ! ...Bộ mày quý bà nội hơn tao à?

- Thưa anh...

- Thôi, chẳng nói năng gì lôi thôi, đưa tiền đây tao năm chục, mau tao cho mày dzề.

Khái van lơn:

- Anh thông cảm giùm em. Anh lấy đi còn gì nội em mua gạo chiều nay?

- Tao nói một là một, hai là hai, mày đừng cãi tao!

- Anh hiểu dùm em... Em cảm ơn anh nhiều lắm.

- A!...nhỏ này táo gan thật! Tao nói lần chót. Mày nhất định không chịu đưa phải không? Tao cho mày biết, một là mày cho tao tiền, tao cho dzề, hai là mày ăn đòn đập mình, mày lựa cái nào?

Nghe nói ăn đòn, Khái van lên, nó đang phân vân muốn chạy cũng không được vì chúng bao quanh nó. Muốn la lên cũng chẳng ai nghe, vì ở đây vắng vẻ quá. Nó không biết xử trí ra sao, thằng kia giở giọng:

- Mày ham tiền hơn mạng mày phải không con? Được, Sứu, Méo đâu? Lại đây nắm tay nó cho tao lục coi!

Một thằng khác ở trong bọn chạy ra, nó nhỏ hơn Khái nhưng có vẻ “giang hồ” lắm. Nó nắm lấy hai tay Khái, cơn giận đến, Khái tự vệ, nó vung tay trúng cằm Sứu, Méo và đá vào bụng nó một cái khiến Sứu và Méo ôm bụng kêu om sòm...

Thằng kia thấy vậy liền nắm cổ áo Khái lay mạnh:

- Mày dám cả gan ướm đê tử tao phải không? Thôi con ơi, đọc kinh sám hối đi con; sắp châu diêm vương rồi đây! ...

Xong, nó đâm vào Khái, Khái đỡ liên liền cả bọn xúm lại đánh Khái tới bời. Những cái đâm nào nề bắt đầu trút lên mình Khái khiến nó không biết tránh đòn nữa. Đau đớn tột độ, nó liền lục túi quần lấy ra một con dao nhỏ, trút tất cả cảm hờn vào con dao. Nhưng than ôi, nó chưa kịp sử dụng thì cánh tay bị khóa chặt! Rồi nó hứng đòn túi bụi, nó gục ngã và ngất đi lúc nào không biết. Khi chúng lấy tiền rồi bỏ đi và cũng không quên “kính tặng” Khái mấy cú đâm từ biệt!

Độ chừng nửa giờ sau, Khái mới lồm ngồm dậy được. Toàn thân nó ê ẩm, đau đớn, nhức nhối khó chịu, mình mẩy bầm tím, trên đầu sưng lên mấy cái bướu to rớm rớm máu. Nó cố lết từng bước một về nhà...

Nội Khái thấy cháu mang vết thương đầy mình bà hốt hoảng, nước mắt không thành tiếng, nước mắt chảy dài vì đau xót. Rồi bà cụ lo chạy chữa thuốc thang. Đêm đó Khái mê mang khiến bà nằm không chợp mắt, bà phải thao thức suốt năm canh dưới ánh đèn dầu leo lét để trông nom Khái từng giây từng phút. Tội nghiệp bà cụ, tuổi đã già sức yếu lại thức khuya, sức lực hao mòn vì lòng thương cháu vô tận nên chẳng bao giờ bà cụ than vãn thở dài cùng ai. Bà chỉ đặt tình thương đứa cháu trên hết những gì có trong đời bà. Bây giờ nghĩ lại, Khái thấy thương bà hơn hết, tưởng như trong đời Khái không có gì cho nó thương bằng nội nó.

Tình thương bà thật là vô tận. Từ thuở chào đời, Khái đã trót mang thân phận một thằng bé bất hạnh. Cha mẹ đâu chẳng thấy nó ao ước làm sao được nhìn rõ mặt song thân một lần, chỉ một lần thôi rồi sao đó có chết đi cũng can tâm. Nhìn mấy đứa bé bằng tuổi nó, được cha mẹ nâng niu chiều chuộng, được ăn học sung sướng nhí nhảnh trong bộ áo mới, còn mình phải vất vả cực nhọc để kiếm từng bữa cơm. Nó tủi thân, lắm khi nó khóc. May mắn được có bà nội đem về chung sống dưới mái tranh sơ xác ở ngoại ô. Nhưng nay, bà cụ đã già mòn mỏi, đôi mắt yếu ớt, vì phải loay hoay làm lụng mệt nhọc để kiếm gạo nuôi cháu. Bởi thế lắm lúc nó bứt rứt nuốt không trôi miếng cơm khi thấy bà cụ lo lắng

đêm ngày với đôi mắt trũng sâu. Càng thương bà, nó càng cảm bọn ăn hiếp nó. Nó ước làm sao được lành bệnh ngay phút này, để tiếp tục bán nước trà kiếm tiền sống cuộc đời êm đềm như ngày nào...

Kể từ ngày lâm bệnh, gia đình Khái dần dần đi vào cảnh cùng túng đói rét. Bà cụ không biết làm gì để kiếm tiền được nữa, làm thuê cũng chẳng ai muốn, nên ngày ngày bà phải lên rừng tìm hái rau hoặc nấm để bán mà săn sóc cháu từng bữa cơm. Khái thương bà lắm nhưng chẳng biết làm sao bây giờ vì mình đang bệnh. Rồi sau đó thấy bà cụ có vẻ uể oải mệt mỏi thỉnh thoảng lại ho từng cơn, lòng thương bà nổi dậy, Khái quả quyết ra đi dù biết mình chưa lành.

Chẳng bao lâu, vì sức còn yếu mà lại làm việc nhiều quá, không ngại gió mưa, thức khuya dậy sớm, và nhiều bữa bà cụ phải nhịn cho cháu no nên sau đó bà lâm bệnh. Mấy hôm đầu, Khái chỉ tưởng bà cảm xoàng mà thôi, nhưng nó không ngờ bệnh cụ càng ngày càng tăng.

Hơn một tháng trời, bà nằm liệt giường, chẳng biết tới ăn uống chi cả, người cụ càng ngày càng gầy gò xanh xao, chỉ còn nắm xương với da bọc. Nhất là đôi mắt càng ngày càng sâu hoắm, trợn tròn. Đôi má hóp vào làm nổi bật chiếc đầu to tướng một cách dễ sợ. Hồi ấy thấy nội lâm vào nguy kịch, Khái không nỡ đi bán nước trà nữa. Nó ở nhà để coi sóc bà và đêm hôm ấy... Phải đêm hôm ấy cũng tựa hồ như đêm hôm nay, dưới ánh đèn dầu yếu đuối, sau bữa cơm tối đơn sơ một mình nó ngồi bên nội. Ngoài trời gió vi vút xào xạc, rồi từng cơn mưa bắt đầu rả rích trên mái tranh mang theo hơi giá lạnh. Khái cảm thấy lạnh lẽo cô đơn len lỏi vào tâm hồn, nó nhích lại gần nội như muốn lấy chút hơi ấm từ tấm thân yếu đuối cần cỗi ấy. Bên ngoài trời vẫn mưa. Khái không chớp mắt được, vì đêm nay nó bỗng nghe bồi hồi khác thường. Đến nửa đêm, bà cụ rên khe khẽ yếu ớt rồi đưa cánh tay nhăn nheo tìm Khái. Khái quỳ xuống giường nắm lấy tay bà. Bà Năm cố thu hết tàn lực nhìn Khái lần cuối cùng rồi thì thào:

Văn, Truyện ngắn

- Cháu... cháu duy nhất của bà... Cháu an tâm ở lại.
Cháu...cháu...

Đêm hôm đó, sau lời trời trăn , bà Năm đã tắt thở. Cuộc đời Khái bi thảm theo tiếng khóc của chính nó cho nội nằm xuống....

Tiếng nói của thầy

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 8 - 13

Từ Công Phú

trích trong “Biên cương mới” của HNT

Như tiếng vọng âm vang trong lòng núi, tiếng nói của thầy âm vang trong đáy thẳm của hồn tôi.

Nếu thể xác tôi được nuôi bằng sữa mẹ, bằng mồ hôi nước mắt của cha thì trí óc tôi đã lớn lên trong âm tiếng nói của thầy.

Một ngày ấu thơ, tại một ngôi trường nhỏ bé, lần đầu tiên tôi được nghe tiếng nói của thầy. Đôi mắt nai tơ ngỡ ngác nhìn thầy. Vành mềo vểnh to nghe thầy nói, miệng ê a đọc những vần chữ khai tâm. Tôi chập chững bước qua ngưỡng cửa học đường bằng những hình ảnh đầu tiên ấy.

Tuổi hồng sao đẹp quá! Kỷ niệm xa xưa không thể phai mờ. Tôi lớn lên dần theo tháng năm? Thơ ấu đi qua rồi niên thiếu tới. Hằng năm cứ sau mỗi mùa phượng nở, tôi lại có thêm thầy giáo mới và bên tai tôi lại tiếp tục vang lên tiếng nói của thầy.

Tiếng nói của thầy đã tạo nên điệp khúc *tình ca* học đường trong bản trường ca vĩ đại của đời tôi. Trường ca xây đời nguyện ước. Với muôn ngàn tiết điệu, bản trường ca được hát lên bằng 4 loại thanh âm: Tiếng khóc chào đời, lời ru của mẹ, tiếng nói của thầy, lời thủ thỉ của người yêu. Hai âm thanh đầu giờ đây đã biến khỏi vùng ký ức, có lẽ chỉ còn rung lên trong khoảng hư vô của tim thức - máy nào ghi lại

cho tôi lời ru của mẹ thuở lên ba? - Thanh âm cuối cùng thì chưa đến hay còn mơ hồ. Riêng tiếng nói của thầy đã và đang rung lên trong tâm tưởng vì tiếng nói đó đã đến với tôi từ khi ký ức biết ghi nhận rõ rệt sự hiện hữu của ngoại vật và tâm linh.

Tiếng nói của thầy không những hòa âm tất cả những tiếng nói của những người thầy đã dạy tôi ở chốn học đường nhưng còn là một tổng hợp của 3 loại thanh âm kia nữa. Qua tiếng nói của thầy, tôi nhìn thấy thấp thoáng hình ảnh tôi khi cất tiếng khóc chào đời, hình bóng mẹ hiền đang ru tôi vào giấc ngủ, tôi cũng vượt cả thời gian để sống trong một viễn tượng thơ mộng của ngày mai.

Được vậy kín bởi bốn bức tường lớp học, trước mặt đám học trò có đủ mọi tính tình, tiếng nói của thầy âm vang như mệnh lệnh thiên thần, ban ra từ cõi hư vô. Cũng có khi tiếng nói của thầy nghe như tiếng chuông đồng sang sảng tiếng sóng vỗ ngoài khơi, dạt dào hay tiếng thì thào của ngàn cây trong gió nhẹ. Có lần nương theo âm ba tiếng nói của thầy, tôi biến thành một cánh chim bay vút cao tận khoảng trời xanh thẳm rồi bỗng nhiên chim trời mỗi cánh, sa xuống một cánh đồng hoang: giọng thầy nghẹn tắt, tiếng nói của thầy im bật, tôi cảm thấy thương thầy. Cũng có lần tiếng nói của thầy trở thành gay gắt, thầy mắng học trò rồi vội quay đi, nhưng tôi còn kịp thấy một giọt lệ vừa ứa ra trong khóe mắt của thầy. Làm sao tôi quên được niềm hối hận đang vò xé trong tôi lúc đó?

"Thầy ơi!" tâm tư tôi bỗng thốt lên từng tiếng gọi thầy. Hằng năm, hằng năm dù bóng hình và giọng nói của thầy thay đổi, dù thầy học tôi khi là một cô giáo, khi là một ông thầy, tôi vẫn luôn luôn có cảm tưởng rằng mình chỉ có một "Thầy" và " một tiếng nói của thầy duy nhất. Điều này không có gì khó hiểu cả. Thật vậy, thầy tượng trưng cho một mẫu người đáng kính và đáng mến sống thanh bạch và khiêm nhường, mang một sứ mạng cao cả: thay thế cha mẹ tôi để dìu dắt tôi trên đường học vấn. Tôi nhớ đến thầy là không phải chỉ nhớ đến một người nào riêng rẽ nhưng hình

đung thầy là một thể nhân của cả một tập thể các thầy kết tinh, tôi kính mến thầy không chỉ riêng từng cá thể đặc định, nhưng lòng yêu mến trải rộng trên tập thể các thầy được cô đọng lại thành một thể nhân duy nhất. Cho nên nếu bây giờ tôi không thể nhớ rõ được tất cả các thầy, bất cứ lúc nào, tôi cũng có thể mường tượng ra dáng dấp, y trang, tiếng nói của một mẫu người ấy chính là một hình ảnh thu nhỏ trong tâm hồn tôi của toàn khối những người đã tận tâm dạy dỗ tôi. Và hình ảnh này còn in sâu mãi trong tim tôi.

Hôm nay mùa đông đang chuyển mình đón mùa xuân mới trở về. Nhưng cảnh sắc tương bưng ngày hội cuối năm, theo truyền thống, lại hiện ra trong các lớp học trường tôi. Cũng những mái đầu xanh - mặt biển hồ xanh in bóng chùm sao con-fetti lấp lánh – cũng những tấm thiệp hoa xuân xinh xắn hay những lời chúc bạn, chúc thầy rộn rã. Cũng tiếng nói đầm ấm của thầy lại một dịp âm vang, lôi kéo tôi trở về với chuỗi ngày qua trong suốt rừng âm thanh tiếng nói của thầy “thầy ơi”!

"Tiếng nói của thầy là tiếng hát ru con vào đời" thầy đã gieo trong lòng con muôn vàn kiến thức, giúp con mở mang trí tuệ, xây dựng con nên người. Sau này nếu con không thể thành công thì ít ra con sẽ thành nhân, "*Công cha như núi Thái Sơn, quân sự phụ, nhất tự vi sư bán tự vi sư, không thầy đố mày làm nên, muốn cho hay chữ phải yêu mến thầy, uống nước nhớ nguồn...*" Bài dạy đầu đời của bậc vạn thế Sư Biếu và của tiền nhân mà tiếng nói của thầy là dư âm đã làm cho con biết ơn sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ con, cũng như công lao dạy dỗ của thầy.

"Tiếng nói của thầy đã đưa con vào trong giấc mộng thiên thần, cảnh đẹp của quê hương Việt Nam yêu dấu, tháp Ai-Cập huyền bí, Bắc Băng Dương lạnh giá, Sahara nóng bỏng, Hạ Uy Di thơ mộng, miền Viễn Tây Hoa Kỳ hoang vu, đỉnh Everest cao vút tận mây mờ, giải ngân hà hùng vĩ trong đêm thâu."

Tiếng nói của thầy đã đưa con vào vùng ánh sáng của văn minh nhân loại, với những công trình vĩ đại của Euclide,

Newton, Pascal, Archimede, Pasteur Einstein... Con say sưa bay khắp khung trời khám phá: vũ trụ vô biên, sự vận chuyển của những tinh tú, hành lang sức hút của trái đất, nhật thực và nguyệt thực, bộ mặt thực của nguyệt cầu, nguyên tử lực, cả không gian 4 chiều, và hiện tượng thần giao cách cảm.

Tiếng nói của thầy đã đưa em vào kho tàng Văn học và Nghệ thuật. Bên tai con vang dội những tiếng anh hùng ca bất hủ của Coreille, Rabindranath, Tagore hay thì thầm những lời thơ êm ái của Nguyễn Du, Xuân Diệu, Lamatine, Nguyễn Khuyến, Bà Huyện Thanh Quan và những câu văn bay bướm tuyệt vời của Khái Hưng, Nhất Linh, Anatole France, Chateaubriand E. de Amicis. Con tung tăng trong vườn đầy sắc hoa tuyệt mỹ với Léonard de Vinci, Van Gogh, Picasso rồi con lạc bước trong rừng thiêng đầy những cây cổ thụ như Lão Tử, Thích Ca, Socrate... và con chơi với trên triều nhạc vũ của J. Strauss, Beethoven, Mozart, Schubert!

“Tiếng nói của thầy đã đưa con vào giòng sông lịch sử oai hùng của dân tộc Việt Nam”. Con ghi ơn những vị anh hùng lập quốc, bảo vệ giang sơn tổ quốc Hùng Vương. Đinh, Lý, Lê, Trần, Lê, Nguyễn, con hăng say bước đi trong vùng ánh lửa bập bùng của mùa xuân Kỷ Dậu, mùa thu tháng tám, tâm hồn vang lên tiếng gọi réo rắt của một Trần Hưng Đạo, một Lê Lợi, một Quang Trung, một Nguyễn Thái Học... Con cảm thấy yêu quê hương đau khổ này, yêu đồng bào, yêu tự do, độc lập và hòa bình”.

Ôi còn bao tiếng nói của thầy, tôi không thể nào kể xiết. Nếu dĩ vãng và hiện tại ngăn tôi bởi một giòng sông thì tiếng nói của thầy là cây cầu đưa tôi vào quá khứ. Tôi nguyện sẽ kết hợp những công trình, kinh nghiệm của thế hệ quá khứ với thế hệ hiện tại để xây dựng thế hệ tương lai. Thế xác thầy có thể chết đi, nhưng hình ảnh và tiếng nói của thầy phải trở thành vĩnh cửu. Một ngày mai, rời khỏi học đường, tôi phải xa lánh thầy, không còn được nghe tiếng nói của thầy nữa, nhưng có một điều chắc chắn là tiếng nói của thầy sẽ âm vang mãi trong đáy thẳm hồn tôi.

Văn, Truyện ngắn

Khi nào trên thế giới này có những bầy học sinh cấp sách đến trường, khi nào dưới mái học đường còn vang lên tiếng học ê a, thì tâm hồn tôi vẫn còn vang lên Tiếng Nói Của Thầy.

Hề nhưng nhớ

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 17 - 19

Song An (lớp 8/2)

Vào một buổi chiều mùa hạ. Một buổi chiều êm ả như ru, trên nền trời một màu xanh biếc, ngoài đồng ruộng tiếng côn trùng kêu vang theo gió nhẹ đưa vào. Trong căn phòng muỗi đã bắt đầu vo-ve.

Thế là niên học của chúng mình sắp tàn rồi Rài nhỉ? Chỉ còn đêm nay nữa mà thôi, ngày mai chúng mình mỗi người rẽ mỗi đường hướng riêng biệt rồi Rài ạ. Bao nhiêu kỷ niệm trong năm học đến nay nó gợi lại cho chúng mình nhiều sâu nhớ. Ôi kỷ niệm của chúng mình nhiều quá Rài nhỉ...

Bầu không khí yên lặng, thỉnh thoảng làn gió đông thổi vào nhẹ qua song cửa mát cả người. Ngoài căn phòng lúc này đã trở nên tối hẳn. Màn đêm bắt đầu. Sao hôm đã hiện ra rõ ràng, chốc chốc không bao lâu, hơn hàng ngàn ngôi sao khác lấp lánh đua nhau khoe ánh sáng.

Rài ơi, biết nói gì đây trong đêm cuối cùng này. Tuy thời gian ngắn ngủi nhưng chúng ta có kể cho nhau nghe những tâm sự hiện tại để rồi ngày mai chúng ta lên đường về cố hương.

...Và kể từ ngày mai, Rài sẽ xa An mãi mãi, vì đây là năm học cuối cùng của Rài, và Rài sẽ tìm đến phương trời nào mới lạ hơn. Kìa, sao Rài với nét mặt buồn thối, vui lên đi, An không muốn thấy Rài bằng khuôn mặt buồn bã mà trái lại An chỉ muốn thấy những nét mặt vui tươi như những cành hoa phượng nở đỏ lờ bên vệ đường.

Qua ba năm dài dang đẳng chúng mình sống với nhau

dưới mái Trường Pô Klong, nhưng chúng mình chưa làm bất cứ một việc gì phật ý nhau. Thế rồi ngày mai Rài phải vĩnh biệt ngôi trường thân yêu nhỏ bé này. Chỉ còn lại một mình An. Thế là An sống một mình, biết kết thân với ai? khi Rài không còn ở đây?

Ôi biết lưu lại kỷ vật gì cho Rài đây... À phải rồi Rài ạ, An muốn tặng cho Rài ạ, An muốn tặng cho Rài một cái huy hiệu của một ngôi trường mà An đang học. Tuy vật nhỏ mọn, không đáng giá, nhưng nó là vật đáng lưu ý nhất đến tình bạn hữu và chính nó sẽ dẫn đường chỉ lối cho Rài xuống tìm An sau này.

Trời đêm đã chìm sâu, xa xa tiếng chuông ngân dài từ nhà thờ vọng lại để báo hiệu sang canh. Bao nhiêu tiếng động của loại vật đến đây đều ngưng hẳn. Trong căn phòng tất cả mọi người đều say sưa vào giấc ngủ, những hơi thở đưa nhau tạo thành một không khí hỗn hợp.

Thôi Rài ạ, đêm đã khuya lắm rồi, nếu chúng mình có nói lảm tâm sự chúng mình không hết đâu. Dù sao nữa chúng mình đã hẹn gặp nhau trong mùa thu nào đó...

Đêm nay hãy nằm chung giường với An, Rài nhé, để cùng vui lên cho nó đánh tan đi những sự buồn trong ngày mai, hơn nữa tình thân hữu của chúng ta càng xiết và thắm thiết hơn và nó sẽ khắc ghi vài kỷ niệm một đêm cuối cùng của Rài khi Rài khỏi trường Pô Klong.

Chiều xứ lạ

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 30 - 31

Trượng Thống

Tôi đặt chân lên xứ lạ vào một buổi chiều khi hoàng hôn vừa buông xuống. Cả không gian nhuộm buổi chiều vàng. Những đám mây đen thướt tha trôi nhẹ ở chân trời bất tận. Gió chiều nhẹ thổi man mác tận đáy lòng. Tôi có cảm giác như đang ở giữa mùa đông rét mướt. Tiếng xạt xào của

những chiếc lá vàng đua nhau rơi rụng trước làn gió thoảng qua. Đang đưa mắt nhìn cảnh vật chung quanh một lúc tôi nhẹ bước trên con đường đen nhẹ bóng và dốc, cái xách trong tay từ khi bước xuống xe đã trở nên nặng trĩu. Các ngôi nhà nằm rải rác hai bên đường. Chân tôi bước mãi mà lòng đang lấm nổi băng khuâng...

Chẳng biết mình sẽ đi đâu khi màn đêm giăng lối. Tôi dừng bước cuối đường đặt xách xuống thở phì phào. Lúc này trời đã trở nên tối hẳn, như cố xua đuổi cái ánh sáng của buổi hoàng hôn. Một vài nhà đã lên đèn. Ý nghĩa mỗi lúc lại dồn dập ám ảnh tâm hồn tôi và lòng đang thấy đói vì cả buổi chiều chưa được một miếng cơm, không dám vào nhà ai. Mọi người đối với tôi đều xa lạ. Tôi lại bước đều theo nhịp thở của con tim, lần này tôi liêu vào nhà bên đường xin ngủ trọ qua đêm. Rồi vội ra quán để ăn cơm chiều. Xong, lòng tôi thấy khoan khoái nhẹ nhàng, thông thả ra đi. Ngoài kia mảnh trăng nhô lên tự bao giờ, ánh trăng trong sáng chiếu vằng vặc trên không, lan chảy khắp không gian, xuyên qua các cành cây kẽ lá. Tôi nhớ khi ở nhà cũng vào đêm trăng sáng như đêm nay chúng tôi ba đứa ngồi quay quần bên nhau trên đồng cát để cùng nhau tâm sự những nỗi buồn vui qua bao ngày đèn sách bên mái trường thân yêu. Kể lại những kỷ niệm lưu luyến của tuổi học trò. Nhưng đêm nay khác hẳn với mọi đêm. Tôi một mình đơn lẻ của bước chân đầy hoang lạc, đang lê gót ở một nơi mà tôi chưa bao giờ quen biết, chỉ đưa mắt nhìn cảnh vật mà lòng như đang thưởng thức một cái thú vui âm thầm không ai hay biết, của một nơi đầy hoa thơm cỏ lạ. Đêm dần khuya, trăng mỗi lúc lên cao mãi. Tôi đã đi từ chiều đến giờ mà chẳng biết mình đi mất mấy giờ. Đôi chân hơi mỏi. Hình như tôi đã đi suốt ngày nay. Tôi trở về nhà trọ, nằm trên cái chõng ngoài hiên, đang thao thức. Bỗng nghe đâu đây tiếng róc rách của dòng suối. Tiếng gió thổi rì rào qua khe lá như đang thổi khúc nhạc trầm buồn vào lòng du khách thật thê lương và ảm đạm. Tiếng lá vàng lìa cành đua nhau rụng lác đác mùi hương thơm phảng phất của cành cây đưa lại. Đang

Văn, Truyện ngắn

say mê với cảnh đẹp, một lúc tôi thiếp ngủ lúc nào không biết.

Khi thức dậy bình minh đã ló dạng, cảnh vật đang từng bừng đón chào ngày mới, hạt sương đêm còn đọng lại trên mấy hoa trước ngõ, tiếng riu rít trên vòm trời của đàn chim đua nhau hót. Cảnh vật êm đềm và nên thơ. Tôi xin phép người chủ rồi ra đi tìm việc làm. Nơi đây cứ mỗi buổi chiều khi hoàng hôn buông xuống, hay những lúc bình minh đẹp trời, tôi thường luôn ngắm cảnh như lúc nào cũng đang thưởng thức những thú vui không bao giờ phai lạt. Đó là những kỷ niệm sâu sắc mà lần đầu tôi đến đây...

Trượng Thống. “Hai tháng Sông Pha”

Nước mắt mùa thu

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 33 - 36

Ngọc Toán (lớp 8/2)

“Có lẽ đau xót nhiều, khi nghe nhắc đến cảnh hoang tàn của tháp đang chứa chất đầy tình thương vô vị...”

Vân lạnh nhạt dừng chân trên tháp vào một buổi chiều thu ảm đạm; khi gió bắc thổi lá vàng lia cành, và bắt đầu, đuối nhau rơi theo làn gió mỏng manh, rồi nhẹ mình đáp lên mảnh đất cần cỗi của tháp. Nơi ấy, linh hồn với giọt lệ căm thù từ muôn ngàn xưa hãy còn đọng thừa dưới chân mây cỏ úa tàn tạ, dường như lánh quên dưới ánh nắng lửa trời...

Vân bước đến, và ngã mình tựa cái lưng vào tháp. Ngẩng đầu lên chàng nhìn cuộc đời như mộng ảo, như mây bay, như gió thoảng qua cầu... Rồi qua một ngày nào đó khi chàng được sinh ra đời và nấn nót trong một gia đình nghèo khổ, lạnh lùng. Những thời gian ấy đã trôi qua lại kế tiếp thời gian khác, cứ thế mà cuộc đời chàng không bình tĩnh, hồn nhiên. Chàng chợt nghĩ đến giây phút chán chường của hiện tại qua những cuộc sống vô tư như cái mùi vị không

nồng nàn hay lưu loát. Chẳng bao lâu trước mặt chàng như hiện rõ: những buổi huy hoàng, các cảnh nguy nga sáng lạng của thành Đồ Bàn, của dân Chiêm quốc, trong thời vàng son, dĩ vãng. chàng trầm nghĩ:

Giá lúc đó là sự thật thì có lẽ chàng và nước non sẽ hưởng được một cuộc đời vui thú lạ sẽ được tươi cười, vui vẻ hay nghe tiếng sáo Thiên Thai của những điếu du dương trầm, bổng trong tiếng nhạc cung đàn, hoặc hòa nhau trong những tiếng nói cười rộn rã...

Chàng tiếc lắm! Khi niềm ước vọng ấy không còn nữa và chỉ còn những cái tang đau đớn đáng tiếc thương...

Đây cái tháp điêu tàn, lở lói đứng trơ trọi với cuộc đời cô quạnh, lẻ loi. Ngày nay gió bụi bay về phủ kín, mai sương làm mưa với nắng vẫn chan hòa làm vỡ rạn...

Chàng cố cầu nguyện:

-Hỡi! Trời cao bể rộng, tháp là những di tích oai hùng trong trang sử chứ không rêu phong cứng rắn. Trời! Xin trời hãy cho tựa...

Vân đứng đưng và chán ngán, khi nghe thấy tiếng than thở của chàng. Chàng trầm nghĩ rằng ta khóc đã muôn chẳng? Rồi rưng rưng trầm oán..

- Ai! Ai đã đoạt mất tương lai?!

- Phải chăng?...vì...

Chừng đó; chàng nghẹn ngào chẳng nói được nữa. Và lòng chàng u sầu khi bóng chiều dần buông xuống. Trên cao xuất hiện những vì sao thi nhau lấp lánh. Một cơn gió thoảng đưa lại mùi hương ngào ngạt bay tản mạn trong buổi chiều sắp tàn. Ở phương xa, chuông ngân từng hồi vắng vắng...

Ngày sắp tàn! muôn chim ca hát và cất lên tiếng rủ nhau bay tìm về tổ ấm. Đây, một chút ánh nắng mơ hồ vẫn còn lê thê chuyển mình nhẹ nhàng trên cành cây khô cằn cỗi, đang tựa mình vào tháp. Một tiếng động nhỏ rung cành của một con chim sẻ lạc bầu, hãy còn len lõi, mắc kẹt chiếc cánh vào cành lá khô sắp rụng. Hay nó cũng đang mơ hồ trong ánh nắng ban nãy để trút tình thương cho đất tháp

xong rồi lủi thủi chết lịm dần vào bóng tối. Phải chăng, đã muộn rồi?

Trời đã tối đậm và mỗi lúc càng đậm hơn. Đâu đây tiếng muỗi vo ve nháy vang trong bóng đêm dài dằng dặc. Tâm hồn Vân bây giờ như cuồng dại và lòng chàng bây giờ như thất đở. Chàng đau đớn quá.

Vân đứng dậy choáng váng và vướn vai bước rẽ sang phía sau cửa tháp. Đang mơ màng, chàng chợt ngã tung vào gốc cây tàn rụng, càng đau đớn vô cùng! Chàng rơm rớm nước mắt rồi ràn rụa lặn dài xuống hai bên gò má, Vân khóc thầm trong đêm mờ mịt. Phẳng lặng hai bên sườn đồi. Chàng ngồi xuống và suy nghĩ:

- Giá phải chăng ta là cái vật không hồn, vô tri vô giác.

Trong đêm tối không ai đáp lại tiếng than chua xót của chàng. Bỗng nhiên tiếng quát mạnh của con vạc đi ăn đêm khiến chàng giật mình và tạnh khóc. Chàng đưa mắt nhìn đáo dác và tưởng như mình điên cuồng, đang sống trong cái vực sâu thẳm.

Nhưng chàng suy nghĩ, lại càng đau thối thía...

Kìa bóng đêm dày đặc bao phủ lưng tháp. Tiếng lá vẫn rơi xào xạc. Bóng nháy lửa nhẹ nhàng của một vài con đom đóm bay gần lại...bay gần lại?.

Trăng đã lên rồi, lên, để đổi màu bi thảm của tháp. Lên để...ai vui? Chứ ta...buồn lắm! Ánh trăng càng soi bóng rõ thì cảnh điêu tàn của tháp lại càng rõ hơn...

Sau một lúc ánh trăng trở nên mập mờ, vì những đám mây đen vắt ngang qua...Vân nghe lòng lại nóng bừng lên, như lửa hồng đang đốt cháy những hòn than đen và đậm, rồi thỉnh thoảng rắc rắc tung tóe ra ngoài như đám ma thoát khỏi địa ngục cuối cùng. Mây mỗi lúc mỗi đen hơn. Những vì sao đã lánh xa ngàn mây gió. Gió bắt đầu thổi...mưa bắt đầu rơi...làm ướt đầm cả mình chàng dưới tà áo mỏng manh...

Mưa vẫn rơi...

Trời vẫn lạnh...

Văn, Truyện ngắn

Vân và hôn tháp hai kiếp lạc loài bây giờ lại dừng chân trên đường mưa gió.

Tuổi học trò

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 43 - 44

Thọ Trường Thân

Tôi thần thờ đi vào con đường quê vắng lặng không một bóng người. Trời về thu gió hây hây thổi làm tung cả tà áo đen. Tôi cảm thấy tâm hồn mình khoan khoái, nhẹ nhàng...

Buổi chiều xuống dần, trước mặt tôi là một vùng trời đỏ ửng, hai bên đường là đồng ruộng bao la, chạy dài về một phương trời xa tít rồi khuất sau những dãy núi đồi hoang vu. Tôi dừng lại dưới bóng cây bên vệ đường. Những luồng gió thổi hiu hắt làm tung lá khô trên cành, tôi cảm nhớ đến dĩ vãng của đời học trò. Các bạn thân không biết bây giờ ở đâu? Có còn nhớ nhớ đến người bạn vô phước này chăng? Từ già mái trường, các bạn thân yêu và những hàng cây dương liễu về quê sống bên gia đình giúp việc cho cha mẹ trong cuộc sinh sống hằng ngày tôi sẽ trở thành người nông dân mộc mạc, chất phác, vui say ca hát hưởng cảnh thiên nhiên của đồng quê, làm bạn với trẻ mục đồng. Giờ đây đồng ruộng hoang vu và đàn trâu là bạn thân của tôi... Tôi cảm thấy khác hẳn với đời học trò. Còn gì hy sinh cho bằng tuổi học trò, cái tuổi vô tư lự hằng ngày đến trường ganh đua học tập cùng các bạn, vui cười cùng bạn dưới hàng cây phượng. Đời sống ôi thật khó nhọc nhưng có vẻ thanh đạm, tinh thần thoải mái.

Tôi mãi nhớ vui bên chồng sách vở với cái không khí ồn ào, náo nhiệt. Hằng đêm cặm cụi học bài, thức từng giờ để học thi. Mỗi độ hè về nao nức trong lòng, trao cho nhau những giòng chữ ở trang nhật ký, nhìn nhau bằng nụ cười quyến luyến. Rồi giờ cuối, tay cầm tay nhau già từ. Ôi, học

Văn, Truyện ngắn

đường biết bao là kỷ niệm êm đẹp. Tuy tôi không còn nghe tiếng giảng bài của thầy kính yêu, xa trường cũ, bạn mến, mỗi người một nẻo thì đây là giây phút của mê ảo, của bịn rịn, của chia ly. Bất chợt tôi ngâm một câu thơ dài:

*Đường này đi có phượng hồng chớm nở
Nẻo ta về ngan ngát tiếng sầu rên
Tưởng nhớ nhau nhớ khắc vào ký ức
Cứ khắc vào tập bút kẻ mờ phai.*

Hối hận

ƯỚC VỌNG, số 04, năm 1972, trang 45 - 48

Tài Giỏ

** cho những tâm hồn cô độc*

Hôm nay một buổi chiều mùa đông, cảnh vật như nhuốm màu thê lương ảm đạm. Mưa phùn bắt đầu rả rích những hạt mưa bụi lấm tấm. Trên các nẻo đường không một bóng người lai vãng...

Riêng tôi, ngồi bên cửa sổ, tôi thờ người ra miêm man suy nghĩ mặc cho những luồng gió mùa đông mang theo sự lạnh lẽo len lỏi khắp tâm tư. Đang nghĩ vẩn vơ, bỗng một tiếng rao yếu ớt hòa lẫn trong tiếng kêu của mưa gió.

- “Ai...mua...đậu...rang...”

Tôi quay cổ nhìn sang nhà bên cạnh, thì thấy một người đàn bà tạc độ bốn mươi, mình mặc áo nâu sẫm đã cũ rích, vai gánh nặng những hàng đang cố lê từng bước nặng nề trên con đường ngập nước. Hình ảnh và tiếng rao ấy khiến cho tôi liên tưởng đến hình bóng của mẹ tôi. Mẹ tôi cũng có dáng điệu giống bà ấy. Nhưng thân hình mẹ tôi cao và gầy, đôi má nhăn nheo, và nhất là đôi má hằn từ luôn luôn tha thứ cho những ai lầm lỗi. Hằng ngày mẹ tôi gánh hàng ra chợ bán chiều về, phải lo việc bếp núc. Đêm đêm dưới ngọn đèn dầu tỏa ánh sáng lờ mờ trong căn nhà tối tàn lụi sụp,

bà kể cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện cổ tích, chuyện nào chúng tôi cũng lấy làm thích thú.

Nhưng hình ảnh đáng kính ấy giờ đây đâu còn nữa. Vì định mệnh phũ phàng đã cướp đi dòng thương yêu duy nhất của tôi rồi. Mẹ tôi chết vì buồn tủi cho một đứa con ngộ nghịch như tôi, Nghĩ đến đây mắt tôi bỗng nhòa lệ, cả một cuốn phim dĩ vãng chua xót đau buồn của những chuỗi ngày thơ ấu như sống lại trước mắt tôi. Ôi đau đớn quá! Tôi gục đầu bên cửa sổ mà thổn thức mặc cho những giòng lệ vẫn lạnh lùng tuôn trào hai bên gò má.

Tôi còn nhớ rõ: Cách đây một năm, hôm ấy vào một buổi sáng cuối thu. Gia đình tôi đều đi vắng. Các em tôi đi ra ngoài đường đùa giỡn với bọn trẻ trong xóm, mẹ tôi gánh hàng đi từ sáng sớm. Trước khi đi mẹ tôi có dặn là “phải ở nhà không được đi đâu hết”. Trong căn nhà nhỏ tôi đang cúi đầu học bài Sử ký, bỗng Tâm người bạn cùng lớp chạy vào nhà tôi, dáng điệu vui vẻ lạ thường. Vừa thấy tôi Tâm liền gọi lớn

- Giỡn đi, đi câu cá vui lắm!

Câu cá! Một sự thích thú của một em bé nhà quê, như tôi đã hằng ao ước bấy lâu nay. Bao nhiêu lời dặn của mẹ tôi bây giờ tiêu tan hết, dành cho một sự liêu lĩnh thú dục tâm hồn tôi. Nên khi nghe Tâm nói, tôi rất vui mừng:

Ô! Câu cá? Thích nhỉ, thôi mình đi Tâm

Nói xong hai đứa tôi xách cần câu chạy ra ngoài đường, mặc dầu trời lúc đó vẫn còn mưa. Đến nơi hai đứa chúng tôi kiếm một chỗ ngồi chu đáo đối diện với lòng sông và bắt đầu câu cá. Trời bây giờ đã tạnh hẳn, bầu trời trở nên quang đãng, phong cảnh đẹp đẽ vô cùng. Chúng tôi lấy làm thích thú cất tiếng cười giòn sung sướng. Trong lúc tôi đang theo dõi “chiếc phao” bỗng một trái “sung” đang lững lờ trôi theo giòng nước. Thấy thềm quá, không bỏ lỡ cơ hội tôi liền nhẩy “ùm” xuống nước định vớt trái sung dưới đôi mắt ngạc nhiên của Tâm. Nhưng than ôi, khi tay tôi vừa chạm đến trái sung thì tôi bị một giòng nước mạnh lôi cuốn. Tôi cố gắng chống chọi với tử thần để bơi vào bờ, nhưng tất cả hoàn toàn

tuyệt vọng. Tâm đứng trên bờ thấy tôi sắp chết đuối, hoảng hốt la lên cấp cứu:

- “ Bớ người ta có người chết đuối! Bớ..bớ...bớ...”

May thay lời cầu cứu của Tâm vọng đến tai của một ông già làm vườn bên cạnh. Ông ta liền chạy ra, thấy tôi bị sắp chìm, ông ta liền nhảy xuống nước, bất chấp mọi nguy hiểm và cứu thoát tôi khỏi tầm tay của Thần nước. Khi Tâm và ông ta đưa về nhà, mẹ tôi thấy thế khóc lóc thảm thiết. Được hai hôm sau, phần buồn cho đứa con phá phách, phần vì không còn sức chịu đựng được với cuộc đời; mẹ tôi lâm bệnh và trút hơi thở cuối cùng. Trước khi khép chặt đôi mắt vĩnh viễn, mẹ tôi cố gượng nói thều thào trong hơi thở:

-Tôi nghiệp cho các con tôi quá, rồi đây sẽ ra sao? Mới còn nhỏ dại mà đành phải mất tình mẫu tử. Chợt nhớ ra điều gì bà liền nói:

-Hỡi con, con hãy cố gắng học hành và ở lại nuôi nấng và dạy dỗ các em trở nên người hữu dụng...Mẹ không thể sống được nữa, thôi vĩnh biệt mẹ đi...

Nói xong, mẹ tôi nhắm nghiền đôi mắt, anh em tôi òa lên khóc thật thương hại.

Thế rồi sáng hôm sau, tôi cùng vài người ở trong xóm thần thờ theo chiếc quan tài để tiễn đưa người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng. Từ đó tôi sống trong cô độc mất hẳn tình thương yêu của mẹ.

Trời đã về chiều, vắng vắng đâu đây tiếng chuông chùa ngân nga trong buổi chiều buồn bã, như thầm nhắc lại lỗi lầm ngày xưa.

Mẹ ơi! Xin mẹ hãy rộng lòng tha thứ cho con, mẹ...mẹ đừng buồn nghe mẹ. Mẹ ơi con nhớ mẹ quá mẹ...mẹ...

Cánh chim lạc loài

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 11 - 14

Tài Giỏ

Linh uể-oải bước từng bước nặng nề trên con đường phố ngập nước. Thỉnh thoảng nó cất tiếng rao lạnh lạnh:

- Ai mua...đậu...rang

Linh vừa đi vừa rao. Đến một căn nhà sang trọng ở cuối phố, Linh mệt nhọc dựa lưng vào vách tường để nghỉ chân. Qua cái lỗ hở của bức tường, Linh thấy căn nhà thật ấm cúng. Cả gia đình đang cười nói vui vẻ quanh một cái bàn ăn khói bốc hơi nghi ngút. Hình ảnh này không khỏi làm cho Linh xúc động khi nghĩ đến hình ảnh tang thương của một đêm thu đầy trăng sáng. Ngày Linh còn là một đứa trẻ vô tư lự, hàng ngày chỉ biết cắp sách đến trường học tập bên một ngôi trường làng nhỏ bé với ông thầy giáo hiền từ có đôi kính cận. Nhưng nay! Than ôi! Linh còn là một Linh ngày xưa, mà Linh hôm nay là Linh của bản thủ, rách nát vì nó đã trở thành một đứa trẻ lạc loài bán hàng rong trên những đường phố. Đêm đến, cùng ngủ với những đứa trẻ giang hồ, cùng chung số phận bên những hè phố vắng. Với tấm áo hở vai không đủ sưởi ấm tấm thân gầy còm của nó trong những đêm đông lạnh lẽo. Nghĩ đến đây, Linh cảm thấy cái gì cay cay ở mắt. Thì ra Linh đã khóc. Vâng! Linh đã khóc thật. Linh đã khóc giữa cơn mưa tầm tã, Linh đã khóc giữa cuộc vui của thế nhân, và Linh đã khóc khi nghĩ đến thân phận đơn côi của mình. Linh để mặt cho giông lệ tuôn trào. Linh thả hồn về dĩ vãng xa xưa...

Đêm hôm ấy. Một đêm thu trăng sáng. Hai mẹ con Linh cùng quây quần bên mâm cơm đạm bạc. Sau khi ăn xong bữa cơm tối, Linh đến nằm trên một chiếc giường tre mục nát để tập đánh vần. Bên cạnh Linh, bà mẹ và người hàng xóm đang bàn chuyện làm ăn. Đến khuya, người hàng xóm cáo từ ra về, mẹ Linh sắp gọi Linh vào phòng ngủ thì bỗng âm! ...

Một tiếng nổ chát chúa làm cho Linh bị văng ra xa và nó không hay biết gì nữa... Một lúc lâu, Linh mới lồm cồm bò dậy và cố nhớ lại những gì đã xảy ra. Thì ra một trái “moóc chê” đã vô tình rơi vào căn nhà của nó. Linh liền đứng dậy và dáo dác tìm mẹ. Một tiếng rên nho nhỏ...Linh mon men đi tìm tiếng rên ấy. Trời, mẹ Linh bị một cánh cửa to lớn đè sập lên người. Không ngăn nổi xúc động, Linh nhào tới ôm chầm lấy mẹ khóc nức nở. Ngát đi lúc lâu Linh mới nghẹn ngào hỏi mẹ:

- Mẹ, mẹ có sao không...mẹ?

Mẹ Linh không đáp chỉ gật đầu và rên những tiếng thê thảm làm cho Linh càng thêm bối rối.

- Mẹ! mẹ có sao không... mẹ trả lời đi mẹ...con sợ quá...hu..hu...

- Không! Mẹ không sao cả, con ...cứ yên tâm.

Câu trả lời của mẹ làm cho Linh cảm thấy yên tâm, nhưng sự yên tâm ấy chỉ ngự trị trong Linh trong một chốc lát thì tiếng rên của mẹ nó lại nổi lên và lần này có phần trầm trọng hơn trước. Không biết làm sao trước hoàn cảnh này Linh đành ngồi bên mẹ mà khóc mãi...

Dân làng khi nghe tiếng nổ ấy, họ cùng nhau lật đật chạy ráo lên. Khi đi ngang qua nhà Linh họ kinh ngạc khi thấy căn nhà của Linh hoàn toàn sụp đổ, và trở nên điêu tàn xơ xác nằm ử rử dưới bóng đêm, và họ càng kinh ngạc hơn khi thấy Linh đang ngồi bên mẹ nó khóc rấm rức. Đoán sự việc xảy ra như thế nào rồi, không ai bảo ai, họ cùng nhau chạy đến chỗ mẹ Linh nằm và họ khiêng bà trên một ván vẫn còn nguyên vẹn để lo cứu chữa. Nhưng vì vết thương quá trầm trọng, nên việc cứu chữa trở nên vô hiệu và ngay đêm đó mẹ Linh trút hơi thở cuối cùng. Trước khi chết, nước mắt bà ràn rụa, tiếng bà thều thào trong hơi thở:

Trước khi tôi chết, xin làm ơn nuôi dùm con tôi...tôi mang ơn...lắm

Nghe mẹ nói, tim Linh đau nhói:

Mẹ, mẹ đừng nói vậy, mẹ đành bỏ con sao mẹ?

- Không! Mẹ thương con lắm, mẹ...

Văn, Truyện ngắn

Nói được chừng ấy lời, đôi mắt già nua đã khép chặt vĩnh viễn...

Sáng hôm sau. Một buổi sáng cuối thu, có những chiếc lá vàng rơi lả tả, vài đám mây lơ lửng nhẹ nhàng trôi. Thi hài của kẻ bạc mệnh được nằm gọn ở trong lòng xe ba gác. Cảnh diễn ra thật buồn: không nhan khói, không kẻ tiễn người đưa, chỉ có Linh cùng vài người thương xót cho gia đình Linh âm thầm theo chiếc quan tài để tiễn đưa một linh hồn vừa nằm xuống...

Một chiếc xe lướt qua mặt lộ kéo Linh về thực tại. Trời đã tạnh mưa, bầu trời trở nên quang đãng mọi người trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường. Linh nhòe dậy để tiếp tục cuộc bán hàng đang bỏ dở. Linh đi, đi mãi cho đến khi bóng nó khuất sau dãy phố. Văng vẳng đâu đây tiếng trẻ học bài đưa lại..

*Năm xưa tôi còn nhỏ,
Mẹ tôi đã qua đời,
Lần đầu tiên tôi hiểu...*

Bệnh ồn ào

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 16

Lê Xuân Bá (Y sĩ)

Trong giới học sinh chúng ta, ai ai cũng bị mắc phải một chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đó là bệnh ồn ào.

Bệnh này sinh ra bởi 1 loại vi trùng “kỵ im lặng” truyền từ mồm người này sang mồm người khác. Bệnh nhân sốt nặng có khi lên tới 38 độ, miệng nói lảm nhảm gào thét không biết mỗi, đồng thời sinh ra những biến chứng như: chọc người này, gheo người kia đánh lộn trong lớp, đập bàn ghế, chọc giáo sư...

Nhưng may thay, bệnh thần thì có thuốc thánh. Những học sinh nào mắc bệnh ồn ào chỉ cần đến vị “Đốc-tò” tổng

Văn, Truyện ngắn

giám thị. Vị này sẽ cho những thuốc trụ sinh như: tiêm nọc roi vào da, hoặc cho cấm túc vài ngày là vi trùng sẽ chết ngay. Muốn tránh bệnh, thì nên ở nơi thoáng khí, nghe lời “Đốc tò” tổng...

Quê hương yêu dấu

ƯỚC VONG, số 05, năm 1973, trang 19- 22

Ja Kathaot Panrang

Quê hương tôi đó, những mái nhà tranh nằm san sát trên một mô đất cao, gần con kinh mới, phía ngoài có lũy tre xanh với cánh đồng mênh mông. Từ xa trên quốc lộ nhìn về phương tây, khách chỉ thấy lộ lộ một vài nhà ngói đỏ chói dưới ánh nắng mai. Quê hương tôi không có gì đẹp lắm. Một quê nghèo sống nghề đồng áng. Nhưng đối với tôi như cả một lịch sử. Phải chăng đó là nơi chôn nhau, cắt rún. Nơi mà tôi cất tiếng khóc oe oe... Đầu tiên từ khi lọt khỏi lòng mẹ, khi vừa mở mắt chào đời và đã lớn lên trong vòng tay ấm cúng của mẹ thân yêu. Tôi đã nhận thấy, và đã thụ hưởng những gì của quê hương.

Tiếng gà gáy, khi bình minh vừa ló dạng. Những bác nông phu vai vác cuốc ra đi. Khi mọi nhà lên đèn mới trở về. Quanh năm suốt tháng phơi mình lên nắng cháy với một nghề lam lũ, nhưng chẳng than van.

Ngày ngày vào những buổi chiều trời tắt nắng. Tôi và Bếp, nắm tay nhau đi trên con đường dẫn ra đồng ruộng. Nhìn lúa xanh cuốn mình theo làn gió, trông giống như một tấm thảm. chạy đến các rạch khô nước, lội xuống mò bắt những con cá mắc cạn đem về nướng. Hít thở không khí trong sạch của buổi chiều.

Hoàng hôn buông xuống. Mọi vật nhuộm màu vàng úa, màu ly biệt của một ngày sắp dứt, trả lại đêm tối cho cuộc sống của côn trùng đang chờ đón. Đàng xa, Từng đàn cò trắng nhấp nhô bay ngược gió trở về chiều, như một bức sơn

thủy. Trên đường về, những câu mục đồng ngồi trên lưng trâu cất tiếng hát nghêu ngao. Tôi cảm thấy vui lây bởi tiếng hát. Không khí êm đềm vui thú.

Đến mùa lúa chín, cảnh vật mới nhộn nhịp làm sao. Chúng tôi tung tăng suốt ngày ngoài đồng, nhìn bác thợ làm việc. Mùa lúa chín thoảng hương thơm ngát. Đến đêm, họ ngồi tụ họp ngoài sân kể chuyện. Tiếng hỏi han chúc tụng mừng mùa lúa mới hòa trong tiếng họ đập lúa dưới ánh trăng. Tuy cực nhọc, nhưng mọi người được sống thanh bình và ấm cúng.

Nhưng tiếc thay! Thượng đế không cho họ sống mãi trong cảnh đó. Thế vào một đêm. Một đêm kinh hoàng nhất, và ghi sâu vào đầu óc của người dân hiền hòa, chất phác này không sao quên được. Tất cả đang say ngủ sau ngày mệt nhọc. Tiếng chó sủa liên hồi từ chòm trên vọng lại. Rồi nổ “ầm”... lên một tiếng vang dội giữa đêm vắng nghe đĩnh tai, nát óc, đất trời như muốn đảo lộn. Mọi người như vừa tỉnh cơn ác mộng khủng khiếp hoảng hốt kêu lên. Tiếp theo, hàng loạt tiếng súng xé tan bầu không khí yên lặng. Ngọn lửa đỏ rực bắt đầu bốc cháy. Cả nhà chui rúc vào hầm nhỏ, run lên cầm cập.

Sau một hồi yên lặng, tiếng súng thưa dần, tôi cố lắng tai nghe và lo sợ cho những người chung quanh, họ có được như chúng tôi chăng? Tiếng súng lại nổi lên mỗi lúc một gần, tiếng đạn rít trong không khí nghe rờn rợn. Mình tôi lạnh ngắt, mặt tái nhợt. Mọi người quẩn lấy nhau như sợi chỉ rối. Vì những tiếng nổ càng mãnh liệt thật gần, làm cho hầm chúng tôi như muốn vỡ tung. Tôi sờ sợ cho số kiếp mỏng manh, chỉ cần một quả đạn rơi vào là cả nhà bị tiêu diệt.

Tiếng súng mỗi lúc xa gần và im bật. Tôi khép tai vào khe cửa cố gắng nghe. Tiếng gà gáy hơi thở nhẹ nhõm. Mối hy vọng được sống đến với chúng tôi. Tiếng chân chạy thành thịch, tiếng khóc, tiếng rên rất rõ của nhà bên cạnh không xa lắm.

- Tôi nói: Có lẽ trời sáng và chúng rút đi hết rồi.

- Tất cả thở dài như vừa trút được gánh nặng trên vai,

chui khỏi hầm trú nhìn ra ngoài, trời sáng hẳn. Tôi là người đầu tiên trong nhà mở cánh cửa chạy đến phía có tiếng ồn. Mọi người đứng chung quanh giữa tiếng khóc, vẻ mặt buồn rầu, thất vọng. Chen giữa đám người, một thi hài nằm sóng sượt trên vũng máu mắt nhắm nghiền. Nhìn kĩ tôi hoảng hốt la lên... Đầu óc choáng váng, tim như ngưng đập, đứng mà ngất lịm chẳng biết gì, khi thấy người mẹ già đang ôm xác con gào khóc thảm thiết. Tình mẫu tử của người mẹ dâng lên tột độ. Bà chẳng còn biết gì hơn là tiếng khóc...

Đám tang được cử hành trong ngày, nghĩa trang lộ huyết đã được đào sẵn và thi hài người bạn trẻ thả xuống sâu trong lòng đất. Tự nhiên hai má tôi ướt đẫm những giọt lệ, khóc bạn thân yêu. Người đã cùng tôi chung sống trong những ngày dài êm ấm. Thế chỉ qua một đêm, một đêm thật ngắn ngủi, người đành ra đi không lời từ biệt cuối cùng; để qua một thế giới mới lạ. Đành chôn vùi tất cả niềm vui tuổi trẻ để lại sau nỗi buồn luyến tiếc của những người thân.

Hôm nay, nghĩa trang lại thêm một nấm mồ không cỏ, và một bà mẹ ngày đêm rơi lệ vì đã mất con.

Mới hôm qua, hai người nắm tay nhau đi trên con đường quen thuộc, ngồi trò chuyện bên đầu cầu, nhìn dòng nước chảy, thật không ngờ cuộc sống quá mỏng manh đến thế. Chỉ thoáng một đêm đã mất. Chẳng khác dòng nước trôi qua cầu chớp mắt. Phải chăng! Tâm linh đã báo trước, khiến hai người nhìn dòng nước để tâm sự lời cuối cùng. Vĩnh biệt từ nay. Biết rồi! Chẳng còn ai cùng tôi tung tăng nơi đồng ruộng. Đôi chim non đã rẽ lối, và trên con đường thân yêu đã mất bóng dáng người thân.

Đầu tôi nặng trĩu, óc miên man với bao ý nghĩ. Mỗi bước đi đều ngoảnh mặt, nhìn lại nắm mồ, như bỏ quên cái gì quý nhất trong đời. Phải tôi đã mất người bạn quý không bao giờ tìm thấy.

Ngoài trời, những đám mây đen trôi nhẹ lướt qua rán chiều vàng úa của ngày ly biệt, một cuộc đời đã chấm dứt./-

Văn, Truyện ngắn

Nỗi buồn tuổi đại

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 26- 27

Qua Thị Minh Nguyệt

Phượng chết...tiếng ve không còn ngân nga nữa...

Mùa hè đã qua rồi...

Ngày khai giảng đã hé nụ hồng trên vành môi cô học trò bé bỏng đi ngang qua cổng nhà. Sương đêm còn đọng thưa dưới cỏ, phản chiếu ánh sáng mặt trời lấp lánh như muôn ngàn hạt kim cương giữa khung cảnh thu êm ả và gợi nhớ. Tôi ngần ngại đi qua cổng trường cũ, một hình ảnh ngày xưa sống dậy trong tiềm thức tôi.

Phải! Tôi đã nhớ những ngày còn bé được mẹ dẫn đến trường lần đầu tiên cách đây không lâu lắm, nhưng đối với tôi như một thế kỷ dài.

Bảy tám năm rồi còn gì...

Tuổi đại đã qua đi như chiếc lá trong gió, tôi đã sống trong đó những tuổi khờ dại dột. Tôi không biết đó là một thiên đàng bé nhỏ của tuổi đại, đã cho tôi những bài thơ kỷ niệm hôm nay. Hình ảnh cô bé học trò cắp vở hai buổi đến trường làng nhỏ... nhảy cò cò, đánh đu... thoáng qua óc tôi như gió lạnh mùa đông chợt vụt qua sống trong một chốc lát.

Tay xách va li tôi băng qua đường, không phải? Tôi đã băng qua một cuộc đời mới, mở hành trang là chiếc va li nhỏ này, có lẽ nó là một mớ chữ mà tôi đã lượm được ở ngôi trường cũ mấy năm nay. Tà áo trắng nữ sinh bay trên đường phố. Hình ảnh một vùng trời xa lạ sẽ đến với tôi trong nay mai. Nỗi lo âu thoáng hiện trong tầm mắt ngôi trường mới, thầy cô mới, bạn bè mới...tất cả cái gì cũng hoàn toàn mới cả.

Tôi bước vào cổng trường, hàng nghìn con mắt tinh nghịch nhìn tôi chăm chú. Tôi cúi đầu bước đi thẹn thùng vào một phòng nhỏ bé... Lớp học đây rồi! Tôi ngẩng đầu lên, cả lớp cười ồ...

Tôi liếc nhanh...Quái! Không có nữ sinh! Tôi ngồi một

Văn, Truyện ngắn

mình ở bàn đầu...và cứ như thế những ngày nối tiếp buồn tẻ...khó chịu...

Nhiều đêm vắt tay ngang trán suy nghĩ. Tôi cảm thấy mình cô đơn thật nhiều, tuy nhiên sự sinh hoạt trong nội trú cũng gây hứng thú chút ít trong tôi. Và từ đấy tôi cảm thấy lòng mình như hăng say lên giữa thế giới kỳ lạ này (lớp học của tôi) chắc tôi là một loài hoa mới... Cố vươn lên để nhả mùi thơm tô thắm khung trời mới...

Một mùa thu

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 36 - 37

Qua Thị Minh Nguyệt

Bây giờ là mùa thu, mùa hạ qua rồi quê tôi không còn là những nắng lửa nồng nàn, dữ dội và cát bụi bay mịt mù. mùa thu về mang theo lá vàng rơi, và nỗi nhớ nhung bay bồng bồng trên con đường đất nghèo nàn của quê mẹ, hai bên đường hàng cây trụi lá ôm kín nỗi phiền muộn của tuổi học trò bắt đầu chập chững lá thư e ấp.

Mùa thu tới gợi cho tôi nhớ tới ngày khai giảng, mùa tay bắt mặt mừng của đời học sinh trẻ đẹp. Nhưng mùa thu năm nay thì khác hẳn, tôi không còn lê bước trên con đường sỏi đá dẫn đến trường mà tôi đã đi mấy mùa thu trước. Mùa thu năm nay tôi phải giã từ quê nghèo và mẹ già để lên tỉnh học.

Chiều hôm ấy, tôi nhìn thật đắm chiêu những hàng cây phượng vĩ trong sân trường, trong vườn ở sau nhà có khóm chuối và cây mận thường kết trái vào mùa hạ. Khi đang bước trên đám cỏ tươi tôi chợt thấy bóng mình in trên mặt ao nét mặt buồn rầu, u-não...Tôi cảm thấy lạnh lẽo thoáng qua hồn trong chốc lát làm tôi rướm rướm nước mắt.

Một con cá nổi lên đớp bèo rồi lặn mất: Tôi xót xa. Thế là hết. Ngày mai tôi phải giã từ tất cả gì yêu dấu, vòng tay êm ái của mẹ già, bạn bè mấy đứa dễ thương, còn đâu

Văn, Truyện ngắn

những ngày êm ấm cũ. Nơi xứ lạ thân gái dặm trường có biết ra sao? Ngôi trường cũ mái rêu phong đợi mùa hè qua để tìm chút hơi ấm của người học trò. Và bây giờ người học trò già từ trước khi cổng trường mở rộng.

Sáng hôm sau khi tôi thức dậy thì hành lý của tôi được xếp gọn trong valy nhỏ bởi bàn tay dịu hiền của mẹ. Nhìn những đứa em thơ ngây nhìn mình như muốn thu hút hình ảnh người chị của ngày nào gần gũi, bất chợt tôi òa khóc, mẹ cũng khóc, các em tôi cũng khóc.

Ôi phút chia ly sao ngậm ngùi đến thế! Bước chân ra khỏi nhà, bước tôi như ai níu lại. Tôi nhìn lần cuối mái gia đình rồi theo các bạn ra bến xe.

Xe bắt đầu chuyển... Tôi vẫy tay thật nhẹ.. như xót xa, như luyến tiếc...

Xa xa tôi vẫn trông thấy những mái nhà tranh, ẩn hiện sau bóng dừa ở đầu làng, những buồng cau chen chúc nhau lên nền trời xanh...làm tôi cảm thấy nghẹn ngào...

Mùa thu vẫn chờ tôi về phương trời thương nhớ....

Hối hận

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 38 - 41

Phú Trạm

*Chiều hôm ấy chiều thê lương buồn bã
Tôi thần thờ đưa tiễn đám tang mẹ
Xót xa đau, đôi giòng lệ tràn trề
Than thân phận éo le đời bất hạnh.*

Mặt trời đã khuất dạng từ lâu, chỉ đọng lại và tia nắng vàng nhẹ vương trên thành phố. Với gánh nước trên vai, Tâm khệ nệ lê bước trên ngõ hẻm với hy vọng sẽ đến nhà đi Hai trước khi trời tối. Nhưng hỡi ôi! Chàng trai bất hạnh này đã thất vọng vì đường còn dài mà hai vai chàng đã mệt mỏi rã rời. Không thể cố gắng được nữa, Tâm nhẹ đặt thùng

nước xuống và vôi ngã lưng trên thành tường để trút bớt cái nặng nhọc vừa qua. Tâm còn nhớ rõ lời mắng của dì Hai: “Đồ vô ơn, cái tướng của mày là cái tướng của kẻ đi ngủ đầu đường xó chợ, mà cướp bóc, chớ có ích lợi cái gì đâu? Số của mày được vào nhà này là cái phúc của mày lắm đó.” Má tôi dòng lệ sau tràn. Chàng luyến tiếc thời gia vàng ngọc đã sớm đi về dĩ vãng.

Hôm ấy, vào buổi sáng tinh sương, mặt trời vừa ló dạng, ánh nắng ban mai rực rỡ xuyên qua những cành lá lúa thưa như chào đón mùa thu với vài chiếc lá vàng rơi lả tả. Cũng như mấy đứa khác, khi lấy được bằng tiểu học rồi, Tâm rời làng quê yêu dấu ra tỉnh học. Vì mới bước chân vào trường trung học, nhất là trường tỉnh, nên chàng vừa bỡ ngỡ vừa bán khoăn. Vốn là người con có hiếu nên việc học của chàng không cần đến sự lo lắng của mẹ mà thành tích hằng tháng chàng vẫn vượt bạn bè.

Nhưng mùa đông hôm ấy, mùa đông lạnh lẽo với luồng gió buốt da người. Tâm đang vội vàng rào bước để kịp giờ vào lớp thì kịp có tiếng gọi:

- Ê, Tâm, Tâm! làm gì mà vội thế, chờ bọn tao đi với.

Tâm dừng chân lại, đó là tiếng của Hùng, người bạn cùng lớp với chàng, nhưng tánh Hùng ngang tàng, trong lớp hay khuấy cô, giỡn bạn. Vừa gọi, Hùng vội kéo mấy người nữa chạy đến phía Tâm rồi đằng hắng:

- Làm gì mà vội thế! hôm nay mày nghỉ đi để coi ciné với tụi tao.

Thấy Tâm nghĩ ngợi, chàng vội dục:

- Được không? Hôm nay phim hay hết xẩy, mày bỏ qua là uổng lắm đó.

Tâm tần ngần trước những lời thúc dục của bạn chàng liên tưởng đến những lời khuyên của mẹ: “Rán học nghe con, rồi tết đến mẹ sẽ làm bánh cho con ăn đừng có chơi bời như thằng Hùng, Tấn đó nghe.” Nhưng với một sức gì thúc đẩy, chàng đành nhận lời.

Ừ, đi thì đi.

Từ đó Tâm ra chơi bời, lêu lổng. Ngày học ngày không

nên bị nhà trường sa thải...

Tâm bỏ học đã hơn hai tháng, nhưng bà Năm, mẹ chàng có biết đâu, suốt ngày bà vẫn ra chợ kiếm ít lời để gửi cho đứa con yêu dấu...

Hôm ấy, như thường lệ, với gánh hàng trên vai; bà Năm tần ngần trước cửa, linh tính như báo trước một việc gì chẳng lành xảy đến với bà. Bà phân vân, rồi cuối cùng gánh hàng ra đi. Nhưng bước chân ra khỏi cổng, một câu bé hơi quen với dáng ngạc nhiên chặn bà lại hỏi:

- Tâm nó bệnh sao mà mấy tháng không đi học hở bà?

Bà Năm trợn đôi mắt nhìn thẳng bé, ngạc nhiên hỏi lại:

- Mày nói sao? Tâm...con già bỏ học hả?

- Dạ, con không thấy nó đi học.

Thế rồi không hỏi han đứa bé gì nữa; bà Năm có vẻ loạng choạng; khệ nệ rảo bước về nhà...

Từ ngày nghe tin ấy, bà Năm thường than van cho đời mình, bà chẳng thiết ăn uống nữa...

Thế rồi một buổi chiều khi bóng đêm vừa phủ xuống, trên giường tre đã mục, bà Năm chưa được trối lời cuối cùng với đứa con yêu dấu, thì bà vội trút hơi thở cuối cùng...

Nghe tin, Tâm vội trở về quê, nhưng xác hiện mẫu của nó đã được đặt gọn trong quan tài. Chàng tần ngần đến gần...gần nữa...rồi gục lên quan tài mặc cho đôi giòn lệ sầu tràn...

Chiều hôm ấy...

Chiều thê lương...

Chiều buồn bã...

Một buổi chiều nói lên sự mất hạnh phúc trọn vẹn của đời Tâm. Chàng buồn bã bên một mẹ khóc nước mắt: “Mẹ ơi!...Con đã hối hận!...hối hận.”

Tiếng gõ mở, tụng kinh của vị sư già vẫn đều đều ngân nga để đưa hồn bà Năm vào cõi khác...

"Con quỉ ơi! Trời còn sớm lắm hả mà mà còn đó? Bộ nặng lắm sao?"

Tiếng quát của dì Hai kéo Tâm về thực tại. Tâm vội vã đặt đòn gánh lên vai mà tâm tư xáo trộn cho những sự hối hận tràn trề./-

Lời cuối cho Pô Klong

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 45 - 47

Nguyễn Thị Quý

Pô Klong ơi... Pô Klong biết không?

Hồi sáng lúc ta mang vở về với mi, tình cờ một cơn gió thoảng qua ta khẽ rùng mình vì hơi lạnh lạnh, vài cánh hoa sắc thắm, nhẹ nhàng theo gió rơi xuống và đậu trên thảm cỏ khô. Tự dưng ta thấy buồn ghê Pô Klong ạ, dường như nó muốn nói chuyện với ta. Không, màu hoa ấy muốn nhắc ta là “sắp sang mùa hạ” Pô Klong ơi! Hè sắp về rồi đó. Cũng chín mười ngày như mọi năm nhưng sao ta sợ quá. Phải rồi, ta sẽ mất mi. Pô Klong ơi, ta muốn ôm trọn mi suốt đời...nhưng ai cho phép ta làm thế nhỉ ? Không ai cả...chỉ mỗi mẹ ta, ta không còn xoay sở cách nào để được gần mi - vì gia đình ta không đủ điều kiện Pô Klong hiểu ta chưa...thông cảm ta chưa?

Rồi một ngày nào đó ta xa mi. Chúng mình cách biệt nhau, mi sẽ nhớ gì, nhớ gì về ta, về một bé gái Việt nằm trọn trong một thời gian trước đó. Pô Klong vẫn thương ta như ngày hôm nay và thỉnh thoảng tên ta được nhắc lại như nỗi tiếc hay mi sẽ quên ta trong một sớm, một chiều hờ Pô Klong. Ta tin mi chẳng chóng quên như thế đâu.

Pô Klong còn nhớ buổi chiều hôm nào chứ? Hai đứa ngồi bên nhau với những tâm tình vụn vặt, ta kể cho Pô Klong nghe câu chuyện vô tình - Pô Klong có giận ta nhưng vẫn cười che dấu! đừng nhá! Ta vẫn thương nhớ mi như đã có lần ta nói. Pô Klong ơi, đáng lẽ ta về lúc chuông reo nhưng ta không thích, vì chiều nay khơi cho ta buồn xa cách.

Đã 4 năm - 4 năm gần gũi rồi ta còn giây phút cuối đó

Pô Klong...Nắng từng vũng nhỏ đậu lại trên hàng dương trước mặt, nắng đan từng sợi yếu mềm như ngỏ lời mời gọi...“ở lại” vâng ta ngồi lại với mi. Mi vui chứ? Chiều quá đổi nên thơ, nên thi sĩ bao giờ cũng ca tụng. Ước gì ta là thi sĩ sẽ không bỏ lỡ phút giây này. Gió thật nhẹ ru từng phiến lá buồn vui, ngủ đi cây lá vào chiều. Chiều nay đã ghi khắc hình hài mi và ta, một bức hình không thể nhạt phai. Ta mong mỗi thời gian dừng lại để chúng mình....mãi mãi bên nhau. Không! Chỉ có phút giây thôi, Pô Klong ạ.

Pô Klong ơi! mi hiền hòa và dễ thương lắm đấy ngoài ta ra mi đã an ủi bao nhiêu người...bất hạnh. Cảm ơn. Xin cảm ơn mi cho ta niềm vui sống. Mi có biết ta tin về mi không..."Tôi oán về buổi học, một buổi học qua rồi nhưng vẫn khơi lại trong tiềm thức thật ra tôi an phận, muốn xa lánh...bọn đồng môn. Tôi học kém lắm, chỉ Pô Klong hiểu nhiều về tôi, tôi không được nội trú như các bạn, tôi không tổ hợp để học bài...bãi trường ca con đường chỉ một mình tôi lê bước, tôi ra về không quay lại để chào Pô Klong... hẹn ngày mai. Pô Klong ơi...Những bạn của ta họ chẳng thông cảm được ta. Mi biết không...và còn nhớ chứ, “ta bị riều...ném đá, quăng giầy...” có lần buồn ta khóc. Ta không chống được thái độ vô ý thức ấy vì ở đây ta giống như nai con lạc vào thành phố chỉ có nước mắt làm rơi đi phần nào tủi phận. Ta vẫn dựa vào mi... “Tôi dựa vào người nó...mà khóc. Khóc chi nhỉ? - Nỗi buồn tủi dâng lên cuộn cuộn, tôi cảm hờn khi...có hành động như xua đuổi tôi, trước mặt thầy.” Thầy không nói gì hơn ngoài câu an ủi “Hãy thương nó như thương chính mình. thiếu số trong thiếu số” có chừng ấy thôi hờ thầy - Vâng, dù sao thầy cũng còn dành cho con chút thông cảm.

Pô Klong thương mến ơi! Chiều xuống thật rồi, Pô Klong ạ. Vài tia nắng vàng hoe còn sót lại cũng đủ cho mơ được nụ cười tiễn đưa thay lời từ giã...Ta về nhé Pô Klong.

Tôi về với đêm chờ chực, cạnh sách vở bài học cho ngày mai...Tôi vội vàng chép lại phút giây này để đời đời Pô Klong là của ta.

Văn, Truyện ngắn

Bây chừ...Pô Klong làm gì ở đó?
Tôi thấy thương thương vọng lại khi nghĩ đến cuộc chia
tay...
gác trọ về đêm./-

Nguyễn Thị Quý

Quê hương tôi

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 48 - 50

Thập Liên Trường

*“Chiều chiều ra đứng bờ ao,
Nhớ về quê mẹ ruột đau chín chiều”*
Ca-dao

Đêm đã khuya, phòng nội trú đen tối và tĩnh-mịch, các bạn tôi đang say sưa trong giấc ngủ, riêng tôi hãy còn thức giấc. Trong không khí yên lặng, không một âm thanh nào vang động, ngoài tiếng vo ve của loài muỗi bay tìm chất sống. Trên nền trời đen và cao thăm thẳm, không một vì sao nào lẠc loài như mọi đêm. Xa xa vài điểm sáng của loài đom đóm bay chập chờn trong đêm.

Keng...keng...Từ xa vọng lại những tiếng keng sang canh của người chiến sĩ, đang thốn thức như tôi để trấn an cho quê mẹ, nhưng tâm trạng tôi lại khác hẳn, giờ đây tôi chưa góp tay vào một việc gì cho xã hội nhờ cả. Hàng ngày tôi chỉ miệt mài trên ghế dài của nhà trường để theo đuổi một con đường duy nhất của thời thơ ấu.

Gió đêm hè thoảng qua lành lạnh mang theo cả một làn hương dịu dàng của hoa dạ lý trong châu kiểng ngoài sân. Tôi kéo áo lên tới cổ, cố ru hồn theo giấc ngủ.

Đoàng...đoàng...những tiếng nổ bất chợt vọng về từ một

hương nào đó, như cố xé tan màn đêm dày đặc. Các bạn tôi vẫn đang say giấc. Lơ lửng trên không, những đóm hỏa châu tỏa sáng, tôi thì thào - Có giấc rồi, giấc...rồi im bật, không nói nữa, mặc cho lời nói bỏ lửng, đoạn úp mặt vào gối, nghĩ vẫn vợ:

- Quê mẹ ơi, sao giữa canh thâu như vậy mà họ nữ lòng sang quá phá, quê mẹ có tội tình chi. Nhiều câu hỏi trong trí tôi lộ ra, bắt buộc tôi phải trả lời, than ôi! Trả lời gì được, quê hương mình, hằng đêm từng nghe tiếng súng, mảnh đất thân yêu khốn khổ được cày bởi dẫu bom.

Quê mẹ ơi, sao quê mẹ không thái bình như năm nào, để mỗi độ xuân về, tết đến, quê hương ta hòa lên một đại bản “đượm tình quê hương” cho quê mẹ được yên lòng. Sao? Sao quê mẹ không thái bình như năm nào để con khỏi khiếp sợ giữa đêm thâu, trong cư xá tối om như vậy.

Ngoài kia, hỏa châu vẫn còn cháy sáng, từng loạt đạn liên thanh lạc loài bay lên không trung như là loạt pháo thăng thiên trong đêm hội hè. Đồi giòng lệ từ từ trào ra khỏi mí.

- Vâng, tôi khóc, tôi muốn khóc thật nhiều cho quê mẹ ngừng đau khổ. Quê mẹ ơi, quê mẹ có thấu chăng sao im lìm thế?...

Thượng đế ơi, xin Thượng đế ban cho bằng phép nhiệm mầu để con cứu vãn quê hương con ra chốn tù đầy của chiến tranh.

Thượng đế có thấu chăng? Chiến tranh yêu quê hương con không một lần ly dị, chiến tranh yêu quê hương như một tình thương chung thủy, như tình “mẫu tử” mà người mẹ dành cho con, dạt dào như lòng thái bình dương.

- Vâng, đó là tất cả những gì mà chiến tranh yêu quê hương tôi.

Chiến tranh ơi, mi hãy đi đi! Ta van mi đừng gieo rắc gì vào quê hương ta nữa, hãy để cho quê mẹ ta yên, để cho ta được nghe thấy trong những đêm trăng ngày mùa, từng giọng hát hòa nhịp với tiếng chày êm ấm như ngày xưa.

Một lần nữa, chiến tranh ơi, đừng yêu quê ta đừng thủ

Văn, Truyện ngắn

thủ với quê hương ta nữa, hãy ly dị đi, ta không nuốt tiếc mi
đâu...mi hãy đi đi, đừng ngoảnh mặt nhìn lại...

Bao nhiêu năm nhà tan cửa nát.

Bao nhiêu năm xác Việt phơi khô.

Chiến tranh gieo rắc mặc cảm cho từng nhà Việt Nam, của cảnh mẹ xa con, vợ lìa chồng, anh em bạn bè chia cách, đưa chân trời, đưa thị thành đổ nát, đưa ở thôn làng quanh hiu, không một lần sum họp. Đấy quê hương tôi là thế đấy. Giờ đã sang canh, đồng hồ thả buông hai tiếng. Khuya. Tôi kéo mền trùm kín cổ hình hài trong giấc ngủ đầy kinh hoàng của quê hương./-

9. Phỏng vấn

Phỏng vấn I

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 105-111

Ban Báo Chí

Trong mục này chúng tôi sẽ thăm dò dư luận để tìm hiểu những vấn đề liên quan đến văn hóa xã hội. Trong số tập san đầu tiên, “ƯỚC VỌNG” muốn tìm hiểu những quan điểm và cảm nghĩ của mọi giới về : Thực trạng xã hội Chàm hiện tại qua ba câu hỏi dưới đây:

- 1) Xin quý vị cho biết cảm nghĩ của quý vị đối với giới học sinh, thanh niên và giới đàn anh về vấn đề *thiện chí xã hội*?
- 2) Quý vị nghĩ thế nào về thực trạng xã hội Chàm hiện tại?
- 3) Theo quý vị, chúng ta phải làm thế nào để *xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn*?

Ngụy Văn Nhuận (Sinh viên Văn khoa)

1.- Giới học sinh có vẻ thích hoạt động hơn các giới khác, nhưng kết quả chưa được mỹ mãn, vì thiếu sự tổ chức đoàn thể (như đoàn thanh-sinh-công, gia đình Phật Tử chẳng hạn). Nếu giới trẻ này biết khếp mình vào một đoàn thể có kỷ luật, tôi tin chắc rằng họ sẽ là những cán bộ có khả năng và đặc lực nhất trong công cuộc xây dựng một xã hội lành mạnh và tiến bộ. Tôi lấy làm thắc mắc tại sao chính quyền địa phương chưa nghĩ đến việc “khai thác” lực lượng trẻ trung và hăng hái này vào những việc lợi ích của xã hội, như bài trừ nạn mê tín dị đoan, phổ biến các vệ sinh thường thức, khuyến khích những công tác xây dựng rất cần thiết v.v.. và

Phỏng vấn

v.v... Đối với hai giới kia thì tôi hơi bị quan: giới thanh niên là giới cầu an, giới đàn anh là giới cầu... lợi.

2,- Xã hội Chàm bây giờ (tôi muốn đề cập đến người Chàm Ninh Thuận mà thôi) có phần xáo trộn hơn lúc trước. Tôi cho đó là một việc rất tự nhiên và tôi không bao giờ bị quan về việc này. Theo tôi hiểu, nạn mê tín dị đoan cùng những tập tục cúng quẩy cổ xưa quá nặng nề vẫn còn nguyên đó, năm 1968 cũng không khác với năm 1948. Hơn nữa, tình trạng chiến tranh làm cho thang giá trị hoàn toàn đảo lộn, tôn ti trật tự ở thôn ấp không còn nữa. Rồi từ năm 1956 đến 1968, những ấp Chàm không còn cùng thuộc một quận hành chánh như trước nữa, mà thuộc đến 3 quận. Vì vậy nhiều ấp Chàm rồi ren thường trực, bắt nguồn từ tôn giáo thiếu vị lãnh đạo. Đó là 3 nguyên do chính tạo nên sự xáo trộn xã hội Chàm hiện tại.

3,- Muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, theo ý tôi không phải là một việc nan giải. Xã hội Chàm là một xã hội quá chậm tiến và chưa theo kịp xã hội người Kinh được. Vì vậy các ấp Chàm tốt hơn là cùng một quân hành chánh để dễ bề áp dụng những nguyên tắc cai trị “đặc biệt” cho dân chậm tiến. Vị quận trưởng gốc Chàm phải là người am hiểu phong tục tập quán của sắc dân, có uy tín và quyền hạn rộng rãi (kiêm nhiệm chánh án tòa án phong tục). Bên cạnh vị quận trưởng phải, có một hội đồng cố vấn phong tục để giúp vị quận trưởng làm cách mạng canh tân xã hội một cách tốt đẹp và hiệu quả. Được thế, tôi tin là mầm móng chia rẽ cũng sẽ tẩy xóa êm đẹp.

Thiên Thiện (chủ tịch ủy ban hành chánh xã)

Xã hội Chàm bây giờ cũng có được 1/2 người ý thức sự tiến bộ. Thanh niên học sinh cũng biết nghĩ đến tương lai xã hội một cách thành thật, tuy còn một số ít (khoảng 1/3) vì hoàn cảnh gia đình, nên chưa ý thức rõ ràng lắm. Thanh

Phỏng vấn

niên học sinh nên sống có đoàn thể (như đoàn hướng đạo chẳng hạn) để có một sự sinh hoạt chung hầu được nhiều cơ hội học hỏi lẫn nhau. Giới đàn anh chỉ mong ở giới đàn trẻ mà thôi.

Thực trạng xã hội Chàm hiện nay chưa được tốt đẹp lắm; còn có nhiều tệ đoan cũng như mê tín dị đoan. Thêm vào đó chúng ta lại chưa đoàn kết chặt chẽ, nên khó xây dựng một cách có hiệu quả.

Xã hội tiến hay lùi là do ở giới trẻ nhiều hơn, vì giới trẻ có nhiều lý tưởng, và hăng say phục vụ hơn bất cứ giới nào hết. Vậy các bạn trẻ phải ý thức việc đó để lôi kéo mấy người còn hôn mê. Việc quan trọng nhất là làm sao tạo được sự đoàn kết: có đoàn kết mới mong xây dựng cho xã hội tiến bộ được.

Thập Văn Thơ (giáo viên)

Học sinh bây giờ ít chăm học hơn hồi trước; có người thích làm công tác xã hội, nhưng phần đông thì ham chơi đùa hơn.

Xã hội ngày mai là mong ở các người trai trẻ ngày nay. Mấy em học sinh, sinh viên có chăm chỉ học tập bây giờ mới hy vọng đem lại lợi ích cho xã hội chúng ta. Tôi không hiểu tại sao sinh viên, học sinh, thanh niên, lại ít học Chàm ngữ.

Thành Ngọc Liên (cán bộ D.Y.V)

1. Theo ý tôi xã hội nào cũng có người tốt; kẻ xấu; có người biết lo cho tương lai xã hội, có người chỉ biết tìm cách trục lợi cho cá nhân mình. Ở xã hội chúng ta những người hoàn toàn thiện chí không ham quyền lợi thì rất ít (có thể tin tưởng ở giới trẻ mà thôi); nhưng những người mong ước sông cho xã hội mau tiến cũng khá nhiều (ước chừng có

Phỏng vấn

đến 70%). Phần ít còn lại là những người có vẻ cũ kỹ, không thích đổi mới, và cũng có một ít người có óc cầu tiến nhưng lại muốn đi riêng để lấy lòng đồng bào...

2. Thực trạng xã hội Chàm hiện tại không có gì đáng làm vui cho lắm. Ngoài sự hiềm khích nhỏ nhen nhưng dai dẳng ấy ra, những cổ tục còn quá nặng nề, và tệ đoan xã hội lại làm cho chúng ta tiến giậm lùi.

3. Theo tôi muốn cho xã hội tiến thì phải cấp tốc lo chấn hưng những tập tục lại để khỏi rơi vào vòng mê tín dị đoan như hiện tại. Ví dụ những “Đám lễ cắt tóc” “Đám cưới” “Đám tang” người Chàm quá nặng nề. Để bớt tốn kém vô ích, tôi xin đề nghị “giản dị hóa” đến mức tối đa, nghĩa là chỉ ăn uống 1 buổi lễ chính mà thôi chứ không phải mời cả làng xóm đến ăn trong 3 ngày liền như hiện làm. Muốn thực hiện cho chu đáo việc trên, thì mỗi ấp nên thành lập một “Ủy ban chấn hưng phong tục” gồm có đại diện những họ như họ Pô Ramê, họ... Những người đại diện đó sẽ tổ chức những thí điểm; tôi chắc rằng sẽ tránh được rất nhiều dư luận xuyên tạc, bài bác và sẽ có nhiều người bắt chước làm theo vì quá tiện lợi và không hại gì đến thuần phong mỹ tục của chúng ta cả. Điều kiện tiên quyết để thành công là phải có chính quyền xã ấp sáng suốt, biết lo cho dân đứng ra khuyến khích, bảo trợ và hướng dẫn công việc xây dựng xã hội như đã nói ở trên.

Mã Thanh Lâm (huấn sự thú y)

1. Nói về thiện chí xã hội thuần túy, nghĩa là không vì chức vị hay quyền lợi nào khác, thật tôi hơi bi quan một tí. Tôi thấy rất ít người có thể tin được. Nói chung về đàn anh và thanh niên tôi nghi ngờ lắm. Phần đông chỉ muốn sống ích kỷ mà thôi. Nếu có thiện chí thì chỉ có giới học sinh đáng cho chúng ta tin tưởng hơn, nhưng các em học sinh lại sống dưới sự kiểm chế của cha mẹ, vả lại các em cũng có

Phỏng vấn

phần ham chơi theo thời đại bây giờ hơn là nghĩ đến chuyện xã hội.

2. Xã hội Chăm hiện tại có phần xáo trộn hơn mấy năm về trước, chắc có nhiều lý do, nhưng theo tôi nghĩ lý do chính là vì phe nhóm. Về sinh hoạt tinh thần, tôi có cảm tưởng là xã hội Chăm đang sống “dật lùi”.

3. Trước kia xã hội có trật tự hơn là nhờ ở tôn ti: kính trên nhường dưới. Bây giờ ở thôn ấp, ít nhất là ở ấp tôi, tôi có cảm tưởng là ai cũng lớn cả, chẳng ai muốn nghe ai, nhất là địa hạt phong tục, mà sinh hoạt phong tục là sinh hoạt chính của xã hội Chăm. Vì thế cho nên mới, có sự rối ren thường trực khó giải quyết một cách dứt khoát được.

Theo ý riêng tôi phải có một vị quận trưởng am hiểu nhiều về phong tục, tôn giáo Chăm có uy tín và quyền lực mới tái lập tôn ti trật tự lại dễ dàng như thời cổ quận trưởng Dương Tấn Phát. Muốn như thế, lẽ dĩ nhiên tất cả người Chăm phải cùng thuộc quận hành chánh như lúc trước.

Châu Văn Kên (giáo viên)

- Về thiện chí xã hội có nhiều công tác của các em học sinh đáng khích lệ. Tôi đồng ý với mấy vị chủ trương làm công tác xã hội để đem lại lợi ích cho đồng bào thôn xóm. Nói chung, các giới, cũng có rất nhiều người ý thức xây dựng xã hội chỉ có giới bô lão thường ngăn chặn con đường tiến bộ của thanh niên, sinh viên, học sinh. Tuy nhiên, giới trẻ cũng vẫn thành công trong sự khó khăn (về hành động cũng như về xử thế)

- Tình trạng xã hội hiện tại không được tốt như ý muốn, chỉ vì có quá nhiều hiềm khích, chia rẽ.

- Muốn cho xã hội tốt đẹp, việc đầu tiên là chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ với nhau; đoàn kết giữa cá nhân với cá nhân, địa phương với địa phương và tôn giáo với tôn giáo.

Phỏng vấn

Chúng ta phải đặt xã hội lên trên tất cả (cá nhân, địa phương, tôn giáo). Có như vậy chúng ta mới tiến được.

Vạn Thanh Bình (nhân viên thanh niên)

Mỗi cá nhân là một thế giới, riêng biệt và cảm nghĩ là một vũ trụ biến đổi của trạng thái. Nếu biết kết hợp với nhau trong lập trường tôn trọng nguyên tắc “Nhị bất đồng” hầu tìm một lý tưởng xây dựng, thiết tưởng không thể sai biệt ý hướng và tinh thần hòa đồng.

Nếu chúng ta mà chế cái sau, cái sau thế nào cũng khá hơn. Đàn anh đi trước đã vấp phải nhiều cái thương tình của xã hội, vì đàn anh đã trưởng thành trong mục nát của xã hội trước, thiếu nghị lực của cảm hóa, dung hòa kết nạp. Chỉ có khả năng khổ sở, cố chấp đố kỵ và bạo động.

Anh em chúng ta nên để các đàn anh đi vào dĩ vãng và hưởng tiến cùng niềm ưu tư của chúng ta, là xây dựng cho xã hội thế hệ hiện tại và tương lai.

Anh em chúng ta nên cố gắng tôn trọng cái tương điều hòa thay vì nghi ngờ, cố chấp hẹp hòi thương tình của thế nhân, làm thương tổn đến cá nhân đồng loại.

Mà chúng ta phải:

- 1.- Lấy thiện chí làm phương châm
- 2.- Lấy cảm hóa làm mục đích
- 3.- Lấy công tác xã hội làm chủ trương
- 4.- Lấy xây dựng làm lập trường.

Anh em chúng ta không thể quan niệm là những đấu thủ trên sân bóng, mà ý thắng chỉ nghĩ đến hội nhà, nhưng chúng ta phải nghĩ đến quyền của xã hội.

Phải thành khẩn mà nhận rằng, xã hội chúng ta ngày

Phỏng vấn

nay 80% hoàn toàn lui vào cõi thần thánh xa xưa, ràng buộc bởi cổ tục phức tạp, 15% hưởng ứng theo mới, trong tình trạng dò dẫm, 5% có ý thức theo mới, nhưng thiếu hẳn động cơ thúc đẩy, điều kiện hưởng dẫn và sự dư luận.

Chính sách đề nghị :

- Phải đặt lại Pháp Chế Phong Tục
- Xét lại chế độ Mẫu Hệ
- Hoàn toàn theo mới
- Thống nhất ngày tháng
- Xin phép thành lập Hiệp Hội Thanh Thiếu Niên Thiện Chí.
- Thống nhất ý hướng, đoàn kết tôn giáo.

Phỏng vấn II

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 57 - 67

Thầy Hiệu Trưởng

Một buổi chiều nắng đẹp, chúng tôi 4 đứa lãnh nhiệm vụ của Ban Báo Chí đi phỏng vấn các Giáo Sư.

Chúng tôi vào căn phòng hiệu trưởng, mặc dầu quá ư bận rộn công việc, nhưng với nụ cười cởi mở, thầy đã hỏi chúng tôi:

- Các em hỏi gì đó?
- Dạ, chúng em, Ban Báo Chí muốn phỏng vấn thầy một vài điều để viết báo.
- Được, được, mặc dầu thầy đang bận, nhưng các em cứ hỏi đi.

Chúng tôi yên tâm mở đầu.

H. Xin thầy vui lòng cho biết về dự án phát triển trường trong những năm sắp tới?

Đ. Dự án phát triển trường trong những năm sắp tới có

Phỏng vấn

liên quan mật thiết đến năm nay. Trường sẽ tiếp tục những dự án xây cất chưa được thực hiện trong niên học này.

Trong niên khóa 1972 - 73 nhà trường đã dốc toàn lực vận động xây cất những phòng ốc cung ứng cho niên học hiện tại và cho những năm sắp tới: đầu niên học vì thiếu phòng, học sinh phải tạm học ở Trung Tâm Văn Hóa Chàm, nhưng hai tháng sau nhà trường đã hoàn tất 3 phòng mới, có thể dùng làm hội trường trong tương lai nữa. Ngân khoản xây cất do Hội Phụ Huynh đài thọ. Vào đệ nhị bán niên, qua sự vận động của ông dân biểu địa phương, nhà trường đã được số tiền ủy ngân là 4 triệu rưỡi, và hiện đang xây cất 5 phòng lầu và 2 cầu thang, dự định khánh thành vào tháng 7 năm 1973.

Như vậy, trong hai năm tới, trường sẽ không thiếu phòng học và chỉ lo vận động xây phòng thí nghiệm và tư thất hiệu trưởng.

H. Thưa thầy, trong niên khóa 1973 - 74, trường chúng ta có định mở thêm lớp 10 không? Nếu không thì học sinh lớp 9 năm nay có được vào trường Duy Tân trong niên khóa tới không?

Đ. Vấn đề xin mở lớp 10, nhà trường đang làm thủ tục xin mở 2 lớp 10 (ban A và B) cho niên khóa 73 - 74. Theo nguyên tắc khi một trường có 2 lớp 9 thì được xét cho mở 2 lớp 10 với điều kiện là trường sở quan có đủ phòng và đủ giáo sư. Về phòng ốc thì chúng ta đã có đầy đủ, về giáo sư thì chúng ta sẽ mời giáo sư Duy Tân phụ trách trong lúc chờ đợi Bộ cung cấp giáo sư. Tôi tin là Bộ sẽ chấp thuận lời thỉnh cầu của nhà trường.

Trong trường hợp đặc biệt mà Bộ chưa tiện chấp thuận cho mở lớp 10, thì Bộ phải dự trù cho học sinh Trung Học Pô Klong tiếp tục qua học ở Trung Học Duy Tân, nghĩa là Duy

Phỏng vấn

Tân có đầy đủ phòng ốc và giáo sư để tiếp nhận học sinh lớp 9 của trường chúng ta.

H. Thầy vui lòng cho biết cảm tưởng đối với giáo sư, nhân viên và học sinh của trường?

Đ. Về giáo sư, nhà trường vẫn còn thiếu, nhất là GS đệ 2 cấp để có thể mở các lớp đệ 2 cấp. Năm vừa rồi nhà trường có xin thêm 3 GS (Việt, Anh và Pháp văn) nhưng Bộ chỉ cử đến 1 Giáo sư Anh văn. Theo sự dò hỏi riêng, nhà trường được biết các giáo chức, hay sinh viên tốt nghiệp sư phạm, không ai muốn xin về Trung Học Pô Klong, vì danh hiệu trường làm cho quý vị ấy tưởng tượng đến những nơi xa xôi hẻo lánh... miền Thượng (thầy cười). Nên năm nay, nhà trường đã viết văn thư vận động trực tiếp với các Trường Đại Học Sư Phạm để giới thiệu Trung Học Pô Klong với các sinh viên tốt nghiệp.

Về nhân viên, bấy lâu nay nhà trường hết sức cực nhọc vì thiếu nhân viên văn phòng. Nhưng vào đầu năm 1973, Bộ đã chấp thuận một số nhân viên tân tụy tuyển và biệt phái nên nhu cầu về nhân viên đã được thỏa mãn.

Về tinh thần phục vụ của giáo sư cũng như nhân viên của trường, tôi thấy không có gì đáng đề cập.

Điểm cuối cùng về vấn đề học vấn và kỷ luật học sinh. Xét chung học sinh Pô Klong cũng có cố gắng học tập và có tinh thần kỷ luật khá. Nhưng tôi hầu như chưa được toại nguyện, tôi mong muốn sao học sinh Trung Học Pô Klong phải gương mẫu về kỷ luật, và đáng khen về học vấn mới được.

Nhận thấy đã làm mất thì giờ của thầy khá nhiều, chúng tôi vội vàng cảm ơn thầy và xin rút lui. Thầy tiễn chúng tôi ra đến cửa và không quên khuyến khích chúng tôi trong việc học và hoạt động hiệu đoàn.

Phỏng vấn

Thầy Thành Phú Bá

Từ giã thầy hiệu trưởng, chúng tôi đến ngay phòng giáo sư và vừa lúc thầy Thành Phú Bá bước ra cửa, chúng tôi không để lỡ mất cơ hội đến xin phỏng vấn thầy ngay. Với một giọng nói khoan thai, chậm rãi rõ ràng, thầy vui vẻ trả lời chúng tôi.

H. Thầy là giáo sư kỳ cựu nhất của trường. Vậy kính xin thầy cho biết sự tiến triển của trường từ khi mới thành lập đến nay?

Đ. Đọc bài “Lịch sử của Trường Trung Học Pô Klong” sẽ thấy một vài nét của sự tiến triển của trường này (Bài này đăng cùng số báo này). LTS

H. Kính xin thầy cho biết trình độ học vấn và hạnh kiểm của học sinh từ trước và ngày nay như thế nào?

Đ. Nói chung trình độ vẫn ngang nhau. Nhưng nói cho đúng những học sinh lúc trước đa số có trình độ khá hơn lớp học sinh ngày nay. Điều đó dễ hiểu: mấy năm trước, học sinh trường còn ít, đa số sống trong nội trú. Ký túc xá lúc bấy giờ có kỷ luật chặt chẽ hơn, học sinh bắt buộc phải chăm chú học hành, do đó trình độ rất khá. Bằng chứng cụ thể là những học sinh Pô Klong qua học bên Duy Tân ngày nay có nhiều người đứng vào hạng danh dự các lớp.

Vài năm sau này, nhiều học sinh sống ngoại trú, thiếu sự kiểm soát thúc đẩy, bên trong nội trú kỷ luật lỏng lẻo (từ ngày giáo sư không hợp tác với KTX) học sinh đâm ra lêu lổng, ham chơi. Một số đua đòi thời trang, chuộng nếp sống buông xuôi, chểnh mảng việc học hành...Trình độ tất nhiên phải giảm sút.

Tuy nhiên tôi vẫn thầm khen một số ít đã tỏ ra có bản

Phỏng vấn

lĩnh vững vàng, vẫn cần cù, chăm chỉ đèn sách, vẫn giữ nếp sống giản dị nhưng lành mạnh của người thư sinh.

Hơn ai hết, tôi nghĩ rằng, người học sinh sắc tộc phải nhân rõ: Thân phận mình, hoàn cảnh gia đình mình, tình trạng quê hương mình, để chọn một thái độ học hành đứng đắn, nghiêm chỉnh hầu tạo lập cho bản thân một sự nghiệp dù lớn hay nhỏ, tùy theo hoàn cảnh của từng người. Trái lại mọi sự đua đòi, tôn thờ tình cảm yếu đuối là tự hủy, là làm mất niềm tin yêu của người khác.

H. Kính xin thầy cho biết về nhận xét của thầy đối với kỷ luật nhà trường trong năm nay?

Đ. Năm nay nhờ có số nhân viên tăng cường nên kỷ luật nhà trường có phần cải tiến. Chắc chắn trong những năm tới kỷ luật sẽ chặt chẽ hơn. Nhưng không có kỷ luật nào tốt đẹp bằng kỷ luật tự giác. Học sinh phải hiểu rõ bổn phận mình và cố gắng làm tròn bổn phận đó để kỷ luật nhà trường được triệt để tôn trọng.

Đến đây thì vừa khi chuông reo vào lớp. Thầy vội vàng từ giã chúng tôi.

Ngay lúc đó, thầy Kẹo trong phòng vừa đi ra chúng tôi không để mắt thì giờ vào đề ngay.

Thầy Ngự Kẹo (giáo sư cố vấn thể thao)

H. Với tư cách là cố vấn thể thao, xin thầy cho biết ý nghĩ của thầy về môn thể thao trong niên khóa.

Đ. Thích làm hơn nói, vì thế ghét cay đắng những người chỉ nói mà không không làm. Về thể thao thì các em hãy nhìn những năm trước để so sánh với năm này.

H. Xin thầy cho biết trong niên khóa tới, thầy có dạy

Phỏng vấn

môn nào nữa không?

Đ. Môn dạy cho năm tới, không xác định là môn nào. Chỉ muốn nói - nếu có thể - những gì mình biết cho người khác muốn nghe chân thành, chỉ thích làm những việc gì mà người khác cần một cách hăng say miến sao học trò mình có tiến trong sự đợi mong của mình.

Trời đã khá tối, chúng tôi tạm chia tay và hẹn ngày mai sẽ tiếp tục.

Thầy Trần Công Lộc (Báo chí)

Sáng nay chúng tôi bàn nhau vào văn phòng “mở hàng” thầy Lộc trước. Thầy đang kiểm điểm lại mấy hồ sơ học sinh thi vào lớp 6. Thấy chúng tôi thầy hỏi ngay:

- Các em đến phỏng vấn phải không?

- Dạ, phải.

- À, thế thì các em cứ hỏi đi. Tôi sẵn sàng trả lời trong phạm vi...báo chí...

H. Là giáo sư cố vấn báo chí, kính xin thầy cho biết sự tiến triển của báo chí trường ta từ trước tới nay.

Đ. Về tình trạng báo chí của trường thì trước năm 1970 tôi không được rõ lắm. Trong khoảng thời gian này tôi chỉ đọc được một tập đặc san Ước Vọng phát hành vào dịp hè 1968. Đó là Ước Vọng đầu tiên với khổ 21x27 do một số giáo sư trong trường tự thực hiện lấy. Về nội dung tờ báo này rất phong phú có nhiều bài rất giá trị vì đa số bài vở đều do GS viết. Về hình thức vì phương tiện thiếu thốn nên chưa được hoàn hảo lắm. Tuy nhiên với hoàn cảnh trường lúc đó mà các giáo sư đã thực hiện được một tờ báo như vậy, quả thật là một sự cố gắng vượt bực. Từ đó đến năm 1970; Trường phải “thiên đô” nhiều lần phòng học cũng không có phải mượn tạm các phòng của Ty Phát Triển Sắc Tộc. Do đó sự sinh hoạt hiệu đoàn cũng bị ảnh hưởng rất

Phỏng vấn

nhiều, trong đó có cả báo chí nữa. Đến niên khóa 1970 - 1971, tôi “được” bầu làm giáo sư cố vấn Ban Báo Chí mặc dầu tôi không giỏi về báo chí lắm thế mà phải mang “nghịệp dĩ” đó từ bấy lâu nay. Niên khóa đó, sau ngày khai giảng độ vài ba tháng, Ban Báo Chí cho tổ chức một cuộc thi đua bích báo. Các lớp đã hăng hái tham gia, đủ màu, đủ sắc, tuy nhiên về nội dung thì chưa được hoàn toàn lắm. Đến dịp Tết Nguyên Đán, Ban Báo Chí lại thực hiện một tờ báo Xuân. Để khởi phụ lòng những người đã “sáng lập nền báo chí Pô Klong” và cũng để cho báo chí của trường có một truyền thống, Ban Báo Chí quyết định vẫn lấy tên là Ước Vọng. Đó là Ước Vọng 2 với khổ 21x16, phần ấn loát do Ronéo Nguyễn thực hiện, bìa in hai màu. Về hình thức và nội dung đã có phần thay đổi. Đa số bài đều do học sinh viết. Mục đích là để cho các em có cơ hội tập suy nghĩ, tập viết lách và phát huy năng khiếu văn nghệ của mình. Đến mùa hè năm đó lại ra thêm một tập Ước Vọng 3.

Đến dịp Tết niên khóa 1971 - 1972, Ban báo chí lại tổ chức một cuộc thi đua bích báo. Lần này, hình thức và nội dung các báo tham dự đã có phần khá hơn. Vài dịp hè lại ra tập Ước Vọng 4. Vì thời giờ quá gấp rút, vả lại học sinh bận thi Lục cá nguyệt nên số báo này lại kém đi lần nội dung. Năm nay vẫn theo truyền thống cũ, vào dịp Tết cũng thi đua Bích báo. Kỳ này cuộc thi đua chia làm hai cấp: cấp 1 dành cho lớp 6, 7; cấp 2 dành cho 8, 9. Lần này học sinh đã có kinh nghiệm nên đã thấy tiến bộ rõ rệt. Các lớp tham dự rất hăng hái. Với 10 lớp mà có tới 19 tờ xin tham dự.

Đến dịp hè này, Ban Báo Chí lại dự định cho ra thêm tờ Ước Vọng số 5.

H. Thầy có cảm nghĩ gì về nội san Ước Vọng?

Đ. Theo tôi nghĩ rằng, báo chí trường là một cơ hội để các em tập viết. Các học sinh không phải là những nhà văn

Phỏng vấn

lão luyện nên ta không thể đòi hỏi ở đó những bài có giá trị về ý tưởng cũng như lời văn. Trong các số Ước Vọng vừa rồi, học sinh thường ít có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo. Chỉ quanh đi quẩn lại chỉ một đề tài nào đó mà thôi. Ví dụ có rất nhiều bài thơ với đề tài là tháp Chàm. Tuy nhiên, cũng có một vài em rất khá, lời văn già dặn, ý tưởng tân kỳ và rất có triển vọng. Tôi hy vọng rằng, trong tương lai các em sẽ đóng góp rất nhiều, cố gắng hơn nữa để cho Ước Vọng mỗi ngày mỗi tiến hơn.

Ngay lúc đó thầy Bưởi và thầy Ninh có việc vào văn phòng, chúng tôi lợi dụng cơ hội đó để xin phỏng vấn các thầy.

Thầy Trương Văn Bưởi

H. Thưa thầy, thầy cho biết trước khi được đổi về đây thầy đã dạy học trường nào?

Đ. Trước khi được đổi về đây, tôi dạy ở Trường Trung Học Kiểu Mẫu Phong Dinh (Cần Thơ). Đó là trong thời gian tập sự. Sau nữa là Trường Trung Học Gò Công, và trường Trung Học Công Lập An Phú (Châu Đốc)

H. Xin Thầy cho biết cảm tưởng của mình khi đặt chân vào trường Chàm?

Đ. Nói cảm tưởng thì thầy không dám nói cảm tưởng gì cao xa, cái cảm tưởng hạn hẹp nhất của thầy là vui để đem cái khả năng kém cỏi và thiện chí để dạy dỗ các em. Sau nữa điều thầy mong ước là đối với các em thiếu số nói chung, các em Chàm nói riêng, cần phải nhiệt tâm dạy dỗ, các em cần phải cố gắng học hành, tu tâm luyện tính để thành người công dân tốt sau này. Muốn vậy các em cần phải bỏ tất cả cái gì không bổ ích cho việc học của các em, đó là điều thầy mong ước.

Phỏng vấn

Thầy Bá Văn Ninh

H. Xin thầy cho biết nhận xét của thầy về thể thao của trường năm nay so với mấy năm về trước.

Đ. Nhận xét năm nay và mấy năm trước thì môn bóng chuyền vẫn tiến bộ, duy chỉ có bóng tròn giảm đi quá độ, vì năm nay cầu thủ quá nhỏ và lại thiếu tinh thần danh dự đoàn thể; tuy nhận lỗi nhiều là do trưởng ban làm việc quá yếu. Thầy hy vọng ban thể thao năm tới bầu đúng người đại diện sốt sắng hơn hầu đạt thắng lợi của những năm đã mất.

Chúng tôi phỏng vấn các thầy đã nhiều, nên không có tiếng nói của các ở đây thì thật quả là một sự thiếu sót. Nghĩ vậy, chúng tôi bèn rủ nhau đến tìm cô Nguyệt.

Cô Võ Thị Nguyệt

Sáng nay cô nghỉ dạy, nên rất rảnh rang để tiếp bọn chúng tôi.

H. Kính xin cô cho biết cảm tình của cô với học sinh Chàm?

Đ. Đối với các em thì cô rất mến, tuy nhiên có rất nhiều em có lúng túng quá khích, cô mong các em ấy sửa đổi. Phần đông cô rất mến các em vì trong mấy năm gần gũi, các em đã cho cô những kỷ niệm không bao giờ phai lãng...

H. Xin cô vui lòng cho biết trong niên khóa 1973-1974 cô dạy ở Trung Học Pô Klong nữa không?

Đ. Cô chưa biết chắc. Tuy nhiên cô cũng muốn xin về nguyên quán vì ở đây khí hậu không hợp, mau già quá! (cô vừa nói vừa cười) ở xa nhà thấy bất tiện vả lại ở một mình cô cảm thấy buồn làm sao đấy!

H. Kính xin cô cho biết trình độ học lực và hạnh kiểm

Phỏng vấn

của học sinh?

Đ. Nhận xét chung về các em đối với môn cô dạy (SĐ) thì rất siêng năng và chăm chỉ, còn đối với môn khoa học đa số kém. Về hạnh kiểm giống như cô đã nói ở trên - Cô mong các em sửa đổi lại (Cô nhắc lại nhiều lần câu nói này.)

Thầy quản đốc ký túc xá

Vào buổi tối, sau khi cơm nước xong, chúng tôi rủ nhau vào phòng quản đốc để xin Thầy cho biết một vài điều về ký túc xá.

H. Xin thầy cho biết tình trạng kỷ luật ký túc xá trong niên khóa 1972 - 1973?

Đ. Vấn đề nhân sự là yếu tố quan trọng, thế mà ban giám đốc chỉ vồn vẹn có 2 người (1 quản đốc và một giám thị). Do đó, việc điều hành không tránh khỏi vấp vấp, thành thử kỷ luật tại ký túc xá đối với trú sinh không được duy trì và áp dụng khe khắc. Ngoài ra có 3 giám thị thiện chí, tuy nhiên đây chỉ là vai trò khiêm nhường.

H. Xin thầy cho biết vấn đề sinh hoạt của trú sinh ký túc xá trong niên khóa này?

Đ. Như tôi đã nói ở trên, nhân sự là cần thiết, và vì thời cuộc không mấy cho phép nên sinh hoạt tại ký túc xá không được thường xuyên tổ chức, nhưng không hẳn vì thế mà ngừng trệ, mặc dầu tình thế khó khăn nhưng Ty và ban quản đốc cũng đã cố gắng hết sức để tổ chức một ngày du ngoạn tại bãi biển Ninh Chữ (từ chiều 17-3 đến 18-3-73) lồng vào khung cảnh du ngoạn trên, tất cả trú sinh có tổ chức đêm văn nghệ và nhiều trò chơi giải trí khác.

H. Để duy trì kỷ luật, thầy có vạch sẵn phương cách nào

Phỏng vấn

cho năm tới không?

Đ. Đối với ký túc xá, vấn đề kỷ luật cần được duy trì và thi hành triệt để, hơn nữa ở đây là bộ mặt chung (theo tôi nghĩ) của sắc tộc thiểu số tại địa phương này mà việc đóng góp của toàn thể trú sinh là điểm then chốt. Nói thế có nghĩa là tất cả trú sinh đều phải ý thức hướng dẫn, chỉ bảo nhau và có bốn phận để chu toàn trách nhiệm, để cùng nhau mà hướng về một mục tiêu đẹp cho mai sau.

Cũng vì bộ mặt chung đó, nên chúng ta sẽ nhờ ông hiệu trưởng Trung Học Pô Klong kêu gọi quý vị giáo sư giúp đỡ ký túc xá trên cương vị tổng giám thị, và giám thị thiện chí. Nếu được sự giúp đỡ của quý vị GS, chúng tôi tin chắc vấn đề duy trì kỷ luật sẽ được hữu hiệu và mang lại kết quả tốt đẹp...

Chúng tôi còn phỏng vấn các GS khác, nhưng vì khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo, chúng tôi phải đành dừng bút. Kính xin cáo lỗi và kính mong quý vị thông cảm cho.

BBC.

Phỏng vấn

Trang màu trắng
(white page)

10. Sưu tầm

Tục ngữ ca dao Chàm

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 21

[ကိင်္ဂ ကိ ဂုဏ်တိဂါ ဖိ ခွဲဖိ,
ကိင်္ဂ ကိ မုဗ္ဗတိ ဖိ ဝါမုဗ္ဗတိ,,
kieng ka hadiip mbeng mbrai,
kieng ka matai mbeng bu yaman.,,

ပွေခါ ဝုဏ်တုဏ် ခုဏ် ဂုဏ်တိ,
ပွေခါ ခုဏ်တု ဝုဏ် ဝါမုဗ္ဗတိ ဝါ မုဗ္ဗတိ ,,
puec dahlau sanâng hadei,
tel aih di drei mang thau ka chuk.,,

ခုဏ် ဝုဏ်တုဏ် ပွေခါ ဂုဏ်တိ,
ခုဏ် ခုဏ်တု ကိင်္ဂ ဝါမုဗ္ဗတိ ဝါ မုဗ္ဗတိ,,
sanâng dahlau puec hadei,
thaik nan karei anak ra jak.,]
(Pataow Adat)

[ဂုဏ်တုဏ် ခုဏ် ဝါ မုဗ္ဗတိ ဝုဏ် ခုဏ်တု,
ပွေခါ ဝုဏ် ကိင်္ဂ ဝါမုဗ္ဗတိ ဝါ မုဗ္ဗတိ,,
hajan laik sa baoh dua baoh,
buh di kadaoh wak ngaok linya.,]
(Paoh Catuai)

Sưu tầm

ƯỚC VỌNG, số 1, năm 1968 trang 44

V.T.C

❶ Chim nào bay nhanh nhất?

- Chim Frégate (quân hạm điểu) bay 400km/g (mỗi giờ)
- Én thường: 210km/g

Sưu tầm

- Phượng hoàng: 193km/g
- Chim bồ câu: 160km/g
- Cò: 65km/g
- Chim bay chậm nhất là se sẻ: 35km/g

❷ Vật nào chạy nhanh nhất?

- Con Dian (loại nai ở Bắc Mĩ) chạy 115km mỗi giờ.
- Nai thường: 80km/g
- Thỏ rừng: 72km/g
- Ngựa: 77km/g
- Chó: 70km/g
- Voi 40 km/g

❸ Cá nào bơi nhanh nhất?

- Cá Buồm: (Poisson Voilier) bơi 110km/g (mỗi giờ)
- Cá Thu: 74km/g
- Cá Mòi: 27km/g
- Cá Voi: 18 km/g
- Cá Chép: 02 km/g
- Lươn: 12km/g

❹ Vật nào sống lâu nhất?

- Con Rùa: sống lâu từ 120 đến 184 t. (tuổi)
(Rùa núi chỉ sống trung bình 55 t.
- Cá Sấu: 80 tuổi.
- Cá Chép: 13 t.
- Voi: từ 70-100 t.
- Cọp: 17 t.
- Khỉ: 10-15 t.
- Ngựa: 25-40 t.
- Bò: 17-25 t.
- Mèo: 15-39t.
- Chó: 15-35 t.
- Dê: 17 t.
- Gà Vịt 15 t.
- Kiến: 6 năm.

Sưu tầm

- Ong: 5-6 tháng.
- Bướm Bướm: 01 ngày hay vài tháng tùy giống.

Những qui tắc vàng ngọc của nhân loại

ƯỚC VỌNG, số 1, năm 1968 trang 58 - 59.

V.T.C

Trong những kinh thánh của 7 tôn giáo chính trong hoàn vũ người ta tìm thấy một chủ đề như nhau diễn tả bằng những biến văn trong một sự tương đồng kỳ dị.

Phật giáo: Đừng đối xử với người khác theo cách mà chính con tự cho là lãng nhục.

Bà-La-Môn giáo: Những bổn phận của con được tóm lược như sau: Cái gì làm cho con lao khổ, nếu con là đối tượng, con chớ làm cái đó cho kẻ khác.

Hồi giáo: Không có một người nào giữa các con là tin đồ thật sự, nếu họ không mong ước cho người khác những điều mà họ mong ước cho chính mình.

Đạo giáo: (Tasdisme). Hãy xem sự thắng lợi của người bạn láng giềng con như sự thắng lợi của con, và sự thất bại của họ như sự thất bại của con.

Do-Thái giáo: Điều gì có vẻ khả ố đối với con, con chớ nên làm cho kẻ khác: đó là điều thiết yếu của đạo pháp. Tất cả chuyện khác chỉ là lời chú thích.

Thiên-Chúa giáo: Như thế tất cả cái gì mà con muốn kẻ khác làm cho con, con hãy tự làm cho kẻ khác; đó là 1 định luật và những tiên tri.

(Trích trong báo Sélécsion.)

Sưu tầm

Những lời kinh cầu nguyện đáng suy ngẫm

ƯỚC VỌNG, số 1, năm 1968, trang 47

Lạy Trời đừng cho phép chúng con sống một đời sống vô ích.

Lạy Trời hãy giúp đỡ chúng con đủ sức làm chủ lấy mình, để có thể làm nô bộc cho kẻ khác.

Lạy Chúa, xin Chúa đừng bao giờ tha thứ cho chúng con rằng chúng con có thể tự tin là chúng con đủ khả năng để tự túc lấy không cần đến Chúa nữa.

Chúa đã tạo ra ngày nay mà chúng ta đang sống. Chúng ta hãy vui thích và nhân đó với tất cả sự hài lòng.

Lạy Chúa hãy giúp đỡ chúng con, để chúng con đừng khinh rẻ hay đã kích điều gì mà chúng con chưa hiểu được.

Lạy Trời, chúng con cầu nguyện để xin Ngài ban cho chúng con không phải sự yên tĩnh mà là sức mạnh và phước lành để thắng được nghịch cảnh.

Lạy Thần-Linh, hãy giúp cho con không bao giờ xét người khác mà chưa đi giày của hấn trong 15 ngày.

Lạy Chúa, hãy cải cách vũ trụ bằng cách bắt đầu nơi con.

Hoa tư tưởng 1

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 28, 54, 67, 93, 96, 104

[Tôi chỉ có một người bạn tâm phúc, đó là sự im lặng của đêm tối. Và tại sao sự im lặng lại là tri kỷ của tôi?

(Kierkegaard)

[ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ
ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ ꠘꠞꠟ]

Mang kal déh amun bhummi

Ni jeh ra kli jieng baoh tanâh.]

(Paoh Catuai)

Sưu tầm

[Phải có nhiều tự lực về tinh thần và tâm trí mới có thể thưởng thức được sự chân thành mà không làm thương tổn người khác.

(L" faut de grandes ressources dans l'esprit et dans le coeur pour goûter la sincerite lorsqu'elle blesse ou pour la pratiquer sans qu'elle offense).]

(VAUVENARGUES)

[Một tháng ngồi than thở sao bằng một giờ hoạt động.]
(FRANKLIN)

[ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ,
ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ,,
pariak mah mayah tuh pha,
nduoc sa bla mah daok karei.]
(Paoh Catuai)

[Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người dèm pha, nghe câu khen ngợi mà mừng là làm mối cho người ta nịnh hót.]

(Văn Trung Tử)

[Lửa thì thường bốc lên cao, nước thì thường chảy xuống thấp, thế mà nước bao giờ cũng làm tắt được lửa đấy.]

(Vô Danh)

[Mỗi ngày suy nghĩ một lời nói phải]

[ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ,
ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ ᠮᠠᠮᠠ,,
Aia praong radaih ndik gaiy
Tel aia raiy, gaiy ndik radaih
Nước lớn thì xe lên thuyền,
Đến khi nước cạn thì thuyền lên xe.]

Ai là người quân tử ? - Người thường chịu tổn bao thua

Sưu tầm

sút.

Ai là kẻ tiểu nhân ?- Kẻ thường dành tiện nghi về cho mình.

Thiện hơn phú vi chi thưởng,
Dâm hơn phú vi chi ương.
(Người lành phát phú, đó là phần thưởng, kẻ dữ dạng giàu tự rước tai ương).

[Bí quyết của hạnh phúc không phải là làm cái gì mình thích, mà thích cái gì mình làm.

Cha để vinh quang và hạnh phúc là sự làm việc.]
(Euripide)

[Điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước, điều chúng ta không biết mênh mông như đại dương.]
(Einstein)

[Người không biết lỗi mình thì lỗi ấy càng lớn mãi.
Muốn luận chỗ hay dở của người, thì trước nên tự xét mình coi sao đã.]

Hoa tư tưởng 2

ƯỚC VỌNG, số 3, năm 1971

[Sự hy vọng khích lệ người khôn ngoan, phỉnh phờ người tự đắc và uể oải vì họ chỉ khinh xuất dựa vào những hứa hẹn.]

[Kết quả của việc làm là một trong những thú vui êm dịu nhất.]
(Valyere)

[Người mạnh mẽ nhất là người hăng say nhất.
Đấu tranh với sự hăng say là đã chiến thắng một nửa.
Cần chi phải run sợ nếu ta cứ thẳng tiến.]

Sưu tầm

Figuière (Eugène)

[Bí thuật của đời sống là lựa chọn lấy một việc rồi tập trung tất cả lực lượng của mình vào đó]
(Napoléon)

[Với thời gian và kiên nhẫn, lá dâu sẽ thành sợi tơ óng ánh.]
(Tục ngữ Ba Tư)

Sưu tầm

Trang màu trắng
(white page)

11. Vui cười

Cười ra nước mắt

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè, trang 38-39

Sợ ế chồng

Bà Mang Ai và bà Mang Muk đều có con gái học ở Trung Học An Phước.

Bà Mang Ai: Sang năm tôi không cho con gái tôi học nữa.

Bà Mang Muk: Tại sao vậy? Bà cứ nói thế! Bà mà không cho con học nữa, còn ai có thể cho con đi học nữa?

Bà Mang Ai: Không phải tôi không có tiền, nhưng tôi sợ nó ế chồng.

Bà Mang Muk: ? ?

Bà Mang Ai: Thấy con chị của nó đó, vì đi học đậu đến “tiểu học” mà bây giờ không kiếm được chồng đó.

Bà Mang Muk: hì...hì..hì...ì..ì.??

Thật tội nghiệp quá!

Một bà nhà quê rất lạc hậu, vừa tốp tếp nhai trầu, vừa hỏi một chàng thanh niên:

- A nghe nói cô Mang Dha On lại đi Sài Gòn học nữa sao?

Thanh niên: Cháu cũng nghe nói vậy. Cô ấy học giỏi lắm; có tương lai ghê.

Bà nhà quê: Tôi không hiểu sao làm cha mẹ mà không biết thương con; con gái đã 16 tuổi rồi mà “ép buộc” đi học nữa, thật đáng tội nghiệp quá!

Chàng thanh niên: ơ ? ? ?

Phải bỏ trong lu mới được chứ!

Một bà “lẻo mép” Chàm trò chuyện với một ông tân tiến.

Vui cười

Bà: Hứ! cho con đi học để làm gì cho tốn tiền tốn của chứ; học có bỏ trong nồi nấu được không?

Ông: Bỏ trong nồi đâu có được. Phải bỏ trong “lu” mới vừa chứ!

Sao mà lại cả gan?...

Câu chuyện xảy ra vào thời thực dân, phong kiến xa xưa...

Một ông Lý trưởng đi ăn đám với anh Trùm của mình. Thường thường mỗi người khách được thịt “cẩn” riêng gọi là “rilaow laok”. Ông Trùm rất kính chủ nên lấy luôn “laok” ông Lý để tỏ rằng ông Lý không cần để ý đến việc ăn uống nhỏ nhen này; nhưng việc đó làm cho ông Lý nổi giận trên đường về nhà. Thấy anh Trùm đi trước, ông lý liền quát:

- Ơ mà mày làm gì mà dám đi trước tao?

Ông Trùm sợ quá bèn xin lỗi rồi lui lại đi theo sau.

- Ủa tao là tù hay sao mà mày theo tao đến canh chừng?

Anh Trùm lại xin lỗi, và tiến lên đi ngang với ông Lý.

- Kìa thằng này hỗn láo thật mà mày là cái gì mà dám đi ngang hàng với tao chứ? mà cả gan thật !!!

Anh Trùm ??? ! !

“Phe” mình hay “phe” người ta?

Trong buổi tiệc, sau mấy ly rượu, câu chuyện trở nên rất sôi nổi, bàn qua, cãi lại một lúc, anh Mít cứ gân cổ cho là anh Ja Ai đúng, và anh Xoài nhất định không chịu, muốn cãi là Ja Ôy nói có lý.

Anh Mít tức quá đập bàn:

- Mày ngu lắm! làm sao mà Ja Ôy đúng được?

- À Ja Ôy ở “phe” mình hay “phe” người ta?

“phe” người ta chứ!

- Ô... như thế thì Ja Ôy sai, Ja Ai đúng mới phải. Trời ơi tôi quên đi mất ! !

Vui cười

Nụ cười ngoại quốc

ƯỚC VỌNG số 1, mùa Hè 1968, trang 93

Nhà sinh vật học tên tuổi Forel muốn làm thí nghiệm về con ếch của Franklin cho sinh viên Sorbone. Forel gói con ếch bỏ vào túi đem đến trường. Khi vừa giảng lý thuyết Forel vừa thò tay vào túi lấy gói ếch ra. Nhưng ông ngạc nhiên vô cùng khi thấy đây là một gói Sandwich.

Ủa sao thế này? lúc nãy tôi ăn cái gì với cà phê?

Tôi nói trước đâu có sai

ƯỚC VỌNG, số 1, mùa Hè 1968, trang 98 - 99

Jaya YUT CAM

(Bi hài kịch hai màn)

Cảnh thứ nhất

Có một anh mới mua một chiếc Honda về, mấy bữa sau bị tai nạn gãy tay. Một bà láng giềng hốt ha hốt hải chạy tới bảo:

- “Tôi đã nói rồi mà, đâu có sai! Tôi nói là Thần “*Po Bhum*” đòi ăn mà nó không chịu cúng”!

Bà cô cũng vừa về đúng lúc thêm vào:

- “Tôi đã biết trước mà! Mua xe mà không “*kaih kuac*” thì “ông bà” giận bẻ gãy tay mà!

Bà dì lại thêm:

“Tôi đã nói mãi mà không nghe tôi. Rầy nhà này độc lắm. Phải cúng quảy cẩn thận mới hái hoa màu về được!”

Bà bác nhào “dô”.

- Nó đâu có nghe tôi; tôi đã bảo ruộng nhà nó phải cúng con “*pak gah takai*” chứ đâu có cúng con “*dua gah*” được! Pô Yang không chịu “*dua gah*” mà, nhưng mấy năm nay nó cứ cúng “*dua gah*” mãi!

Ông bác lại có ý kiến:

- Tôi nói chẳng tại cái gì hết, chỉ tại cây me lớn ở cửa

Vui cười

ngổ nhà này thôi. Phải chặt cây me đó đi mới được. Chặt cây me đó đi thì hết xui xẻo ngay!

Lúc bấy giờ, cả xóm đã nghe chuyện và đã tràn vào ngáp nhà, nên bà ngoại cũng vừa mới tới.

- Bọn này thật là ngu ngốc, cứ cãi nhau mãi; chuyện như vậy mà không mời người ta tới “*peng hla kati*” xem “*hanaoh*” về chuyện gì. Thấy chưa! không có tao bàn là hỏng cả việc. Không người nào nghĩ đến “*hla kati*” mà!”

Cảnh thứ hai

Muk hla kati (Bà Bống)

- Bà bống: *ayey i... i... i...! ayey ... i... anak tacaow oh thau halei halak o ... ayey ... i... ayey... i...!*

Kau talek cek ni ! anak - tacaow - oh - thau halei halak o ... oh thau halei halak o... i... ayey ... i ... !

Bà ngoại : - *Pô ... Pô ! Pô - Yang Pô Libang, Pô Muk, Pô Kei ! klak ndom klak puec ka anak tacaow peng yaom baik ! Anak tacaow thau gah thau krâh o ! Kataok gila lo !*

-Bà bống: *Anak tacaow “ciip lei kah ! ! ciip lei kah !” blaoh kau ndom ni! ciip lei kah blaoh kau ndom ni.*

-Bà ngoại: *Pô ... Pô ... klak ndom, klak puec baik, nde hlei jang anak tacaow ciip ndua, ciip anaong! Likau ka linjap min Po.*

- Bà bống: *Heh! ...heh ! ...? lo ni ! ! Kau nao aek nao lipa libaih sa ratuh thun ni mai? Oh brei - ka - kau sa panyin lisei - sa jaluk aia bai ! ! Oh hu ao si cuk, hu khan si mbaik, kau ni ... muk pajieng muk ket manaok hâ ni ! O brei ka kau mbeng o, kau paraong abih !*

Bà Ngoại: *Pô ... Pô ! Brei ka kajap baik, anak tacaow ciip ân di thrai y di tangai y ngap ndam min!*

Bà Bống: *Kajap nde ni, kau luai ka ni; siam ka ni! heh ... heh !*

Năm nhà thương được băng bó sẵn sóc thuốc men cẩn thận, anh ta đã bình phục hẳn 5 , 6 ngày sau đó. Lúc anh trở về nhà, Bà ngoại “mừng quýnh”:

“Hla kati ginreh biak ! Nyu lac kajap. Biak kajap ! Ginreh

Vui cười

biak ! Yau kanyik saong cur !

Manaok hâ kahria duah, ndih di thraiy di tangaiy ngap ndam baik !."

Cười

ƯỚC VỌNG, số 2, năm 1971, trang 24

Đạt Siêng (lớp 8)

Một người đến Nha thú-y xin thuốc cho con ngựa của ông bệnh.

Viện thú-y bảo:

- Ông cầm thuốc này về, ông banh miệng con ngựa của ông ra để ống thuốc ngay ở miệng con ngựa rồi [từ] đầu ống kia ông thổi vào miệng con ngựa.

Một lát sau ông ấy về nhà ông làm y như lời ông thú-y dặn một phút sau ông ấy miệng ho sặc sủa ngã đi ngã lại. Ông ấy vừa đi đến nhà thương;

Ông thú-y ấy ngạc nhiên, hỏi:

- Ông làm sao thế?

Ông chủ ngựa nói:

- Thưa ông tôi vừa đặt chai trên miệng nó mà nó thổi trước tôi.

Tống hụi

ƯỚC VỌNG, số 04, n&m 1972

Trận banh vừa chấm dứt: anh trung phong hôm nay chơi tệ hơn bao giờ hết. Và kết quả là: 5 - 0 thua không gỡ được quả nào.

Anh ta gằm gừ nói với thủ quân của mình.

- Tại lỗi của trọng tài! Tôi lại phải tống cho anh ta một đạp mới được!

Anh thủ quân ngăn lại nói:

- Thôi, mầy lại tống hụi ống cho mà xem.

Vui cười

Cười

ƯỚC VỌNG, số 05, n&m 1973

Ông chủ tức giận mắng đứa nhỏ giúp việc:

- Nói là để cho người ta nghe, người ta hiểu. Nói mà người ta không hiểu là ngu như con bò. Hiểu-Không?

- Dạ không hiểu chi cả ạ!

Tí vừa đi học về khoe:

- Má ôi! bữa nay đọc nhất có mình con trả lời được câu hỏi của thầy.

- Ô, con giỏi quá! Thế thì thầy hỏi sao?

- “Ai đã để một cây đinh trên ghế ngồi của tôi?”

Cười

ƯỚC VỌNG, số 05, n&m 1973

Một ông hằm hằm bước vào tòa soạn một Nhật báo hỏi

- “Thằng” ký giả nào đã viết bài báo này đây? Tôi muốn nói chuyện với hắn.

- Ông phải đợi một tí, vì hắn vừa đưa 1 độc giả khác đến nhà thương vì ông ta cũng muốn nói chuyện với hắn.

Hỏi đường

(Đố vui)

ƯỚC VỌNG, số 05, năm 1973, trang 55 - 56

BBC

Một người khách lạ lần đầu tiên tới Phan Rang. Khi đến một ngã ba đường thì không thấy bản chỉ đường, chỉ thấy một cái quán lẻ loi ở ngã ba đường. Người khách đã nghe

Vui cười

tiếng đồn về cái quán này có hai anh em đứng bán hàng. Một người thật là ngay thẳng, một người nói dối như cuội luôn luôn nói ngược lại sự thật. Người khách chỉ nghe tiếng đồn chứ chưa biết mặt và cũng không biết người nào nói thật, người nào nói dối. Người khách bước vào quán sẽ gặp một trong hai anh em bán hàng, dĩ nhiên không biết người nào đó nói thật hay nói dối. Phải hỏi cách nào đây để biết đường nào đi Đà-Lạt, đường nào đi Nha-Trang.

Bạn thử nghĩ cách hỏi giùm...rồi suy ra sự thật.

Lời giải đáp xin gửi về Hộp Thư Ước Vọng, trung học Pô Klong. Bạn nào giải đáp đúng và gửi về sớm nhất sẽ được tặng 1 quyển Ước Vọng.

Cười

ƯỚC VỌNG, số 05, n&m 1973

1. Ông bác sĩ đến viếng một nhà thương điên, thấy một người đứng trước một bức tranh còn trắng toát kê trên giá vẽ. ông hỏi:

- Anh vẽ gì đây?
- Một con chó gặm xương
- Tôi không thấy xương?
- Chó ăn hết rồi.
- Tôi cũng không thấy chó.
- Ăn hết rồi thì nó đi chứ đứng đó làm gì?

2. Trong bệnh viện bác sĩ bảo một khán hộ:

- Chích cho bệnh nhân phòng số 3 một mũi thuốc khỏe, còn bệnh nhân phòng số 7 đã chết rồi, đưa xuống nhà xác. Ông này đang ngủ, bưng tỉnh phản đối.
- Tôi có chết đâu mà đưa tôi vào đây?
- Ấy, anh đừng làm khôn hơn Bác sĩ, ông học tới “Đốc tò” rồi mà lại nói sai sao?

Vui cười

3. Bệnh nhân nói với thầy lang:

- Thưa thầy, sao tim tôi đập nhanh quá?

- Đừng lo, tôi chỉ hốt cho một than là tim bắt đập đi một tí. Thang thứ hai là bớt một tí nữa. Qua thang thứ ba là tim ngừng đập hẳn.

12. Ban biên tập

Ban biên tập nội san Ước Vọng

Trong “Ước Vọng” số 1 gồm:

Lưu Quang Sang, Nguyễn Văn Tỷ (Jaya Yut Cam, Vỹ Tân Chế), Thành Phú Bá, Đàng Năng Quạ (Ja Pariya). Với sự cộng tác của các trí thức và thân hào nhân sĩ Chăm như: Thiên Sanh Cảnh (Ja Mata Harei, Ja Cảnh), Lưu Quý Tân (Jaya Panrang), Mã Thanh Lâm, Hàn Đông, Quảng Đại Hội, Jata Aneh (?). Và các sinh viên học sinh như: Huỳnh Ngọc Trăng, Phú Văn Tinh, Lê Văn Hớn, Trương Thị Đào, Ja Thời... Phần trình bày tờ báo là Bố Gia Đạo, phần ấn loát là do Quảng Văn Đại phụ trách.

“Ước Vọng” số 2:

Trong “Ước Vọng - ម្លប់ ម្លប់” số 2, ngoài ban giám hiệu nhà trường, có thêm sự hiện diện các khuôn mặt mới như: Hứa Phăng (Ngọc Lan), Đàng Năng Sinh, Đổng Đại Sung, Thuận Văn Quốc, Đàng Sĩ Điểm, Quảng Đại Điểm, Thạch Ngọc Quân, Quảng Chấn, Thọ Thị Lâm, Hán Thị Lạc, Đạt Siêng, Phú Thành, Bá Thị Kim Thoa, Tần Nữ...

“Ước Vọng” số 3:

Trong “Ước Vọng - ម្លប់ ម្លប់” số 3, có sự hiện diện các tay viết mới như: Nguyễn Thị Ngọc Yến, Nguy Hát, Nguyên Hạnh, Thạch Ngọc Cúc, Hoài Lâm Nương, Đàng Nguyên, DƯƠNG Thư, Trương Thống, Thiên Thị Nai, Lưu Thị Ngon, Ja Tanrah, Sinh Tử, Báo Ngọc Lít, Vạn Tinh, Trương Giang. Và chủ nhiệm tờ báo được giao Gs. Trần Công Lộc (người Việt).

Ban biên tập

“Ước Vọng” số 4:

Trong “Ước Vọng - ակն արևի” số 4, Gs. Trần Công Lộc trở thành cố vấn cho tờ báo. Hứa Phăng là trưởng ban báo chí. Đảng Năng Thọ và Quảng Đại Tồn phụ trách việc trình bày. Hiện diện các khuôn mặt mới như: Song An, Hoài Hương, Trương Thống, Ngọc Toán, Thọ Trường Thân, Tài Giỏ, Lương Văn Lợi, Vĩnh Trúc.

“Ước Vọng” số 5:

Trong “Ước Vọng - ակն արևի” số 5, Việc trình bày báo chí lại giao cho Nguyễn Văn Tâm (người Việt). Các phụ bản của tờ báo giao cho Đảng Năng Thọ. Hiện diện các khuôn mặt mới như: Hồ Thy, Ja Kathaot Panrang, Qua Thị Minh Nguyệt, Star Hồng, An Trí Bửu, Bacranam, Phú Trạ, Thùy Dương, Hương Trang Tử, Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Quý, Thập Liên Trường.

“ակն արևի” (Mơ Tiến):

Trong “ակն արևի” (Mơ Tiến) của nhóm TAKALA gồm: Baoh Deng, Văn Vu Vớ, Đan Huy, Dương Châu, Trầm Vân, J.M. Chiêm Nhân, Chế Mỹ Dung, Bá Văn Trinh, Trầm Vân, Jaya Mrang, Thuận Văn Hải, JAMENH, JALAU, Kim Thy, Châu Huyền, Thy Phương. Phần trình bày và phụ bản của tờ báo này do Văn Sững phụ trách.

1. Dòng vào tập

Dòng vào tập

- Từ một đột nhiên ta cùng đi ở khởi điểm, từ những nỗi lòng vào đời ta gặp nhau để nối kết tình người.

- Những bước chân chập chững tìm đường mơ mộng, những bàn tay thơ dại quờ quạng trong bóng tối nhưng là những kết động chân thành.

- Dấu gập thiếu thốn, quyết không vào vòng mê lộ, không lấy ngọn bút đào sâu hố rãnh cho người, không biến giọt mực tâm tư thành vũng máu hận thù.

- Đưa hai tay đón chào trong hơi thở ngào ngạt tình người, trong ánh mắt còn long lanh xúc động.

- Xin đến với nhau bằng cảm thông, tha thứ. Cùng thổi lên sinh lực và niềm tin để tô đẹp *Con đường trước mặt*.

- Ước gì đây là chốn yêu thương của những nỗi lòng còn xanh ngát hương nồng, của những tuổi hồn nhiên ngà ngọc.

- Dù những khó khăn, từ một ước mơ xin muôn ngàn cùng lắng nghe từng tiếng hát, từng lời ca theo gió lạ quyện về.

- Caong-Tagok mở ngõ, mời khách phiêu du với tất cả bao dung.

TAKALA

Tuổi trẻ nghĩ và làm

Caong Tagok, 1973

Baoh Deng

Trót sinh ra trong một xã hội hỗn loạn, thoái hóa, một xã hội chỉ biết tiền tài, địa vị danh vọng là trọng. Ngược lại tuổi trẻ đang trên đà tiến lên, không sờn lòng trước gian

nguy khốn khổ, nguyện cố hoàn thành những hoài bão dù nhỏ nhoi, nhưng tuổi trẻ vẫn hiểu rằng: Năng lực chỉ có giới hạn tuổi trẻ không thể vượt qua, không thể làm gì hơn ngoài khả năng đang có.

Tuổi trẻ đang bơ vơ, lạc lõng nhưng có một ai đếm được bao nhiêu đầu xanh đang mỉm cười chấp nhận cho số phận của mình? Bao nhiêu tuổi trẻ đang ngược mắt đoái nhìn hoài bão vì ngoại cảnh đành theo thời gian mà trôi tàn?

Các bạn hãy nhìn lại những ngày qua, ngày tháng mà tuổi trẻ chấp nhận sự đau thương nhất trong kiếp sống? Bạn bè tách rời nhau vì ảnh hưởng phe phái chính trị, anh em nhìn nhau bằng ánh mắt thù hằn do sự tranh chấp tôn giáo, người với người bôi mặt chửi nhau bởi tranh ngôi dành vị. Chúng ta hãy nhìn vào sự rạn nứt đó để làm tài sản vào đời, chúng ta đừng phản kháng vì phản kháng là tiếp nhận một thái độ tự hủy, tự biến thái. Phản kháng là tự đi tìm sự hủy hoại thân xác bằng thuốc lá, cafe, ma túy... Phản kháng là tự đi tìm sự biến thái bằng thời trang lòe loẹt, bằng ngôn ngữ dị kì, bằng hành động hỗn xược.

Tất cả các hình thức phản kháng đều tự giết tuổi trẻ, tự xua đuổi chúng ta ra ngoài khuôn phép của xã hội, tự đối gạt chúng ta một cách yên lặng với cuộc sống.

Xã hội đã buộc tuổi trẻ sớm sống vào môi trường không mấy thích hợp cho lắm nhưng chúng ta vẫn câm lặng, vẫn chấp nhận. Phải chăng đó là những chất liệu làm hành trang chuẩn bị vào đời.

Giờ đây, chúng ta hãy đến với nhau dù trợ trợ trong nghèo khổ, dù ưu phiền trong cuộc sống, chúng ta đừng đòi hỏi những người đi trước, đừng hằn học và trút đổ mọi bế tắc bây giờ cho họ, đừng buộc họ hiểu chúng ta dấu con đường ta đang đi là đoạn đường họ đã chất đầy kinh nghiệm, chắc đàn anh không phủ nhận điều đó. Nói thế không có nghĩa là tuổi trẻ đang lên sống biệt lập với những người đi trước, chúng ta vẫn vui cười, vẫn hãnh diện chấp nhận sự dẫn dắt, khuyến khích của các anh nhưng tuổi trẻ van xin các anh một điều là nên đến với chúng tôi bằng cảm thông

và tha thứ.

Tuổi trẻ không khước từ những bốn phận chính đáng khi xã hội cần đến, không chối bỏ mọi việc làm của đàn anh khi việc đó mang nhiều quyền lợi cho dân tộc.

Xã hội đã qua đầy gian trá và thù hận thì các bạn còn chần chừ chi nữa không tìm gặp nhau để làm lại từ đầu, cùng lấy tình thương xóa bỏ hận thù, lấy sự thật lấp thay gian trá hầu vẽ lại khuôn mặt hạnh phúc cho mình và cho đời.

Xin các bạn đừng bất mãn, đừng phẫn nộ mà hãy đổi mắt nhìn thẳng vào thực tế để minh thị rõ ràng những gì tuổi trẻ sẽ dẫn tiến bước đầu.

Hãy làm lại từ đầu với tất cả kiên nhẫn, với thiện chí đã có, đừng chần chừ cơ hội, chờ may mắn. E rằng nó không đến dù chỉ một lần và dẫu có đến cũng không ở mãi với ta.

Đường vào đời đang mở rộng đón chào, xin các bạn đồng khởi hành để định hướng cho đời.

Hoa thơm cỏ lạ

• *Giá trị thực thụ của một người không phải ở bằng cấp, địa vị, giàu sang...mà chính là sự giúp ích cho kẻ khác, cho xã hội.*

(DALE CARAEGIE)

Trang màu trắng
(white page)

2. Thơ

Lời cuối

Caong Tagok, 1973

Văn Vu Vợ

*Khi tôi chết ai là người thương tưởng
Cổ quan tài ai khóc tiễn đưa tôi
Khi tôi chết cuộc tình nào khép lối
Để sương mù phong kín lối tình thương*

*Khi tôi chết lời hồng nào già biệt
Hay ghen ngào tôi nhắm mắt đơn côi
Khi tôi chết có vì sao sa biết
Rơi ngập ngừng vào huyết đất phân đôi*

*Mai tôi chết cuộc đời thôi.... chia cách
Bằng lời nào nhân thế tưởng thương tôi
Cho gió thoảng đưa ngàn lời tình tự
Hay lời buồn thương tiếc những “vu vơ”*

*Khi tôi chết hình hài mang băng giá
Để linh hồn lạc lỏng giữa thiên thai
Nén hương trầm ai đốt sưởi tâm tư
Cho cỏ úa thôi buồn trên bờ đá*

*Khi tôi chết cuộc đời thôi nhưng nhớ
Để u buồn tôi lạc bước bơ vơ
Thôi nhưng nhớ thôi già từ nhân thế
Tôi đi rồi cuộc sống vẫn nên thơ.*

Thơ

Áo Chàm, màu xanh và khung trời

Caong Tagok, 1973

Dương Châu

*Vườn Bích-Câu, áo Chàm dài Em mặc
Nắng trời thua đành hời hợt trên không
Tận đời cao gió cũng hờn bay nhẹ
Mây không bước mưa trốn chẳng buồn tuôn*

*Đẹp không Em khi cỏ mướt là sân
Cây mình dựa là khung trời ghi dấu
Muôn hoa khép không khoe màu như trước
Vì chào thua bởi áo Em xanh*

*Trời Đại Học như hờn ghen im tiếng
Như cuối đầu để tiễn bước Em đi
Áo Em bay trong nắng chiều không gió
Nét thẹn thùng khi có bước Anh theo*

*Anh thương lắm áo Chàm xanh Em mặc
Thương khung trời Em thu cả vào trong
Con người Anh như lơ lửng trên không
Khi màu áo trong thu hồn ngự trị*

Nỗi lòng trên đất mẹ

Caong Tagok, 1973

Trầm Vân

*Ta bước đi trên con đường đất mẹ
Lòng xót xa như muối xát kim châm
Hỡi ai kia có thấu nỗi thặng trầm
Có ai nghe thấy niềm vượn niềm uất hận*

Ta bước đi giữa lòng người muôn mặt

Thơ

Vượt thời gian và ngay cả không gian
Hận thù xưa ta nén lại đôi hàng
Giòng lệ nhỏ cứ tuôn tràn khóe mắt
Ta bước đi trong oan hồn tiếng nấc
Bao nghiệp trần nay vướng bụi phù du
Vượt ngục xưa ta đội lối người ngu
Về đất Mẹ nhưng lòng chưa nguôi hận
Ta bước đi trong vòng trời vắng lặng
Nhìn lệ rơi như xé nát tơ bời
Chốn hoang đường còn ngân đó nữa thôi
Kìa đất Mẹ đã về nơi hoang vắng
Ta bước đi trên đường chưa tắt nắng
Anh em ta sau trước nối tay nhau
Ánh mắt trao nụ cười mới hôm nào
Rồi vĩnh biệt khi vàng trăng xế bóng
Ta bước đi cõi lòng nghe tan tác
Chuỗi ngày dài lẩn lóc với thời gian
Bới gạch xưa tìm hơi ấm huy hoàng
Nướm hơi thở nghe hồn ta vụn vỡ
Mộng ngày xưa thuyên ta chưa kịp thở
Để trở về nhìn đất Mẹ lắm than
Nhìn ai kia gây những cảnh tương tàn
Cho đất Mẹ còn trong đêm tối.

Vói trăng

Caong Tagok, 1973

J.M. Chiêm Nhân

Trời trong trăng sáng tay cứ vói
Vói được cùng không bói vói trời

Hành trang rẽ lối vào đời
Thuở xuân mười tám rã rời hướng đi
Chuyện tình phải cảnh phân ly
Chuyện đời vẫn lại bờ mi xưng vùi

Thơ

*Ngày mai đó mây mù đón lối
Và hôm nay lưới dệt sâu giếng
Sao trời rụng xuống suối trắng
Người buồn nhỏ giọt lệ lẫn xuống tròn*

*Hành tinh ngôi thứ vẫn còn
Hành trang người cứ mỗi mòn đổi thay
Nhưng trắng vút tâm tay cao vói
Mà có ai biết cánh tay gầy*

*Ngàn xưa có một chút này
Thêm hoang Tháp hận vết dày máu ai?
Rợn người gió sớm ban mai
Khi gào lúc hú khi khai lúc thâm*

*Ai đốt khói hương trầm cảnh tỉnh
Ai khua chuông nhịp trống cầm canh
Thì thôi chắc đã không thành,
Ừ đi người nhé cho thành duyên nhau.*

Chiêm ngưỡng

Caong Tagok, 1973

Jaya Mrang

*Chao ơi! Em đã thức rồi sao?
Nước sông Chiêm anh mức bưng vào
Để em rửa và tắm luôn thể
Nhớ gọi đầu sạch bụi nghe em*

*Chao ơi! hôm nay em đẹp lắm
Anh đã thương bỗng lại thương nhiều
Áo bông màu hoa Champa ồ tuyệt
Mua ở đâu, ai tặng cho em?*

Thơ

*Hãy mặc vào cho anh chiêm ngưỡng
Anh say sưa màu sắc dung nhan
Thoáng nhìn em thoáng một giấc mơ
Một vương hậu Mị-Ê ngày trước*

*Em đẹp và nét buồn rười rượi
Có gì đâu cứ mãi giận hờn
Mở vòng tay đón nhận tình thương
Cười em nhé! nụ cười không tiếng....*

Xa xăm

Caong Tagok, 1973

Jamenh

*Em đi nắng lịm đôi tà áo
Trường cũ sau lưng lá xếp đầy
Anh về gom lá mùa thu cũ
Hoa cúc em cài chắc đổi thay.*

Nỗi lòng

Caong Tagok, 1973

Jalau

*Ta lạc bước giữa thị thành đô hội
Lòng nghe lòng bỡ ngỡ bởi vì đâu
Phố xá đua chen những cảnh áo màu
Xe cộ lượn dập dìu như giăng mắc
Ta lạc lỏng giữa muôn ngàn màu sắc
Cùng âm thanh hỗn loạn của phố phường
Ta nghe lòng hằn tâm sự đau thương
Và cuối mắt nghe dung nhan héo úa
Ta chợt sợ những sắc màu cám dỗ
Cùng xa hoa phú quý của thị thành*

Thơ

*Vì chân tình người thì quá đổi thay
Ta e ngại sớm một chiều phai nhạt
Để ta sống với cảnh đời đen bạc
Với núi đồi cùng làng mạc hoang vu
Cho đêm sâu ta nghe tiếng ai ru
Buồn nảo nuốt âm vang từ hoang lạnh
Ta không muốn làm thân người cầu cạnh
Xóa tan đi một dĩ vãng đau buồn
Máu trong ta dòng máu vẫn rĩ tuôn
Mà danh vọng không lấp vùi chứng tích*

(tay xuôi mắt nhắm mơ người)

Khi về thăm lại Hậu Sanh

Caong Tagok, 1973

Jalau

*Khi về thăm lại Hậu Sanh
Đường xưa xác lá phơi quanh lối buồn
Mẹ già mái tóc điểm sương
Cha già vai áo gầy hơn thuở nào
Nay đồng cạn mai rừng sâu
Chia đời manh áo rách bầu lưng sờn*

*Khi về lòng chợt nghe thương
Mái tranh vách lá khói vương thôn chiều
Dâu xưa giàn mướp vẹo xiêu
Ủ tình mẹ với ít nhiều xót đau
Gợi hồn mẹ những ca-dao
Đêm đêm vang vọng ngọt ngào lời ru*

*Khi về lòng tựa trăng lu
Vàng soi mệnh bạc âm u mái đời.*

Thơ

Tình xa

Caong Tagok, 1973

Thy Phương

*Em đi hương lá vàng trong tóc biếc
Áo em bay từng vụn vỡ trong hồn
Dư hương xưa em như màu khói thuốc
Gỗ nhịp tim đau xót vô tình buồn*

*Em còn như con đường xưa lá rụng
Nội trú buồn giờ vụn mất sau lưng
Em gửi lại giữa hồn ta giá buốt
Tình xếp đầy trong cặp sách người thương*

*Giờ em xa bến cũ đứng ngậm ngùi
Nghe vương vào chút thương nhớ xa xôi
Và kỷ niệm chực về theo gió nhẹ
Rung hồn ta từng nhịp điệu rã rời.*

Thơ

Trang màu trắng
(white page)

3. Văn

Văn hóa Chăm

Caong Tagok, 1973

(Trích trong TGTĐ)

Người Chăm đã có một thời là một dân tộc độc lập ở Việt Nam và đã thiết lập được một chủ quyền vững mạnh và có tổ chức. Dấu vết của công cuộc này có lẽ còn thấy trong việc tổ chức và phòng vệ của các làng. Tuy nhiên ngày nay họ chỉ còn là dân thiểu số độ chừng 150.000 người sống tại Cambodge và khoảng 60.000 tại Việt-nam, trong số đó 40.000 cư ngụ trong vùng Phan Rang và Phan Rí. Và cũng là vùng duy nhất mà dân Chăm còn bảo tồn tập quán, ngôn ngữ và lối viết cổ truyền của họ.

Ở miền Phan Rang và Phan Rí 2/3 dân Chăm theo Bàlamôn và 1/3 theo đạo Bani, là tôn giáo xuất phát từ Hồi giáo nhưng không một tôn giáo nào là chính thống. Theo thời gian, những tôn giáo này được sáp nhập vào nền văn hóa Chăm. Chắc là do đây mà nghệ thuật dệt của Chăm bắt nguồn, vì thoát đầu vải dệt chỉ được dùng trong các buổi lễ tôn giáo, vải dệt có rất nhiều kiểu, mỗi kiểu vải có một tên khác nhau và màu sắc thì vô tận. Tuy có nhiều kiểu khác nhau như thế, nhưng chỉ có hai khung cửi giản dị được dùng, khung lớn được đóng đai về đằng sau và tất cả các dân tộc thiểu số đều biết sử dụng và khung cửi lớn hơn để dệt khăn choàng cổ. Những ngành thủ công nghệ khác của dân tộc Chăm cũng rất phong phú.

Dân tộc Chăm có một nền văn hóa rất sáng lạng. Họ có những tập quán và phong tục hãy còn sống động, tuy nhiên, thật ra đã bị rơi vào quên lãng vì những biến cố của lịch sử. Cũng như âm nhạc của họ đều gợi lại lịch sử kỷ niệm một dĩ vãng oanh liệt đã qua và không còn nữa, vì thế niềm thương

Văn

tiếc của họ đã thể hiện qua âm nhạc. Những dụng cụ âm nhạc chính yếu là sáo thổi hay Saranai, trống hai mặt hay Ginăng, đàn vĩ cầm 2 dây gọi là Kanyi, trống một mặt hoặc Baranưng....Những nhạc khí này do những tu sĩ kiêm nhạc sĩ Chàm điều khiển và dùng để hòa theo lời ca trong các đám tang cũng như khi múa quạt luôn luôn có tính cách tôn giáo và nhiều sắc thái khác nhau như vũ khúc múa quanh lửa.

(Trích trong T. G. T. D)

Ngân hà do hơn 100 tỉ tinh tú kết thành. Một phần lực cơ có tốc độ bằng ánh sáng (300.000km/giây) phải bỏ ra trên 100.000 năm mới đi từ đầu này tới đầu kia Sông Ngân Hà được.

Bạn thử tính chiều dài của Sông Ngân Hà.

Tình hồng

Caong Tagok, 1973

H.P

Từ bãi sa mạc mênh mông - đã mọc lên một tàn cây đầy bóng mát huyền thiên.

Trong đêm mật mùng tăm tối đã hiện ra một đốm sáng lung linh mờ ảo...

Tình người, tình đời - cùng thoát thai từ bóng mát thánh thiện theo vết chân cổ sơ của nhân loại để lần những bước đi chập chững, nương tựa vào đốm sáng tin yêu - và rồi cuối cùng đạt đến một ước mơ miên viễn.

Thấy đó! Dấu cho muôn loài vẫn ngu ngơ chìm đắm trong cơn lốc xoáy - vẫn ngập lặn trong bãi bể nương dâu - thì Caong Tagok vẫn ngàn đời hiện hữu cùng khoảng không gian bất tận.

Sự vị kĩ luôn luôn làm một tên tình nhân bạc nhược dẫn dắt tinh thần mê muội của kiếp người vào tận cùng đáy hồn hời hợt cầu an. Nhưng rồi trong khoảnh khắc suy tư nào đó

Văn

Caong Tagok vẫn là người bạn thân yêu, hướng dẫn bản ngã đi đến nơi toàn thiện.

Cô đơn như con thuyền giữa biển khơi - bơ vơ như đám mây lạc lõng. Ai đó! Xin cùng nhau - hãy khước từ một vài đam mê riêng biệt - hãy dùm dành một vài phút ngắn ngủi của dòng đời - kể từ đây: ngàn nỗi lòng chúng ta cùng cuồng dâng trong môi trường thuần khiết tin yêu và chứa đầy bông hồng ngát thơm của tuổi trẻ.

Thời gian, ngàn năm không tiêu diệt nổi màu xanh tươi thắm của cỏ cây của hoa lá - hy vọng - thời gian sẽ mãi là dung môi làm liên kết người với người, tuổi trẻ với tuổi trẻ trong suốt quãng đời còn lại.

Caong Tagok! Xin hãy cùng vươn lên với một ước mơ chói sáng.

H.P

Đêm 19. 03. 1973.

Nỗi niềm

Caong Tagok, 1973

Đan Huy

Nội trú đêm nay buồn chi lạ, bạn bè ai nấy đều khăn gói về quê sau một tuần mệt mỏi. Nhà Đan thì xa quá tận mãi Phan Rang cơ, chỉ có Tết và hè Đan mới về được.

Mặc dầu còi hú giới nghiêm đã từ lâu thế mà Đan vẫn còn thao thức. Giấc ngủ ghét Đan lắm sao mà chẳng đến với Đan.

Đêm càng khuya trời càng lạnh trong căn phòng rộng lớn này Đan càng cảm thấy cô đơn. Hình ảnh chiều nay cứ ám ảnh Đan mãi, ba mẹ Vân đón Vân về bỏ lại Đan bơ vơ. Tuy Vân rủ Đan đến chơi nhưng làm sao Đan có đủ can đảm bước lên chiếc xe sang trọng ấy. Còn cái sung sướng nào hơn khi cuối tuần được người đón rước, Đan làm gì có ba mẹ

đưa đón cũng như có bạn bè lui tới. Ba mẹ Đan chỉ là một bác nông phu cực khổ, gần hai tháng nay Đan chưa biết tin tức gì về ba mẹ. Tuy sống gần bạn bè nhưng ai cũng đều xa lánh Đan, người ta chỉ đến với Đan khi người ta cần đến. Thâm tậ như Huy người mà Đan tin tưởng nhất, thương mến nhất cũng xa lánh Đan mất rồi. Bức tường ngăn cách Đan-Huy phải chăng là tiền tài danh vọng? Trước kia đôi bạn thân nhau như ruột thịt, chẳng may gia đình Đan gặp cơn nguy biến nên Đan mới nông nổi này. Từ ngày ấy Đan-Huy như người xa lạ. Nhớ Huy quá Đan đành dẹp tự ái một bên, cố gắng biên thư hàn gắn lại, 2-3 thư đi nhưng thư đến thì không. Huy có thể quên lời hứa hôm nào ư!

Ngồi đây ôn lại kỉ-niệm Đan thấy tủi thân hơn, những giây phút êm đềm trên con đường từ nội trú đến trường đầu còn nữa, những lúc cắm trại trèo núi vượt non ai dặt Đan như thuở trước, những lúc tan trường dắt nhau vào vườn xoài chúng mình cùng khắc tên nhau lên những trái xoài to tướng. Bây giờ thì Đan-Huy xa nhau mãi mãi Huy có hay chăng trong màn đêm có người thầm gọi tên Huy. Huy! Nghèo đâu phải là cái xấu, thế bạn bè đành bỏ xa lánh Đan sao? Những ý nghĩ ấy, càng làm Đan chán nản hơn. Sao Huy lại tâm thường đến thế? Đan không dám trách Huy chỉ trách tạo hóa xui chi cảnh phủ phàng để giờ đây mỗi người một lối đi. Tất cả cũng chỉ vì cái nghèo của Đan đó. Nếu người ta thật tình thương nhau dù với bất cứ giá nào thì cũng phải tiến đến cho kỳ được, chỉ có mối tình đầu mới chót lười nếu không bảo là lợi dụng người ta mới phân biệt giai cấp này nọ. Cái hình thức bên ngoài chỉ là lớp sơn hào nhoáng để che đậy ung nhọt bên trong, chỉ có tư cách của con người mới đáng trọng thế mà vẫn có người ham hình thức bên ngoài.

Đan không muốn nghĩ tới đó nữa, Đan ghê tởm quá, hạng người chỉ biết có tiền. Đan nghèo Đan nhem nhúa không “mode” như Lan Hồng nên chẳng ai nhập bọn. Đan chỉ đành biết an phận và an ủi mình cậu nhỏ Văn thường nói:

Văn

*“Nước giữa dòng khi trong khi đục,
Người đời có lúc nhục lúc vinh”*

Ca dao Chăm

• *Caik tian mang asit ndih ndang
Mai hu ka urang auan lo lingk.*

Vào đời

Caong Tagok, 1973

Dương Châu

Chiều nay trên căn gác trọ buồn tênh, tôi đang chôn chân đưa mắt nhìn con diều giấy mất hút trong khoảng không gian vô tận. Gió chiều vẫn luân phiên thổi, lòng chợt buồn là lạ, nỗi buồn chợt đến với thời gian di hành cuối ngày, trong không gian rộng rãi ánh nắng trải dài, bầy chim sẻ chiu gọi nhau về tổ, tự đứng nổi bơ vơ trời dậy hành hạ tâm hồn tôi khoảng cuối của ngày đồng lõa vây quanh người tôi.

Bạn cùng phòng đã đi từ bao giờ nhỉ? Thì ra tôi đang nhốt một tâm hồn lạc lõng trong bốn vách gỗ kín ngắt này. Tôi đành dùng đầu ngón tay nhấm tính ngày tháng xa quê, từ cái may chợt đến, đến để phải lần nữa tạm xa Phan-thành yêu mến. Thế thì đã một phần ba của năm, bốn tháng tròn trôi qua, một trăm hai mươi ngày xa quê hương trong bốn mùa nắng gió với nhiều kỷ niệm buồn vui chất chồng.

Chuyến xe sớm đưa tôi vào Nam, trong một ngày cuối hạ, xe đồ lao nhanh trên xa lộ, những ý nghĩ mông lung tuần tự xuất hiện trong tôi: Học gì? Thi vào chi? Ở đâu?

Xe từ từ cập bến, mặt trời đã ngã bóng nhưng nắng hạ vẫn chiếu những tia gay gắt, Sài Gòn tấp nập xe cộ, phố xá ngút ngàn tôi xách cặp đứng phân vân một lúc rồi vẫy taxi,

chiếc xe cũ kĩ khiến âm thanh nổ ròn, trên đường tôi mỗi mắt ngơ ngác nhìn quang cảnh sinh hoạt của phố thị bỗng giật mình khi nghe bác tài bảo:

- Nè cậu! Hẻm Phan Thanh Giản đây, số nhà cậu vào tốt bên trong. Tôi đưa mắt nhìn theo tay ông chỉ. Xuống xe trả tiền bước đi. Trong bước đi tôi như thấy tất cả sự xa lạ ở vùng này những trẻ con vào giờ tan học chạy lướt qua mặt tôi, vài người đồng chiều ngoảnh lại nhìn tôi rồi thản nhiên đi tiếp, trước mặt tôi có một người con gái đang tới mặc áo dài trắng, chồng sách cầm tay. Tôi dừng lại hỏi thăm địa chỉ của một người bạn cô ta nhìn tôi vừa nói vừa đưa tay chỉ mấy ngôi nhà lợp ngói rêu phủ lâu năm, tôi cảm ơn nàng và đi tiếp. Ngay lúc thoáng gặp tôi lại có ý nghĩ đẹp ở nàng với khuôn mặt tròn trĩnh dễ thương, nước da ngăm ngăm nhưng có nét duyên dáng, đôi mắt đen trông ngộ nghĩnh, dáng người nhỏ nhắn xinh xinh. Trong bước đi mà giọng nói của nàng vẫn chiu nặng ở tôi, gió chuyển động, cành lá rung nhẹ chạm nhau khe khẽ tựa như lời hỏi thăm chốc lát với người con gái xa lạ ban nãy, trong ý nghĩ mông lung đó thì tôi vừa đứng trước căn nhà mái tôn đậm đen, vôi vách ngả màu. Tôi nhìn qua cánh cửa sổ hé mở, chiếc màn vén gọn một bên đủ cho tôi nhìn thấy một người có mái tóc dài buông xõa hai bờ vai, trước dáng ngơ ngác của tôi từ bên trong tiếng nhỏ và dài buông ra tựa như bước chân của tôi trong ngõ hẻm sâu vút này:

- Ông tìm ai?

Tôi không còn ngượng ngùng vì hành lý trên tay nặng chịch, vì trong người bức rứt bởi sức nóng của mặt trời, tôi tiếp:

- Có phải nhà của Hải không?

Vừa nói tay nàng lại chỉ trên căn gác nhỏ bé:

Vâng, ông đi vào đó.

Tôi gật đầu để thay tiếng cảm ơn, bước thẳng vào khoảng không nhạt nắng để lên gác.

Tạm trú với mấy người bạn trên căn gác đó, gác rộng kê một cái bàn, chúng tôi trải chiếu nằm sàn, vào những giấc

trưa gác rất nóng, mái tôn như tiếp giáp với mặt trời nhưng lần cũng quen. Trong căn gác trọ quạnh hiu này những bạn bè ngày xưa hơn một thời chung sống đã gặp lại nhau như một tình cờ để rồi từng đêm dài đốt cháy điếu thuốc tâm sự với nhau những hành trình đã qua.

Thời gian này tôi rảnh nhiều, ngày tháng như nhàn rỗi đến thừa thãi bởi Đại học chưa ghi danh, không biết đi đâu ngoài giờ đọc sách, viết lách.

Một buổi chiều, trời dần dà nhuốm đen, hẻm nhỏ, mưa nhỏ giọt cả vùng, những cụm hoa trồng ven sâu tươi hẳn lên sau bao ngày trong nắng hạ chừ gặp mưa. Tất cả vắng ngắt con hẻm trải rộng không một người đi, chúng tôi có 6 người bắt đầu nhập cuộc với 2 “sô” lave hòa đá, những tiếng cười lớn dần khi “sô” đầu vừa dứt, đôi ly chuyên tay từng đợt thì “sô” tiếp cũng vơi dần, những tiếng “vô vô” cùng nhịp tay khích lệ, những cái đầu lắc lư khi nốc cạn phần mình, bao qui tắc “giang hồ” bày ra để bắt những ai vi phạm luật “lai rai”, tử lượng của tôi chả được tao nên tôi đầu hàng sớm mặc cuộc vui tiếp diễn, khi cơn say tạm dịu tôi mở mắt ra thì họ đã kéo nhau đi cả rồi dẫu bên ngoài trời vẫn còn mưa, Tôi lại thiếp đi lúc nào chẳng hay.

Gần mùa khai giảng niên học mới, căn gác lại nhiều người hơn, chúng tôi bốn đứa về trọ một căn phòng nhỏ ở đường Trần Quốc Toản, phòng này tậ lậ một cửa sổ không đủ sáng chứ đừng tìm luồng gió bên ngoài, phòng trọ gần xa lộ nên những âm thanh khuếch động làm chúng tôi khó ngủ trưa, những tiếng hét vang rân rân nhưng dần dà những tiếng động chung quanh làm tôi quen quen, tôi chừng như tìm được một cái gì dễ thương trong vùng này. Chính căn gác này đã làm tôi một phen ngủ ngồi trong cuộc cảnh sát vì cư ngụ bất hợp pháp, cũng nơi này bốn đứa cãi nhau vì những chuyện bất đồng nào đó rồi ông chủ rày rà trách móc mới tắt đèn dỗ tiếp giấc ngủ.

Cả hai căn gác chúng tôi đều gặp nhau vào giờ ăn tại quán Chay gần đó, tôi thường đùa khi thấy mấy cô khá xinh, đáng người trông hấp dẫn với những người bạn cùng phòng

Văn

rằng: Tao ăn chay rồi tụi mày không để tao yên hay sao?
Tất cả cùng cười cho sự giả vờ đạo đức của tôi.

Những ngày, những tháng trôi qua tôi nhốt kín chuỗi ngày vào đời trong căn gác đó, bao kỷ niệm cũng từ đấy riêng tôi tiếp nhận, nhiều mơ mộng chập chững tìm về tương lai cũng từ đó.

Bóng tối đã dần dà nhuộm đen cả không gian, tôi không nhìn được gì ngoài ánh đèn đường le lói từ xa, màn đêm đã trùm phủ gác trọ này bằng một màu đen đúa cùng thẫm, xa xa đốm hỏa châu lóe sáng một góc trời như đánh thức tôi trở về thực tại, thế là gác trọ tối nay mình tôi trùm chăn với giấc ngủ chờ sáng.

Dương Châu

Hoa thơm cỏ lạ

Người sống nhiều không phải là người nhiều tuổi nhất
mà chính là người đã trải đời nhiều nhất.

(J J. Rousseau)

Anh...

Caong Tagok, 1973

Chế Mĩ Dung

Anh ngồi xuống đó! Dòng tư tưởng bất tận đến với anh. Tự cho anh đau xót trong chán chường, buông trôi. Anh phân vân anh gầy guộc vòng tay. Anh khắc khổ phong trần. Thế thì không còn gì giống anh thuở đó, khoảng bốn năm trước. Nơi anh mất hẳn nét thư sinh lãng mạn ngày xa xưa. Ngày đó đẹp. Nhưng thôi chúng không thể cố định, chúng xoay vòng biết đâu chúng sẽ trở lại lần thứ hai? Không bao giờ. Đủ rồi. Hãy nói với nhau bằng ngọt ngào, bằng bờ môi thương yêu, bằng ánh mắt cởi mở, long lanh. Và bao giờ gặp được nhau với thiết tha chân thành. Cứ bảo nhau rằng không còn gì nữa cả. Để tôi khóc, anh khóc. Nước mắt gột rửa

bước chân mềm của anh nơi quê người. Chỉ còn nước mắt, lần cúi xuống nhìn dấu chân bé nhỏ in hằn như vết tim rướm máu.

Tôi nhắc lại anh có buồn không? Đừng nhé. Một lần thôi. Chúng ta cúi nhận thương đau cho cuộc tình thánh thiện ngày nào. Lau chùi bụi bặm làm lại tươi sáng cho hiện hữu. Giờ tôi chỉ khóc, khóc cho lãng quên...

Anh đến với tôi năm đó. Năm tôi vừa lớn. Vừa biết cảm xúc nhận định tình yêu bằng ánh mắt nhưng khờ khạo. Tôi vướng vào cuộc tình thật dễ, nếu người con trai nào biết ước muốn của tôi. Nhưng không có ai cả, luôn cả anh. Anh chưa hiểu hẳn tôi. Người em gái hẳn trần trọc về anh. Mong tấm hình anh an ủi. Anh vô tình gần trắng trợn bỏ rơi. Thế là nghĩa gì hả anh? Trong lúc cuộc tình đang diễn tiến êm đẹp. Mà thôi tôi hiểu rồi - Anh phải dứt khoát tất cả để tìm lý tưởng xa vời, theo dự định của anh và tư tưởng của kẻ còn lại, với nhưng nhớ của tôi. Tôi không có quyền trách anh cũng như không ích kỉ một mối tình. Tôi hy sinh cho tôi cho anh...mà để làm gì hả anh? Vô ích. Hoàn toàn vô ích. Dĩ nhiên cuộc tình không thể nối lại được. Và bao giờ khúc khải hoàn trở lại cho tôi cho anh, với mọi người trong tầm mắt mỗi chờ khao khát...

Một lần anh nói với tôi: Anh không thể đi em theo từ từng bước chân tình yêu. Nó phải chấm dứt. Không phải do ý muốn của riêng em, riêng anh. Mà khởi điểm ý thức một người con trai. Con trai và quê hương. Anh có mơ thấy giòng máu đang ngập lối anh đi. Đang khóc rên rỉ cho nét mặt ồm ờ xa lạ của anh. Chính thế anh đã chết đuối trong giòng máu của mẹ, giòng máu thờ linh. Người đừng chối bỏ giòng máu đang mang. Giòng máu người là giòng máu liên tục bất khả phân. Anh không thể sống nhu nhược bằng cách thụ hưởng. Anh phải theo tiếng gọi của giòng máu.

Cuối cùng anh ra đi. Để lại cho tôi những gì, nụ hôn của kẻ sắp chia tay, của mối tình thánh thiện kết nhụy bằng giòng máu đồng chung và tan rã, vì giòng máu khởi thủy. Nụ hôn trên làn tóc buông xỏa theo bờ vai nghiêng nhỏ, kết

tụ đan víu theo sợi tóc mềm. Nụ hôn trên bàn tay trắng xanh gây guộc cho cuộc chia ly. Tạm biệt. Tôi trở lại cô đơn và miên viễn.

Như thế tôi và anh ở hai phương trời nhưng gần trong tâm tưởng. Tôi đang nhìn anh từ cõi vô thức. Anh đó. Bước chân anh đi trên sỏi đá. Anh cúi lượm viên sỏi nhỏ, đáng mếu nằm trơ giữa đường. Anh mân mê nó như vuốt tóc tôi thuở nào. Rồi anh khẻ bảo. Đời anh như viên sỏi này. Anh lại đi lang thang trên loài cỏ mềm dưới chân, dưới bầu trời xa lạ. Để gai góc đâm thủng hai bàn chân. Anh quy xuống. Anh không nhỏ gai lại mơ màng hưởng mát về quê cũ. Nước mắt đang lượn vòng như giòng máu đang rỉ. Cảnh vật chao động. Anh bàng hoàng kêu gào giữa cơn gió thác loạn bộc phát từ hơi thở của anh. Giòng máu. Ta không xứng đáng mang giòng máu mẹ. Người hãy thoát ra khỏi thân thể ta cho ta yên thân nhắm mắt. Để nhãn nhục trót một kiếp người. Hơi giòng máu. Giòng máu liên tục bất khả phân. Ta trở về đây bằng mảnh hồn trút thoát, bằng thân thể gây mòn. Bằng tinh thần nhu nhược. Gió thiêng. “Người hãy mang về quê hương ta, mẹ ta, người tình của ta một lời. Một lời thôi: Ta đã chết, đã quay về giòng máu linh, thế đủ rồi. Người đi đi”.

Và thân thể anh nhuộm máu. Hơi thở anh tắt lịm. Anh nằm xuống thật rồi. Tôi sợ hãi nhìn anh. Tôi quờ quạng bám víu anh. Mà không, tầm tay tôi chỉ là khoảng trống. Anh bay bổng mỉm cười thách đố. Tôi chơi với lẫn tức tử. Và tôi cũng chẳng còn gì cho anh ngoài những giọt nước mắt tiếc nuối. Vĩnh biệt người anh chỉ đến với tôi một lần trong một đời.

Văn

Ưu tư của tuổi trẻ

Caong Tagok, 1973

Bá Văn Trinh

Sau bao năm bên sách vở, lận đận qua mấy kỳ thi kể xuôi ngược từ thôn quê hẻo lánh đến thành thị phố phường và rồi đây tình cờ chúng ta lại gặp nhau tại một thời điểm cùng chung nhau trú ngụ trong gia đình Đại học, nét hân hoan lộ rõ trên khuôn mặt khi bước vào con đường mới này, dư âm vui mừng chưa phai nhạt thì mùa thi cũng đến, chúng ta không che dấu được nỗi lo âu về học hành và nhất là sinh kế.

Chúng ta cùng chung một tâm trạng trước hoàn cảnh chua xót với xã hội hiện tại thiếu thốn về vật chất bạc đãi về tinh thần. Chúng ta mất hẳn niềm tin trong việc làm, tâm trạng đó chúng ta không biết cùng ai để tỏ bày hầu với bất phần nào u-uất của tâm hồn và chia sẻ những nỗi băng khuâng lo lắng, chúng ta đâm ra bị quan đành buông xuôi mặc cho số phận trôi theo năm tháng.

Lại nữa sinh hoạt của chúng ta bị bỏ quên trong môi trường xã hội hiện tại, chúng ta dường như mất mát một cái gì thâm kín sâu xa, một khoảng cách xa vời giữa người đi trước và lớp trẻ đang lên, chúng ta không quên được những bơ vơ lạc lõng lúc ban đầu trước ngưỡng cửa đại học với những cái gì hoàn toàn mới lạ, hơn ai hết chúng ta biết rằng tại sao lại đi vào con đường khó khăn này, thực tế trước mắt là câu trả lời đầy đủ nhất “một thực tế đau thương và buồn thảm”.

Trong quá khứ chúng ta gặp nhau bằng ánh mắt hiềm thù, trách móc. Bao nhiêu người hãy còn vị-kí riêng, đặt tâm quan trọng cho riêng mình mặc kẻ khác lẻ loi, sa ngã....Trong khi đó có những người cùng hoàn cảnh như chúng ta họ đi xa hơn, họ có một sự học hỏi cao hơn, đôi lúc họ lại tỏ thái độ tự kiêu hãnh với chính mình.

Hiện tại còn lại chúng ta và đàn em. Chúng đang mò

Văn

mẫn điu nhau trong bóng tối để đi tìm một ánh sáng ở tận chân trời mù tịt, tuy nhiên quanh ta lại còn biết bao nhiêu kẻ khác hãy còn trong giấc ngủ mê say, trong lối sống lập dị đầy dẫy những dị đoan bi đát trong một xã hội suy đồi.

Chúng ta ý thức được mầm mống của sự kiện đó bằng cách quyết định lấy lẽ sống cho riêng mình với một tâm hồn cởi mở đó là mong một ngày nào đạt đến đích của sự học, chung quy cũng tùy thuộc vào ý chí của mình.

Tất cả mọi việc làm của bất cứ ai, mỗi một thế hệ nào cũng đi đến cái đích thì lẽ sống trong mọi hoàn cảnh lại khác nhau xa, thành vậy chúng ta không trách ai được. Khi tìm được cái đích thì câu hỏi là làm gì cho tương lai thế hệ? Lúc đó lẽ sống sẽ tự giáo dục mình đưa đến mục đích cuối cùng.

Giờ đây mỗi chúng ta có một lý tưởng khác nhau, chấp nhận sự thật phủ phàng trước mắt, không oán hờn trách móc, tuổi trẻ lúc nào cũng đặt lý tưởng nơi cao trọng nhất của tâm hồn, để chuẩn bị bước vào cuộc sống mới, đối diện với niềm đau xót hiện tại.

Bông hồng cho người nằm xuống

Caong Tagok, 1973

Trầm Vân

Sau những năm tháng dài ngồi trên ghế nhà trường với những lần gặp gỡ vui vẻ và đầy hứa hẹn trong tương lai. Nhưng ai đâu ngờ một mai kia khi định mệnh đã an bày cho con người mang phần bất hạnh, số kiếp của họ là những gì không còn nữa gió cuốn, nước trôi, thời gian kéo theo cả rồi. Còn lại! mà còn lại cái gì ngoài lý tưởng cho ngày mai.

Một bông hồng đã nở hoa, một biệt thự xây bằng đá theo lối tân thời, một nếp sống hi-hục, khổ ải của làng người lúc nào cũng mưu cầu vật chất vinh thân. Bấy nhiêu chai đá đem ra mà áp dụng cạnh tranh ngôi dành vị trong một xã

hội bi đát nhất thời, có gì đâu gọi là tiến bộ? Không! Không bao giờ mà sự thực vẫn còn là một xã hội ban khai như thuở nọ, JIM chàng trai đang tìm đến ngôi biệt thự đó giữa lúc nhạc lòng đang trở dậy, niềm ngất ngây chất chồng. Nàng biệt thự nở một nụ cười đón mời JIM vào, vào để nắm tay nhau cùng đốt ánh đuốc đi tìm một chân lý, một tình yêu hay đúng hơn là một chân lý cao siêu cho một xã hội mạnh nha từ thửa trước.

Một nỗi buồn dâng lên khéo mắt của JIM, JIM nhớ về quê mẹ, về bao kỷ niệm vui buồn, bao nhiêu người quen kẻ lạ.....Tất cả đã gọi cho JIM nỗi buồn cô đơn, dày vò trong tấm ức. Nhớ quê nhà bao nhiêu thì JIM càng buồn cho thân phận mình bấy nhiêu buồn vì cô đơn, một mình lúc nào vẫn lang thang đây đó. Định mệnh đã an bài đó ư!

Một bông hồng mà JIM đã thấy ai kia bỏ rơi bên lộ, nâng cành hồng lên mà tìm lia đứt đoạn. Số kiếp đọa đày JIM tưởng chừng như cành hồng ấy tuy đã rời khỏi thân cây nhưng nó vẫn còn mang chặt đóa hoa đỏ ối thân yêu. Đấy hoa hồng cho người cách mạng, cho giới trẻ của chúng ta đang mang đầy nhiệt huyết vùng lên. JIM không chủ trương giới trí thức làm một cách mạng dân tộc, mà hãy gạt bỏ tất cả tự ái riêng tư, lời dèm pha ngon ngọt. Chúng ta hãy ngồi lại với nhau, tay nắm chặt tay, lòng kết lòng rồi cài lên ngực áo cho nhau những bông hồng đỏ ối như quê hương cho tuổi trẻ, cho tương lai. Theo JIM nghĩ chỉ có chúng ta mới làm nên việc, nếu ai nấy cùng nhau chung sức hợp đồng từng công việc, đem những bàn tay khô gầy này để hàn gắn vết thương lòng của bao nhiêu người đang cần đến, nếu vậy chúng ta phần nào thành công, chúng ta hãy an ủi họ để xoa dịu lại vết lở nghìn năm giữa ba miền.

Niềm an ủi bé nhỏ mà JIM đeo đuổi là thế nào nói thêm vòng tay lớn cho những bông hồng càng rực thắm rừng hương, cho những hoang đường không còn là ảo ảnh xa vời nữa. Một người nằm xuống, bao người tiến lên để nhận diện thêm lần nữa, những dấu vết của ngày nào trong lịch sử dân tộc. JIM rất cảm ơn những ai đã tạo nên hình hài của mình

Văn

và hân hạnh được sống trong khung cảnh cơn no áo ấm. Bởi vậy JIM lại càng thương xót cho ai không được may mắn đành sống lại một cuộc đời trôi nổi, suốt thời gian tuổi trẻ vợ.

Bây giờ JIM chỉ còn một niềm hy vọng nhỏ bé là dồn sinh lực sẵn có vào tuổi trẻ của chúng ta hôm nay, bông hồng luôn nở trên ngực áo để hãnh diện dân tộc ta là nòi giống anh hùng, không bao giờ chịu khuất phục trước mọi khó khăn cho dù bông hồng có ngã xuống để hy sinh cho một lý tưởng đẹp.

Hãy vun xới cho bông hồng tươi thắm, thắm mãi mãi trong lòng JIM, lòng các anh, lòng chúng ta và ngay cả những người đã nằm xuống.

Hương xưa

Caong Tagok, 1973

Văn Thy

Trong vũng sương mù nào đó, ta thấy người hiện diện thật giả đối đến nỗi chỉ một khẽ lắc đầu người hoàn toàn tan biến vào hư không.

Dòng suối thơ vương êm ả chảy, ta vẫn thấy những đóa hoa dại mọc cạnh khe đá năm xưa lâu lắm rồi không trở lại dấu ái ngày xưa ta có, có người kỷ niệm vụt thoáng một tiếc nhớ xa xưa, giờ cũng thế, cũng có suối xinh, cũng hoa cũ, cũng con đường hun hút Cao nguyên những ngày tháng hạ hè trở lại lòng ta chấp chờn hình bóng cũ, nhớ không nguôi những dự ảnh êm đêm ngày ấy, không đến nỗi xa mà ta cứ ngỡ nghìn trùng. Ta vẫn còn đây - còn trở lại, suối vẫn chưa cạn dòng, hoa vẫn còn tươi thắm - còn người đâu?

Đã mịt mù phương trời nào thăm thẳm khói sương bất giác nước mắt đọng đầy - từng giọt nắng sao thời gian bất biến để ta được mãi bên người - ta trở về tìm lại những dấu vết u buồn, ngậm ngùi khóc cuộc tình sương phủ - nhưng

Văn

không người vẫn nhớ ta! Nhớ ngày nào tình xanh như tờ trời
ngày hạ vì người đã gọi lại đây hình bóng cũ - nơi yêu dấu
kỷ niệm ngày nào.

Ta về chốn cũ với hình bóng người xa xưa hoang lạnh
trong nắm đất - ta cứ ngỡ lỗi hẹn nhưng đó chỉ là tưởng nghĩ
để mơ người....

Ta đặt cành hoa trắng lên thân người ướm lạnh sương
đêm ta chưa kịp trút mở cuộc tình mắt biếc thì người đã vội
vã ra đi, để giờ đây ta thiên thu thương nhớ, trầm mặc thú
đau thương tuyệt vời - ai là người nghe tiếng tình ta?

Chỉ có dòng suối - chỉ có hoa ngậm ngùi rụng lệ - thôi
đã nghìn thu xa cách. Ta từ già dòng suối - con đường hoang
lạnh con đường Cao nguyên - chiếc áo nâu - màu lá úa -
không! Vĩnh biệt, ta không muốn trở lại - ta vĩnh biệt người
nhưng ta vẫn giữ mãi hình bóng năm xưa bất diệt trong dòng
máu lạnh lòng, nuôi tình xưa ngày tháng hạ.

Ta ngu si trong vùng trí nhớ đặc nghẹt, sách vở vẫn
buồn tênh những nét bút ngoằn ngoèo vô nghĩa phôi bày
trên những trang giấy thật thà đến dễ yêu.

Những buổi học mơ mộng ta cứ tưởng người như vừa
hiện đến từ vùng vô ý thức, nhưng còn đó nguyên nhân gọi
nhớ vào đây. Ta kêu gọi nhưng quanh ta đều là ảo ảnh, rồi
cũng chỉ ngậm ngùi cầu nguyện trong niềm đau khổ tuyệt
vời cho đoản văn tình tuổi nhỏ.

Văn Thy

● *Cùng lộ trình hạn hẹp một đời người, có anh, có bạn
có tôi đồng bước. Hãy gọi về Caong Tagok những yêu thương
đó để tình người sinh hoa kết trái trong chúng ta.*

Văn

Đi tìm vết tích

Caong Tagok, 1973

Châu Huyền

Trong cô đơn hiu quạnh, với nỗi buồn chất chứa. Thời gian chậm chạp trôi. Một chiều vàng héo hắt cả khung trời phố thị và ngày cuối tuần đang đến, tôi bàng hoàng ngồi đếm lại những dòng đời trôi chảy, suy tư về một khoảng hư vô chập chờn ẩn hiện đâu đây, mơ đến quê nhà yêu dấu ở thuở xưa còn bé. Trời chiều đến với tôi thật vội vàng như chuốt vào lòng những khắc khoải nhớ thương.

Mặt trời chiều thảng hạ hừng hực nóng, cơn gió thoảng hắt hiu, khô ráo. Những tòa nhà đồ sộ, hai bên đường lá cây vàng rơi lả tả. Tôi xa xứ Tháp cuối tháng rồi và để lại nhiều kỷ niệm khôn nguôi ở xóm nhỏ đầy vết tích chiến tranh, lòng ngao ngán lo buồn cho ngày ấy nên thấy mình như trống vắng, hồn như lọt vào cõi hư vô sâu thẳm, tôi đã nhớ lại thật nhiều những buổi chiều thanh vắng ở mái nhà, những lần lặng ngắm đỉnh đồi trắng xóa nên thơ, với con sông lững lờ chảy hai bên là bụi tre tôi như muốn tìm lại khung cảnh có bóng hình người con gái ngày xưa đã đến bên tôi như gió mát của đồng nội bay mùi phát phới hương yêu.

Đêm cuối một ngày làm tôi xao xuyến, da thịt như hằn sâu những vết nứt mẻ, máu như ứ đọng trong tim, đầu óc như quay cuồng tê dại và lạnh ngắt. Chính thế mà những đêm dài trong cơn mơ, tôi chột hân lên tay mình, chột ôm chiếc gối ve vuốt và thầm bảo: “Nắng đã lùi về mờ nhạt” những lần như thế tôi hiểu rằng nàng là một ám ảnh, một vết thương sâu thẳm đến độ lấn át cả những đờn đau đần vật.

Một sáng đẹp trời dạo nọ, lòng buồn rười rượi, tôi rời nhà đi dọc theo bờ sông để tìm những thanh thảo của tâm hồn, cùng nhớ lại kỷ niệm một thuở mà nỗi lòng chất chứa bay xa. Nơi này tôi đã hôn nàng thật vội vã sau bụi tre vừa

lúc mặt trời lao chao trên những tàn cây, đưa mắt nhìn đồng xanh thắm mùi hương ngọt ngào với những đám mây trôi phía chân trời, lòng tôi rung cảm, đành ngồi buồn, hai tay lượm từng chiếc lá vàng khô héo ném xuống sông, chiếc lá bông bênh trôi theo dòng nước, tôi hướng người về phía mặt trời ban mai để nhận lấy tất cả những yêu dấu của quê hương, để ngửi mùi sương cỏ, để nghe được sự rên rỉ của loài dơi đêm và thấy tất cả những tiếng thở dài phiền lụy của loài đom đóm.

Bây giờ đối với tôi đều xa lạ, tôi như đám “lục bình” nổi bênh bồng trên mặt nước, tôi hiểu chính lòng tôi hơn ai hết, tôi biết hoàn cảnh hiện tại nhiều lúc khó khăn mà cuộc đời tôi đã tiếp nhận khi trót sinh ra mang kiếp khổ cùng đành cam lòng chịu lãnh.

Đám “lục bình” đã gợi cho tôi những nỗi khắc khoải long đong những thê lương của hình ảnh đó chẳng mấy tôi ham muốn. Tôi ghê sợ nó, tôi muốn gào thét lên cho mọi người đều rõ: Tôi đang oán hận, tôi run rẩy tựa như đám “lục bình” xanh non. Tôi đã bưng bít chịu đựng bằng sự khổ nhục trong âm thầm như bóng ma man dại, như chiếc lá lênh đênh trên mặt nước mùa thu, thế mà những lúc trước, khi nhìn thấy đám “lục bình” tôi đã yêu thương quý mến và tận hưởng những âu yếm ca ngợi véo von.

Buổi chiều, mây lững lờ trên nền trời trong vắt, đôi chân đang đi trên con đường không đèn, tôi chợt nhìn thấy một bóng người thấp thoáng, bước đi như ngấp ngừng, bóng đen chờn vờn trước mặt, tôi càng lo sợ, mồ hôi tiết đầm ướt sau lưng để lộ một làn da đậm nét mà Nàng để lại. Những lúc này tôi cảm thấy héo hắt khi nghĩ đến nàng, nàng đã đi vào quên lãng, nàng là gió thoảng, là cụm mây bay, bóng đen kia cho tôi một phút giây thương tiếc hình bóng cũ. Ý nghĩ vội vàng thoáng hiện: Nàng đến như mang riêng cho tôi những cay đắng ư ! Không tôi không muốn thực như hôm nào ở chuỗi ngày thơ bé.

Trời đang vào khuya, mọi rung động xa gần chung quanh hầu như không còn nữa, một sự vắng lặng chùng như

Văn

quen thuộc trùm phủ. Thời gian trôi qua, tôi cảm thấy lo lắng khi nghĩ đến thời còn bé.

Bây giờ càng lớn hoàn cảnh và cuộc sống đã làm tôi chai lì trước khó khăn. Ngay đến cái vắng vẻ, yên lặng của đêm khuya cũng vậy. Tôi ví như cây thông đứng trơ vơ giữa khung trời băng giá, như miếng sắt không còn tính chất rỉ sét trước cơn mưa gió của tháng ngày.

Kỷ niệm một phần đời chỉ là một danh từ rỗng tuếch mà thôi.

Giọt lệ trong kiếp người

Caong Tagok, 1973

Baoh Deng

Tia nắng đất Phan cuối ngày thật gay gắt khác thường, chợt dừng mặt trời biến mất, giọt nắng tan loãng trong hư không, Tháp xưa đang lặng đứng dưới trời chiều, mọi chuyển động đều thưa dần chỉ còn lại những âm thanh tàn nổi rã rời.

Dương đang nhắc những nấc bước chầm chậm từ dưới chân Tháp tiến lên, từng bước khoan thai chừng như sẵn sàng dừng lại một nơi nào đó cùng với thời khắc cuối ngày. Dương ngã người tựa lưng vào thành Tháp trước cửa chính, chàng chầm điếu thuốc và hít một hơi dài khoan khoái, điếu thuốc đầu tiên từ khi mặt trời chạy trốn, chàng ngược mắt mơ màng nhìn theo từng đợt khói tỏa rộng trong không khí, chàng bỗng có ý nghĩ làn khói đã lướt tựa như tà áo Chiêm nương đang chờn vờn trước mắt chàng. Dương phóng ra những tia nhìn yếu ớt từ đôi mắt hay sâu, ắt trong đó hiện lên một tấm bi kịch cho chính con người của chàng phải suốt đời nhận lãnh, chàng luôn khoác vào người những thời trang rằn ri sặc sỡ, mái tóc tuôn dài phủ tai của chàng cũng nói lên những bất hạnh chứa đầy cho cuộc sống. Khuôn mặt chàng hẳn lên một nét bình lặng, thản nhiên như sẵn sàng

chấp nhận và buông lòng tha thứ những gì mất mát đau thương. Chàng đang sống cho chính chàng, cafe, thuốc lá là gia vị cho món ăn tinh thần của chàng, chàng đâu có bằng cấp để tọa nên địa vị, đâu có tiền tài mà gây dựng tương lai, danh vọng. Chàng như nhận lấy một sự ruồng bỏ của xã hội, cuộc sống đã đả bôi và đối trá nên chàng đành quay về với đời sống nội tâm, cũng từ đây một cái gì đắng cay chua chát bỗng xuất hiện trong thế giới của chàng.

Dương hiện diện đột ngột trong một buổi chiều trên Tháp, chàng đến đó để van khẩn, cầu xin gì đây hay đến giữa cảnh hoang tàn đổ nát để cất lên tiếng thở than triền miên ở miền Hời đất Tháp mà ngày xưa đã một thời vang danh. Đôi mắt Dương nhắm lại như vận dụng trí tưởng tượng ước đoán một đoàn quân chiến thắng trở về, bày voi thiên lạng đứng, những mỹ nữ cung phi trong vũ khúc mừng công hay ghê sợ cảnh xưa đầu người rơi chất đóng thành núi, máu người tuôn xuôi chảy thành sông, từ bãi chém, từ chiến địa... Dương đưa mắt ngơ ngác nhìn bầu trời, chàng như đối diện với thực tại ngột ngạt, chàng như tìm quay về dĩ vãng để được giải tỏa trong chốc lát những nỗi lòng ảm ức, bất mãn.

Với đời sống nội tâm bấp bênh, với mẫu người quay về dĩ vãng người ta có thể tìm thấy một cái gì đau xót, thương cảm mà cuộc đời đã dày đọa trên thân xác chàng, đã dành những bế tắc hiện tại do chính chàng tạo nên nhưng mấy phút trách móc đó có một ai giải thoát tạm bợ rằng: định mệnh đã khắc ghi trên trang sổ đời của chàng là vậy, chàng không thể chối từ cái hiện thực trước mắt. Dương đang chuốc lấy một cuộc sống cho chính mình, nên không kể lể nỗi niềm cô đơn, không thở dài ngao ngán trước đổi thay đen bạc cho một ai ngoài chàng và không gian vô tận, chàng không than thân trách phận khi sổ đời đã thêu dệt cho riêng chàng, chấp nhận định mệnh thực tại đã vay phủ lấy con người chàng, trong đó chàng như tìm được một niềm an ủi yêu thương để vỗ về cho đời sống mình bớt lẻ loi, cho linh hồn mình bớt trống rỗng giữa cuộc đời nhiều ghẻ lạnh và vũ trụ rộng rinh không bờ bến này, đó là chấp nhận và tha thứ.

Chiều không gian đóng khung trong bốn phương trời, khoảng không đang chuyển tiếp giữa ngày và đêm, bầu trời chứa đựng cả ánh sáng và bóng tối, trong khi ánh sáng dần dà nhuộm đen bóng tối, trong trời chiếu ánh sáng dần dà nhuộm đen bóng tối chỉ là sơ khởi cho một đêm dài. Ôi! một buổi chiều tươi mát dịu dàng, tha thiết mà Dương không thấy bầy hạc bay trở về tổ ấm, không tìm ra một bóng người lai vãng, chẳng gặp những tà áo, Chiêm nương phát phơ theo chiều gió, ẩn hiện với làn mây, tất cả đang như vui nhộn trong một khung cảnh khác chỉ riêng Dương mẫu người Chăm bất hạnh muốn quay về quá khứ để tìm một cái gì mát mát chẳng? Hay Dương muốn là người họ Chế dạo nào nằm một mình trên thành Đồ Bàn với một đêm thu đầy trăng, để ngủ trông sao, để cười với gió, để gào cùng mây, rồi say sưa, rồi ngây ngất, rồi điên cuồng. Ngoài Dương ai hiểu được chàng?

Dương đang sống giữa chợ đời biển lận, tráo trở thế hệ quanh chàng như một lớp sóng đang ồn ào, sôi nổi nhưng ở chàng với bản tính trầm lặng nên đã ôm tròn vào đời, vào lòng một tâm trạng ngậm ngùi bằng bạc, cuộc đời đã ruồng rẫy chàng tựa như một kẻ si tình khi bị người ta yêu phụ bạc. Nụ cười ẩn hiện ở khuôn mặt như sẵn lòng muốn gần gũi với cuộc đời nhưng vẫn bị cuộc đời lừa trốn, xua đuổi để riêng chàng một linh hồn cô đơn lạc loài giữa đường đời muôn lối rẽ này.

Mây đen vay phủ cả bầu trời, khung cảnh về chiều thật thi hợp cuộc đời tàn tạ như chàng, lòng chàng lại sượng sần tê tái khi luồng gió siết mạnh qua làn da, làm tóc chàng bông bênh tung bay, tạo nên một thứ âm thanh mơ hồ và huyền hoặc cũng nói lên ở Dương một thứ không gian trống rỗng vơi vơi. Gió mỗi lúc lại dồn dập, hàng cây kẻ lá giao động chạm vào nhau tạo thành một âm thanh kì quái vang cả khoảng không gian chung quanh chàng rồi tan loãng và phân tách ra xa.

Khoảng không gian về chiều trên Tháp tự nhiên đồng lõa với nỗi ưu tư phiến muộn của chàng, người chàng như

Văn

mê hoặc với âm thanh, với màn đêm. Dương đứng dậy, đốt lên điếu thuốc, rồi hít một hơi thật dài tự dưỡng tâm hồn như chợt nhiên lắng xuống lạ thường, đôi mắt trở nên mơ màng, chàng đưa mắt nhìn qua làn khói chuyển vận uyển chuyển tiếp nối với một vẻ kỳ diệu và huyền ảo rồi tự thành thấp thoáng lên mờ ảo những dòng chữ:

*Này Tháp xưa một lần ta đến viếng
Truyền muôn dân nhũ nhục dưới chân ta
Chiêm nương đâu? Rượu nồng dâng muôn cốc
Trong tay ta người ngủ giấc trưa ngà*

Dương mở to đôi mắt, trực giác như quay về với ngày cùng của một trang sử mẹ đã bôi mờ, một dòng máu đã khép kín. Ngay phút chót chàng đã nhếch môi cười nụ cười buồn như khóc. Xa xa bóng trăng mờ lên tím ở chân trời, ánh trăng vàng xuyên qua cành cây trụi lá đang đứng trơ vơ một mình. Thế là chu kỳ của ngày đã chấm dứt nhường hẳn cho sự im lặng vắng vẻ khi màn đêm vay phủ cảnh vật từ lúc nào mà Dương chẳng hay.

Lúc này không gian và thời gian chỉ là một, không gian tịch mịch trầm lắng, thời gian trì trệ trôi chảy thì làm sao chàng biết được sự trôi chảy đó, phút này thời gian và không gian như nghiêm khắc không cho chàng nán lại vài giây, chàng đành quay bước trở về. Vẫn lối xưa đường cũ, một con đường in hằn biết bao lần những dấu bước Chiêm nhân nhưng bây giờ chỉ còn một đôi chân thô kệch chập choạng và ngỡ ngàng tìm về trong u-tịch của đêm đen, vẫn con đường này ngày tháng nào đó đông người đi giờ chỉ riêng chàng nên chàng nghe hồn se thắt, xót xa lòng càng băng khuâng hơn khi nhìn đêm tối dày đặc.

Một mạch, Dương bước rất nhanh chả ngoảnh lại phía sau, bỗng dừng khoảng không trước mặt tiếng chim Cú vang lên rờn rợn khó lường, như xé tan màn đêm, như báo hiệu điều gì chẳng lành đến cho Dương, chàng nửa lo lắng nửa lo sợ.

Làng Dương hiện rõ trước mắt, làng chài cách Tháp không xa mấy, mọi người đang tụ động ở đầu thôn, le lói ánh đèn dầu chập chờn trước gió, đóm lửa hừng lên lóc sáng một góc trời, ôi! Hình hài cậu Th. của chàng đang trùm phủ vải vàng ba sọc đỏ, một mảnh gỗ thô sơ kê trước đầu khắc vắn vện mấy chữ “Tổ quốc ghi ơn”.

Th. người mà chàng thương mến nhất trong kiếp sống, Th. người mà Dương dành trọn vẹn chân tình đã thật sự nằm xuống, đã đi vào con đường thiên thu, trong một khoảnh khắc cậu chàng ra đi vĩnh viễn sau một lần tiếp viện trận đánh Hậu Sanh, Dương đang ngồi trong khung cảnh cực kỳ tàn khốc, người chàng trở nên bất động khi những tiếng khóc thương tiếc của thân tộc hòa lên tạo thành một âm thanh ma quái, rờn rợn trong không gian im lặng vắng vẻ. Dương không ngăn được niềm tức tưởi từ con tim, nước mắt chàng tuôn trào, tiếng nấc dấy động ngấn ngủi từng đợt đượm một vẻ lẻ loi, thê thảm. Dương ngồi cạnh thân xác cậu Th. của chàng cuối đầu trầm lặng mặc nước mắt nhỏ giọt thương tiếc một sự mất mát quan trọng nhất đời chàng, như một kỷ niệm đau buồn mà Dương khó lòng lãng quên trong kiếp sống của chàng. Lúc này đôi mắt Dương chớp liên hồi, chàng đang hình dung thật kĩ khuôn mặt, mẫu người của cậu chàng, những kỷ niệm một thời chung sống, những lời khuyên bảo đang trở dậy cho riêng Dương, chàng thầm khẽ lời than lẫn với tiếng nấc “câu hỏi”! Cậu thấu tình cho cháu chẳng? thương nhớ cậu tâm hồn cháu cuồng điên, những lời cậu hứa thề còn bên cháu làm gì thành toại khi cậu mang theo và lịm chôn vào lòng đất lạnh nhưng những lời ấy cháu chẳng hề quên, tim đơn cháu bóng hình cậu khắc đậm trong.

Dương đưa tay ôm choàng thân của cậu chàng, tay chạm tay, một bàn tay lạnh ngắt, năm ngón tay thon nhỏ, nước mắt chàng vẫn tuôn dào dạt từ rèm mi nhỏ giọt trên thân xác nằm yên, chàng thoáng nghĩ trong ghen ngào tức tưởi: một bàn tay tuyệt đẹp, những ngón tay xinh xắn mềm mại, những ngón tay này đúng ra chỉ dùng để đánh đàn, trao hoa

Văn

cho người yêu chứ ngón tay này đâu để ghì chặt cò súng, cậu chết vì một viên đạn vô tình từ những họng súng mời gọi máu người, cậu nằm xuống trước súng đạn bạo tàn phi lý, cậu chết cho một lí tưởng viễn vông, nhưng chẳng riêng gì cho cậu, bạn bè của cậu, những người trạc tuổi với cháu mà cho tất cả những ai sống trong kiếp vong quốc này phải gánh lấy, dù lòng từ chối nhưng buộc phải chấp nhận, dù có ý nghĩ phản kháng nhưng cũng phải phục tùng, cái đó là một điều bi đát cho kiếp người phải không cậu?

Ôi cậu! Cháu chua xót thật nhiều cho một hình hài nằm xuống nhẹ nhàng như mơ, phút giây sau đó thể xác không hồn này lịm bất động trong vùi tấc đất và chìm hẳn vào tối tăm mù tịt. Cậu chết trong tay không được ôm vợ, hôn con, không một lời trối trăn với thân tộc mến yêu, mắt cậu nhắm hẳn, linh hồn lìa khỏi thể xác mà cậu không được đưa bàn tay vuốt nhẹ trên khuôn mặt bất hạnh của cậu để cậu an lòng trong đất lạnh.

Đôi mắt Dương nhắm lại, những giọt lệ đầu tiên lăn tròn trong một kiếp người mà chàng nhận lãnh. Thương thay một buổi chiều của ngày tháng làm người.

Thế rồi, thời gian đi qua Dương bây giờ không là Dương ngày trước. Tâm hồn đã bị tình đời vò vẩn đục trong giờ thì thuần khiết, nhịp quay đều của kiếp người đã trả Dương về bản ngã đích thực của một con người. Chàng nhủ cho khoảng ngày trước mặt, giọt lệ trong đời phải một lần nữa tuôn trào đó là ngày sung sướng nhất cuộc đời của chàng, thế thì nước mắt lại mâu thuẫn với nước mắt...ở Dương.

Một lần đi

Caong Tagok, 1973

T.H.T.

*Mắt đưa nhìn ôi! Những lần em sợ
Phút biệt ly muôn đời em vẫn nhớ*

Một đêm trăng đẹp trời vào cuối xuân, bầu trời trong vắt, gió nhẹ luôn chạy quanh lối mòn trên con đường đất phẳng lì, gió đêm xuân êm ấm trong người. Dù trời cuối xuân nhưng tiết đông vẫn còn thỉnh thoảng gió lạnh lướt nhẹ, cơn gió cuối mùa làm những ngón tay tê buốt, lòng thêm se thắt, một cảm giác buồn len lén trong hồn. Vài chiếc lá lìa cành khẽ chao động trong không gian trước khi nằm im lìm trên sân.

Căn phòng thương yêu vắng ngắt, tiếng nói của Hương buồn tẻ rã rời: Mai anh đi hả anh?

Ngoài kia không một tiếng động, hàng cây cao vút bên ngoài ngoan hiền lặng ngơ, tất cả như mê hoặc bởi ánh trăng vàng mơ mộng. “Mai anh đi” sao Hương không nhân được tiếng đáp sau câu đó mà đôi mắt anh nhìn Hương đăm đăm, thôi anh. Hương biết rồi có phải lời từ già của anh không? Có phải từ nhìn trong mắt pha lệ kia muốn thăm nhủ với Hương rằng: Vâng ạ!

Chao ôi sao mắt anh buồn rười rượi làm Hương xót xa cả người, anh có được hiểu Hương lúc đó không? Những giọt nước mắt bất chợt lăn tròn trên má, kẻ môi tiếp nhận một vị gì mẫn mẫn len vào, người Hương trèm lên một nỗi buồn man mác, sự xao xuyến băng khuâng tràn ngập tim cô.

Anh đã đi, anh đi trong mùa xuân, Hương tiễn anh bằng nước mắt trong đêm đầy trăng, môi Hương mím chặt chừng như sắp xa một người anh thầm yêu nhất đời. Anh đã mang theo tất cả nguồn vui của Hương nên ở thôn dã này một mình Hương đầy buồn tẻ.

Một lần vẫn căn phòng trước, cô đơn dang tràn, Hương mơ thấy anh vẫn đôi mắt buồn không nói, vẫn tia nhìn băng giá, phải chăng lần từ già đang hằn lên trên khuôn mặt anh, anh không được lời chừng như tim anh đang che dấu một nỗi buồn khó tả, nhưng dù sao trong cơn mơ đó Hương đã tìm thấy quầng ngày êm đẹp trước, phút giây thánh thiện cùng anh dạo nào. Bây giờ Hương chỉ còn lại những ngày thẩn thờ đơn lẻ, từng tiếng thở của con tim....Mới hôm nào, lời

Văn

thương còn đó, quà yêu còn đây mà anh đã xa Hương trăm ngàn cây số đường dài. Anh đi rồi những ngày còn lại cho Hương thật dài và thật buồn, bây giờ Hương đang bơ vơ như con chim nhỏ lạc bầy vào buổi chiều về tổ.

Có một đêm trăng về khuya sáng ngời và dịu hiền kỳ lạ, Hương một mình đứng trên bao lơn, đôi mắt đắm chiều nhìn trăng để tìm gặp anh trong đó, rồi chấp tay cầu nguyện cho tình yêu chúng mình thêm đẹp, thêm xinh và thầm mong thu, đông, xuân qua mau cho nụ hè chớm nở để anh trở về bên Hương.

Hương đang chấp chờn trong nỗi nhớ nhưng thương mến cho cuộc tình bởi một lần đi và đang khắc khoải trông chờ một ngày nào đó....

T.H.T

Văn

Trang màu trắng
(white page)

4. Takala

Takala

Caong Tagok, 1973

Takala (Thuận Văn Hải)

Với niềm mong mỏi tạo môi trường thuận tiện cho các bạn họp mặt, có dịp cho các bạn hàn huyên tâm sự cùng trao đổi kinh nghiệm sống. Có dịp cho các bạn tương trợ lẫn nhau về học vấn, về sinh kế trong cuộc sống tha hương. Tạo cơ hội cho các bạn tìm người chung chí hướng, cùng chung hoài bão và cùng mong thực hiện những mộng ước trong tầm tay. Chúng tôi một nhóm người trẻ nguyện đi trước dẫn đường, nguyện cố gắng trong khả năng của mình đã cho thành hình nhóm với tên: TAKALA.

Nhóm TAKALA không ngoài mục đích:

- Tương trợ.
- Sinh hoạt.
- Thực hiện giai phẩm.

Tương trợ : Trong tinh thần tương trợ, những người đi trước trong nhóm chỉ mong dùng kinh nghiệm đã qua để dìu dắt những bạn đi sau vào các phân khoa đại học sao cho thích hợp với khả năng, với hoàn cảnh để tránh sự phí phạm thời gian một năm học nếu chọn nhầm phân khoa.

Sinh hoạt : Trong những lần sinh hoạt nhóm sẽ tổ chức buổi trà đàm, mỗi nhóm viên sẽ trình thuyết về một đề tài nào đó mà mình ưa thích hay những đề tài liên quan đến cuộc sống như:

- Cảm nghĩ về đời sống sinh viên hiện tại.
- Cảm nghĩ về tuổi trẻ hôm nay.
- Về tương lai học vấn.

Takala

- Về tình yêu.

- Về xã hội.....

Và toàn thể nhóm viên sẽ thảo luận về đề tài vừa trình bày, cùng đúc kết lại những ý tưởng hầu giúp cho nhóm viên mở mang kiến thức và làm hành trang chuẩn bị vào đời.

Ngoài ra nhóm sẽ tổ chức những buổi Picnic, du sát hầu tạo thêm dịp cho các bạn hiểu biết thêm về quê hương người so sánh với quê hương nghèo khổ của ta hơn.

Thêm vào đó nhóm sẽ đóng góp khả năng của mình trong những công tác tùy theo sự đòi hỏi của địa phương và tùy theo hoàn cảnh thuận tiện của nhóm.

Giai phẩm : Để phát huy tinh thần văn nghệ và tiếng nói của nhóm. Giai phẩm Caong Tagok sẽ là khu vườn nhỏ cho các bạn ươm cây mơ mộng trồng cây suy tư, trải dài những ý nghĩ thâm kín mà các bạn khó diễn tả bằng lời.

Thưa bạn

Dù vẫn biết xã hội ta đang ở trong buổi giao thời giữa Đông và Tây, giữa mới và cũ, giữa những sự phân hóa mà xã hội nào cũng có và thời đại nào cũng không tránh được, Nhóm Takala vẫn không chủ trương đả kích hay bài bác những cái không đẹp của xã hội hôm nay, không làm mâu thuẫn cho một cá nhân nào bởi thế hệ đàn anh nhóm vẫn mong mỗi họ đến để giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần. Vẫn mong mỗi sự điu dắt những người trẻ hôm nay ở họ với tất cả chân thành, với hoài vọng tốt đẹp về tương lai.

Đối với tập thể sinh viên Chàm tại Sài Gòn, nhóm chủ trương không tách rời hay đối lập nếu những người bạn đại diện cho sinh viên không làm ngược lại đường hướng đã chủ trương, làm ngược lại quyền lợi của sinh viên. Nhóm vẫn luôn luôn công tác trong tinh thần xây dựng cùng đại gia đình sinh viên Chàm tại SG.

Với những người bạn sắp bước chân lên thêm đại học, nhóm vẫn mong được trao đổi quan niệm, hầu để tìm hiểu

Takala

và có thể giúp đỡ gì được trong khả năng của nhóm.

Nào những người bạn quen và lạ hãy ngồi lại với nhau để kết chặt sợi dây thân ái đang chùng xuống, hãy ước cho nhau lời tình tự nồng nàn. Hãy ngồi gần nhau hơn để xóa tan nghi ngờ, những khúc mắc riêng tư. Hãy ngồi gần nhau hơn để nghe những trái tim cùng rung một nhịp điệu. Với thời gian này “Thà thấp một ngọn nến còn hơn ngồi nguyên rửa bóng tối”.

Thân ái
(Takala)

Thư bạn trẻ

Caong Tagok, 1973

TAKALA (Thuận Văn Hải)

Thực tế thế hệ trẻ chúng ta làm được gì cho xã hội trước mặt, mà thời gian đang ru ngủ tàn tạ nơi mỗi chúng ta.

Sự thâm kín của con tim, niềm uất hận trong tâm hồn đối với vùng trời đã, đang sống ngoài ta có được một ai hay.

Chỉ có Caong Tagok chúng ta mới gặp nhau trong niềm thông cảm với ánh mắt triu mến để tìm nguồn an ủi yêu thương.

Caong Tagok vùng đất cho các bạn trẻ yêu văn nghệ trút cạn tâm tư sau những chuỗi ngày băng giá.

Caong Tagok vườn hoa cho chúng mình tìm quên những khắc khoải của cuộc sống trong thơ văn.

Caong Tagok là khung trời cho tuổi trẻ vươn lên hầu bàn gắn những vết thương lòng khi chấp nhận làm người.

Nhóm chủ trương của Caong Tagok theo hướng định
Làm Đẹp Con Đường Trước Mặt

Chúng ta hãy ngồi lại với nhau dù bên cạnh những ly tan, đổ nát để thổ lộ tâm tình và mỉm cười cho số phận khi đã trót ký tên trong “khế ước xã hội”.

Takala

Caong Tagok muốn phân diện các bạn cho dù khuôn mặt trẻ đã gầy mòn trong cuộc sống hay ghê sợ do những vết sẹo chưa lành của một trang sử đã khép kín từ lâu.

Vì “Làm Đẹp Con Đường Trước Mặt” nên Caong Tagok cần tươi mãi nơi chúng ta.

Các bạn hãy góp vào một niềm tin, một nguồn vui để nuôi dưỡng Caong Tagok, bạn nhé.

TAKALA

Mong nhận sáng tác các bạn trong chủ đề tới:
viết cho Kẻ Đồng Hành.

Tạp chí

Caong Tagok, 1973

Sinh hoạt

- *Kỳ một:*

Một nhóm bạn trẻ đã khởi xướng thành lập nhóm lấy tên là TAKALA. Nên đã mời một số bạn thân ở Terre des Hommes, Võ Tấn, 36/10 Cô Bắc... tham dự buổi sinh hoạt đầu tiên ngày 8-4-73 tại Cô Bắc Sài Gòn.

Trong buổi sinh hoạt bạn Hải trình bày mục đích sự thành hình và đường hướng hoạt động của nhóm.

Sau đó các bạn hiện diện trong buổi sinh hoạt đã thảo luận và bầu ban điều hành:

Trưởng nhóm: Thuận Văn Hải

Thư ký: Đồng Dương Long

Thủ quỹ: Đàng Thị Cát

Buổi sinh hoạt đã chấm dứt bằng một bữa cơm thân mật.

- *Kỳ hai:*

Chương trình ấn định sinh hoạt 2 tuần một lần. Nhóm đã sinh hoạt kỳ hai ngày 24-4-73 lúc 9 giờ.

Để thảo luận: Du sát Mĩ Tho tổ chức vào ngày 29-4-73.

Công tác với ban chấp hành sinh viên Chàm tại Sài Gòn trong lễ ra mắt ngày 22-4-73 lúc 16h30 về văn nghệ, trật tự

tiếp tân.

- Văn nghệ

Ban đại diện sinh viên Chàm tại Sài Gòn đã làm lễ ra mắt ngày 22-4-73 dưới sự chủ tọa của ông Tổng Trưởng Phát Triển Sắc Tộc cùng sự hiện diện của quý vị nghị sĩ, các vị dân biểu, quan khách, các sinh viên bạn cùng với sự tham dự đông đủ sinh viên Chàm tại Sài Gòn.

Phần văn nghệ, tiệc trà được mở đầu bằng dân ca Chàm và kế tiếp với vũ khúc cổ truyền dân tộc do ca, vũ đoàn sinh viên Chàm tại Sài Gòn đảm trách. Ngoài ra còn có sự góp mặt một số ca và nhạc sĩ như: Từ Công Phụng, Từ Dung, Ali Minh, Chế Linh, Carol Kim, ban nhạc Chàm Hoa Phượng...

Buổi lễ ra mắt đã thành công mỹ mãn. Hy vọng đó là điểm son để khích lệ tinh thần sinh viên Chàm tại Sài Gòn.

- Kỳ ba:

Ngày 29. 4. 73 nhóm đã du sát tại Mĩ Tho. Sau khi viếng thăm “Đạo Dừa Nam Thành” và chụp ảnh lưu niệm cho cả nhóm, toàn thể đã vào vườn cây trong Cồn Phụng để ăn trưa với món ăn do nhóm tự làm và sinh hoạt.

Dịp này bạn Long đã trình bày về đề tài:

- Tương trợ

- Thế đứng của nhóm đối với:

Thế hệ đàn anh.

Tập thể sinh viên Chàm tại Sài Gòn.

Các bạn trẻ sắp bước chân lên thềm đại học.

- Gây quỹ cho nhóm.

Cuộc thảo luận vô cùng sôi nổi, nhưng thời gian không cho phép nên tất cả trở về và thảo luận tiếp tại 36/35 Cô Bắc từ 19h30 đến 23h cùng ngày.

Nhóm viên lấy làm hân hoan và vui vẻ trong dịp du sát này. Dù rằng đã phải cuộc bộ khá xa từ bến Bắc về đến bến xe Mĩ-Tho Sài Gòn.

- Kỳ bốn:

Trong tinh thần xây dựng nhóm TAKALA đã mời bạn

Takala

đại diện sinh viên Chăm tham dự buổi sinh hoạt kỳ bốn của nhóm ngày 6. 5. 73 với mục đích:

- Trình bày định hướng của nhóm để đánh tan những nghi ngờ giữa ban đại diện với nhóm.

- Giới thiệu nhóm TAKALA với ban đại diện để hỗ trợ nhau trong các công tác thiện ích: văn nghệ, thể thao...

- Trình bày ý kiến về vấn đề: Giới thiệu học viện và các phân khoa đại học cho học sinh Chăm tại Phan Rang.

Ban đại diện và nhóm đã trình bày ý kiến cùng những thảo luận gây căng, nhưng đôi bên cũng cảm thông phần nào. Và khi viết bản tin này nhóm chưa được nhân sự trả lời dứt khoát của ban đại diện về vấn đề tổ chức ghi trên.

Giao duyên

Caong Tagok, 1973

- *Trao gửi:*

“Viết Cho Kẻ Đồng Hành” là chủ đề số tới, mong các bạn gửi cho Caong Tagok những kỷ niệm để làm đẹp tờ báo.

Caong Tagok đơm bông, kết trái nhờ sự vun xới của bạn. Xin tất cả cùng góp tay để thực hiện số tiếp.

- *Nhắn tin:*

Văn Vu Vơ: Nhận được cảm tình của V.V.V dành cho Caong Tagok cùng những lời chúc đẹp cho TAKALA. Nhóm chủ trương cảm động ghê đó ước gì V.V.V đến thường xuyên với nội san bằng thơ, văn. Thân.

H.P: “Tình Hồng” đã cho đăng số này rồi nhé, rất tiếc có sự thay đổi “tên gọi” Mong cảm thông. À lời hứa hôm trước thực hiện chưa nào, đang chờ đấy. Chúc thành công.

Đan Huy: biệt hiệu dễ thương ghê nhỉ! cho biết tên “cúng cơm” được không? nhóm ước được nhân bài mới của ĐH cho số tới ĐH. Cái tên chừng như quen lắm, có phải hai họ ghép lại thành không ?! Thân ái.

Takala

Kim Thy: Đừng e ngại chi cả, anh em cả mà. Hôm nào về Sài Gòn ghé với nhóm đi nào. Lời đề nghị “CN” chịu thua, đừng giận nhé, chúc may mắn.

Jalau: nghe tin bồ gác bút nhóm chủ trương buồn ghê, nhưng báo đang lên khuôn thì nhận được sáng tác của bạn, âu cũng là tiếp tay với nhóm để vun xới Caong Tagok thêm màu mỡ, cảm ơn nhiều.

Chế Lưu Vương: Những sáng tác của bạn không lên kịp số này, Tòa soạn đành ngâm ngùi gác lại, cảm thông nhé. À đừng quên gửi tiếp cho Caong Tagok. Chào xây dựng.

Ngụy Văn Chương: Rất tiếc “Niềm tin vào ngày mai” lệch với chủ trương của nhóm. Gắng gửi những sáng tác mới cho Caong Tagok nhé. Thân.

Jaya Mrang: Buồn khi gác lại viết ngắn cho chủ đề. Hy vọng một ngày nào đó sẽ được gặp trên con đường đầy hoa thơm cỏ lạ trong số tiếp. Nhóm cảm tạ sự góp tay và lòng hỗ trợ của anh. Chúc anh toại nguyện với lý tưởng đeo mang.

Văn Sững: Nhóm chủ trương thành thật cảm ơn sự công tác của bạn. Mẫu bìa và phụ bản tuyệt quá! cả nhóm đành lắc đầu chào thua, chúc bạn thành công trên con đường nghệ thuật.

Nhấn Chung:

“Ghi từ nỗi lòng” đã lên khuôn nhưng nhóm chủ trương vẫn còn nhân được một số bài của các bạn ở xa gửi tới đành tạm gác lại. Cảm thông cho nhé!

TAKALA đã nhân được Giai Phẩm Cựu Học Sinh Pô Klong gửi tặng. Thành thật cảm ơn và xin hân hạnh giới thiệu với độc giả./-

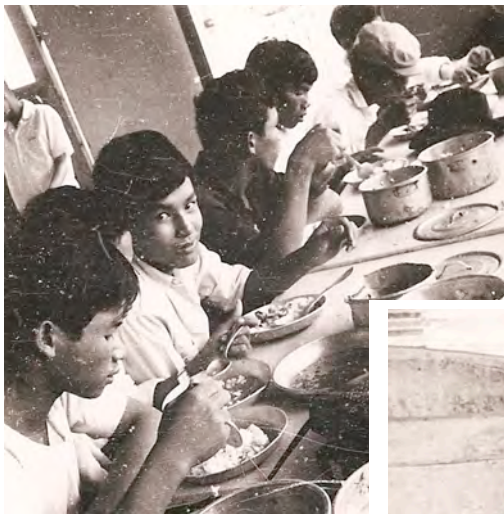
Takala

Trang màu trắng
(white page)

Ảnh Po Klaong



Nhóm thiện chí và học sinh xây dựng ký túc xá An Phước, Tháp Chàm
(Photo: Po Dharma)



Bữa cơm trong ký túc xá
An Phước, Tháp Chàm
(Photo: Po Dharma)



Các cô học sinh An Phước đang rửa chén
(Photo: Po Dharma)

Ảnh Po Klaong



Trường An Phước, Tháp Chàm (Photo: Po Dharma)



Sinh hoạt ở bãi biển Ninh Chữ (Photo: Po Dharma)

Ảnh Po Klaong



Trường Pô Klong (Phan Rang) trên đà xây dựng (Photo: Po Dharma)



Nam và nữ sinh Trường Pô Klong, Phan Rang (Photo: Karim)

Ảnh Po Klaong



Nam và nữ sinh ký túc xá Trường Pô Klong, Phan Rang
(Photo: Karim)

Index

Tên Ban biên tập và tác giả

An Trí Bửu	Ja Bah
Bacranam	Ja Kathaot Panrang
Bạch Vân An	Ja Mata Harei
Baoh Deng	Ja Pariya
Bá Thị Kim Thoa	Ja Tanrah
Bá Văn Trinh	Ja Thời
Báo Ngọc Lít	Jalau
Bố Gia Đạo	Jamenh
C.V. P	Jata Aneh
Châu Huyền	Jaya Mrang
Chế Mi Dung	Jaya Panrang
Dương Châu	Jaya Yut Cam (NVT)
Dzương Thư	Kim Thy
Hàn Đông (Trương Văn Lâu)	Lê Văn Hồn
Hán Thị Lạc	Lê Xuân Bá
Hồ Thy	Lương Văn Lợi
Hồi Thi	Lưu Quang Sang
Hoài Hương	Lưu Quý Tân (Jaya Panrang)
Hoài Lâm Hương	Lưu Thị Ngon
Hoài Lâm Nương	Mã Thanh Lâm
Hoài-Hương	Đạt Siêng
Hương Trang Tử	Đan Huy
Hứa Phăng (Ngọc Lan)	Đàng Năng Quạ (Ja Pariya)
HP	Đàng Năng Sinh
Huyền Ngọc Trắng	Đàng Năng Thọ
J.M. Chiêm Nhân	Đàng Nguyên

Index

Đàng Sĩ Điểm
Ngọc Lan (Hứa Phăng)
Ngọc Toán
Ngụy Hoạt
Nguyễn Hạnh
Nguyễn Thị Ngọc Yến
Nguyễn Thị Quý
Nguyễn Văn Tâm
Nguyễn Văn Tỷ
Đổng Đại Sung
Ứng Quả
Phú Thành
Phú Trạm
Phú Văn Tình
Qua Thị Minh Nguyệt
Quảng Chấn
Quảng Đại Hội
Quảng Đại Minh
Quảng Đại Diển
Quảng Đại Tồn
Quảng Văn Đại
Sinh Tử
Song An
Star Hồng
T.H.T.
Tần Nữ
Tài Giỏ
Thập Liên Trường
Thạch Ngọc Cúc
Thạch Ngọc Quân
Thành Phú Bá
Thành Thảo

Thiên Sanh Cảnh (Ja Mata
Harei, Ja Cảnh)
Thiên Thị Nai
Thọ Thị Lâm
Thọ Trường Thân
Thuận Văn Hải
Thuận Văn Quốc
Thùy Dương
Thy Phương.
Từ Công Phú
Trầm Vân
Trần Công Lộc
Trượng Thị Đào
Trượng Thống
Trường Giang
V.T.C
Văn Sừng
Văn Thy
Văn Vu Vơ
Vạn Tình
Vĩ Tân Chế (NVT)
Vĩnh Trúc